

MAURICE LEBLANC
FRANCIS DE CROISSET
EDGAR JEPSON

ARSENTE TUPIA

SIÊU
TRÔM
HẢO HOA



TẬP TRUYỀN



NHỮNG CUỘC
PHIÊU LƯU KỶ LẠ



ĐINH THỊ BOOKS

vh

NXB VĂN HỌC

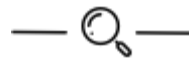
ARSENE LUPIN
Siêu Trộm Hào Hoa
Những cuộc phiêu lưu kỳ lạ

Tác giả	Maurice Leblanc
Người dịch	Đinh Minh Hương Nguyễn Ngọc Vinh
Phát hành	Đinh Tị Books
Nhà xuất bản	Văn học
Ngày xuất bản	3/2020

ebook@vctvegroup



Arsène Lupin bị bắt



Đó là kết thúc đáng ngạc nhiên cho một chuyến đi với khởi đầu đầy hứa hẹn. Chiếc tàu thủy hơi nước vượt Đại Tây Dương mang tên *Provence* được trang bị đầy đủ tiện nghi, vận tốc lớn, nằm dưới sự chỉ huy của vị thuyền trưởng rất đổi nhã nhặn, ân cần. Hành khách trên tàu làm thành một xã hội chọn lọc, vui vẻ. Thời gian trôi qua dễ chịu nhờ sức hấp dẫn của những mối quen biết mới và những trò giải trí ngẫu hứng. Chúng tôi tận hưởng cảm giác thư thái khi được tách khỏi cái thế giới thường nhật để sống, có thể nói là, trên một hòn đảo xa lạ, và vì vậy buộc phải giao lưu với nhau thôi.

Đã khi nào bạn dừng lại nghĩ xem liệu có bao nhiêu sự tự nhiên, mới mẻ trong cách cư xử của những cá nhân riêng biệt này? Những con người buổi tối hôm trước thậm chí chưa hề biết nhau, mà giờ đây, trong vòng vài ngày, đành sống một cuộc sống cực kỳ thân mật, gần gũi, cùng nhau đương đầu với những cơn cuồng nộ của đại dương, với những lần vùi dập khủng khiếp của sóng biển, sự hung hãn của bão tố, và sự buồn tẻ đến khổ sở

những lúc mặt nước phẳng lặng, im lìm. Một cuộc sống như thế trở thành một dạng bi kịch, với những bão tố bên cạnh những hùng vĩ của biển cả, với những đơn điệu bên cạnh những trạng thái muôn vẻ muôn màu, và đó có lẽ là lý do tại sao chúng ta bắt đầu hành trình ngắn ngủi ấy trong tâm trạng vừa thích thú vừa lo sợ.

Tuy nhiên, vài năm gần đây, du khách vượt Đại Tây Dương được trải nghiệm thêm cảm giác mới. Hòn đảo nhỏ bé trôi nổi nay đã có sự ràng buộc với cái thế giới nó từng tách biệt hoàn toàn. Một mối liên hệ gắn kết hai chốn này ngay cả khi hòn đảo ấy trôi nổi giữa những vùng biển xa xôi hoang vắng nhất của Đại Tây Dương. Mối liên hệ đó chính là đường điện tín không dây, nhờ nó chúng ta có thể tiếp nhận thông tin theo cái cách kỳ bí nhất. Chúng ta đều biết rất rõ rằng các bức điện không truyền đi qua một sợi dây rỗng nào cả. Không, sự kỳ bí thậm chí còn huyền bí hơn, lãng mạn hơn, và chúng ta phải viện đến những cánh gió để giải thích cho phép màu mới mẻ này. Suốt ngày đầu tiên của cuộc hành trình, chúng tôi cứ có cảm giác cái giọng nói xa xôi ấy theo sau, hộ tống, thậm chí là dẫn đường mình. Giọng nói ấy đôi lúc lại thềm thì vào tai một người trong chúng tôi vài lời nhắn nhủ từ cái thế giới đang dần dần lùi về phía sau. Hai người bạn trao đổi với tôi. Mười, hai mươi người khác gửi những lời chia tay hoặc vui vẻ hoặc buồn rầu tới những hành khách khác.

Vào ngày thứ hai, trong khi đương đầu với một cơn bão dữ dội, chúng tôi nhận được theo đường điện tín không dây, từ bờ biển nước Pháp cách đây năm trăm dặm, thông tin sau:

“Arsène Lupin đang ở trên tàu của quý vị, cabin hạng nhất, tóc vàng, cẳng tay phải bị thương, đi một mình dưới cái tên là R...”

Đúng lúc ấy, một tia sét kinh khủng rạch ngang bầu trời đông bão. Sóng điện tín gián đoạn. Phần còn lại của bức điện chẳng bao giờ tới với chúng tôi nữa. Chúng tôi chỉ biết được duy nhất chữ cái đầu của cái tên mà Arsène Lupin đang dùng để che giấu thân phận.

Nếu đây là tin tức về một nhân vật khác, tôi chắc chắn rằng nhân viên điện tín và các sĩ quan trên tàu sẽ thận trọng kín mồm kín miệng. Nhưng đây lại là một trong những tin tức dù biện pháp giữ bí mật có chặt chẽ đến đâu cũng không tránh khỏi bị lộ lọt. Ngay ngày hôm ấy, thông tin kia nhanh chóng trở thành câu chuyện được bàn tán xôn xao khắp tàu, hết thảy mọi hành khách đều biết Arsène Lupin danh tiếng lẫy lừng đang trà trộn lẫn trong bọn họ.

Arsène Lupin đang ở giữa chúng ta! Tên trộm táo bạo mà những thành tích chói lọi trong vòng vài tháng vừa qua đã làm hao tổn giấy mực của tất cả các tờ báo! Cái con người bí ẩn đã làm cho Ganimard, vị thám tử khôn ngoan sắc sảo nhất của chúng ta, vướng vào một cuộc đối đầu không khoan nhượng trong khung cảnh thú vị, đẹp đẽ như tranh. Arsène Lupin, quý ông lập dị chỉ chuyên gây án tại các lâu đài nguy nga và các phòng khách sang trọng, kẻ một đêm đã đột nhập vào dinh thự của Nam tước Schormann, rồi ra đi tay không, tuy nhiên có để lại tấm danh thiếp viết ngược ngoạc mấy chữ: “*Arsène Lupin, tên trộm hào hoa, sẽ trở lại khi nội thất trong nhà ngài là đồ xịn.*” Arsène Lupin, con người với hàng ngàn vỏ bọc: lúc là lái xe riêng, lúc là thám tử, kẻ đánh cá ngựa thuê, nhà vật lý Nga, võ sĩ đấu bò Tây Ban Nha, nhân viên chào hàng, một thanh niên cường tráng, hay một ông già hom hem.

Vậy hãy thử tưởng tượng tới tình huống đáng kinh ngạc này: Arsène Lupin đang lang thang thơ thẩn trong phạm vi một chiếc tàu thủy hơi nước

vượt Đại Tây Dương, trong cái góc hết sức nhỏ bé ấy của thế giới, trong cái phòng ăn ấy, trong cái phòng hút thuốc ấy, trong cái phòng nghe nhạc ấy! Arsène Lupin có lẽ là bất cứ quý ông nào... là người ng ồi cùng bàn tôi... thậm chí là người ngủ cùng bu ồng tôi không chừng.

“Và tình thế này sẽ kéo dài năm ngày!” Tiểu thư Nelly Underdown thốt lên. “Thật không thể chịu đựng được! Tôi hy vọng người ta sẽ tóm cổ hắn.”

R ồi nàng nói thêm với tôi: “Thưa ông, ông d’Andrésy, ông có quan hệ thân tình với thuy ền trưởng, ông hẳn phải biết chút gì chứ?”

Tôi sẽ sung sướng nếu biết được thông tin gì đó mà tiểu thư Nelly quan tâm. Nàng là một trong những trang tuyệt sắc giai nhân chắc chắn vẫn luôn luôn thu hút sự chú ý ở bất cứ đám đông nào. Sự giàu có kết hợp với sắc đẹp tạo thành sức hấp dẫn khó cưỡng, và tiểu thư Nelly thì sở hữu cả hai ưu điểm này.

Được giáo dục ở Paris bởi bà mẹ người Pháp, tiểu thư Nelly đang trên đường sang thăm ông bố là nhà triệu phú Underdown ở Chicago. Nàng cùng đi với một người bạn, phu nhân Jerland.

Ban đầu, tôi đã định tán tỉnh nàng, nhưng trong không khí thân mật tăng lên nhanh chóng giữa những người bạn đ ồng hành, chẳng mấy chốc tôi bị cung cách duyên dáng của nàng gây ấn tượng mạnh mẽ, và cảm xúc tôi dành cho nàng trở nên quá sâu sắc, quá trân trọng tới mức việc tán tỉnh vớ vẫn là không thể được nữa. Nàng còn chấp nhận sự quan tâm của tôi với thiện ý nhất định. Nàng hạ cố cười vui vẻ trước mỗi lời nhận xét dí dỏm của tôi và tỏ ra thích thú các câu chuyện tôi kể. Nhưng tôi cảm giác rằng mình đang có một đối thủ, một gã trai trẻ tr ần l ặng, tinh tế. Đôi lúc tôi chợt d ạ thấy nàng ưa sự hài hước kín đáo của gã hơn sự phù phiếm đậm chất

Paris của tôi. Gã cũng trong đám người ngưỡng mộ vây xung quanh tiểu thư Nelly khi nàng hỏi tôi câu bên trên. Tất cả chúng tôi đang ng ồi thoải mái trên những chiếc ghế dựa đặt ngoài boong. Cơn bão đêm hôm trước đã tan, bầu trời đã trong xanh lại. Thời tiết lúc bấy giờ quả là dễ chịu.

“Tôi không có thông tin chính xác nào, thưa cô.” Tôi trả lời. “Nhưng chúng ta, chính chúng ta đây, chẳng thể tự đi ều tra về bí ẩn này giống thám tử Ganimard, kẻ thù riêng của Arsène Lupin, hay sao?”

“Ôi! Ôi! Ông đi xa quá, thưa ông.”

“Không hề, thưa cô. Đầu tiên, tôi xin hỏi nhé, cô có thấy chuyện này là chuyện phức tạp không?”

“Rất phức tạp.”

“Phải chăng cô quên mất chìa khóa để giải quyết vấn đề mà chúng ta đang nắm giữ?”

“Chìa khóa nào vậy?”

“Thứ nhất, Lupin tự nhận mình là Ngài R.”

“Thông tin này khá mơ h ồ.” Tiểu thư Nelly đáp.

“Thứ hai, h ắn đi một mình.”

“Thông tin đó có ích gì chẳng?” Tiểu thư Nelly hỏi.

“Thứ ba, h ắn tóc vàng.”

“Thì sao?”

“Thì chúng ta chỉ cần rà soát danh sách hành khách và bước tiếp theo là loại trừ dần.”

Tôi đã có bản danh sách ấy trong túi áo. Tôi lấy nó ra và nhìn lướt qua một lượt. Rồi tôi nêu nhận xét: “Chỉ có mười ba quý ông trên tàu chúng ta tên bắt đầu bằng chữ cái R.”

“Chỉ có mười ba thôi sao?”

“Đúng vậy, ở cabin hạng nhất. Và chín trong số mười ba người đó đi cùng phụ nữ, trẻ em hoặc đầy tớ. Như thế, chỉ còn lại bốn người đi một mình. Thứ nhất là Hầu tước Raverdan...”

“Thư ký của ngài Đại sứ Mỹ.” Tiểu thư Nelly ngắt lời tôi. “Tôi biết ông ấy.”

“Thiếu tá Rawson.” Tôi tiếp tục.

“Ông ấy là chú tôi.” Ai đó xác nhận.

“Ông Rivolta.”

“Tôi đây!” Một người Ý kêu lên, bộ râu quai nón màu đen che kín mặt.

Tiểu thư Nelly phá ra cười. “Quý ông kia khó có thể gọi là tóc vàng.”

“Được, vậy thì...” Tôi nói. “Chúng ta bắt buộc phải đi đến kết luận rằng kẻ tội phạm chính là người cuối cùng trong danh sách.”

“Tên người ấy là gì?”

“Ông Rozaine. Có ai biết ông ta không?”

Không ai trả lời. Nhưng tiểu thư Nelly quay sang nói với gã trai trẻ trầm lặng, kẻ làm tôi khó chịu vì đã quá quan tâm đến nàng: “Ồ, ông Rozaine, tại sao ông không trả lời?”

Mọi ánh mắt lúc bấy giờ đều đổ về phía gã. Gã tóc vàng. Tôi phải thú

thực rằng tôi có cảm giác sững sờ vì kinh ngạc, và sự im lặng hoàn toàn sau câu hỏi của tiểu thư Nelly cho thấy những người khác cũng nhìn nhận tình huống ấy với cảm giác hốt hoảng đột ngột. Tuy nhiên, ý nghĩ đó thật buồn cười, gã trai đang bị ngờ vực kia trông bộ dạng hoàn toàn vô tội.

“Tại sao tôi không trả lời ư?” Gã nói. “Vì nghĩ đến tên tôi, việc tôi đi một mình, r ồi màu tóc tôi nữa, tôi cũng đã đi đến kết luận y như các vị, và giờ đây tôi cho là tôi nên bị bắt giữ.”

Khi nói những lời đó, gã có một vẻ kỳ dị. Cặp môi mỏng mím chặt hơn bình thường và mặt nhợt nhạt như xác chết, còn cặp mắt thì vẫn những tia máu. Đương nhiên, gã đang đùa, dù sao thì vẻ bên ngoài và thái độ của gã cũng vẫn gây cho chúng tôi ấn tượng lạ lùng.

“Nhưng ông không có vết thương?” Tiểu thư Nelly ngây thơ hỏi.

“Đúng vậy.” Gã đáp. “Tôi thiếu mất vết thương.”

R ồi gã tháo măng sét, xắn tay áo và giơ cánh tay ra cho chúng tôi xem. Nhưng hành động đó chẳng đánh lừa tôi được. Gã đã cho chúng tôi xem cánh tay trái, và tôi đang định nhắc nhở gã thì một việc khác xảy ra khiến chúng tôi chuyển hướng quan tâm chú ý. Phu nhân Jerland, bạn của tiểu thư Nelly, chạy về phía chúng tôi, kêu lên vô cùng hốt hoảng: “Trang sức của tôi, ngọc trai của tôi! Có kẻ lấy cắp hết r ồi!”

Không, các món trang sức không bị lấy cắp hết, chúng tôi nhanh chóng xác định được như thế. Tên trộm chỉ lấy đi một phần, đi ều đó rất kỳ lạ. Trong số những món trang sức hình mặt trời tỏa sáng gắn kim cương, những mặt dây chuyền nạm ngọc, lắc tay và vòng đeo cổ, tên trộm không lấy mất những viên đá quý to nhất mà lấy mất những viên đẹp đẽ nhất, giá trị nhất. Những món trang sức chỉ còn lại bộ khung nằm lỏng lẻo trên

bàn. Tôi nhìn chúng, bị cạy hết đá quý, giống những bông hoa mà các cánh đẹp rực rỡ đã bị vật một cách không thương xót. Vụ trộm ắt phải xảy ra trong lúc phu nhân Jerland uống trà, giữa ban ngày ban mặt, trong cabin mở ra hành lang thường xuyên có người qua kẻ lại nhộn nhịp. Hơn nữa, tên trộm bắt buộc phải phá cửa cabin, tìm kiếm hộp trang sức được giấu dưới đáy một cái hộp đựng mũ, mở hộp trang sức, chọn lựa những viên đá và cạy chúng ra khỏi khung.

Đương nhiên, tất cả hành khách trên tàu ngay lập tức đi đến cùng một kết luận: Vụ trộm chính là tác phẩm của Arsène Lupin. Bên bàn ăn tối hôm đó, chỗ ngồi ở cả bên phải lẫn bên trái Rozaine đều bị bỏ trống. Và suốt buổi tối, trên tàu râm ran tin đồn gã đã bị thuyền trưởng bắt giữ. Thông tin này khiến chúng tôi cảm thấy an toàn và như trút được một gánh nặng. Chúng tôi lại thoải mái hít thở. Buổi tối, chúng tôi tiếp tục vui chơi, nhảy múa. Đặc biệt, tiểu thư Nelly bộc lộ tâm trạng vui vẻ chẳng chút ưu tư, khiến tôi tin rằng nếu sự quan tâm của Rozaine có gây được thiện cảm cho nàng lúc ban đầu, thì giờ nàng cũng quên hết rồi. Sự duyên dáng và khiếu hài hước của nàng đã hoàn toàn chinh phục tôi. Nửa đêm, dưới ánh trăng sáng vàng vạc, tôi thổ lộ tấm chân tình của mình với sự sôi nổi xem ra không làm nàng phật lòng.

Nhưng, ngày hôm sau, trước sự ngỡ ngàng của tất cả chúng tôi, Rozaine được tự do. Chúng tôi nghe nói chưa có đủ bằng chứng chống lại anh ta. Anh ta trình ra các giấy tờ hoàn toàn hợp pháp chứng minh anh ta là con trai một thương nhân giàu có ở Bordeaux. Hơn nữa, cả hai cánh tay anh ta không có bất cứ dấu vết thương tích nào.

“Giấy tờ ư! Giấy khai sinh ư!” Những kẻ thù của Rozaine thốt lên.
“Đương nhiên rồi, Arsène Lupin sẽ cung cấp cho quý vị bất kỳ loại giấy

tờ nào mà quý vị muốn. Còn về vết thương, hẳn chưa bao giờ có vết thương nào cả hoặc hẳn đã xóa nó đi rồi.”

Sau đây, xuất hiện bằng chứng cho thấy, trong quãng thời gian xảy ra vụ trộm, Rozaine đang dạo chơi trên boong. Những kẻ thù của Arsène Lupin đáp lại rằng một kẻ như Arsène Lupin có thể gây án mà thực tế không cần phải hiện diện. Và rồi, bên cạnh tất cả các chi tiết khác, vẫn còn một điểm mà thậm chí những người có tư tưởng hoài nghi nhất cũng không thể trả lời nổi: Ai, ngoại trừ Rozaine, đang đi một mình, tóc vàng, và tên bắt đầu bằng chữ cái R? Bức điện đó ám chỉ ai, nếu chẳng phải là Rozaine?

Vài phút trước bữa sáng, khi Rozaine trở trên bước về phía nhóm chúng tôi, tiểu thư Nelly và phu nhân Jerland đứng dậy, bỏ ra chỗ khác.

Một tiếng đồng hồ sau, một thông báo viết tay được từng thủy thủ, từng nhân viên phục vụ và từng hành khách ở mọi hạng vé lần lượt chuyền tay nhau. Nội dung thông báo là ông Louis Rozaine treo giải thưởng mười ngàn franc cho ai phát hiện ra Arsène Lupin hoặc bất cứ kẻ nào đang giữ sổ trang sức bị đánh cắp.

“Và nếu không có ai hỗ trợ, thì chính tôi sẽ tự lột mặt nạ tên khốn kiếp đó.” Rozaine tuyên bố.

Rozaine chống lại Arsène Lupin, hoặc nói cách khác, theo suy nghĩ hiện thời của mọi người, thì là bản thân Arsène Lupin chống lại Arsène Lupin. Cuộc đấu trí hứa hẹn rất thú vị.

Hai ngày tiếp theo, chẳng có gì tiến triển cả. Chúng tôi thấy Rozaine ngày cũng như đêm lang thang khắp tàu tìm kiếm, hỏi han, đi điều tra. Ngài thuyền trưởng cũng thể hiện những hoạt động đáng biểu dương. Ngài cho tìm kiếm từ mũi tàu đến đuôi tàu, lục soát kỹ lưỡng từng buồng ngủ với lập

luyện hợp lý rằng số trang sức có thể được cất giấu bất kỳ đâu, trừ buồng ngủ của chính tên trộm.

“Tôi tin họ sẽ sớm phát hiện ra cái gì đó thôi.” Tiểu thư Nelly bảo tối. “Hắn có thể là phù thủy, nhưng hắn không thể biến kim cương và ngọc trai thành vô hình được.”

“Chắc chắn rồi.” Tôi đáp. “Nhưng thuyền trưởng nên kiểm tra cả lớp lót mũ hay lớp lót áo gi lê và tất cả những gì chúng ta đang mang theo nữa.”

Gior ra chiếc máy ảnh Kodak đã được dùng để chụp cho nàng rất nhiều kiểu ảnh, tôi thêm: “Hắn có thể giấu toàn bộ số trang sức của phu nhân Jerland bên trong một chiếc máy ảnh không lớn hơn chiếc máy ảnh này. Hắn có thể vờ vĩnh chụp ảnh và chẳng ai mảy may nghi ngờ trò ngụy trang đó.”

“Nhưng tôi nghe nói là mọi tên trộm đều để lại dấu vết sau mỗi vụ án.”

“Đi đâu này nhìn chung chính xác đối với hầu hết các trường hợp.” Tôi đáp. “Nhưng có một ngoại lệ: Arsène Lupin.”

“Tại sao?”

“Tại vì hắn không chỉ tập trung suy nghĩ vào việc ăn trộm, mà còn cân nhắc tránh mọi chi tiết liên quan có thể tạo ra manh mối nhận diện hắn.”

“Vài ngày trước, ông tự tin hơn.”

“Đúng vậy, nhưng từ khi tôi chứng kiến hắn ra tay hành động thì tôi không dám tự tin lắm nữa.”

“Và bây giờ thì ông nghĩ gì về việc này?” Tiểu thư Nelly hỏi.

“Chà, theo tôi, chúng ta đang lãng phí thời gian đấy.”

Và, quả đúng như vậy, cuộc đi đầu tra chẳng đi đến kết quả gì. Mà trong lúc đó, chiếc đồng hồ quả quýt của ngài thuyền trưởng lại bị đánh cắp. Ngài vô cùng tức giận. Ngài tăng cường các nỗ lực, theo dõi Rozaine sát sao hơn trước. Nhưng, ngày hôm sau, chiếc đồng hồ được tìm thấy trong hộp đựng cổ cùn của thuyền phó.

Sự việc này khiến mọi người rất đỗi ngỡ ngàng, và nó thể hiện khía cạnh hài hước của Arsène Lupin, trong hắn vẫn có cái chất tài tử, dù là kẻ trộm. Hắn kết hợp làm việc với giải trí. Hắn khiến chúng tôi hình dung đến một tác gia suýt chết vì cười khi đi xem kịch do chính mình viết. Đương nhiên, hắn là một nghệ sĩ trong lĩnh vực nghề nghiệp đặc biệt của hắn. Hễ cứ nhìn Rozaine, ủ rũ, dè dặt, và nghĩ tới vai diễn kép anh ta đang đóng, tôi lại ít nhiều cảm thấy ngưỡng mộ.

Buổi tối tiếp theo, viên sĩ quan trực trên boong nghe được tiếng rên rỉ phát ra từ cái góc tối nhất của con tàu. Anh ta tiến đến, thấy một người đàn ông đang nằm sõng soài, đầu bị bọc bằng chiếc khăn dày màu xám, hai tay bị trói bằng sợi thừng to. Đó chính là Rozaine. Anh ta đã bị tấn công, vật xuống sàn và bị cướp. Trên áo khoác của anh ta gài một tấm danh thiếp viết như sau: “*Arsène Lupin rất lấy làm hân hạnh nhận giải thưởng mười ngàn franc do ông Rozaine trao tặng.*” Thực tế, chiếc ví bị cướp chứa hai mươi ngàn franc.

Đương nhiên, một số người buộc tội anh chàng khốn khổ đã dàn dựng việc bị tấn công. Nhưng ngoài chuyện anh ta không thể tự trói mình như thế, chữ viết trên tấm danh thiếp cũng được xác minh rằng hoàn toàn không giống chữ viết của Rozaine, mà, ngược lại, giống chữ viết của

Arsène Lupin, theo như ảnh đăng trên tờ báo cũ được tìm thấy trên tàu.

Vậy xem ra Rozaine không phải là Arsène Lupin, mà là Rozaine, con trai một thương nhân ở Bordeaux. Sự việc vừa rồi càng khẳng định sự có mặt của Arsène Lupin, và khẳng định một cách rất đáng báo động.

Hành khách khiếp sợ tới mức không ai dám lưu lại một mình trong buồng riêng hay lang thang một mình ở những khu vực vắng vẻ trên tàu. Chúng tôi co cụm vào với nhau để đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, những người quen biết thân tình nhất cũng trở nên xa cách vì đôi bên đều mang cảm giác ngột ngạt. Bây giờ thì Arsène Lupin có thể là bất kỳ ai. Trí tưởng tượng đang trong trạng thái bị kích động của chúng tôi gán cho hắn cái sức mạnh phi thường và không giới hạn. Chúng tôi đoán rằng hắn có thể trá hình một cách ít ngờ nhất, lần lượt là ngài Thiếu tá Rawson vô cùng đáng kính, hoặc là ngài Hầu tước Raverdan quyền quý, hoặc thậm chí là – vì chúng tôi chẳng còn dừng lại những người có tên bắt đầu bằng chữ cái R nữa – hoặc thậm chí là một kẻ nào đó tất cả chúng tôi đều biết, có vợ con và đầy tớ đi cùng.

Những bức điện đầu tiên từ Mỹ không cung cấp thêm tin tức gì, ít nhất là ngài thuyền trưởng không truy vấn đặt lại gì cho chúng tôi. Sự im lặng này khiến chúng tôi không yên tâm được.

Ngày cuối cùng trên tàu dài như vô tận. Chúng tôi sống trong cảm giác lo sợ khôn nguôi về một tai họa sắp sửa xảy ra. Lần này, sẽ chẳng còn là một vụ mất trộm đơn thuần hay một vụ tấn công vô hại nữa, mà sẽ là một tội ác, một án mạng. Không ai nghĩ Arsène Lupin sẽ dừng lại ở hai vụ việc con con vừa rồi. Hoàn toàn kiểm soát được con tàu, trong khi những người có thẩm quyền thì bất lực, hắn có thể tự tung tự tác làm bất cứ điều gì hắn

muốn, chúng tôi đành phó mặc tài sản và cả mạng sống của mình cho hắc định đoạt.

Tuy nhiên, đó là những giờ phút sung sướng đối với tôi, vì chính trong những giờ phút ấy tôi có được niềm tin tưởng của tiểu thư Nelly. Bị kích động trước những sự kiện gây sửng sốt mới xảy ra và bản tính vốn cực kỳ hay hời hợt, lo lắng, nàng chủ động đến bên tôi, tìm kiếm nơi chở che an toàn mà tôi rất sẵn lòng dành cho nàng. Thâm tâm tôi cầu Chúa phù hộ Arsène Lupin được an lành. Chẳng phải hắc đã là cầu nối giúp tôi và tiểu thư Nelly xích lại gần nhau hay sao? Nhờ hắc, giờ đây tôi có thể đắm chìm trong những giấc mơ tình yêu và hạnh phúc ngọt ngào nhất – những giấc mơ mà tôi cảm thấy cũng không trái ý tiểu thư Nelly. Ánh mắt tươi cười của nàng cho phép tôi mơ, giọng nói dịu dàng của nàng cuốn tôi vào với những hy vọng.

Khi tàu cập bờ biển nước Mỹ, cuộc tìm kiếm gấu gao tên trộm xem ra bị bỏ dở, chúng tôi hời hợt chờ đợi thời khắc trọng đại khi bí ẩn ám ảnh mấy ngày qua được giải đáp. Kẻ nào là Arsène Lupin? Arsène Lupin lừng danh đang che giấu thân phận mình dưới cái tên nào, dưới vỏ bọc nào? Và, cuối cùng, thời khắc trọng đại đó cũng đến. Nếu tôi có thọ hàng trăm tuổi, tôi cũng không bao giờ quên được dù chỉ một chi tiết nhỏ nhất nhất.

“Tiểu thư Nelly, trông cô mới nhột nhột làm sao.” Tôi nói với người bạn đồng hành khi nàng dựa người vào cánh tay tôi, gần như sắp ngã đi.

“Cả ông nữa!” Tiểu thư Nelly đáp lại. “Ô! Ông trông quá khác rồi đấy.”

“Cô cứ nghĩ xem! Đây là một thời khắc hết sức hời hợt ly kỳ, và tôi sung sướng được cùng cô trải qua thời khắc này, tiểu thư Nelly. Tôi hy vọng sau này thỉnh thoảng cô sẽ nhớ lại..

Nhưng nàng chẳng còn nghe tôi nói nữa. Nàng đang căng thẳng, hồi hộp. Cầu tàu đã bắc xong, nhưng trước khi chúng tôi kịp đặt chân xuống, những nhân viên hải quan mặc đồng phục bước lên tàu. Tiểu thư Nelly thì thào vào tai tôi: “Tôi sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu nghe nói Arsène Lupin đã trốn thoát khỏi tàu trong lúc tàu vẫn đang lênh đênh trên biển.”

“Có lẽ hắn thà chết còn hơn phải chịu nhục, và quyết định đâm đầu xuống Đại Tây Dương chứ không để bị bắt.”

“Ôi, ông đừng cười.” Tiểu thư Nelly nói.

Bỗng dưng tôi giật mình, và để đáp lại điếu nàng đang nghi ngờ, tôi nói: “Cô có nhìn thấy ông già nhỏ thó đứng ở cuối cầu tàu kia không?”

“Ông già cằn ô và mặc áo khoác màu xanh olive ấy à?”

“Đó là Ganimard.”

“Ganimard ư?”

“Đúng, viên thám tử lừng danh vốn vẫn thế là sẽ tóm cổ Arsène Lupin. À! Bây giờ thì tôi có thể hiểu tại sao chúng ta không nhận được bất kỳ tin tức gì từ phía này của Đại Tây Dương. Ganimard đang ở đây! Và ông ta luôn luôn giữ bí mật việc mình làm.”

“Vậy ông cho là ông ta sẽ bắt được Arsène Lupin?”

“Ai biết đâu được? Mỗi khi Arsène Lupin dính líu vào vụ việc gì thì luôn luôn có chuyện bất ngờ xảy ra.”

“Ô!” Tiểu thư Nelly thốt lên với vẻ tò mò độc địa đặc trưng của phụ nữ. “Tôi muốn chứng kiến cảnh hắn bị bắt giữ.”

“Cô sẽ phải kiên nhẫn đấy. Chắc chắn Arsène Lupin đã nhìn thấy kẻ

thù và hẳn sẽ không vội vã rời tàu đâu.”

Lúc bấy giờ hành khách đang rời tàu lên bờ. Đứng dựa người vào chiếc ô, dáng vẻ thờ ơ, Ganimard trông như chẳng quan tâm đến đám đông đang hối hả rời tàu. Hầu tước Raverdan, Thiếu tá Rawson, anh chàng người Ý Rivolta, và nhiều người khác đã rời tàu trước khi Rozaine xuất hiện. Rozaine đáng thương!

“Có lẽ rốt cuộc thì chính hẳn đấy.” Tiểu thư Nelly nói với tôi. “Ông nghĩ thế nào?”

“Tôi nghĩ nếu chụp được bức ảnh có cả Ganimard và Rozaine sẽ rất thú vị. Cô cần lấy máy ảnh này. Tôi đã lên phim rồi đấy.”

Tôi đưa máy ảnh cho tiểu thư Nelly, nhưng nàng không kịp chụp. Rozaine đã đang đi qua viên thám tử rồi. Một nhân viên hải quan người Mỹ, đứng đằng sau Ganimard, vươn người về phía trước, thâm thì gì đó vào tai ông ta. Viên thám tử người Pháp nhún vai và Rozaine đi qua. Nếu vậy, lạ Chúa, kẻ nào mới thực sự là Arsène Lupin?

“Đúng thế.” Tiểu thư Nelly nói to. “Là ai được nhỉ?”

Lúc bấy giờ trên tàu còn cùng lắm hai mươi người. Tiểu thư Nelly nhìn chăm chú từng người một, sợ rằng Arsène Lupin không có trong số đó.

“Chúng ta không thể chờ đợi lâu hơn nữa.” Tôi nói với nàng.

Nàng bắt đầu tiến tới cầu tàu. Tôi theo sau nàng. Nhưng chúng tôi đi chưa được mười bước chân đã bị Ganimard chặn đường.

“Ồ, có vấn đề gì vậy?” Tôi thốt lên.

“Hăng hợm, thưa ông. Ông vội vã gì chứ?”

“Tôi đang hộ tống tiểu thư đây.”

“Hăng hượm.” Ganimard nhắc lại, giọng đầy quy ền uy. Rồi, nhìn chăm chăm vào mắt tôi, ông ta hỏi: “Chẳng phải là Arsène Lupin hay sao?”

Tôi cười to, đáp: “Không, tôi chỉ là Bernard d’Andrésy.”

“Bernard d’Andrésy đã chết ở Macedoine ba năm trước.”

“Nếu Bernard d’Andrésy đã chết, tôi không thể nào lại có mặt tại đây được. Nhưng ông l ầm r ồi. Đây là giấy tờ tùy thân của tôi.”

“Đây là giấy tờ tùy thân của Bernard d’Andrésy, và tôi có thể nói chính xác bằng cách nào mà anh lại có được giấy tờ tùy thân của anh ta.”

“Ông là đ ồng gốc!” Tôi kêu lên. “Arsène Lupin lên tàu dưới cái tên bắt đầu bằng chữ cái R.”

“Phải, lại một mảnh khoe nữa của anh thôi, một dấu vết giả đánh lừa cái đám ở Havre. Anh diễn trò hay lắm, anh bạn, nhưng lần này thì may mắn chẳng mỉm cười với anh đâu.”

Tôi thoáng lưỡng lự. Rồi Ganimard đột ngột thụi mạnh vào cánh tay phải tôi, khiến tôi bật một tiếng kêu đau đớn. Ông ta đã đánh vào vết thương chưa lành, được nhắc tới trong bức điện.

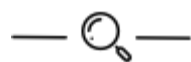
Tôi đành đầu hàng. Chẳng còn lựa chọn nào khác. Tôi quay về phía tiểu thư Nelly, nàng đã nghe thấy tất cả. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau, rồi nàng liếc xuống chiếc máy ảnh Kodak mà tôi vừa đưa cho nàng, và làm một cử chỉ để tôi biết là nàng đã hiểu toàn bộ câu chuyện. Phải, ở đó, trong lòng chiếc túi máy ảnh nhỏ bằng da màu đen tôi trao vào tay nàng phòng khi bị Ganimard bắt giữ, tôi đã cất giấu hai mươi ngàn franc của Rozaine và số ngọc trai, kim cương lấy của phu nhân Jerland.

Ôi! Tôi thì là, vào thời khắc nguy cấp đó, giữa lúc tôi đang trong vòng vây của Ganimard và hai nhân viên phụ tá cho ông ta, tôi hoàn toàn chẳng bận tâm về bất cứ điều gì, dù là việc tôi bị bắt giữ, hay là việc mọi người tức tối khi phát hiện ra sự thật, tất cả mọi điều tôi đều không mảy may nghĩ tới, mọi điều, trừ một điều duy nhất: Tiểu thư Nelly sẽ làm gì với những món quý giá mà tôi đã tin tưởng trao cho nàng?

Không có những tang chứng, vật chứng đầy tính thuyết phục đó, tôi chẳng có gì phải sợ. Nhưng liệu tiểu thư Nelly có quyết định giao nộp chúng? Liệu nàng có phản bội tôi? Liệu nàng sẽ vào vai một kẻ thù không khoan nhượng hay sẽ vào vai một phụ nữ mà sự khinh bỉ trở nên mềm yếu trước sự độ lượng và thương cảm bản năng?

Tiểu thư Nelly đi qua tôi. Tôi không nói gì, chỉ cúi chào rất thấp. Hòa vào với những hành khách khác, nàng cầm trong tay chiếc máy ảnh Kodak, tiến về phía cầu tàu. Tôi bất chợt có ý nghĩ nàng không dám vạch trần bộ mặt của tôi ngay giữa chốn đông người, nhưng có lẽ nàng sẽ thực hiện điều này khi ở một nơi kín đáo hơn. Tuy nhiên, mới bước được vài bước xuống cầu tàu, giả vờ như loạng choạng, luống cuống, nàng thả cho chiếc máy ảnh rơi xuống nước. Rồi xuôi theo cầu tàu, nàng nhanh chóng khuất dạng trong đám đông. Nàng đi qua cuộc đời tôi vĩnh viễn.

Tôi đứng lặng người mất một lúc. Rồi, trước sự sững sốt tột độ của Ganimard, tôi lầm bầm: “Thật tiếc vì mình chẳng phải một người lương thiện!”.



Đó là câu chuyện về việc bị bắt giữ do chính Arsène Lupin kể cho tôi nghe. Rất nhiều sự kiện khác, mà ngày nào đó tôi sẽ ghi chép lại, đã tạo nên những ràng buộc giữa chúng tôi. Tôi có thể nói tới tình bạn không? Có thể tôi mạo muội tin rằng Arsène Lupin đã trân trọng dành cho tôi tình bạn, và cũng chính thông qua tình bạn mà thi thoảng anh ta ghé thăm tôi, đem đến cho cái thư viện yên tĩnh của tôi tinh thần trẻ trung, sôi nổi, sự lan tỏa của nhiệt huyết, và sự vui vẻ của một gã trai mà số phận và cuộc đời không có gì khác ngoài thiện ý và những nụ cười.

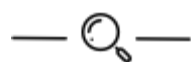
Chân dung anh ta ư? Làm sao tôi mô tả được? Tôi đã gặp anh ta hai mươi lần, và mỗi lần anh ta là một người khác nhau. Ngay bản thân anh ta từng nói với tôi: “Tôi chẳng còn biết tôi là ai nữa. Tôi không nhận ra chính mình trong gương.” Chắc chắn rồi, anh ta là một diễn viên vĩ đại, sở hữu khả năng hóa trang tài tình. Chẳng cần tốn chút công sức nào, anh ta có thể bắt chước giọng nói, cử chỉ, điệu bộ của bất kỳ ai.

“Tại sao?” Anh ta hỏi. “Tại sao tôi lại phải giữ mãi một dáng hình, một tính cách? Tại sao không cố gắng tránh những nguy cơ do một nhân cách không đổi mang lại? Hành động của tôi sẽ định hình nên con người tôi.”

Rồi anh ta nói thêm, với chút tự hào: “Sẽ hay hơn nhiều nếu không ai có thể khẳng định một cách tuyệt đối chắc chắn rằng: Chính là Arsène Lupin đấy! Điều cốt yếu là công chúng có thể nhắc tới những việc tôi làm mà quả quyết không sợ nhầm lẫn rằng: Chính là Arsène Lupin làm đấy!”



Arsène Lupin trong tù



T hật chẳng có ai đáng được gọi là du khách nếu không biết tới hai bờ sông Seine, hoặc đi qua đây mà lại không chú ý gì đến tòa lâu đài cổ kính bé nhỏ của dòng họ Malaquis, tòa lâu đài nằm trên một đảo đá ngay chính giữa dòng sông. Một cây cầu cong cong nối nó với bờ. Bao quanh là làn nước êm đềm của con sông lớn, yên ả dập dờn chảy qua các gốc sậy, và đám chim chìa vôi chao liệng bên trên những mỏm đá ẩm ướt.

Lịch sử tòa lâu đài Malaquis cũng bảo tố y như cái tên của nó và cũng khắc nghiệt y như đường nét bên ngoài của nó. Nó đã trải qua hàng loạt trận chiến, hàng loạt cuộc vây ráp, tấn công, cướp bóc và tàn sát đẫm máu. Nghe thuật lại những tội ác từng xảy ra ở đây thì ngay cả kẻ gan dạ nhất cũng phải rùng mình. Có rất nhiều truyền thuyết bí hiểm về tòa lâu đài này, chúng nhắc tới một đường hầm nổi tiếng từng dẫn đến tu viện Jumièges và trang viên của Agnès Sorel, nhân tình của vua Charles VII.

Tại tòa lâu đài từng là nơi cư trú của cả những bậc anh hùng lẫn những tên ăn cướp đó, ngày nay Nam tước Nathan Cahorn đang sinh sống. Trước

đây ngài được mệnh danh là Nam tước Satan trên thị trường chứng khoán Paris, nơi ngài phát tài một cách chóng vánh khác thường. Các chủ nhân của Malaquis, hoàn toàn khánh kiệt, buộc phải bán tòa lâu đài cổ với giá hết sức rẻ mạt, cùng với bộ sưu tập tuyệt vời các món đồ gỗ, các bức tranh, các tác phẩm điêu khắc gỗ và các món đồ sứ. Ngài Nam tước sống một mình, được ba người đầy tớ già phục vụ. Chưa ai từng đặt chân vào tòa lâu đài. Chưa ai từng có cơ hội chiêm ngưỡng ba bức tranh của Rubens, hai bức tranh của Watteau, hay tác phẩm điêu khắc của Jean Goujon, tất cả đều thuộc quyền sở hữu của ngài Nam tước. Ngoài ra, còn nhiều món đồ nghệ thuật quý giá khác mà ngài đã vùng tiền mua ở các cuộc đấu giá công khai.

Nam tước Satan thường xuyên sống trong lo sợ, không phải lo sợ cho sự an nguy của bản thân ngài, mà là lo sợ cho những món đồ nghệ thuật quý giá ngài đã tích lũy được với tất cả đam mê, tâm huyết, với khiếu thẩm mỹ và tài đánh giá, thậm chí đến cả những tay buôn lố nhố nhất cũng không thể chỉ ra bất kỳ nhầm lẫn nào bao giờ. Ngài yêu quý chúng – những món mỹ nghệ của ngài. Yêu một cách mãnh liệt, như kẻ bần xỉn yêu tiền. Yêu một cách hờn ghen, như yêu nhân tình. Hằng ngày, khi hoàng hôn buông xuống, các cánh cổng sắt ở mỗi đầu cầu và ở lối vào tòa lâu đài lại được đóng chặt, cài then cẩn thận. Chỉ cần hơi động đến cánh cổng thôi, chuông điện sẽ ngay lập tức réo khắp lâu đài.

Một thứ Năm trong tháng Chín, anh chàng đưa thư xuất hiện trước cánh cổng ở đầu cầu, và, như thường lệ, ngài Nam tước đích thân ra mở hé cánh cổng nặng nề. Ngài quan sát anh ta kỹ lưỡng tựa hồ anh ta xa lạ lắm, mặc dù khuôn mặt trung thực và cặp mắt lấp lánh sáng của anh chàng bưu tá đã quen thuộc với ngài Nam tước từ nhiều năm nay rồi. Anh ta cười lớn, nói: “Chỉ là tôi thôi, thưa ngài Nam tước. Không phải kẻ nào khác mặc

áo, đội mũ của tôi đâu.”

“Ai mà biết trước được đi đâu gì.” Ngài Nam trước lần bần.

Anh chàng bưu tá đưa cho ngài vài tờ báo, rồi nói: “Còn đây, thưa ngài Nam trước, có cái này mới.”

“Có cái mới à?”

“Vâng, một bức thư. Một bức thư bảo đảm.”

Sống ẩn dật, xa lánh xã hội, chẳng bạn bè hay quan hệ bang giao gì, ngài Nam trước chưa bao giờ nhận được thư từ, vì thế bức thư kia ngay lập tức khiến ngài này sinh cảm giác nghi ngờ, không tin tưởng. Nó giống như điềm xấu. Kẻ bí hiểm nào lại cả gan làm phiền đến cuộc sống ẩn dật yên bình của ngài?

“Ngài phải ký nhận, thưa ngài Nam trước.”

Ngài ký, rồi nhận bức thư, chờ cho anh chàng đưa thư khuất dạng sau khúc quanh của con đường, và hộp đi tới đi lui mất mấy phút, ngài mới đứng dựa vào lan can cầu, mở phong bì ra. Bên trong phong bì có một tờ giấy với tiêu đề như sau: Nhà tù Santé, Paris. Ngài nhìn phần chữ ký: Arsène Lupin. Rồi ngài đọc thư:

Thưa Nam trước,

Ở phòng trưng bày trong lâu đài của ngài, có một bức tranh của Philippe de Champaigne, một tuyệt tác hoàn hảo khiến tôi say mê đến độ không lời nào tả xiết. Các bức tranh của Rubens và bức tranh nhỏ nhất của Watteau mà ngài đang sở hữu cũng rất hợp gu tôi. Trong phòng khách bên tay phải, tôi chú ý tới chiếc giá nhạc thời Louis XIII, những tấm thảm thêu xứ Beauvais, chiếc bàn tròn

thời Đế chế có ký chữ *Jacob*, và chiếc rương thời Phục Hưng. Còn trong phòng khách bên tay trái, chiếc tủ ngăn kéo chứa đầy đồ trang sức gắn đá quý và các bức tiểu họa.

Hiện tại, tôi tạm bằng lòng với những thứ có thể vận chuyển thuận tiện, dễ dàng. Do đó, tôi đề nghị ngài trong vòng tám ngày hãy gói ghém chúng cẩn thận và gửi chúng đến nhà ga Batignolles cho tôi, nhớ trả trước cước phí. Bằng không, đêm Hai mươi bảy tháng Chín, tôi sẽ buộc lòng phải đích thân đem đi, nhưng trong trường hợp đó tôi sẽ không chỉ bằng lòng với những thứ tôi vừa nêu bên trên.

Xin thứ lỗi cho bất kỳ sự bất tiện nào mà tôi gây ra cho ngài, và hãy tin tưởng rằng tôi luôn luôn là kẻ tội lỗi hèn mọn của ngài.

ARSÈNE LUPIN

Tái bút: Xin đừng gửi bức tranh lớn nhất của Watteau. Mặc dù ngài đã trả tận ba mươi ngàn franc cho nó, nó chỉ là một bức tranh chép, bản gốc đã bị đốt theo lệnh của Barras, kẻ lãnh đạo đi đầu hành chế độ Đốc chính, trong một đêm ăn chơi trác táng. Hãy tham khảo hồ sơ ký của Garat.

Tôi không quan tâm đến sợi xích đeo ở cổ của Louis XV, vì tôi ngờ nó chẳng phải đồ thật.

Bức thư khiến tâm trạng ngài Nam tước rối loạn hoàn toàn. Nếu chữ ký kia là của bất kỳ kẻ nào khác, ngài chắc chắn cũng đã thấy lo lắng lắm – đằng này nó lại là của chính Arsène Lupin!

Là người thường xuyên đọc báo, ngài theo dõi sát sao những vụ phạm tội xảy ra trong thời gian gần đây, và vì thế ngài cũng nắm rất rõ những

thành tích chói lọi của tên trộm bí hiểm này. Tất nhiên, ngài biết Lupin đã bị kẻ thù truyền kiếp là Ganimard tóm cổ ở Mỹ, và hiện tại đang ngồi sau song sắt nhà tù Santé. Nhưng ngài cũng biết Arsène Lupin có khả năng thực hiện những chuyện rất đổi lạ lùng. Hơn nữa, việc hắn biết tường tận chính xác về tòa lâu đài, vị trí các bức tranh và các món đồ nội thất, khiến vấn đề hết sức đáng báo động. Làm sao hắn biết về những thứ chưa ai từng trông thấy bao giờ?

Trần ngâm ngược nhìn đường nét khắc khổ của tòa lâu đài, rồi dần dần đưa mắt xuống cái nền đá dốc dựng đứng cùng làn nước sâu bao xung quanh, ngài Nam tước nhún vai. Chắc chắn là không có mối đe dọa nào cả. Không ai trên đời này lại đột nhập vào được chốn tôn nghiêm cất giữ những tài sản vô giá của ngài.

Không ai, có lẽ vậy, trừ Arsène Lupin! Với hắn, mọi loại công, tường bao hay cầu kéo đều không tồn tại. Những chướng ngại vật ghê gớm nhất, những biện pháp phòng ngừa kỹ lưỡng nhất có ích gì, một khi Arsène Lupin đã quyết định đến viếng thăm?

Buổi tối hôm đó, ngài Nam tước viết thư cho viên Phó Chưởng lý ở Rouen. Ngài gửi kèm cả bức thư đe dọa kia và khẩn khoản xin được giúp đỡ, bảo vệ.

Ngài ngay lập tức được hồi đáp, với nội dung là Arsène Lupin đang thụ án ở nhà tù Santé, dưới sự canh gác, giám sát nghiêm ngặt, không có cơ hội để viết một bức thư như vậy và bức thư ấy chắc chắn đã bị mạo danh. Tuy nhiên, nhằm phòng xa, viên Phó Chưởng lý vẫn đưa bức thư cho một chuyên gia thẩm định chữ viết và vị chuyên gia này tuyên bố, dù có sự tương đồng nhất định, chữ viết trong bức thư không phải chữ viết của kẻ

đang ng ỡ tù.

Những cụm từ *dù có sự tương đồng nhất định* khiến ngài Nam tước phải lưu tâm. Đọc cụm từ đó, ngài cảm thấy một nỗi h ồ nghi mà đối với ngài xem ra hoàn toàn đủ để phải viện đến bàn tay can thiệp của pháp luật. Ngài càng lúc càng thêm lo sợ. Ngài đọc đi đọc lại bức thư Lupin gửi. “*Tôi sẽ buộc lòng phải đích thân đem đi.*” Và r ỡ còn có cả ngày giờ định trước nữa: đêm Hai mươi bảy tháng Chín.

Tin tưởng giải bày với kẻ h ầu người hạ trong nhà là cách xử sự hoàn toàn trái ngược với tính tình ngài. Nhưng lúc này đây, lần đầu tiên sau nhiều năm, ở ngài xuất hiện cái nhu cầu tìm kiếm sự sẻ chia, khuyên bảo từ người khác. Bị cơ quan pháp luật của chính khu vực mình sinh sống bỏ rơi, và cảm thấy không thể tự bảo vệ mình bằng phương tiện, nhân lực sẵn có, ngài đã sửa soạn đi Paris để thuê thám tử.

Hai ngày trôi qua. Sang ngày thứ ba, ngài Nam tước tràn đầy hy vọng và vui vẻ trở lại khi đọc được tin tức sau đây trên tờ *Caudebec thức giấc*, tờ báo của thị trấn lân cận:

Hiện tại, chúng ta đang hân hạnh đón tiếp ngài Ganimard, vị thám tử kỳ cựu nổi danh toàn thế giới vì đã mưu trí tóm cổ được Arsène Lupin. Ngài đến đây để nghỉ dưỡng và tham gia các hoạt động giải trí. Là một tay câu cá cự phách, ngài dọa sẽ câu sạch bách cá ở con sông trong thành phố chúng ta.

Ganimard! Ôi, sự giúp đỡ mà ngài Nam tước Cahorn mong mỏi đây r ỡ! Còn ai có thể phá vỡ những mưu đồ của Arsène Lupin tài tình hơn

Ganimard, viên thám tử vừa khôn ngoan vừa kiên trì? Thật đúng người đúng việc quá!

Ngài Nam tước không chần chừ thêm giây phút nào nữa. Thị trấn Caudebec chỉ cách tòa lâu đài sáu cây số, quãng đường thật ngắn ngủi đối với một quý ông đang phải gấp rút vì sự an nguy của mình.

Sau vài nỗ lực xác định nơi viên thám tử đang lưu trú mà không thu được kết quả gì, ngài Nam tước tới tòa soạn tờ *Caudebec thức giấc* tọa lạc ngay trên bến cảng. Tại đây, ngài gặp được tác giả bài báo. Anh này vừa tiến đến bên cửa sổ vừa kêu lên: “Ganimard ư? Sao ngài phải nhọc công thế? Ngài chắc chắn sẽ bắt gặp ông ta loanh quanh đâu đấy ngay ngoài bến cảng cùng với chiếc cần câu trong tay thôi. Tôi đã bắt gặp ông ta ngoài ấy và tình cờ đọc được tên ông ta khắc trên thân chiếc cần câu. À, ông ta kia kìa, ngồi dưới mấy tán cây kia kìa.”

“Người đàn ông thấp bé đang đội mũ rơm kia hả?”

“Chính xác. Ông ta là người cộc cằn, kiệm lời lắm.”

Năm phút sau, ngài Nam tước đã đến bên Ganimard lừng danh, tự giới thiệu bản thân mình, gọi cho ông ta trò chuyện, nhưng không thành. Thế là, ngài đành đề cập mục đích thực sự của việc tiếp cận viên thám tử và trình bày ngắn gọn vụ việc. Viên thám tử lắng nghe, vẫn không hề nhúc nhích, hoàn toàn tập trung vào chiếc cần câu. Khi ngài Nam tước thuật xong câu chuyện rồi thì ngư ông kia mới quay lại, điệu bộ hết sức thương hại, nói: “Thưa ngài, những quân trộm đạo thường chẳng cảnh báo trước cho người ta biết việc bọn chúng chuẩn bị viếng thăm nhà người ta đâu. Đặc biệt là Arsène Lupin, hắn sẽ chẳng bao giờ hành động ngớ ngẩn như vậy.”

“Nhưng...”

“Thưa ngài, ngài hãy tin tôi, chỉ cần tôi có chút xíu hoài nghi gì về việc này thôi, cảm giác thích thú khi một lần nữa tóm cổ được Arsène Lupin chắc chắn sẽ khiến tôi rất sẵn sàng phục vụ ngài. Tuy nhiên, không may thay, gã trai trẻ đó lại đang bị nhốt trong tù rồi.”

“Có thể hắn đã trốn thoát.”

“Chưa kể nào từng trốn thoát khỏi nhà tù Santé được.”

“Nhưng, hắn...”

“Hắn cũng vậy thôi.”

“Nhưng mà...”

“Thôi được, nếu hắn đã trốn thoát, càng hay. Tôi sẽ lại bắt hắn. Từ giờ tới lúc đó, mời ngài cứ trở về nhà mà ngủ ngon. Tạm thời thế đủ rồi nhé! Ngài đang làm lũ cá sọ bơi hết đi kia kìa.”

Cuộc trao đổi kết thúc. Ngài Nam tước trở về lâu đài, cảm thấy yên tâm đôi chút qua thái độ bàng quan, lãnh đạm của Ganimard. Ngài kiểm tra tất cả các then cửa, theo dõi đám người hầu, và trong suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ tiếp theo, ngài hầu như đã tự thuyết phục được mình rằng những nỗi sợ hãi vừa qua quả là vô căn cứ. Chắc chắn rồi, như lời Ganimard nói đấy, kẻ trộm đời nào lại đi cảnh báo trước cho nạn nhân việc bọn chúng chuẩn bị đến.

Cái ngày định mệnh đã cận kề. Hôm nay đã là Hai mươi sáu tháng Chín mà vẫn chưa có động tĩnh gì cả. Nhưng lúc ba giờ, chuông cửa reo. Một thằng bé mang tới một bức điện:

Không nhận được hàng ở nhà ga Batignolles. Hãy chuẩn bị sẵn

sàng cho đêm mai. Arsène.

Bức điện đẩy ngài Nam tước vào tình trạng bị kích động đến mức ngài thậm chí nghĩ hay tốt nhất là làm theo yêu cầu của Lupin.

Tuy nhiên, ngài lại vội vã đi Caudebec. Ganimard vẫn đang ngồi trên chiếc ghế xếp câu cá ở chỗ cũ. Chẳng nói chẳng rằng, ngài đưa cho viên thám tử bức điện.

“Chà, cái này thì có ý nghĩa quái gì?” Viên thám tử nói.

“Có ý nghĩa quái gì ư? Nhưng là ngày mai đấy.”

“Ngày mai làm sao?”

“Vụ cướp! Cướp hết tất cả các bộ sưu tập của tôi!”

Ganimard đặt câu xuống, quay sang ngài Nam tước, kêu lên bằng giọng mất hết kiên nhẫn: “À! Ngài nghĩ tôi sẽ tốn công tốn sức vì một chuyện ngớ ngẩn như thế hả?”

“Ông đòi bao nhiêu tiền để đêm mai tới lưu lại tại lâu đài của tôi?”

“Không một xu. Còn bây giờ thì hãy đi đi cho tôi yên.”

“Ông hãy ra giá. Tôi rất giàu, tôi có thể trả ông bất kỳ giá nào.”

Lời đề nghị khiến Ganimard bối rối, tuy nhiên ông ta vẫn điềm tĩnh đáp lại: “Tôi đang trong kỳ nghỉ. Tôi không có quyền đảm nhận một việc như thế.”

“Sẽ chẳng ai biết việc này. Tôi xin cam đoan giữ bí mật.”

“Ồ. Sẽ chẳng xảy ra chuyện gì đâu.”

“Thôi nào! Ba ngàn franc nhé? Chừng đó đã đủ chưa?”

Vị thám tử trậ̀n ngậ̀m ngặ́m nghĩ một lúc, rồi nói: “Thôi được. Nhưng tôi cảnh báo trước với ngài rằng ngài đang ném tiền qua cửa sổ đấy.”

“Tôi không quan tâm.”

“Trong trường hợp đó. Nhưng, suy cho cùng, chúng ta biết gì về tên Lupin quỷ quyết này! Hắn có thể nắm trong tay vô số các băng đảng đấy. Ngài có chắc chắn về đám đậ̀y tớ nhà ngài không?”

“Tôi tin tưởng rằng...”

“Tốt nhất đừng trông cậy gì vào họ. Tôi sẽ đánh điện gọi hai người của tôi đến hỗ trợ. Còn bây giờ thì ngài hãy đi đi! Tốt nhất đừng để cho ai bắt gặp chúng ta đang bàn bạc với nhau. Tối mai, khoảng chín giờ nhé!”



Ngày hôm sau – ngày mà Arsène Lupin ấn định – Nam tượ́c Cahorn sửa soạn sẵn sàng tất cả các món giáp trụ, đánh bóng vũ khí, và đi đi lại lại phía trước tòa lâu đài như một gã lính canh. Ngài chẳng trông thấy gì, cũng chẳng nghe thấy gì. Tám giờ rưỡi tối, ngài cho phép những người hầu đi nghỉ. Phòng của họ được bố trí ở một cánh khuất nẻo, cách xa khu vực chính của tòa lâu đài. Không lâu sau, ngài Nam tượ́c nghe thấy tiếng bước chân tiến đến. Đó là Ganimard và hai phụ tá của ông ta – thật tuyệt vời, hai anh chàng dũng mãnh với những bàn tay hộ pháp và cổ thì lực lưỡng như

cổ bò mộng. Hỏi vài câu về vị trí các lối ra vào và các phòng khác nhau xong, Ganimard thận trọng khóa và chặn tất cả các cửa ra vào cũng như cửa sổ mà qua đó người ngoài có thể đột nhập vào các căn phòng bị đe dọa. Ông ta xem xét kỹ lưỡng những bức tường, kéo những tấm thảm thêu lên, và cuối cùng, bố trí hai phụ tá của mình canh gác tại phòng trưng bày trung tâm, nằm giữa hai phòng khách.

“Nghiêm túc vào! Chúng ta không đến đây để ngủ. Chỉ cần có chút động tĩnh gì, hãy mở các cửa sổ ra và gọi tôi. Chú ý cả về phía sông nữa. Vách đá dựng đứng cao mười mét cũng chẳng ăn nhằm gì đối với những tên quỷ quái đó đâu.”

Ganimard khóa nốt hai nhân viên phụ tá trong phòng trưng bày, mang theo chìa khóa và bảo ngài Nam tước: “Còn bây giờ, hãy vào vị trí của chúng ta.”

Viên thám tử chọn vị trí cho mình là một ô nhỏ nằm trong bức tường dày bao bên ngoài, giữa hai lớp cổng. Cái ô này ngày trước từng là chốt gác lâu đài. Có một lỗ quan sát ra cầu và một lỗ quan sát vào sân. Trong góc, có lối thoát xuống một đường hầm.

“Ngài Nam tước, tôi nhớ ngài bảo tôi rằng đường hầm này là đường hầm duy nhất dẫn vào lâu đài và đã bị chặn lại từ đời nào đời nào rồi đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì, chúng ta tuyệt đối an toàn, trừ khi còn một lối khác mà chỉ Arsène Lupin mới biết.”

Viên thám tử xếp ba chiếc ghế dựa lại với nhau, ngả lưng lên đó, chiêm

tàu thuốc lá và thở dài. “Ngài Nam tước ạ, tôi thực sự cảm thấy xấu hổ khi nhận tiền của ngài để làm cái việc ng ồi mát ăn bát vàng như thế này. Tôi sẽ kể chuyện cho anh bạn Lupin nghe. Hắn sẽ cực kỳ khoái chí đấy.”

Ngài Nam tước không cười nổi. Ngài đang căng thẳng chú ý lắng nghe, nhưng chẳng nghe thấy gì ngoài chính tiếng tim ngài đập thành thịch. Thi thoảng, ngài cúi xuống nhìn đường hầm, dõi ánh mắt sợ hãi vào khoảng tối sâu hun hút phía dưới. Ngài nghe chuông đồng hồ báo mười một giờ, mười hai giờ, rồi một giờ.

Đột nhiên, ngài túm lấy cánh tay Ganimard. Viên thám tử bật dậy, tỉnh giấc.

“Ông có nghe thấy không?” Ngài Nam tước thì thảo hỏi.

“Có.”

“Tiếng gì vậy?”

“Tôi đ ờ là tiếng tôi ngáy.”

“Không, không phải, ông lắng nghe đi.”

“À! Đúng, tiếng còi xe hơi.”

“Vậy thì?”

“Ồ! Chưa chắc đã có chuyện Lupin sẽ sử dụng xe hơi thay cho búa tấn để phá tòa lâu đài của ngài đâu. Nào, ngài Nam tước, trở về vị trí canh gác của ngài đi. Tôi lại ngủ đây. Chúc ngài ngon giấc.”

Đó là âm thanh báo động duy nhất. Ganimard tiếp tục giấc ngủ bị gián đoạn, còn ngài Nam tước thì không nghe thấy tiếng gì khác ngoài tiếng ngáy đều đều của viên thám tử. Khi mặt trời vừa ló dạng, họ cùng rời khỏi

vị trí canh gác. Tòa lâu đài vẫn chìm trong không gian hoàn toàn tĩnh mịch, bình minh thanh bình đang dâng lên trên mặt sông hiên hòa. Họ theo cầu thang đi lên. Ngài Nam tước Cahorn vui mừng hớn hờ. Ganimard vẫn đi ền tĩnh y như thường lệ. Họ không nghe thấy tiếng động gì, cũng không trông thấy gì đáng ngờ.

“Tôi đã nói gì với ngài, thưa ngài Nam tước? Thực sự, tôi lẽ ra không nên nhận khoản tiền đó của ngài. Tôi thấy xấu hổ quá.” Viên thám tử mở khóa cửa, bước vào phòng trưng bày. Đầu gục xuống, tay buông thõng, hai phụ tá của viên thám tử đang say sưa ngủ trên hai chiếc ghế dựa.

“Chết tiệt!” Ganimard gào lên.

Cùng lúc đó, ngài Nam tước la lớn: “Những bức tranh của tôi! Cái bàn của tôi!”

Ngài lấp bắp, ngạt thở, hai cánh tay vươn về phía những khoảng trống, những bức tường trần trụi, chẳng còn gì ngoài những chiếc đinh và những sợi dây treo vô dụng. Bức tranh của Wateau, biến mất rồi! Bức tranh của Rubens, đã bị đem đi rồi! Những tấm thảm thêu đã bị tháo hết! Những món trang sức trong các tủ ngăn kéo đã bị khoắng sạch!

“Cả bộ chân nến thời Louis XVI của tôi! Cả bộ đèn chùm thời Nhiếp chính!... Cả bức tượng Đức Mẹ đồng trinh thế kỷ XII nữa!”

Ngài chạy từ chỗ nọ sang chỗ kia trong nỗi tuyệt vọng điên cuồng nhất. Ngài hồi tưởng lại giá tiền từng món vào thời điểm ngài mua chúng, rồi tính toán giá trị hiện thời, suy ra tổng thiệt hại. Từ ngữ của ngài rối rắm, lộn xộn, câu cú dở dang. Ngài tức tối giậm chân thình thịch. Ngài rên rỉ vì đau khổ, tiếc nuối. Ngài hành động như thể một kẻ đã phá sản, đã tàn đời, lối thoát duy nhất chỉ có thể là tự tử.

Nếu có đi đâu gì có thể khiến ngài Nam tước được an ủi, thì đó chính là vẻ sững sờ, kinh ngạc của Ganimard. Viên thám tử nổi tiếng đứng bất động. Ông ta trông như đã hóa đá. Ông ta xem xét căn phòng với cung cách thất thần. Cửa sổ ư?... Vẫn còn đang chốt. Khóa cửa chính ư?... Không suy suyển gì. Trần không bị đục, sàn không bị khoét. Mọi thứ đều hoàn toàn trật tự. Vụ trộm được tiến hành một cách quy củ, theo một kế hoạch hết sức logic và không nương tay.

“Arsène Lupin... Arsène Lupin.” Viên thám tử lẩm rẩm trong miệng.

Đột nhiên, như thể bị cơn giận dữ thôi thúc, ông ta lao về phía hai anh chàng phụ tá, túm lấy họ mà lắc điên cuồng. Nhưng họ vẫn không tỉnh dậy.

“Đồ quỷ quyết!” Viên thám tử gào lên. “Có lẽ nào?”

Ông ta cúi xuống, lần lượt kiểm tra kĩ lưỡng từng người một. Họ đang say ngủ, nhưng phản xạ của họ rất bất thường. “Họ đã bị chuốc thuốc mê.” Ông ta nói với ngài Nam tước.

“Kẻ nào làm việc đó?”

“Đương nhiên là hắn, hoặc tay chân của hắn. Chỉ có hắn mới hành động được như vậy.”

“Trong trường hợp ấy, tôi chịu thua thôi... Chẳng thể làm gì được.”

“Chẳng thể làm gì được.” Ganimard đồng tình.

“Thật kinh khủng. Thật độc ác.”

“Ngài hãy đàm đơn kiện.”

“Như thế có ích gì không?”

“Ồ, cũng đáng để thử đấy. Pháp luật vốn vẫn có cách.”

“Pháp luật ư! Hừ! Vô tích sự hết. Ông chính là người đại diện cho pháp luật, và ngay lúc này đây, khi ông lẽ ra đang phải tìm kiếm manh mối, cố gắng phát hiện được dấu vết gì đó, thì ông thậm chí chẳng buồn nhúc nhích.”

“Phát hiện được dấu vết gì đó của Arsène Lupin ư! Tại sao phải làm thế, thưa ngài Nam tước thân mến? dddssâbArsène Lupin không bao giờ để lại bất cứ dấu vết gì. Hắn luôn luôn trù tính cẩn thận, loại trừ mọi may rủi. Đôi khi, tôi nghĩ chính hắn đã tự nộp mình cho tôi, và đơn giản là đã tự nguyện để tôi bắt hắn ở Mỹ.”

“Vậy tôi phải từ bỏ các bức tranh của tôi ư! Hắn đã đem đi những kiệt tác xuất sắc nhất trong bộ sưu tập của tôi. Tôi sẵn sàng trả cả gia tài để lấy lại chúng. Nếu chẳng còn cách nào khác, hãy để hắn ra giá đi.”

Ganimard nhìn ngài Nam tước chằm chằm, và nói: “Này, như vậy hợp lý đấy. Ngài có chắc chắn làm theo đến cùng không?”

“Có, có. Nhưng sao?”

“Tôi có một ý tưởng.”

“Là gì vậy?”

“Chúng ta sẽ bàn bạc sau, nếu cuộc đi điều tra chính thức không thành công. Nhưng ngài không được hé bất cứ lời nào về tôi, nếu ngài còn mong muốn tôi hỗ trợ.”

Ông ta nói thêm, giữa hai hàm răng nghiến chặt: “Thực sự, tôi chẳng có gì để tự hào trong chuyện này đâu.”

Hai anh chàng phụ tá đang dấn tỉnh lại, với bộ dạng lơ ngơ của những người vừa thoát khỏi tác dụng của thuốc mê. Hai anh chàng mở mắt, sững

sốt nhìn xung quanh. Ganimard truy vấn họ, họ thì chẳng nhớ được gì.

“Nhưng các anh hẳn phải nhìn thấy kẻ nào đó chứ?”

“Không ạ.”

“Các anh không nhớ được gì sao?”

“Không ạ, không ạ.”

“Các anh có uống cái gì không?”

Họ nghĩ ngợi một lát, rồi một trong hai người trả lời: “Có, tôi có uống chút nước.”

“Từ cái bình đựng nước kia?”

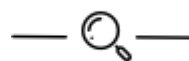
“Vâng ạ.”

“Tôi cũng uống. Anh chàng kia thêm vào.

Ganimard ngửi và nếm nước trong bình. Không có mùi hay vị gì đặc biệt.

“Nào.” Viên thám tử nói. “Chúng ta đang lãng phí thời gian ở đây rồi. Không ai có thể giải một bài toán về Arsène Lupin trong vòng năm phút. Nhưng, mẹ kiếp! Tôi thì là tôi sẽ tóm hắn một lần nữa.”

Ngay ngày hôm đó, ngài Nam tước Cahorn đã chính thức buộc tội Arsène Lupin, đang bị giam giữ ở nhà tù Santé, là thủ phạm gây ra vụ trộm.



Sau đấy, ngài Nam tước thấy hối hận vì đã đâm đơn kiện Lupin khi chứng kiến cảnh tòa lâu đài của mình nhan nhản nào cảnh sát, nào ủy viên công tố, thẩm phán, phóng viên, nhiếp ảnh gia, và một đám đông những kẻ ăn không ngồi rồi, hiếu kỳ dò la thông tin.

Vụ việc nhanh chóng trở thành đề tài được bàn tán xôn xao khắp nơi, và cái tên Arsène Lupin kích thích trí tưởng tượng của công chúng, đến mức mọi tờ báo đều tràn ngập những câu chuyện ly kỳ nhất về anh ta mà độc giả thì sẵn lòng tin tưởng, chẳng mấy may nghi ngờ gì.

Nhưng bức thư của Arsène Lupin tràn trào cảnh báo với ngài Nam tước Cahorn về vụ trộm, đăng trên tờ *Tiếng vang nước Pháp* (không ai biết bằng cách nào mà tờ báo này lại có được bức thư), khiến dư luận hết sức quan tâm. Người ta đưa ra các giả thiết hoang đường nhất. Một số gọi lại sự tồn tại của những đường hầm nổi tiếng thuở trước, và đó chính là hướng đi đầu tra của đội ngũ nhân viên thực thi pháp luật. Họ lục soát không sót một góc ngách nào trong lâu đài, từ nóc xuống đến tầng trệt, nghi vấn từng tảng đá, lật giở từng tấm ván ốp chân tường, xem xét các ống khói, các khung cửa sổ và xà nhà. Họ đốt đuốc kiểm tra những căn hầm rộng mênh mông, nơi những đức ông dòng họ Malaquis vốn vẫn cất giấu súng đạn và thực phẩm. Họ gõ để nghe ngóng đến tận tâm móng nhà xây bằng đá. Nhưng đầu vô ích hết. Họ không phát hiện được bất kỳ dấu vết nào của một đường hầm. Không tồn tại một lối đi bí mật nào cả.

Nhưng, đang háo hức trước câu chuyện, công chúng tuyên bố rằng những bức tranh và những món đồ nội thất quý giá không thể nào lại biến mất như những bóng ma được. Tất cả đều có thật, đều mắt thấy tay sờ được, đều được đem ra đem vào không qua cửa chính cũng phải qua cửa sổ, và những kẻ vận chuyển chúng cũng vậy. Những kẻ đó là ai? Bọn họ đột

nhập vào tòa lâu đài bằng cách nào? Rồi rời đi bằng cách nào?

Cảnh sát thị trấn Rouen, đoán chắc rằng mình sẽ bất lực, khẩn khoản đề nghị lực lượng thám tử của Paris hỗ trợ. Dudouis, Trưởng ban Thám tử, cử những nhân viên xuất sắc nhất của biệt đội thép tới. Bản thân ông ta cũng dành đến bốn mươi tám tiếng đồng hồ trong lâu đài, nhưng không phát hiện ra manh mối gì. Sau cùng, ông ta đi đầu động đến Ganimard, người vốn vẫn luôn luôn có cách giải quyết vấn đề khi tất cả đầu đã bế tắc.

Ganimard im lặng lắng nghe chỉ thị của cấp trên, rồi lắc đầu nói: “Theo tôi, lục soát toàn bộ tòa lâu đài là việc vô ích. Lời giải cho bài toán này nằm ở một chỗ khác.”

“Chỗ nào?”

“Chỗ Arsène Lupin.”

“Chỗ Arsène Lupin! Để đồng tình với giả thiết ấy, chúng ta phải thừa nhận hắn đã can dự vào vụ trộm”.

“Tôi xin thừa nhận. Thực tế, tôi nghĩ đi đâu đó hoàn toàn chắc chắn.”

“Thôi nào, Ganimard, đi đâu đó hết sức vô lý. Arsène Lupin đang ở trong tù.”

“Tôi công nhận là Arsène Lupin đang ở trong tù, bị canh gác nghiêm ngặt. Nhưng để tôi thay đổi quan điểm của mình thì hắn không những đang ở trong tù mà còn phải bị cùm chân, còng tay và cả bịt miệng nữa.”

“Tại sao anh cứ cứng đầu vậy, Ganimard?”

“Vì Arsène Lupin là kẻ duy nhất ở nước Pháp này có đủ khả năng xây dựng và thực hiện một kế hoạch đình đám cỡ ấy.”

“Chỉ là lời nói suông thôi, Ganimard.”

“Nhưng đúng với thực tế. Xem kìa! Họ đang làm gì vậy? Tìm kiếm những lối đi ngầm ư, hay những phiến đá xoay qua xoay lại được, và những thứ ngớ ngẩn tương tự? Nhưng Lupin không bao giờ thêm chọn những cách cũ rích đó đâu. Hắn là kẻ đào tường khoét vách hiện đại, luôn cập nhật, luôn thức thời...”

“Thế anh định làm gì tiếp theo?”

“Tôi muốn sếp cho phép tôi gặp hắn một tiếng đồng hồ”

“Tại xà lim giam hắn?”

“Vâng. Trong chuyến trở về từ Mỹ, chúng tôi đã trở nên rất thân thiện với nhau, và tôi dám cam đoan rằng nếu hắn có thể cung cấp cho tôi thông tin gì mà không khiến bản thân hắn bị tổn hại, thì hắn sẽ chẳng ngần ngại giúp tôi tránh khỏi các rắc rối vô ích.”



Chỉ vừa qua trưa là Ganimard đã bước vào xà lim giam Arsène Lupin. Arsène Lupin đang nằm trên giường liềm góc đầu dãy, bật một tiếng kêu bộc lộ rõ sự hân hoan, vui mừng.

“Ồ! Thật quá đổi bất ngờ. Ganimard thân mến của tôi có mặt tại đây!”

“Đích thân Ganimard nhé!”

“Trong thời gian tự nguyện lui về ẩn dật, tôi mong mọi điều đi đâu, nhưng đi đâu tôi mong mọi nhất là được đón tiếp ông ở đây đây.”

“Anh thực tử tế quá!

“Không dám. Ông biết là tôi vốn vẫn hết sức tôn trọng ông.”

“Tôi rất lấy làm tự hào về điều đó.”

“Tôi luôn luôn khẳng định rằng: Ganimard là vị thám tử cự phách nhất của chúng ta. Ông ấy gần bằng... ông thấy đấy, tôi mới bộc trực làm sao!... Ông ấy tài tình gần bằng Sherlock Holmes. Nhưng tôi rất lấy làm tiếc vì chỉ có mỗi chiếc ghế đầu cứng quèo này mời ông an tọa. Và chẳng có đồ giải khát! Thậm chí chẳng có nổi một cốc bia! Tất nhiên, ông sẽ thứ lỗi cho tôi thôi, vì tôi chỉ ở đây tạm thời.”

Ganimard mỉm cười và ngồi xuống chiếc ghế đầu. Rồi người tù tiếp tục: “Trời ơi, tôi mới vui mừng làm sao khi được trông thấy mặt một con người lương thiện. Tôi quá chán đám đi đâu tra viên quái quỷ mỗi ngày vào đây đến cả chục lượt lục soát khắp túi áo túi quần tôi, rồi khắp cái buồng giam này, để yên tâm rằng tôi không sửa soạn trốn. Chính phủ rất quan tâm đến trường hợp của tôi.”

“Đúng là như vậy đấy.”

“Tại sao? Tôi sẽ hoàn toàn mãn nguyện nếu họ để cho tôi sống theo cái cách lặng lẽ của riêng mình.”

“Bằng tiền của người khác.”

“Đúng vậy. Như thế thật đơn giản. Nhưng thôi, tôi đùa đấy, còn ông chắc chắn đang vội. Vậy hãy đi thẳng vào vấn đề nào, Ganimard. Vì đâu tôi hân hạnh được có buổi viếng thăm này?”

“Vì vụ nhà Cahorn.” Ganimard thẳng thắn nói.

“À! Hăng hượm. Ông biết là tôi đã làm bao nhiêu vụ! Trước hết, hãy để tôi mừng tượng lại vụ này... À! Phải, bây giờ thì tôi nhớ ra rồi. Vụ nhà Cahorn, lâu đài Malaquis, trên sông Seine... Hai bức tranh của Rubens, một của Watteau, và vài thứ lặt vặt khác.”

“Lặt vặt ư?”

“Ôi trời, tất cả những thứ đó đáng mấy đâu. Nhưng chỉ cần biết ông quan tâm đến vụ này là đủ. Tôi có thể giúp gì ông đây, Ganimard?”

“Liệu tôi có phải giải thích các bước mà nhà chức trách đã thực hiện không?”

“Thôi khỏi. Tôi đọc báo rồi, và tôi xin nói toẹt ra là các ông hầu như chưa đi đến đâu cả.”

“Và đó chính là lý do tại sao tôi tới thăm anh.”

“Tôi sẵn sàng phục vụ ông.”

“Đầu tiên, vụ nhà Cahorn do anh làm?”

“Từ A đến Z.”

“Cả lá thư cảnh báo? Cả bức điện?”

“Tất cả đều do tôi thực hiện. Tôi hẳn vẫn giữ biên lai đâu đây thôi.”

Arsène Lupin mở ngăn kéo chiếc bàn gỗ sơn trắng giản dị. Chiếc bàn cùng với chiếc giường và chiếc ghế đầu là toàn bộ nội thất trong buồng giam này. Anh ta lấy từ ngăn kéo ra hai mẫu giấy, đưa cho Ganimard.

Viên thám tử thốt lên ngạc nhiên. “Tôi cứ nghĩ là anh bị canh gác

nghiêm ngặt và lục soát kĩ lưỡng lắm cơ, thế mà tôi thấy anh vẫn đọc báo và lấy được biên lai bưu điện.”

“Chà! Cái đám này ngu ngốc lắm! Bọn họ tháo cả lớp lót áo vest của tôi, khám cả đế giày của tôi, gõ khắp bốn bức tường buồng giam này, nhưng bọn họ không bao giờ hình dung ra rằng Arsène Lupin lại đại dốt chọn những chỗ cất giấu đơn giản đến thế?”

Ganimard cười to, nói: “Anh mới khôi hài làm sao! Thực sự, anh khiến tôi bối rối. Nhưng thôi, thuật lại vụ nhà Cahorn cho tôi nghe đi.”

“Ồ!Ồ! Không phải vội vã như vậy chứ! Ông luôn luôn đoạt hết tất cả các bí mật của tôi, vạch trần tất cả các mảnh khoe của tôi. Đó là việc rất nghiêm trọng.”

“Có phải tôi đã nhầm khi tin anh sẽ chiêu lòng tôi?”

“Không, Ganimard, và vì ông đã khẳng khẳng muốn nghe thì...”

Arsène Lupin đi xung quanh buồng giam hai, ba vòng, rồi dừng lại trước mặt Ganimard, hỏi: “Ông nghĩ thế nào về lá thư tôi gửi ngài Nam tước?”

“Tôi nghĩ anh đã giải khuây bằng cách thu hút sự chú ý của công chúng.”

“Ồ! Thu hút sự chú ý của công chúng! Nào, Ganimard, tôi cứ nghĩ ông hiểu về tôi hơn cơ. Liệu tôi, Arsène Lupin, có khi nào lại lãng phí thời gian vào những trò trẻ con như thế không? Liệu tôi có tốn công đi viết lá thư đó nếu như tôi có thể cướp của ngài Nam tước mà chẳng cần viết lách gì cả? Tôi muốn ông hiểu rằng lá thư đó là một phần thiết yếu, là động cơ vận hành toàn bộ bộ máy. Bây giờ thì chúng ta hãy cùng thảo luận về kế hoạch

cướp tòa lâu đài Malaquis. Ông sẵn sàng rồi chứ?”

“Sẵn sàng rồi, hãy tiếp tục đi!”.

“Nào, giả sử có một tòa lâu đài được phòng thủ kỹ lưỡng như tòa lâu đài của Nam tước Cahorn. Tôi sẽ từ bỏ mọi kế hoạch, từ bỏ những món đồ quý giá mà tôi hằng thèm muốn chẳng, chỉ vì khó có thể đột nhập vào tòa lâu đài chứa những món đồ đó?”

“Hiển nhiên là không.”

“Tôi nên cần đầu một toán cướp táo tợn tấn công tòa lâu đài như trong chuyện ngày xưa ngày xưa chẳng?”

“Làm vậy thật ngớ ngẩn.”

“Liệu tôi có thể lén lút hay dùng thủ đoạn gì để lọt vào tòa lâu đài?”

“Không thể nào.”

“Vậy tôi chỉ còn một cách duy nhất. Tôi phải làm sao cho chính ông chủ tòa lâu đài mời tôi vào.”

“Đó chắc chắn là một cách sáng tạo.”

“Và mới dễ dàng làm sao! Giả sử một ngày, ông chủ tòa lâu đài nhận được lá thư cảnh báo rằng tên trộm khét tiếng tên là Arsène Lupin đang âm mưu cướp của ông ta. Ông ta sẽ làm gì?”

“Gửi thư tới viên Phó Chương lý.”

“Và viên Phó Chương lý sẽ cười nhạo ông ta, vì Arsène Lupin kia thực tế đang ở trong tù. Rồi, trong tình trạng bần khổ, lo sợ, kẻ khờ khạo đó sẽ tìm kiếm sự giúp đỡ ở người đầu tiên ông ta cho là đáng tin cậy, phải không?”

“Rất có thể.”

“Và nếu ông ta vô tình đọc được trên một tờ báo địa phương rằng một vị thám tử lừng danh đang đi nghỉ ở thị trấn bên cạnh...”

“Ông ta sẽ tìm đến chỗ vị thám tử đó.”

“Tất nhiên. Nhưng, mặt khác, hãy cho rằng, tiên lượng được tình hình, Arsène Lupin kia đã đề nghị một người bạn tới Caudebec, làm quen với tay biên tập tờ *Caudebec thức giấc*, tờ báo mà ngài Nam tước đặt mua dài hạn, và làm cho tay biên tập tưởng đó là vị thám tử lừng danh... Rồi, chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Tay biên tập kia sẽ cho đăng trên tờ *Caudebec thức giấc* thông tin về sự hiện diện của vị thám tử lừng danh ở Caudebec.”

“Chính xác, và một trong hai khả năng sau sẽ xảy ra: Hoặc con cá – ý tôi là Nam tước Cahorn – sẽ không cắn câu, và sẽ chẳng có gì xảy ra tiếp theo cả, hoặc, khả năng cao hơn, ông ta sẽ lao đến đón vội đón vàng miếng mồi. Thế rồi, hãy xem Nam tước Cahorn của tôi van xin một người bạn của tôi giúp đỡ để chống lại tôi.”

“Thật là sáng tạo!”

“Tất nhiên, viên thám tử giả mạo lúc đầu không nhận lời. Chưa hết, Arsène Lupin lại bĩu thêm một bức điện. Ngài Nam tước đã quá hoảng sợ tức tốc tìm đến người bạn của tôi lần nữa, đề nghị trả khoản tiền lớn để được giúp đỡ. Người bạn của tôi chấp nhận, và gọi hai chiến hữu trong băng chúng tôi tới. Đêm hôm ấy, khi Cahorn được vị *thám tử* trông chừng cẩn thận, chính hai người này đã chuyển các món đồ qua cửa sổ, đưa bằng dây thừng xuống một chiếc tàu nhỏ nhưng chắc chắn thuê riêng cho

vụ này. Quá đơn giản, phải không?”

“Tuyệt vời! Tuyệt vời!” Ganimard thốt lên. “Sự táo bạo trong kế hoạch và sự khéo léo trong từng chi tiết thật không chê vào đâu được. Nhưng vị thám tử nào mà danh tiếng đã đóng vai trò là viên nam châm hút ngài Nam tước mắc bẫy vậy?”

“Trên đời này chỉ có một cái tên có khả năng đó – chỉ có duy nhất một.”

“Và đó là?”

“Kẻ thù không đội trời chung của Arsène Lupin – Ganimard lừng lẫy nhất.”

“Tôi ư?”

“Chính ông, Ganimard. Và thực sự chuyện này rất buồn cười. Nếu ông đến đó, và nếu ngài Nam tước quyết định cung cấp lời khai, thì ông sẽ rơi vào tình thế phải làm nhiệm vụ bắt giữ chính mình, y như ông đã bắt giữ tôi ở Mỹ ấy. Ấy da! Cú phục thù này thực sự buồn cười quá: Tôi đã khiến Ganimard phải bắt giữ Ganimard.”

Arsène Lupin cười phá lên ha hả. Viên thám tử cắn môi hết sức tức tối. Đối với ông ta, trò đùa này hoàn toàn chẳng có gì là hài hước. Sự xuất hiện của gã gác ngục cho Ganimard cơ hội để trấn tĩnh lại. Gã mang bữa trưa, do một nhà hàng gần đó chuẩn bị cho Arsène Lupin. Sau khi đặt khay thức ăn lên bàn, gã gác ngục rút lui. Lupin bẻ bánh mì, ăn mấy miếng nhỏ, rồi tiếp tục: “Nhưng, yên tâm đi, Ganimard thân mến của tôi, ông sẽ không đến lâu đài Malaquis. Tôi có thể cho ông biết một điếu khiến ông kinh ngạc đấy: Vụ nhà Cahorn sắp sửa được dàn xếp xong xuôi rồi.”

“Xin lỗi, tôi vừa gặp Trưởng ban Thám tử mà.”

“Thế thì sao? Ngài Dudouis liệu có thể biết về việc tôi làm hơn tôi được không? Ông sẽ thấy là Ganimard – à, tôi xin lỗi – ý tôi là Ganimard giả mạo vẫn đang có sự phối hợp rất tốt với ngài Nam tước. Ngài Nam tước đã ủy quyền cho anh ta thực hiện những thương lượng cực kỳ tế nhị với tôi. Và, hiện tại, sau khi cân nhắc một khoản tiền thích đáng, các bức tranh cũng như các tài sản quý giá khác của ngài Nam tước chắc đã được trao trả rồi. Đổi lại, ngài sẽ rút đơn kiện. Như thế sẽ chẳng còn vụ trộm nào nữa, và luật pháp sẽ phải bỏ qua vụ việc này thôi.”

Ganimard nhìn người tù vẻ hoang mang. “Làm thế nào mà anh biết tất cả vậy?”

“Tôi vừa nhận được điện xong.”

“Anh vừa nhận được một bức điện à?”

“Chính lúc này đây, ông bạn thân mến. Vì lịch sự, tôi không muốn đọc nó ngay trước mặt ông. Nhưng nếu ông cho phép thì...”

“Anh đang đùa, Lupin.”

“Ông bạn thân mến, nếu ông không phiến đập quả trứng kia ra, tự ông sẽ thấy là tôi không hề đùa.”

Ganimard làm theo như một cái máy, dùng lưỡi dao đập vỡ vỏ trứng. Ông ta thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên. Bên trong vỏ trứng chẳng có gì ngoài một tờ giấy nhỏ màu xanh lơ. Theo yêu cầu của Arsène, ông ta mở tờ giấy ra. Đó đúng là một bức điện, hay nói chính xác hơn là một phần của một bức điện, phần đóng dấu bưu điện đã bị xé mất. Nội dung như sau:

Hộp đ ồng đã kết thúc. Đã nhận một trăm ngàn bóng. Mọi việc đ ầu
ổn thỏa.

“Một trăm ngàn bóng à?” Ganimard hỏi.

“Phải, một trăm ngàn franc. Quá ít, cơ mà, ông biết đây, đang h ời khó
khăn... Và tôi có một số hóa đơn to ti ền phải thanh toán. Giá ông hiểu
được hoàn cảnh tài chính của tôi... Cuộc sống ở thành phố rất đắt đỏ.”

Ganimard đứng dậy. Vẻ hài hước gượng gạo biến mất trên khuôn mặt.
Ông ta nghĩ ngợi một lát, thoáng soát lại toàn bộ vụ việc nhằm phát hiện
một sơ hở. R ồi, với giọng điệu và cung cách bộc lộ rõ sự ngưỡng mộ dành
cho người tù, ông ta nói: “May thay, không có cả tá những kẻ như anh bắt
chúng tôi đương đ ầu, chứ có thì chúng tôi đến phải giải tán công việc đ ầu
tra này mất.”

Arsène Lupin ra vẻ khiêm nhường, đáp: “Chà! Người ta phải có trò gì
tiêu khiển để giết thời gian chứ, nhất là khi người ta đang ở trong tù.”

“Hả?” Ganimard thốt lên. “Phiên tòa sắp sửa xử anh, việc biện hộ cho
anh, việc khám xét – như thế chưa đủ làm anh bận tâm ư?”

“Chưa, vì tôi đã quyết định sẽ không có mặt tại tòa.”

“Ồ! Ồ!”

Arsène Lupin quả quyết nhắc lại: “Tôi sẽ không ra h ầu tòa.”

“Thật sao?”

“Ồ! Ông bạn thân mến của tôi, ông cho rằng tôi định chết d ần chết mòn
trong tù? Ông đang xúc phạm tôi đấy. Arsène Lupin ng ời tù bao lâu là do
anh ta muốn, còn không thì sẽ không thêm một giây phút nào.”

“Nếu anh tránh được phải vào tù thì có lẽ là thận trọng và khôn ngoan hơn.” Viên thám tử mĩa mai nói.

“Ồ! Ông giễu cợt ư? Ông nên nhớ ông đã có cái vinh dự được bắt tôi. Thế thì, ông bạn quý hóa của tôi ơi, ông nên biết rằng, không một ai, kể cả ông, có thể động đến tôi nếu đúng vào thời điểm mang tính quyết định đó, lại chẳng có một việc quan trọng hơn nữa khiến tôi tập trung chú ý.”

“Anh làm tôi sửng sốt đấy.”

“Một người con gái lúc ấy đang nhìn tôi, Ganimard, và tôi yêu nàng. Ông có thực sự hiểu đi đâu đó có ý nghĩa như thế nào không: trong tâm mắt của người con gái mà mình yêu? Trên đời này, tôi chẳng bận tâm đến đi đâu gì khác ngoài đi đâu đó. Và đó là lý do tại sao tôi ở đây.”

“Cho phép tôi nói đi đâu này: Anh ở đây lâu rồi đấy.”

“Đầu tiên, tôi muốn lãng quên đi. Xin đừng cười, đó quả là một cuộc phiêu lưu hạnh phúc và đến bây giờ vẫn là một kỷ ức dịu dàng trong tôi. Hơn nữa, tôi bị suy nhược thần kinh. Cuộc sống ngày nay thật quá náo động, người ta đôi lúc cũng cần liệu pháp nghỉ ngơi, và tôi thấy cái chốn này là phương thuốc thần diệu đối với hệ thần kinh đang mệt mỏi.”

“Arsène Lupin, suy cho cùng, anh chẳng phải một thằng tởm.”

“Cảm ơn ông.” Lupin nói. “Ganimard, hôm nay là thứ Sáu. Thứ Tư tuần sau, vào lúc bốn giờ chiều, tôi sẽ cùng hút xì gà với ông ở nhà ông trên đường Pergolèse.”

“Arsène Lupin, tôi sẽ chờ anh.”

Họ bắt tay như những người bạn cũ luôn luôn trân trọng giá trị đích thực của nhau, rồi viên thám tử bước ra cửa.

“Ganimard!”

“Gì vậy?” Ganimard ngoái lại, hỏi. “Ông để quên đồng hồ này.”

“Đồng hồ của tôi?”

“Đúng vậy, nó đi lạc vào túi tôi.”

Lupin trả lại đồng hồ và xin lỗi.

“Xin thứ lỗi cho tôi... một thói quen xấu. Việc bọn họ đã lấy đồng hồ của tôi không phải là lý do để tôi lại lấy đồng hồ của ông. Hơn nữa, tôi có cái đồng hồ bấm giờ ở đây rồi, như thế cũng đủ để tôi hài lòng.”

Lupin lấy từ trong ngăn kéo ra một chiếc đồng hồ vàng gắn sợi xích lớn nặng trĩu.

“Anh móc được từ túi ai vậy?” Ganimard hỏi.

Arsène Lupin liếc nhanh những chữ cái đầu khắc trên chiếc đồng hồ.

“J. B... Là tên khốn nào nhỉ?... À! Phải, tôi nhớ ra rồi. Jules Bouvier, viên thám phán chỉ đạo đi đầu tra tôi. Một con người lịch thiệp!...”



Arsène Lupin trốn thoát



Arsène Lupin vừa ăn xong và lấy từ túi áo ra điều xì gà hảo hạng viền vàng. Anh ta đang ngắm nghía điều xì gà kĩ lưỡng một cách khác thường thì cửa buồng giam bật mở. Anh ta chỉ kịp ném điều xì gà vào ngăn kéo và rời khỏi chỗ chiếc bàn. Gã gác ngục bước vào. Đã đến giờ tập thể dục.

“Tôi đang chờ anh đây, anh bạn thân mến.” Lupin kêu lên với vẻ hài hước quen thuộc.

Cả hai cùng rời khỏi buồng giam. Ngay khi họ vừa đi khuất sau chỗ quẹo ngoài hành lang, hai người đàn ông bước vào và bắt đầu khám xét kĩ lưỡng. Một người là thanh tra viên Dieuzy, người kia là thanh tra viên Folenfant. Họ muốn xác minh mỗi ngờ vực rằng Arsène Lupin vẫn đang liên lạc với đồng bọn bên ngoài nhà tù. Buổi tối hôm trước, tờ *Tap chí Grand* đã đăng những dòng thư gửi phóng viên tòa án của họ như sau:

Thưa ông, trong một bài báo gần đây, ông đã đề cập tới tôi bằng

những lời lẽ hết sức không phù hợp. Trước phiên tòa xử tôi vài ngày, tôi sẽ yêu cầu ông phải giải thích. Arsène Lupin.

Chữ viết tay trong thư chắc chắn là của Arsène Lupin. Từ đó có thể suy ra rằng anh ta vẫn gửi được thư đi, và, không còn nghi ngờ gì nữa, vẫn nhận được thư đến. Chắc chắn anh ta đang chuẩn bị cho cuộc đào tẩu mà chính anh ta đã ngạo mạn công bố.

Tình hình đã trở nên không chấp nhận được. Phối hợp cùng thẩm phán đi điều tra, Trưởng ban Thám tử Dudouis đã đến nhà tù hướng dẫn cho viên cai ngục các biện pháp phòng ngừa cần thiết, nhằm canh gác cẩn mật Lupin. Đồng thời, ông ta cử hai nhân viên đến khám xét buồng giam. Họ cạy từng viên đá, lục soát giường ngủ, làm tất cả những việc mà trong trường hợp như thế này người ta vốn vẫn làm, nhưng không phát hiện được gì. Họ sắp sửa dừng khám xét thì gã gác ngục vội vã bước vào, nói: “Ngăn kéo... Hãy kiểm tra ngăn kéo bàn. Lúc này, khi tôi bước vào, hắn đang đóng nó lại.”

Họ mở ngăn kéo, và Dieuzy reo lên: “A! Lần này thì chúng ta tóm cổ được hắn rồi.”

Folenfant ngăn anh ta lại. “Hẵng khoan. Sếp sẽ muốn kiểm kê các món đây.”

“Đây là một điều xì gà hảo hạng.”

“Để nguyên nó đó, và báo cáo sếp đi!”

Hai phút sau, Dudouis có mặt, trực tiếp khám xét ngăn kéo. Đầu tiên, ông ta tìm thấy một xấp các bài báo cắt ra từ tờ *Thông tấn Argus*, tất cả đều liên quan tới Arsène Lupin, rồi một hộp đựng thuốc lá, một cái tẩu, vài

tờ pelure, hai cuốn sách. Ông ta đọc đầu đề hai cuốn sách. Một cuốn là *Sùng bái anh hùng*, bản tiếng Anh, của Carlyle, còn cuốn kia là *Sở tay Épictète*®, in kiểu chữ elzéiro® uyển chuyển, đóng bìa theo phong cách hiện đại, xuất bản bằng tiếng Đức tại Leyde năm 1634. Kiểm tra hai cuốn sách, ông ta thấy trang nào cũng có gạch chân đánh dấu và ghi chú. Đó là mật mã trao đổi thông tin, hay đó đơn giản là sự thể hiện tính siêng năng của người đọc? Rồi ông ta kiểm tra hộp đựng thuốc lá và cái tủ. Cuối cùng, ông ta cần điều gì gà hạo hạng vì lên vàng lên xem.

“Ghe chưa!” Dudouis thốt lên. “Anh bạn của chúng ta xài xì gà sang đây. Đây là hiệu Henri Clay.”

Bằng một động tác máy móc của người thường xuyên hút thuốc, Dudouis giơ điều xì gà lên ngang tai, vặn mạnh để bẻ gãy nó. Ông ta ngay lập tức thốt ra tiếng kêu ngạc nhiên. Lực của những ngón tay ông ta khiến điều xì gà oằn lại. Ông ta xem xét điều xì gà kĩ lưỡng hơn, nhanh chóng phát hiện có cái gì đó trắng trắng nằm giữa những lá thuốc. Nhẹ nhàng, khéo léo, ông ta dùng nhíp kéo ra một tờ giấy được cuộn rất nhỏ, chỉ nhỉnh hơn que tăm chút ít. Đó là một bức thư. Ông ta mở bức thư ra, chữ viết của phụ nữ, nội dung như sau:

Chiếc rổ đó đã thay thế những chiếc rổ khác. Tám trên tổng số mười đã sẵn sàng. Đẩy chân phía ngoài thì đĩa sẽ rơi xuống. Từ mười hai đến mười sáu hằng ngày, M-L sẽ đợi. Nhưng đợi ở đâu đây? Trả lời ngay nhé! Yên tâm nhé, bạn anh đang dõi theo anh.

Dudouis nghĩ ngợi một lát, rồi nói: “Khá rõ ràng... chiếc rổ... tám ngăn... Từ mười hai đến mười sáu nghĩa là từ mười hai giờ trưa đến bốn

giờ chiều.”

“Nhưng M-L sẽ chờ là sao?”

“M-L ắt ám chỉ chiếc xe hơi. M-L, mã lực, là cách người ta nói đến công suất động cơ. Một chiếc hai mươi tư M-L là một chiếc xe hơi với động cơ hai mươi tư mã lực.”

R ấ Dudouis đứng lên, hỏi: “Tù nhân đã ăn sáng xong chưa?”

“R ấ ạ.”

“Và tình trạng của điều xì gà chứng tỏ rằng hấn chưa kịp đọc lời nhắn, do đó chắc hấn vừa mới nhận được thôi.”

“Bằng cách nào ạ?”

“Trong thức ăn mang vào cho hấn. Có lẽ là giấu trong bánh mì hoặc khoai tây.”

“Không thể nào. Thức ăn được phép mang vào cho hấn chẳng qua nhằm mục đích bẫy hấn, nhưng chúng ta cũng chưa bao giờ tìm thấy cái gì.”

“Tối nay chúng ta sẽ chờ câu trả lời của Lupin. Giữ chân hấn ở ngoài kia thêm lúc nữa. Tôi sẽ đem bức thư này đến chỗ thẩm phán đi đầu tra, và, nếu ông ấy nhất trí, chúng ta sẽ ngay lập tức chụp lại bức thư. Trong vòng một tiếng đồng hồ, các anh có thể nhét lại bức thư vào một điều xì gà tương tự điều xì gà này, bỏ lại vào ngăn kéo kia. Không được để tù nhân có mảy may nghi ngờ gì.”

Đến tối, Dudouis tò mò quay lại nhà tù, có thanh tra viên Dieuzy tháp tùng. Trong góc, ba chiếc đĩa trống trơn xếp trên tróc bếp lò.

“Hắn ăn xong rồi à?”

“Vâng ạ.” Gã gác ngục trả lời.

“Dieuzy, hãy cắt vụn chỗ mì ống ra, và rạch chiếc bánh mì tròn ra nữa... Không có gì ư?”

“Không có gì, thưa sếp.”

Dudouis xem xét mấy chiếc đĩa, cái đĩa, cái thìa, và con dao – một con dao bình thường, lưỡi tù. Ông ta vặn cán dao hết sang bên trái lại sang bên phải. Cán dao oằn xuống, lưỡi tuột hẳn ra. Cán dao rỗng, bên trong giấu một tờ giấy.

“Ha!” Dudouis nói. “Thế này chả có vẻ gì là thông minh lắm đối với một kẻ như Arsène Lupin nhỉ. Nhưng chúng ta không được để mất chút thời gian nào. Dieuzy, cậu hãy ngay lập tức đi khám xét cái nhà hàng kia đi.”

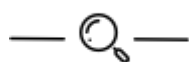
Rồi Dudouis đọc lời nhắn:

Tôi tin tưởng anh, M-L hằng ngày cứ bám theo ở xa xa. Tôi sẽ bắt đầu hành động. Tạm biệt, bạn thân mến.

“Cuối cùng thì...” Dudouis reo lên, xoa xoa hai bàn tay với vẻ hân hoan. “Tôi nghĩ chúng ta đã nắm được vụ này trong lòng bàn tay rồi. Nếu chúng ta trù tính cẩn thận một chút, cuộc tẩu thoát sẽ thành công cho tới lúc đồng đảng của hắn bị chụp gọn.”

“Nhưng nếu Arsène Lupin vẫn vượt khỏi tay ngài thì sao?” Gã gác ngục hỏi.

“Chúng ta có đủ người để đảm bảo việc đó sẽ không xảy ra. Tuy nhiên, nếu hắn thể hiện rằng hắn quá ranh mãnh thì, chà, còn nhiều hiểm họa hơn đang đợi hắn! Về bằng đảng của hắn, một khi kẻ cần đầu không chịu khai báo, những kẻ khác phải mở miệng thôi.”



Và, thực tế, Arsène Lupin hầu như chẳng có gì mà khai báo. Trong vòng vài tháng liền, thẩm phán đi điều tra Jules Bouvier nỗ lực một cách vô ích. Cuộc đi điều tra đã biến thành những cuộc tranh luận nhặt nhẻo giữa thẩm phán đi điều tra và luật sư bào chữa Maître Danval, một trong những người đứng đầu giới luật sư. Thi thoảng, giữ phép lịch sự, Arsène Lupin cũng nói gì đó. Một hôm, anh ta nói: “Vâng, thưa ngài thẩm phán, tôi hoàn toàn đồng ý với ngài: Vụ cướp tại Ngân hàng Crédit Lyonnais, vụ trộm đường Babylone, vụ làm tiền giả, các vụ đột nhập vào lâu đài Armesnil, lâu đài Gouret, Imblevain, Groselliers, Malaquis, tất cả đều là sản phẩm của tôi, thưa ngài, đều do tôi thực hiện hết.”

“Vậy anh hãy giải thích cho tôi...”

“Chả để làm gì. Tôi thú nhận tất cả một thể, tất cả và thậm chí gấp mười lần số vụ mà ngài đã được biết.”

Quá mệt mỏi vì những buổi thẩm vấn không đem đến kết quả, viên thẩm phán tạm ngừng công việc, nhưng lại tiếp tục sau khi được đưa cho xem hai lời nhắn kia. Và đầu đặn hằng ngày vào buổi trưa, xe tù chở

Arsène Lupin cùng một số tù nhân khác tới Sở Cảnh sát. Bọn họ sẽ quay lại buồng giam khoảng ba hay bốn giờ chiều.

Tuy nhiên, một buổi chiều, chuyến trở về này không giống bình thường. Những tù nhân khác vẫn chưa được thăm vấn xong thì người ta đã quyết định đưa Arsène Lupin quay lại buồng giam trước, vì thế anh ta bỗng đứng thấy chỉ có mình mình trong xe.

Xe tù, gọi một cách thông tục là *paniers à salade* – tức *rổ xà lách* – được chia đôi theo chiều dọc với lối đi giữa, mỗi bên lối đi có năm ngăn chồng lên nhau. Mỗi ngăn thấp tới mức chỉ vừa tư thế ngối, và, vì thế, năm tù nhân coi như người này ngối trên đầu người kia, nhưng có các tấm ván ngăn cách. Một vệ binh thành phố đứng gác một đầu lối đi.

Arsène Lupin được đẩy vào ngối ở ngăn thứ ba bên tay phải, và chiếc xe nặng nề xuất phát. Anh ta thận trọng tính toán quãng đường để xem khi nào thì xe rời khỏi cầu tàu Horloge, khi nào thì xe đi qua cung điện Công Lý. Rồi, khi xe đi đến giữa cầu Saint-Michel, anh ta dùng chân phía ngoài, tức là chân phải, đẩy mạnh cánh cửa sắt tròn. Lập tức có tiếng kêu đánh *cách*, cánh cửa sắt tròn bật ra. Anh ta xác định được rằng ngăn anh ta đang ngối ở vị trí giữa hai bánh xe hơi.

Anh ta chờ đợi, trong trạng thái cảnh giác cao độ. Chiếc xe từ từ di chuyển dọc theo đại lộ Saint-Michel. Nó dừng lại ở góc giao với đại lộ Saint-Germain. Một con ngựa kéo to tướng quy ngã giữa đường. Giao thông bị gián đoạn, một đám xe ngựa bốn bánh và xe ngựa chở khách hai tầng tắc nghẽn ở đó. Arsène Lupin nhìn ra. Một chiếc xe tù nữa đỗ gần chiếc xe nhất anh ta. Anh ta đẩy cho cánh cửa mở rộng hơn, đặt bàn chân vào nan hoa bánh xe, nhảy xuống đất. Một người đánh xe ngựa nhìn thấy

anh ta, liền phá ra cười và gào lên, rồi cố gắng gào to hơn thông báo có tù trốn, nhưng tiếng gào ấy mất hút trong tiếng xe cộ bắt đầu âm âm tiếp tục di chuyển. Mà Arsène Lupin cũng đã ở tận đằng xa rồi.

Anh ta chạy vài bước, nhưng khi lên đến vỉa hè, anh ta quay người nhìn xung quanh. Trông có vẻ như anh ta đang đánh hơi giống một người chưa biết nên đi theo hướng nào. Rồi, sau khi quyết định, anh ta đút hai tay vào túi quần với vẻ lơ đãng của một kẻ đang nhàn tản bách bộ. Anh ta đi lên đầu đại lộ. Đó là một ngày mùa thu nắng vàng rực rỡ và ấm áp, các quán cà phê đông nghịt. Anh ta ngồi ngoài hiên một quán, gọi một cốc bia đen và một bao thuốc lá. Anh ta chậm rãi uống cạn cốc bia, hút hết điếu thuốc và châm điếu thứ hai. Rồi anh ta yêu cầu bồi bàn gọi chủ quán ra cho anh ta gặp. Khi chủ quán xuất hiện, anh ta to giọng nói với ông ta, đủ để tất cả mọi người trong quán đều nghe thấy: “Thưa ông, tôi rất lấy làm tiếc phải nói điếu này, rằng hôm nay tôi quên mất ví. Nhưng có thể, nhờ uy tín của tên tôi, ông sẽ vui lòng cho tôi khất nợ vài ngày. Tôi là Arsène Lupin.”

Chủ quán nhìn anh ta, nghĩ anh ta đang đùa. Nhưng anh ta nhắc lại: “Lupin, bị giam giữ ở nhà tù Santé, nhưng bây giờ đã trốn thoát. Tôi mạo muội nghĩ cái tên tôi gây được ở ông niềm tin tưởng trọn vẹn.”

Anh ta bước đi giữa tiếng cười ha hả của các vị khách khác, còn chủ quán thì đứng sững sờ vì kinh ngạc.

Lupin đi bộ dọc theo phố Soufflot, rồi rẽ vào phố Saint Jacques. Anh ta cứ đi chậm rãi, vừa đi vừa hút thuốc và ngắm nghía các ô kính cửa hàng, cửa hiệu. Đến đại lộ Căng Hoàng gia, anh ta xác định phương hướng, nhận ra mình đang đứng ở đâu, rồi bước về phía phố Santé. Trước mặt anh ta lúc bấy giờ là những bức tường nhà tù tăm tối. Anh ta kéo mũ ra đằng

trước cho cân đối với khuôn mặt, rồi tiến đến gần gã gác cổng, hỏi: “Đây là nhà tù Santé phải không?”

“Đúng vậy.”

“Tôi muốn quay lại buồng giam của mình. Xe tù bỏ quên tôi trên đường, và tôi không lợi dụng hoàn cảnh để...”

“Thôi nào, anh bạn trẻ, đi đi... nhanh lên!” Gã gác cổng gầm gừ.

“Xin lỗi, nhưng tôi phải đi qua cái cổng này. Và nếu anh ngăn cản Arsène Lupin quay lại nhà tù thì anh sẽ phải trả giá đắt đấy, anh bạn.”

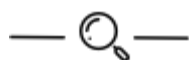
“Arsène Lupin ư? Anh đang nói cái gì vậy?”

“Rất tiếc tôi không có danh thiếp ở đây.” Arsène Lupin nói trong khi lục lọi khắp các túi quần, túi áo.

Gã gác cổng sững sờ nhìn anh ta từ đầu đến chân. Rồi, chẳng nói chẳng rằng, gã bấm chuông. Cánh cổng sắt hé mở, và Arsène Lupin bước vào. Gần như ngay tức khắc, anh ta chạm trán tay cai ngục đang khua tay múa chân, giả vờ như trong cơn cuồng nộ. Arsène Lupin mỉm cười, nói: “Thôi nào, thưa ngài, đừng chơi trò đó với tôi. Sao? Họ đã đề phòng bằng cách cho tôi đi một mình một xe, sửa soạn sẵn một sự cản trở hay ho nho nhỏ, và tưởng tượng rằng tôi sẽ cao chạy xa bay, vênh nộ với các anh em chiến hữu. Chà, thế cái đám khoảng hai mươi nhân viên Ban Thám tử kẻ đi bộ, kẻ đi xe ngựa hộ tống chúng tôi thì sao? Không, tôi không hài lòng với cách bố trí đó. Tôi đáng lẽ chẳng được sống sót thoát thân đâu. Thưa ngài, ngài hãy nói cho tôi biết bọn họ có hy vọng đi đâu ấy không?”

Arsène Lupin nhún vai, nói thêm: “Thưa ngài, tôi xin ngài khỏi phải lo lắng về tôi. Một khi tôi muốn trốn, tôi sẽ không yêu cầu bất cứ sự hỗ trợ

nào.”



Hai ngày sau, tờ *Tiếng vang nước Pháp*, tờ báo xem ra đã trở thành người đưa tin chính thức cho các chiến tích của Arsène Lupin và có lời đồn đại rằng anh ta thuộc số các cô đồng chủ chốt tại đây, đăng một bài hết sức chi tiết, đầy đủ về vụ tẩu thoát hụt. Từng từ ngữ chính xác trong những bức thư trao đổi giữa tù nhân và người bạn bí ẩn bên ngoài, cách thức họ trao đổi thông tin, tội đồng lõa của cảnh sát, cuộc dạo chơi trên đại lộ Saint-Michel, sự việc ở quán cà phê Soufflot, tất cả đều được tiết lộ. Người ta được biết cuộc khám xét cái nhà hàng khả nghi và đám bồi bàn do thanh tra viên Dieuzy tiến hành chẳng đem đến kết quả gì cả. Công chúng còn được biết một điếu phi thường, thể hiện nguồn lực vô hạn mà Lupin sở hữu: Chiếc xe tù, chiếc xe đã chở anh ta, được các chiến hữu của anh ta chuẩn bị riêng cho sự kiện hôm đó, thế chỗ một trong số sáu chiếc xe vốn vẫn phục vụ nhà tù.

Ai nấy đều chắc chắn rằng Arsène Lupin sẽ thực hiện vụ tẩu thoát tiếp theo. Đích thân anh ta tuyên bố bằng lời lẽ hoàn toàn rõ ràng, rành mạch khi trả lời thẩm phán Bouvier một ngày sau vụ tẩu thoát hụt. Viên thẩm phán tỏ ý giễu cợt đối với vụ việc, khiến Arsène Lupin cảm thấy khó chịu, và, nhìn chằm chằm vào viên thẩm phán, anh ta nói một cách dứt khoát: “Thưa ngài, ngài hãy nghe đây! Tôi xin cam đoan rằng vụ thử bỏ chạy vừa

rồi chỉ đơn giản là bước mở màn cho toàn bộ kế hoạch tẩu thoát của tôi thôi.”

“Tôi không hiểu anh đang nói gì.” Viên thẩm phán đáp lại.

“Ngài không nhất thiết phải hiểu.”

Và khi viên thẩm phán, xem xét lại những gì được đăng dài dằng dặc trên tờ *Tiếng vang nước Pháp*, muốn tiếp tục việc đi đầu tra, thì Arsène Lupin thốt lên, ra vẻ mệt mỏi: “Ôi trời, ôi trời, có ích gì chứ! Tất cả những câu hỏi thẩm vấn này nào có quan trọng gì!”

“Sao? Không quan trọng gì ư?” Viên thẩm phán hét lên.

“Không, vì tôi sẽ không ra h ầu tòa.”

“Anh sẽ không ra h ầu tòa?”

“Đúng vậy, tôi đã quyết định dứt khoát rồi, và không gì làm tôi thay đổi ý định được.”

Sự quả quyết như vậy, cộng với những sơ hở, hớ hênh khó có thể giải thích của Arsène Lupin mỗi ngày, khiến những nhân viên thực thi pháp luật vừa hoang mang vừa bức bối. Có những bí mật chỉ Arsène Lupin mới biết, có những bí mật chỉ anh ta mới có thể tiết lộ. Nhưng anh ta tiết lộ những đi ầu đó để làm gì? Và bằng cách nào?

Arsène Lupin bị đưa đến một buồng giam khác. Viên thẩm phán kết thúc quá trình đi ầu tra sơ bộ. Trong vòng hai tháng, ông ta không tiến hành thêm bất kỳ thủ tục gì, và trong khoảng thời gian đó, h ầu như lúc nào người ta cũng thấy Arsène Lupin chỉ nằm dài trên giường, quay mặt vào tường. Việc bị đổi buồng giam có vẻ khiến anh ta ngã lòng. Anh ta từ chối gặp luật sư bào chữa. Anh ta chỉ trao đổi một vài lời khi cần thiết với

những gã gác ngục.

Nửa tháng trước phiên tòa, Lupin hoạt bát trở lại. Anh ta muốn được hít thở khí trời. Vì thế, mỗi buổi sáng sớm, anh ta được phép ra sân tập thể dục, có hai người canh gác.

Công chúng chưa lúc nào nguôi tò mò, ngày ngày họ háo hức mong đợi được nghe tin tức về việc Lupin tẩu thoát, và sự thực thì họ đã dành cho anh ta rất nhiều đồng cảm bởi tính tình hăng hái, vui vẻ, hành tung phong phú, đa dạng, khả năng sáng tạo hơn người và cuộc đời bí hiểm của anh ta. Arsène Lupin phải trốn thoát. Đó là định mệnh tất yếu đối với anh ta. Công chúng mong mỗi đợi chờ, và ngạc nhiên vì việc đó bị trì hoãn lâu thế. Sáng nào ngài Cảnh sát trưởng cũng hỏi thư ký của mình: “Này, hắn đã tẩu thoát chưa?”

“Chưa ạ, thưa ngài Cảnh sát trưởng.”

“Có lẽ là ngày mai.”

Và, hôm trước ngày diễn ra phiên tòa, một quý ông ghé văn phòng tờ *Tạp chí Grand*, yêu cầu được gặp phóng viên tòa án, ném tấm danh thiếp của mình vào mặt anh ta, rồi nhanh chóng quay lưng bước đi. Trên tấm danh thiếp có viết mấy chữ như sau: “*Arsène Lupin luôn luôn giữ lời hứa.*”



Phiên tòa xét xử Arsène Lupin diễn ra trong bối cảnh như vậy. Dân chúng tụ tập tại tòa đông nghìn nghịt. Ai ai cũng muốn trông thấy mặt Arsène Lupin lừng danh. Họ hân hoan phỏng đoán trước rằng người tù sẽ thực hiện những trò chơi khăm táo bạo trước quan tòa. Các luật sư và các thẩm phán, các phóng viên và các quý ông trải đời, những nữ diễn viên xinh đẹp và đám phụ nữ thượng lưu, tất cả ng ồi chen vai thích cánh với nhau trên các băng ghế dài dành cho công chúng.

Đó là một ngày tối tăm ảm đạm, với trận mưa như trút mãi không ngừng. Cả phòng xử án có duy nhất một ngọn đèn leo lét chiếu sáng, vì thế khán giả chỉ nhìn được loáng thoáng người tù khi anh ta bị lính gác áp giải vào. Nhưng những bước chân nặng nề, lệt xệt, cái cách anh ta ng ồi phịch xuống ghế, vẻ ngoài ng ờ ngẩn, thụ động, hoàn toàn chẳng gây ấn tượng gì cả. Vài lần luật sư bào chữa cho anh ta – một trong những trợ lý của ngài Danval – trao đổi gì đó, nhưng anh ta chỉ lắc đầu, chẳng nói chẳng rằng.

Thư ký tòa đọc bản cáo trạng, rồi quan tòa hỏi: “Tù nhân trước vành móng ngựa, hãy đứng dậy. Hãy nói tên, tuổi và nghề nghiệp của anh là gì?”

Chưa được trả lời, quan tòa nhắc lại: “Tên anh là gì? Tôi hỏi tên anh là gì?”

Một giọng lè nhè, chậm chạp lắm bậm: “Baudru, Désiré.”

Tiếng xì xào ngạc nhiên râm ran khắp phòng xử án. Nhưng quan tòa vẫn tiếp tục: “Baudru, Désiré? À! Một biệt hiệu mới! Anh đã khoác cho mình hàng tá các cái tên khác nhau và cái tên này chắc chắn cũng hoang đường chẳng khác gì các cái tên khác, chúng tôi sẽ trung thành gọi anh là Arsène Lupin, cái tên mà nhiều người biết đến hơn cả.”

Quan tòa mở phần ghi chép của mình, và tiếp tục: “Mặc dù đã có các

cuộc đi đầu tra tìm kiếm kĩ lưỡng nhất, quá khứ của anh vẫn chưa được sáng tỏ. Trường hợp của anh là độc nhất vô nhị trong biên niên sử tội phạm. Chúng tôi không biết anh là ai, anh từ đâu tới, anh ra đời và lớn lên thế nào – tất cả những thông tin này đối với chúng tôi đều là ẩn số. Ba năm trước, anh xuất hiện trong xã hội chúng tôi dưới cái tên Arsène Lupin, cho chúng tôi thấy một sự kết hợp lạ lùng giữa trí thông minh và sự hư hỏng, giữa hào phóng và phóng đãng. Những gì chúng tôi biết về cuộc đời anh trước đó đều mơ hồ, thiếu chắc chắn. Có thể anh chàng mang tên Rostat, tám năm trước từng làm việc cho nhà ảo thuật Dickson, chẳng phải ai khác chính là Arsène Lupin. Có thể anh chàng sinh viên người Nga, sáu năm trước làm việc ở phòng thí nghiệm của Tiến sĩ Altier thuộc Bệnh viện Saint-Louis, người thường xuyên khiến vị Tiến sĩ phải ngở ngàng vì tính sáng tạo mỗi khi đưa ra các giả thuyết về vi khuẩn học hay mỗi khi tiến hành các thí nghiệm táo bạo đối với các bệnh về da, chẳng phải ai khác chính là Arsène Lupin. Cũng có thể Arsène Lupin chính là vị giáo sư đã giới thiệu môn Nhu thuật của Nhật Bản với người dân Paris. Chúng tôi có cơ sở để tin rằng Arsène Lupin là tay đua xe đạp đã chiến thắng trong giải Grand Prix de l'Exposition, nhận mười ngàn franc tiền thưởng, và chưa bao giờ xuất đầu lộ diện lần nữa. Ngoài ra, Arsène Lupin có thể là người đã cứu mạng sống của rất nhiều người qua cửa sổ mái Hội chợ Từ thiện, đồng thời lợi dụng hoàn cảnh đó móc túi họ.”

Quan tòa dừng lại một chút, rồi tiếp tục: “Có vẻ anh đã tận dụng những khoảng thời gian như thế để chuẩn bị kĩ lưỡng cho cuộc chiến chống lại cả cái xã hội này, một quá trình tập sự có phương pháp nhằm khai thác thế mạnh của mình, phát triển tối đa năng lực và kỹ năng. Anh có thừa nhận tính chính xác của những thông tin nêu trên không?”

Trong suốt bài diễn thuyết của quan tòa, gã tù nhân cứ đứng chuyển hết chân trái lại sang chân phải, hai vai rũ xuống, còn hai cánh tay thì buông thõng bất động. Những người nhìn được gã rõ ràng nhất có thể thấy gã quá đỗi gầy gò, má hóp xẹp, xương gò má nhô cao, da mặt nâu xỉn lấm tẩm nốt mẩn đỏ, bộ râu quai nón lởm chởm, xù xì. Cuộc sống tù tội khiến gã già đi, tiều tụy. Chẳng còn đâu khuôn mặt trẻ trung và đáng dấp hào hoa thanh lịch suốt ngày được miêu tả trên các báo.

Trông gã như thể không nghe thấy câu hỏi của quan tòa. Ngài nhắc lại câu hỏi lần thứ hai. Gã liền ngược mắt lên, có vẻ ngẫm nghĩ, rồi, hết sức nỗ lực, gã lí nhí: “Baudru, Désiré.”

Quan tòa mỉm cười, nói: “Tôi không hiểu lý thuyết phòng thủ của anh, Arsène Lupin ạ. Nếu anh đang tìm cách trốn tội bằng bộ dạng ốm yếu, ngờ nghệch, thì anh cứ việc. Nhưng tôi sẽ vẫn tiếp tục phiên tòa, tôi không quan tâm tới các trò hề của anh.”

Rồi quan tòa lê thê thuật lại các vụ trộm cắp, lừa đảo, giả mạo của Lupin. Đôi khi ngài đặt câu hỏi cho gã tù, nhưng gã chỉ ậm ừ trong cổ hoặc hoàn toàn im lặng. Phần thẩm vấn nhân chứng bắt đầu. Một số chứng cứ nghe vụn vặt, một số nghe ra quan trọng hơn, nhưng nhìn chung tất cả đều mâu thuẫn và thiếu tính nhất quán. Không khí ảm đạm, mệt mỏi bao trùm lên phiên tòa, cho tới lúc thám tử Ganimard được gọi với vai trò nhân chứng thì sự hứng thú, háo hức mới được khơi gợi lại.

Ngay từ đầu, các hành động của viên thám tử kỳ cựu trông đã có vẻ kỳ quặc, lạ lùng. Ông ta căng thẳng, bồn chồn. Ông ta nhìn gã tù vài lần với thái độ rõ ràng là ngờ vực và lo âu. Rồi, hai bàn tay đặt lên thanh chắn trước mặt, ông ta thuật lại những sự kiện ông ta từng tham gia, bao gồm cả

chuyến săn đuổi gã từ khắp châu Âu và lần ông ta tới Mỹ. Khán giả hầu hấu lắng nghe ông ta, vì qua báo chí, việc ông ta tóm cổ được Arsène Lupin đã nức tiếng trong dân chúng. Gần kết thúc phần khai báo của mình, sau khi kể về cuộc nói chuyện giữa ông ta và Arsène Lupin, ông ta dừng lại hai lần, vừa ngượng ngùng vừa lưỡng lự. Rõ ràng ông ta đang có ý nghĩ gì đó mà sợ phải nói ra. Quan tòa thông cảm hỏi: “Nếu ông thấy mệt, ông có thể tạm nghỉ.”

“Không, không, nhưng...”

Ganimard ngừng lời, nhìn chằm chằm vào gã tù, nói: “Tôi xin phép được nhìn tù nhân gần hơn. Tôi phải làm sáng tỏ chút bí ẩn về hắn.”

Ganimard tiến đến chỗ gã tù, chăm chú nhìn gã trong vòng vài phút, rồi quay lại bức nhân chứng, ông ta nói với giọng gần như uy nghiêm: “Tôi tuyên thệ rằng tù nhân đang đứng trước mặt tôi kia không phải là Arsène Lupin.”

Sau lời khẳng định đó, phòng xử án im phăng phắc. Quan tòa bối rối mất một lúc, thốt lên: “Ồ! Ý ông là gì? Điều đó thật vô lý!”

Viên thám tử tiếp tục: “Thoạt nhìn, cũng có nét hao hao giống đấy, nhưng nếu quý vị quan sát kỹ lưỡng cái mũi, cái miệng, bộ tóc, màu da, quý vị sẽ thấy đây không phải là Arsène Lupin. Và đặc biệt đôi mắt! Arsène Lupin có bao giờ có cặp mắt lơ đãng của kẻ nghiện rượu thế đâu!”

“Nào nào, nhân chứng! Ý ông là gì? Ông định phịa ra là chúng ta đang xét xử nhầm người ư?”

“Theo tôi thì đúng vậy. Arsène Lupin bằng cách nào đó đã xoay xở để kẻ khốn khổ này thế chỗ hắn, hoặc kẻ này chính là tông phạm của hắn.”

Đoạn kết đầy kịch tính khiến khán giả đang theo dõi phiên tòa cười ồ và tỏ ra hết sức phấn chấn. Quan tòa tuyên bố hoãn việc xét xử, cho triệu tập thẩm phán đi điều tra Bouvier, cai ngục và đám lính canh trong nhà tù đến.

Khi phiên xét xử lại được tiếp tục, Bouvier và cai ngục ngấm nghĩa kỹ lưỡng bị cáo và khẳng định rằng gã chỉ hao hao giống Arsène Lupin thôi.

“Vậy thì...” Quan tòa thốt lên. “Người này là ai? Anh ta ở đâu ra? Anh ta vào tù để làm gì?”

Hai trong số những lính canh nhà tù được gọi lên, và cả hai đều khẳng định tù nhân chính là Arsène Lupin. Quan tòa một lần nữa lấy lại được nhịp thở.

Nhưng rồi một trong hai gã lính canh nói: “Vâng, vâng, tôi nghĩ đó là hắn.”

“Cái gì?” Quan tòa sốt ruột kêu lên. “Anh nghĩ đó là hắn! Anh nói vậy là có ý gì?”

“Dạ thưa, tôi hầu như chưa tiếp xúc với hắn. Tôi được phân công canh gác hắn ban đêm, nhưng trong vòng hai tháng liền, hắn rất ít khi nhúc nhích, cứ nằm nguyên trên giường quay mặt vào tường.”

“Thế thời gian trước hai tháng đó thì sao?”

“Trước đó hắn ở buồng giam thuộc khu khác, không phải ở buồng giam số 24.”

Đến đây, tay cai ngục nói xen vào: “Chúng tôi chuyển hắn sang buồng giam khác sau vụ hắn trốn thử.”

“Nhưng thưa ông, ông đã gặp hắn trong hai tháng qua chứ?”

“Tôi không có dịp gặp hần. Hần luôn luôn giữ im lặng và kỷ luật.”

“Và tù nhân này không phải Arsène Lupin?”

“Không ạ.”

“Thế hần là ai?” Quan tòa hỏi.

“Tôi không biết.”

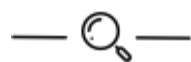
“Vậy chúng ta đang có ở đây một kẻ thế chỗ cho Arsène Lupin, từ hai tháng trước. Anh giải thích ra sao về việc này?”

“Tôi không giải thích được ạ.”

Hoàn toàn tuyệt vọng, quan tòa quay sang bị cáo, nói với giọng đồ dành: “Tù nhân kia, anh có thể cho ta biết bằng cách nào và từ khi nào mà anh lại bị giam trong nhà tù Santé không?”

Cung cách đồ dành của quan tòa nhằm mục đích làm tiêu tan nỗi nghi ngờ và đánh thức sự suy nghĩ ở bị cáo. Gã cố gắng trả lời. Cuối cùng, nhờ những câu hỏi khéo léo, nhẹ nhàng, quan tòa cũng chấp nhận được những câu trả lời ngắn gọn, làm thành câu chuyện đầu đuôi như sau: Hai tháng trước, gã bị đưa về Sở Cảnh sát, bị khám xét, rồi được tha. Khi gã đang rời khỏi đó, hoàn toàn tự do, thì lại bị hai lính canh bắt, tống lên một chiếc xe tù. Kể từ lúc ấy, gã bị nhốt trong buồng giam số 24. Gã cảm thấy hài lòng, được ăn uống thoải mái và ngủ ngon – vì thế, gã chẳng than phiền gì.

Tất cả xem chừng đều có khả năng đúng, và giữa sự vui vẻ, phấn khích của đám khán giả, quan tòa tuyên bố hoãn việc xét xử cho đến khi câu chuyện kia được đi đầu tra, xác minh.



Rà soát sổ ghi chép của nhà tù, những thông tin sau ngay lập tức được làm rõ: Tám tuần trước, một gã đàn ông tên là Baudru Désiré đã ngủ lại tại Sở Cảnh sát. Ngày tiếp theo, gã được thả và rời khỏi sở lúc hai giờ chiều. Sau khi bị thẩm vấn lần cuối cùng, Arsène Lupin rời khỏi sở trên một chiếc xe tù, cũng vào lúc hai giờ chiều ngày hôm đó.

Liệu có phải đám lính canh đã nhầm lẫn? Phải chăng bọn họ đã bị đánh lừa vì bên ngoài hao hao giống nhau, rồi bất cẩn tổng gã Baudru Désiré lên xe thay cho Arsène Lupin?

Một câu hỏi khác cũng được đặt ra: Phải chăng vụ thế chỗ này có sự bố trí, sắp đặt từ trước? Nếu vậy thì Baudru ắt hẳn là kẻ đồng lõa và ắt hẳn đã tự tạo có để bị bắt, nhằm mục đích thế chỗ cho Lupin. Nhưng nếu vậy thì nhờ phép màu nào mà cái kế hoạch dựa trên những cơ hội với xác suất rất nhỏ ấy lại có thể thành công?

Sau đó, Baudru Désiré được chuyển sang bộ phận nhân trắc. Người ta chưa bao giờ gặp đối tượng nào giống gã. Tuy nhiên, người ta vẫn dễ dàng truy ra quá khứ của gã. Gã từng có mặt tại Courbevoie, Asnières và Levallois. Gã sống nhờ của bố thí và ngủ trong lều của những người nhặt đồ đồng nát gần Ternes. Một năm trước, gã biến mất khỏi khu vực này.

Phải chăng Baudru Désiré đã bị Arsène Lupin dụ dỗ? Chẳng có bằng chứng nào chứng minh điều đó. Và thậm chí giả như điều đó đúng đi chăng nữa, nó cũng không giải thích được cuộc tẩu thoát. Cuộc tẩu thoát vẫn cứ là

một bí ẩn. Người ta nghĩ ra tới hai mươi giả thuyết, nhưng không giả thuyết nào thỏa đáng cả. Về cuộc tẩu thoát nói riêng, người ta chẳng còn hòng nghi gì, quả là một cuộc tẩu thoát khó hiểu, gây chấn động. Công chúng cũng như những nhân viên thực thi pháp luật có thể nhận ra rằng nó đã được lên kế hoạch hết sức cẩn thận, kỹ lưỡng, từng tình huống kết hợp với nhau tài tình, và cái kết hoàn toàn chứng minh cho dự báo rất tự tin của Arsène Lupin: “Tôi sẽ không có mặt tại tòa.”

Sau một tháng kiên trì đi điều tra, sự việc vẫn chưa được làm sáng tỏ. Không thể cứ nhất mãi gã Baudru Désiré khốn khổ trong tù, nhưng mang gã ra xử thì lại là lỗi bịch. Gã chẳng bị buộc tội gì hết. Do đó, gã được thả. Nhưng Trưởng ban Thám tử quyết tâm theo dõi gã. Ý tưởng này thực tế là của Ganimard. Theo ông ta, chẳng có chuyện đồng lõa hay ngẫu nhiên tình cờ ở đây. Baudru chỉ là phương tiện mà Arsène Lupin đã sử dụng với kỹ xảo điêu luyện hơn người. Baudru, khi được tự do, sẽ dẫn họ đến chỗ Arsène Lupin, hoặc, ít nhất, đến chỗ những kẻ đồng lõa với anh ta. Hai thanh tra viên, Folenfant và Dieuzy, nhận nhiệm vụ hỗ trợ Ganimard.



Một buổi sáng tháng Giêng sương mù mờ ảo, cánh cổng nhà tù mở ra, Baudru Désiré bước về phía trước – với tư cách một người tự do. Ban đầu, trông gã có vẻ khá lúng túng, bước đi như thể chưa xác định được mình sẽ đi đâu. Gã đi dọc theo phố Santé và phố Saint Jacques. Gã dừng trước một

cửa hàng quần áo cũ, cởi áo khoác và áo gi lê ra, bán chiếc áo gi lê lấy mấy xu, rồi lại mặc áo khoác vào, tiếp tục đi. Gã băng qua sông Seine. Khi đến phố Châtelet, một cỗ xe ngựa chở khách hai tầng chạy qua. Gã định lên xe, nhưng đã hết mất chỗ. Người soát vé khuyên gã lấy số trước, thế là gã đi vào nhà chờ.

Ganimard gọi hai anh chàng trợ lý, và không rời mắt khỏi nhà chờ, ông ta nói với họ: “Bắt một cỗ xe ngựa... mà không, hai cỗ đi. Như thế thuận tiện hơn. Tôi sẽ ngồi cùng xe với một trong hai anh, và chúng ta sẽ bám theo hắn.”

Hai anh chàng trợ lý tuân lệnh. Nhưng Baudru không thấy xuất hiện. Ganimard bước vào nhà chờ. Nhà chờ trống trơn. “Mình quả là ngốc!” Ông ta lẩm bẩm. “Mình quên mất là còn một lối đi khác.”

Có một hành lang kéo dài từ nhà chờ ra phố Saint-Martin. Ganimard vội vã chạy xuyên hành lang ra phố, vừa kịp trông thấy Baudru ngồi trên tầng hai cỗ xe ngựa chở khách tuyến Batignolles-Jardin des Plantes khi cỗ xe đang chuẩn bị rẽ vào phố Rivoli. Ông ta đuổi theo và nhảy được lên xe. Nhưng ông ta đã mất hai anh chàng trợ lý. Ông ta phải tiếp tục cuộc rượt đuổi một mình. Trong cơn giận dữ, ông ta định sẽ tóm cỗ gã đàn ông, không khách sáo gì nữa. Chẳng phải bộ dạng giả ngây giả ngô, ngớ ngẩn ngần kia đã là cái bẫy tinh vi, xảo quyệt tách ông ta ra khỏi hai anh chàng trợ lý hay sao?

Ganimard nhìn Baudru. Gã đang say sưa ngủ trên một băng ghế, đầu lắc la lắc lư từ bên này sang bên kia, mồm há dờ chừng, cái mặt mụn mảy toát lên một vẻ ngu ngốc không thể tưởng. Không, một đối thủ như thế làm sao đủ tầm lừa gạt Ganimard được. Chỉ là hên xui thôi – không hơn không

kém.

Đến phố Galeries-Lafayette, gã đàn ông xuống xe, bắt tàu điện tuyến La Muette, đi theo đại lộ Haussmann và đường Victor Hugo. Baudru xuống ga La Muette, và gã bước vào phố Bois de Boulogne với vẻ thờ ơ.

Gã cứ lang thang hết ngõ này sang hẻm khác, đôi lúc quay lại lối vừa đi. Gã đang tìm kiếm gì vậy? Gã có mục đích rõ ràng nào không? Sau một tiếng đồng hồ, trông gã có vẻ như sắp ngất vì mệt mỏi, rồi, nhìn thấy chiếc ghế dài, gã ngồi xuống. Chỗ đó, không xa Auteuil, là bờ một cái ao ẩn dưới những tán cây, tĩnh không bóng người. Nửa tiếng đồng hồ nữa trôi qua, Ganimard đã quá sốt ruột, quyết định sẽ nói chuyện với gã. Ông ta lại gần, ngồi xuống bên cạnh Baudru, châm điếu thuốc lá, dùng đầu cây cần vẽ nguyệt ngoạc lên trên cát, nói: “Hôm nay thời tiết dễ chịu thật.”

Không một lời đáp. Nhưng rồi bỗng dưng gã đàn ông phá ra cười, điệu cười sung sướng, vui vẻ, tự nhiên, không tài nào nén lại được. Ganimard dựng tóc gáy vì sợ hãi và ngạc nhiên. Chính là điệu cười đó, điệu cười quý quái mà ông ta đã quá quen thuộc!

Ông ta đột ngột tóm cổ áo gã đàn ông và nhìn gã bằng cái nhìn sắc sảo, thấu suốt. Ông ta bỗng dưng thấy trước mặt mình không phải là Baudru nữa. Chắc chắn, ông ta đang nhìn thấy Baudru, nhưng, đồng thời, ông ta cũng nhìn thấy một con người khác, con người thật của gã, Lupin. Ông ta phát hiện ra cái sức sống mãnh liệt trong đôi mắt ấy. Ông ta cảm nhận được trong hình hài teo tóp ấy từng thớ thịt săn chắc bên dưới lớp da bèo nhèo, khuôn miệng thực sự đằng sau những nét nhăn nhó xấu xí. Kia là cặp mắt, là khuôn miệng một kẻ khác, đặc biệt là vẻ tinh anh, lanh lợi, giấu cợt, thật trong sáng, thật trẻ trung!

“Arsène Lupin, Arsène Lupin.” Ganimard lắp bắp.

Rồi, trong cơn giận đột ngột bốc lên ngàn ngút, ông ta tóm lấy cổ họng Lupin, cố gắng ghì anh ta xuống. Mặc dù đã năm mươi tuổi, ông ta vẫn có sức khỏe phi thường, còn kẻ thù của ông ta trông có vẻ như đang trong tình trạng ốm yếu. Nhưng ông ta cũng chẳng ghì được mấy nổi. Arsène Lupin chỉ thực hiện một động tác rất nhẹ nhàng, và ông ta đã đột ngột tấn công anh ta thế nào thì lại đột ngột buông anh ta ra thế ấy. Cánh tay phải của ông ta mất hết cảm giác, thông xuống vô dụng.

Lupin nói: “Nếu ông tham gia lớp Nhu thuật mở ở khu vực cầu tàu Orfèvres, ông sẽ biết đòn này trong tiếng Nhật gọi là udi-shi-ghi. Một giây nữa thôi, tôi có thể bẻ gãy tay ông và ông hoàn toàn đáng bị vậy. Tôi ngạc nhiên khi ông, một người bạn cũ mà tôi tôn trọng, người tôi từng tự nguyện bộc lộ tung tích của mình, lại lợi dụng sự tin tưởng nơi tôi để tấn công tôi. Thật không xứng đáng...Ồ! Sao thế?”

Ganimard im lặng. Ông ta tự thấy rằng mình phải chịu trách nhiệm đối với vụ tàu thoát – chẳng phải ông ta, Ganimard, bằng lời làm chứng gây chấn động, đã đẩy phiên tòa vào sai lầm nghiêm trọng sao? Vụ tàu thoát đó đối với ông ta tựa như đám mây đen ngòm bao phủ sự nghiệp. Một giọt nước mắt lăn trên má, rơi xuống bộ ria mép lốm đốm bạc của ông ta.

“Ôi! Trời ơi, Ganimard, đừng đau lòng thế. Nếu lúc đó ông không nói thì tôi cũng sẽ sắp xếp cho một người khác nói thôi. Tôi không thể để Baudru Désiré tội nghiệp bị kết án được.”

“Vậy là...” Ganimard lẩm bẩm. “Anh đã ở đó? Và bây giờ thì anh ở đây?”

“Chính là tôi, lúc nào cũng là tôi, chỉ là tôi thôi.”

“Có thể thế sao?”

“Ôi, không phải phép phù thủy gì đâu. Chẳng qua, như quan tòa đã nhận xét tại tòa, sự học hỏi, luyện tập suốt hàng chục năm giúp người ta có khả năng đương đầu với mọi trở ngại trong cuộc sống.”

“Nhưng còn nét mặt của anh? Ánh mắt của anh?”

“Ông có thể hiểu nếu tôi đã bỏ ra mười tám tháng làm việc với Tiến sĩ Altier ở Bệnh viện Saint-Louis thì lý do chẳng phải là vì tình yêu dành cho công việc. Tôi nghĩ ông ta, người một ngày nào đó sẽ hân hạnh tự nhận mình là Arsène Lupin, ắt đã được miễn trừ trước những quy luật thông thường về ngoại hình và nhân dạng. Ngoại hình ư? Hoàn toàn có thể thay đổi được nếu muốn. Ví dụ, chỉ cần tiêm một mũi paraffine dưới da, da ở vị trí mong muốn sẽ phồng lên. Acid pyrogalllic biến nước da trở thành màu nâu như nước da dân Ấn Độ. Nước ép cây hoàng liên tô điểm cho bộ mặt những mụn nhọt lở loét nhất. Một loại hóa chất khác tác động đến quá trình mọc râu và tóc. Một loại khác nữa thì làm giọng nói thay đổi. Ngoài hai tháng ăn kiêng trong buồng giam số 24, tôi đã phải tập đi tập lại cả nghìn lần mới giữ cố định được một nét mặt nhăn nhó khó chịu, giữ được đầu cứ ngoẹo một kiểu ấy, và để lưng với vai quen tư thế gù gù. Rồi năm giọt atropine đủ khiến ánh mắt tôi lơ đãng, hoang dại. Thế là xong mảnh lối.”

“Tôi không hiểu bằng cách nào mà anh lừa được đám lính canh.”

“Sự thay đổi là có quá trình. Nó diễn ra từ từ tới mức không khiến bọn họ chú ý.”

“Nhưng còn Baudru Désiré?”

“Baudru có tên tại. Đó là một gã nghèo khổ vô hại tôi quen năm ngoái,

và thực tế gã hao hao giống tôi. Tính toán đến việc tôi có thể bị bắt, tôi đã nắm quyền đi đầu khiến Baudru, nghiên cứu những điểm khác nhau về ngoại hình giữa tôi và gã để sẽ sửa lại ngoại hình của tôi cho giống y như gã. Bạn bè tôi tạo tình huống khiến gã phải qua đêm ở Sở Cảnh sát, rồi rời khỏi đó ngày hôm sau đúng thời điểm tôi cũng rời khỏi đó – một sự trùng hợp ngẫu nhiên có thể dàn xếp dễ dàng. Tất nhiên, việc tạm giam kia cần được ghi chép sổ sách đảng hoàng nhằm tạo chứng cứ xác thực về một con người, nếu không cảnh sát có lẽ đã đi truy lùng và phát hiện ra nhân thân tôi rồi. Nhưng, cung cấp cho cảnh sát gã Baudru xuất sắc này thì cũng không thể tránh khỏi, ngài hiểu chứ, không thể tránh khỏi việc cảnh sát sẽ chộp gã, và, mặc dù việc đánh tráo tôi trong tù là việc khó khăn không tưởng, người ta sẽ muốn nghĩ tới một vụ đánh tráo hơn là thừa nhận sự ngu ngốc của mình.”

“Đúng, đúng, đương nhiên.” Ganimard đồng tình.

“Và rồi...” Arsène Lupin thốt lên. “Tôi đã nắm trong tay lá bài chủ: Một đám đông công chúng nóng lòng chờ đợi thấy tôi trốn thoát. Đó là sai lầm chết người mà ông, ông và những kẻ khác, mắc phải, trong ván bài đầy rủi ro giữa tôi và những nhân viên thực thi pháp luật khi tị nạn thường chính là sự tự do của tôi. Ông cho rằng tôi đang thu hút sự chú ý của công chúng, rằng tôi đang say sưa với chiến thắng. Tôi, Arsène Lupin, mà mắc phải khuyết điểm như thế sao? Ôi, không! Và ngay ở vụ Cahorn, ông cũng đã nói: *Nếu Arsène Lupin đứng trên nóc nhà la lên rằng hắn sẽ tẩu thoát, thì hắn ắt phải sẵn sàng một mục đích gì rồi.* Nhưng, trời ơi, ông phải hiểu để tẩu thoát được, trước tiên tôi phải làm cho công chúng có suy nghĩ rằng vụ tẩu thoát đó sẽ diễn ra, suy nghĩ ấy cứ lớn dần, lớn dần thành một niềm tin, một sự chắc chắn tuyệt đối, một thực tế lấp lánh như ánh nắng mặt trời

vậy. Và tôi quả là đã khiến mọi người hình thành cái suy nghĩ rằng Arsène Lupin sẽ tẩu thoát, Arsène Lupin sẽ không đời nào hầu tòa. Để khi ông đứng lên làm chứng khẳng định *Kẻ đó chẳng phải Arsène Lupin* thì tất cả mọi người đều sẵn sàng tin ông. Nếu có một người ngờ vực, nếu có một người nêu câu hỏi đơn giản sau: *Giả sử đây là Arsène Lupin thì sao?* – kể từ thời khắc ấy, tôi coi như thua. Nếu có người nào sẫm soi cái mặt tôi kĩ lưỡng hơn, không bị ám ảnh bởi ý nghĩ gã đó chẳng phải Arsène Lupin đâu, như ông và mọi người tham gia phiên tòa đã nghĩ, mà nghĩ gã đó có lẽ là Arsène Lupin đấy, thì dù tôi thận trọng chuẩn bị đến đâu, mọi người cũng vẫn nhận ra tôi thôi. Nhưng tôi không lo sợ. Vì, xét một cách logic và theo tâm lý học, chẳng ai muốn nghĩ gã đó là Arsène Lupin.”

Anh ta nắm chặt bàn tay Ganimard. “Nào, Ganimard, hãy thú thật đi, rằng vào ngày thứ Tư sau cuộc chuyện trò giữa chúng ta trong nhà tù Santé, ông đã đợi tôi xuất hiện tại nhà ông lúc bốn giờ chiều, không sai hẹn tẹo nào cả.”

“Thế chiếc xe tù thì sao?” Ganimard hỏi, lảng tránh câu trả lời.

“Trò tháu cáy ấy mà! Vài chiến hữu của tôi tìm được chiếc xe cũ kĩ bị bỏ không dùng nữa và muốn đưa nó vào kế hoạch. Nhưng tôi cho rằng sẽ không khả thi nếu không có sự trùng hợp khác thường của một loạt các tình huống. Tuy nhiên, tôi thấy việc thử tẩu thoát là hữu ích và công chúng càng biết tới rộng rãi càng tốt. Một vụ tẩu thoát được lên kế hoạch táo bạo, mặc dù chưa hoàn thành, khiến vụ tẩu thoát tiếp theo có tính xác thực, đơn giản vì người ta đã sẵn ý nghĩ là nó sẽ được thực hiện.”

“Vậy điếu xì gà...”

“Chính tôi làm rỗng ruột, cả con dao nữa.”

“Còn những bức thư?”

“Tự tay tôi viết.”

“Thế người liên lạc bí ẩn?”

“Không hề có ai.”

Ganimard nghĩ ngợi một chút, rồi nói: “Tại sao khi xử lý trường hợp Baudru, bộ phận nhân trắc không nhận ra rằng các kích thước của gã trùng với các kích thước của Arsène Lupin?”

“Vì chẳng có cơ sở dữ liệu nào về các kích thước của tôi cả.”

“Thật vậy!”

“Ít nhất, chúng cũng là các dữ liệu giả. Tôi vốn hết sức quan tâm đến vấn đề đó. Đầu tiên, hệ thống nhận dạng Bertillon ghi chép những dấu hiệu có thể quan sát bằng mắt – và ông biết đấy, những dấu hiệu này không phải là không làm giả được – sau đó đến số đo vòng đầu, kích thước các ngón tay, tai, vân vân. Tất nhiên, những kích thước này nói một cách tương đối thì không làm giả được.”

“Chính xác.”

“Nhưng, chịu tổn tiền thì vẫn xoay sở được. Trước khi chúng ta rời khỏi nước Mỹ, một nhân viên của cơ quan nhân trắc đã nhận một khoản hậu hĩnh để đưa các kích thước giả của tôi vào cơ sở dữ liệu. Do đó, các kích thước của Baudru không trùng với các kích thước của Arsène Lupin.”

Im lặng một thoáng, Ganimard hỏi: “Bây giờ anh định làm gì?”

“Bây giờ thì... Tôi định nghỉ ngơi, thưởng thức những món đồ ăn và đồ uống tuyệt vời nhất, dần dần phục hồi tình trạng sức khỏe vốn có. Nói

chung chẳng thành vấn đề nếu đôi khi mình biến hóa thành Baudru hay bất kỳ người nào đó khác và thay đổi tính cách như thay áo quần hằng ngày, nhưng việc thay đổi này sẽ sớm đem đến nỗi mệt mỏi. Tôi cho rằng cảm giác của tôi không khác gì cảm giác của một người bị mất đi cái bóng của mình vậy, và tôi rất lấy làm sung sướng được trở lại là Arsène Lupin.”

Anh ta cứ bước tới bước lui trong mấy phút liền, rồi dừng trước mặt Ganimard, hỏi: “Tôi đờ rằng ông không muốn nói gì nữa?”

“Có chứ. Tôi muốn biết liệu anh có định tiết lộ những sự thực liên quan tới cuộc tàu thoát của anh không? Sai lầm tôi đã mắc phải...”

“Ồ! Sẽ không ai biết kẻ được tha ra là Arsène Lupin. Việc bao phủ xung quanh mình bằng những đi đầu huyền bí phục vụ lợi ích cho bản thân tôi đây mà. Vì thế, tôi sẽ giữ cho cuộc tàu thoát có cái vẻ gần như phi thường. Ông không phải lo lắng, ông bạn quý mến của tôi. Tôi sẽ không hé một lời. Bây giờ thì, tạm biệt. Tối tôi đi ăn cơm khách, và tôi chỉ còn đủ thời gian để thay trang phục thôi.”

“Tôi tưởng anh muốn nghỉ ngơi.”

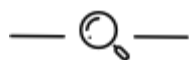
“À! Có những nghĩa vụ đối với xã hội mà người ta không thể trốn tránh. Ngày mai, tôi sẽ nghỉ ngơi.”

“Tối nay anh ăn ở đâu?”

“Với ngài Đại sứ Anh quốc!”



Lữ khách bí ẩn



Buổi tối hôm trước, tôi đã gửi xe hơi của mình tới Rouen bằng đường bộ. Bản thân tôi sẽ đi Rouen bằng tàu hỏa, để đến thăm vài người bạn sống dọc hai bờ sông Seine.

ở Paris, mấy phút trước khi tàu khởi hành, bảy người đàn ông bước vào toa tôi, năm người trong số họ đang hút thuốc. Mặc dù hành trình cũng ngắn thôi, nghĩ đến việc phải ngồi cùng toa với những người như vậy, tôi thấy thật không dễ chịu chút nào, nhất là khi toa tàu này lại là toa tàu kiểu cũ, không có hành lang. Tôi cầm áo bành tô, báo và bảng giờ tàu lên, đi tìm chỗ lánh nạn trong toa bên cạnh.

Trong toa, đã có một thiếu phụ. Vừa nhìn thấy tôi, nàng bày tỏ cử chỉ khó chịu và tôi kịp nhận ra. Nàng vươn về phía người đàn ông đang đứng ở bậc lên xuống, chắc chắn đó là chồng nàng. Người đàn ông quan sát tôi kỹ lưỡng, và xem ra bên ngoài của tôi không khiến anh ta khó chịu, vì anh ta vừa mỉm cười vừa nói với vợ, vẻ như đang trấn an một đứa trẻ sợ hãi. Nàng cũng mỉm cười, và dành cho tôi cái nhìn thân thiện, như thế bấy giờ

nàng hiểu rằng tôi thuộc số những anh chàng ga lăng, lịch sự, mà phụ nữ có thể yên lặng ng ồi cùng hai tiếng đ ồng hồ, trong một cái hộp chật chội chưa đầy một mét vuông, chẳng có gì phải sợ hãi cả.

Ch ồng nàng nói với nàng: “Em yêu, anh có một cuộc hẹn quan trọng, không thể trì hoãn lâu hơn được. Tạm biệt em.”

Anh ta hôn vợ n ồng nàng, và bước đi. Người vợ gửi theo mấy nụ hôn gió, vẫy vẫy khăn mùi soa. Còi tàu vang lên, đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh.

Đúng lúc ấy, bất chấp sự ngăn cản của những nhân viên gác tàu, một người đàn ông lao vào khoang chúng tôi. Bạn đ ồng hành với tôi đang đứng sắp xếp lại hành lý hét lên hoảng hốt và ng ồi phịch xuống ghế. Tôi không phải một thằng hèn – hoàn toàn không – nhưng tôi phải thú nhận rằng hành động lao vào ở phút cuối cùng như vậy gây nên cảm giác bối rối. Nó có vẻ đáng ngờ, không bình thường.

Tuy nhiên, hình thức bên ngoài của anh chàng mới xuất hiện khiến chúng tôi thay đổi hẳn ấn tượng tiêu cực ban đầu. Anh ta ăn mặc đứng đắn, lịch thiệp, đeo chiếc cà vạt trang nhã, găng tay phù hợp, nét mặt tinh tế, thông minh. Nhưng, tôi đã nhìn thấy khuôn mặt này ở chỗ quái nào nhỉ? Vì chắc chắn tôi từng nhìn thấy nó. Có đi đâu ký ức đó quá mơ hồ, đến mức tôi cảm thấy cố gắng nhớ lại ngay lúc ấy cũng vô ích.

R ồi, chuyển sự chú ý sang thiếu phụ kia, tôi kinh ngạc thấy nàng nhợt nhạt, lo lắng. Nàng nhìn người ng ồi bên cạnh, nét mặt thể hiện sự cảnh giác cao độ. Tôi nhận ra hai bàn tay run rẩy của nàng đang từ từ trượt về phía chiếc túi du lịch nhỏ nằm trên ghế, cách nàng khoảng nửa mét. Nàng nắm chặt chiếc túi, lo lắng kéo nó về phía mình. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi đọc được trong ánh mắt nàng biết bao sợ hãi, tới mức tôi không ki ền

lòng được phải hỏi nàng: “Thưa bà, bà khó ở ạ? Tôi mở cửa sổ ra nhé?”

Nàng chỉ đáp lại bằng điệu bộ, cho thấy nàng sợ hãi người bạn đồng hành của chúng tôi. Tôi mỉm cười, giống ch ờng nàng lúc n ầy, nhún vai, giải thích dưới dạng kịch câm, rằng nàng việc gì mà sợ, rằng đã có tôi đây, hơn nữa, anh chàng kia xem ra hết sức vô hại. Đúng lúc này, anh ta quay sang nhìn chúng tôi, dò xét chúng tôi từ đầu đến chân, rồi ng ẩ y ến vị ở góc của mình, không buồn để ý tới chúng tôi nữa.

Sau quãng im lặng ngắn ngủi, thiếu phụ, như thể đã huy động tất cả sức lực thực hiện một hành động li ều lĩnh, ào ào ào ào hỏi tôi: “Ông biết ai đang ở trên tàu cùng chúng ta không?”

“Ai?”

“Hắn. Hắn... Tôi đảm bảo với ông...”

“Hắn là ai?”

“Arsène Lupin!”

Nàng không hề rời mắt khỏi người bạn đồng hành, và nàng thốt lên những âm tiết của cái tên đáng sợ kia với anh ta thì đúng hơn là với tôi. Anh ta kéo mũ trùm xuống mặt. Anh ta làm thế để che giấu nỗi bối rối, hay đơn giản để chuẩn bị ngủ?

Tôi bảo nàng: “Hôm qua, Arsène Lupin đã bị kết án hai mươi năm lao động khổ sai vì tội l ăng mạ tòa. Do đó, không chắc hẳn lại khinh suất tới mức hôm nay dám ch ờng mặt ra trước bàn dân thiên hạ. Hơn nữa, báo chí vừa đưa tin về việc hắn xuất hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ sau khi trốn thoát khỏi nhà tù Santé.”

“Nhưng hắn đang có mặt trên chính đoàn tàu này, ngay lúc này.” Thiếu

phụ tuyên bố, rõ ràng có ý để người bạn đồng hành của chúng tôi nghe thấy. “Chồng tôi là giám đốc một trại cải tạo, và chính ông trưởng ga cũng nói với chúng tôi rằng họ đang truy lùng Arsène Lupin.”

“Có thể họ nhầm lẫn...”

“Không, người ta trông thấy hắn trong phòng chờ. Hắn mua vé hạng nhất đi Rouen.”

“Hắn biến mất rồi. Nhân viên gác cửa phòng chờ không trông thấy hắn đi qua cửa, và người ta cho là hắn đã lên chuyến tàu tốc hành khởi hành sau chuyến tàu này mười phút.”

“Nếu vậy, chắc chắn họ sẽ tóm cổ được hắn.”

“Trừ phi, tới phút chót, hắn lại nhảy từ chuyến tàu kia sang chuyến tàu này, chuyến tàu chúng ta đang đi đây... đi đâu ấy hoàn toàn có thể gần như là chắc chắn nữa.”

“Nếu vậy, chắc chắn hắn cũng sẽ bị bắt thôi, vì chắc chắn các nhân viên và bảo vệ trên tàu sẽ biết việc hắn nhảy từ tàu này sang tàu khác, và khi chúng ta tới Rouen, họ sẽ bắt hắn.”

“Hắn ư... không bao giờ! Hắn sẽ có cách trốn thoát.”

“Trong trường hợp đó, tôi xin chúc hắn *thượng lộ bình an*.”

“Nhưng, từ giờ tới lúc ấy, hãy nghĩ xem hắn có thể sẽ làm gì!”

“Làm gì?”

“Tôi không biết. Hắn có thể sẽ làm bất cứ đi đâu gì.”

Thiếu phụ hết sức xúc động, và sự thực thì, ở mức độ nào đó, hoàn cảnh cũng biện minh cho tâm trạng hoang mang của nàng. Tôi buộc phải

trấn an nàng: “Tất nhiên, nhiều đi đâu trùng hợp ngẫu nhiên đến lạ lùng, nhưng bà việc gì mà sợ. Cứ cho là Arsène Lupin đang đi trên chuyến tàu này, hắn cũng sẽ tránh hành động khinh suất, hắn chỉ mong sao thoát khỏi mối hiểm họa đang treo trên đầu hắn thôi.”

Những lời của tôi không trấn an được nàng, nhưng nàng im lặng một lúc. Tôi lật mấy tờ báo đọc về phiên tòa xử Arsène Lupin, tuy nhiên chẳng cảm thấy hứng thú gì vì các bài tường thuật chẳng cung cấp thông tin gì mới mẻ. Đã thế, tôi vừa mệt mỏi vừa buồn ngủ. Mắt tôi díp lại và đầu gục xuống.

“Nhưng, thưa ông, ông không định ngủ đấy chứ?” Nàng giật tờ báo từ tay tôi và nhìn tôi với vẻ phẫn nộ.

“Tất nhiên là không rồi.” Tôi nói.

“Ông mà ngủ thì thật chủ quan quá.”

“Đương nhiên.” Tôi đồng tình.

Tôi phải vật lộn chiến đấu với cơn buồn ngủ. Tôi nhìn khung cảnh và những đám mây trôi vùn vụt bên ngoài cửa sổ toa tàu, nhưng chẳng mấy chốc tất cả trở nên mơ hồ, lộn xộn, hình ảnh người thiếu phụ đang lo lắng và người đàn ông đang ngủ gà ngủ gật biến mất khỏi trí nhớ của tôi, tôi chìm vào giấc ngủ sâu êm ái. Giấc ngủ an lành nhanh chóng bị những cơn ác mộng phá vỡ. Trong những cơn ác mộng đó, một sinh vật mang tên Arsène Lupin chiếm lĩnh vị trí trung tâm. Hắn xuất hiện trước mắt tôi với y phục đen ngòm và đeo đầy người những thứ quý giá. Hắn nhảy qua các bức tường, cướp bóc các tòa lâu đài. Nhưng những đường nét của sinh vật kia, không còn là Arsène Lupin nữa, dần dần trở nên rõ ràng hơn. Hắn tiến về phía tôi, càng lúc càng thêm to lớn, nhảy đánh *phóc* vào toa tôi đang ngủ, rồi,

đáp xuống trúng ngực tôi. Tôi kêu lên vì đau đớn và sợ hãi, choàng tỉnh. Người đàn ông kia, vị lữ khách, bạn đồng hành của chúng tôi, đang đè đầu gối lên ngực tôi, siết lấy cổ họng tôi.

Mọi thứ trước mắt tôi lòa nhòa, vì mắt tôi lúc bấy giờ tụ đầy máu. Tôi vẫn có thể trông thấy thiếu phụ kia run lên vì sợ hãi trong góc toa tàu. Tôi thậm chí cố gắng không kháng cự. Vả lại, tôi chẳng có sức. Hai thái dương tôi giật giật. Tôi gần như sắp sửa chết ngạt. Thêm một phút nữa là tôi trút hơi thở cuối cùng. Gã đàn ông hẳn nhận ra điếu đó, gã thôi siết quá chặt, nhưng không buông tay. Gã lấy sợi dây thừng thắt sẵn nút rút, trói hai cổ tay tôi lại. Chỉ trong nháy mắt, tôi đã bị trói, nhét giẻ vào miệng, và bất lực hoàn toàn.

Tất nhiên, gã đã ra tay một cách dễ dàng và điêu luyện, cho thấy gã thuộc loại cao thủ. Gã chắc chắn là hàng đạo chích chuyên nghiệp. Không một lời, không một giây nao núng, chỉ có sự lạnh lùng và táo tợn. Còn tôi nằm còng queo trên băng ghế bị trói chặt khác nào cái xác ướp, tôi...
Arsène Lupin!

Chuyện thật không đáng cười, tuy nhiên, bất chấp sự nghiêm trọng của tình hình, tôi vẫn thấy nó vô cùng mỉa mai, hài hước. Arsène Lupin bị tóm cổ, bị trói chặt như đứa con nít mới vào nghề. Bị cướp sạch sẽ như anh nhà quê lớ ngớ, chất phác – vì, quý vị phải hiểu rằng thằng khốn kiếp đó đã lột hết ví của tôi! Arsène Lupin, trở thành nạn nhân, bị đánh lừa, bị khống chế... Chuyện mới ly kỳ làm sao!

Thiếu phụ kia không dám nhúc nhích. Gã đàn ông thậm chí chẳng buồn bận tâm đến nàng. Gã hài lòng nhất chiếc túi du lịch của nàng đang rơi dưới sàn lên, moi hết đá quý, ví, các món nữ trang vàng và bạc cất bên

trong ra. Nàng mở mắt nhìn, sợ run bần bật, nàng tháo nốt mấy chiếc nhẫn đang đeo đưa cho gã, như thể để khỏi phải phiền gã yêu cầu. Gã cầm lấy mấy chiếc nhẫn, nhìn nàng. Nàng ngất luôn, bất tỉnh nhân sự.

Sau đó, hoàn toàn điên tỉnh, gã đàn ông ngồi về chỗ cũ, châm điếu thuốc lá, bắt đầu xem xét mớ của cải vừa cướp được. Gã có vẻ hết sức mãn nguyện.

Nhưng tôi thì chẳng hài lòng như vậy. Tôi không có ý nói tới số tiền mười hai ngàn franc tôi vừa bị cướp trắng trợn: Đó chỉ là mất mát tạm thời, vì một lát nữa thôi tôi chắc chắn sẽ đoạt lại, cả những giấy tờ quan trọng trong ví: các sơ đồ, các ghi chép kỹ thuật, địa chỉ, danh sách những người tôi trao đổi thư từ, cùng những bức thư thương lượng. Nhưng, ngay lúc bấy giờ, một vấn đề cấp thiết hơn, nghiêm trọng hơn khiến tôi băn khoăn suy nghĩ: Vụ việc này sẽ kết thúc ra sao? Cuộc phiêu lưu này sẽ đi đến kết cục thế nào?

Như quý vị có thể hình dung, sự nháo nhác xuất hiện khi tôi đi qua ga Saint-Lazare đâu lọt khỏi mắt tôi được. Đang sắp sửa viếng thăm những người bạn vốn vẫn biết đến tôi với cái tên Guillaume Berlat và hay bông lơn một cách vô hại về việc tôi trông giống Arsène Lupin, tôi không thể cải trang và sự hiện diện của tôi đã bị chú ý. Do đó, ngài Cảnh sát trưởng Rouen, đã nhận được điện thông báo, và có đông đảo nhân viên mật vụ hỗ trợ, chắc chắn sẽ chờ đoàn tàu tới, sẽ thăm vấn tất cả các hành khách đáng ngờ, sau đấy tiến hành lục soát các toa.

Tất nhiên, tôi đã lường trước tất cả, và tôi không băn khoăn lo lắng gì, vì tôi chắc chắn cảnh sát ở Rouen cũng chẳng thông minh hơn cảnh sát ở Paris và bọn họ sẽ chẳng nhận ra tôi được. Liệu việc hững hờ chìa tấm thẻ

nghe sĩ ra đã đủ chưa? Hành động đó, ở ga Saint-Lazare, đã khiến nhân viên gác cửa hoàn toàn tin tưởng. Nhưng tình hình đã đảo lộn đáng kể. Tôi không còn được tự do nữa. Không thể thực hiện một trong những mảnh lối đó. Sau khi lục soát tất cả các toa tàu, ngài Cảnh sát trưởng sẽ phát hiện ra ông Arsène Lupin, bị trói cả tay lẫn chân, ngoan ngoãn như một con cừu, bất lực, sẵn sàng chờ bị tống lên xe tù. Ông ta sẽ chẳng làm được gì ngoài việc chấp nhận bị chuyển đi như một bưu kiện, một món hàng hóa hay một giỏ trái cây, rau củ. Tuy nhiên, để tránh cái kết nhục nhã ấy, tôi có thể làm gì? Trong khi bị trói và bị nhét giẻ vào mồm như thế này? Còn đoàn tàu thì vẫn đang lao sầm sập tới Rouen, chính là ga kế tiếp.

Một câu hỏi nữa được đặt ra, một câu hỏi mà tôi ít quan tâm hơn, nhưng lời giải cho nó lại kích thích sự tò mò nghề nghiệp của tôi. Gã khốn kiếp đang đồng hành cùng tôi có ý định gì? Tất nhiên, nếu chỉ với mỗi mình tôi thôi, khi tới Rouen, gã có thể thả nhiên, thông thả mà rời khỏi toa tàu này. Nhưng còn người phụ nữ kia? Cửa toa tàu mở một cái, người phụ nữ hiện tại đang yên lặng nhìn nhục sẽ lập tức hét lên để cầu cứu. Đó là tình thế tiến thoái lưỡng nan khiến tôi rối trí! Tại sao gã không bắt nàng phải chịu chung hoàn cảnh như tôi đi? Như thế gã sẽ có khối thời gian để mưu thoát trước khi vụ án kép này bị phát hiện.

Gã đàn ông vẫn hút thuốc, đăm đăm nhìn nước mưa lúc bấy giờ đang chảy thành dòng trên ô kính cửa sổ. Rồi gã quay lại, nhật bảng giờ tàu của tôi lên xem xét.

Người phụ nữ phải tiếp tục giả vờ bất tỉnh để đánh lừa kẻ thù. Nhưng những cơn ho do khói thuốc lá tố cáo tình trạng thực sự của nàng. Còn về phía tôi, tôi cảm thấy rất khó chịu, rất mệt mỏi. Và tôi trầm ngâm ngẫm nghĩ. Tôi thầm lập kế bày mưu.

Đoàn tàu cứ hớn hở lao đi, say sưa với tốc độ của chính nó.

Tới Saint Étienne rồi!... Lúc ấy, gã kia đứng dậy và tiến hai bước về phía chúng tôi, khiến cho người phụ nữ la lên hốt hoảng và bất tỉnh nhân sự thật. Gã định làm gì? Gã hạ kính cửa sổ phía chúng tôi xuống. Lúc này, ngoài trời mưa nặng hạt, gã làm một cử chỉ khiến tôi hiểu là gã đang bức bối vì không có ô và áo choàng. Gã liếc nhìn giá để đồ. Có cái ô của người phụ nữ kia. Gã lấy cái ô. Gã cũng lấy luôn cả áo choàng của tôi, mặc vào.

Chúng tôi đang đi qua sông Seine. Gã đàn ông xấn gấu quăn, thò đầu ra ngoài cửa sổ, rút chốt cài lên. Gã định nhảy khỏi tàu chẳng? Với tốc độ này, làm vậy coi như lĩnh cái chết tức thì. Chúng tôi đang đi vào đoạn đường hầm. Gã mở hé cánh cửa và đứng ở bậc lên xuống trên cùng. Mới điên rồi làm sao! Bóng tối, những làn khói tàu, những âm thanh rền rập, tất cả kết hợp lại với nhau khiến hành động của gã mang một vẻ kỳ dị. Nhưng đoàn tàu đột ngột giảm tốc độ. Lát sau, nó lại tăng tốc, rồi lại chạy chậm lại. Có thể người ta đang sửa chữa chỗ nào đó trong đường hầm, nên đoàn tàu bắt buộc phải giảm tốc độ, và gã đàn ông đã biết trước. Gã ngay lập tức bước xuống bậc thấp hơn, đóng cánh cửa lại đằng sau lưng, nhảy khỏi tàu. Biến mất.

Người phụ nữ ngay lập tức trấn tĩnh lại, và hành động đầu tiên là than van về những món trang sức bị cướp. Tôi cúi đầu nhìn nàng. Nàng hiểu, và nhanh chóng rút giẻ bịt miệng tôi ra. Nàng muốn cởi dây trói cho tôi, nhưng tôi ngăn nàng lại.

“Không, không, cảnh sát phải nhìn thấy chính xác tất cả sự việc. Tôi muốn họ nhìn thấy tên khốn kiếp kia đã làm gì chúng ta.”

“Thế tôi bấm chuông báo động nhé?”

“Quá muộn rồi. Lẽ ra bà phải làm việc đó lúc hắn tấn công tôi cơ.”

“Nhưng như thế thì hắn giết tôi mất. Ôi! Thưa ông, chẳng phải tôi đã nói với ông là hắn có mặt trên chuyến tàu này ư? Tôi nhận ra hắn qua ảnh chân dung. Và bây giờ thì hắn đã cao chạy xa bay với số vàng bạc châu báu của tôi rồi.”

“Bà yên tâm. Cảnh sát sẽ tóm cổ được hắn.”

“Tóm cổ Arsène Lupin ư? Không bao giờ.”

“Đi đâu đó phụ thuộc vào bà, thưa bà. Bà nghe này. Khi chúng ta tới Rouen, hãy đứng ở cửa toa tàu và la lên. Hãy làm ồn ỉ lên. Cảnh sát và nhân viên nhà ga sẽ có mặt. Hãy thuật lại với họ những gì bà đã chứng kiến: Việc tôi bị tấn công và việc Arsène Lupin chuồn mất. Hãy mô tả hắn... hắn đội mũ mềm, cạp ô... mặc áo choàng màu xám... của bà.”

“Của ông chứ.” Thiếu phụ nói.

“Cái gì? Của tôi ư? Hoàn toàn không phải. Của hắn đấy. Tôi có cái áo choàng nào đâu.”

“Tôi nhớ hình như hắn không mặc áo choàng khi lên tàu.”

“Vâng, vâng... trừ phi cái áo là của ai đó để quên trên giá từ trước. Dù gì thì hắn cũng đã mặc cái áo ấy lúc tàu thoát, và điểm này là điểm cốt yếu. Hãy nhớ nhé, áo choàng màu xám!... Ô! Tôi quên mất. Bà phải khai tên mình, trước tiên phải khai tên mình. Chức vụ của ông nhà sẽ khiến cảnh sát làm việc nhiệt tình, sốt sắng.”

Chúng tôi tới ga. Tôi chỉ dẫn thêm cho nàng bằng giọng khá cấp thiết: “Hãy nói với cảnh sát tên tôi... Guillaume Berlat. Nếu cần, hãy nói là bà quen biết tôi. Như thế sẽ tiết kiệm được thời gian. Chúng ta phải làm sao

để bước đi đầu tra sơ bộ được xử lý chóng vánh. Việc quan trọng là truy đuổi Arsène Lupin. Đừng quên sổ vàng bạc châu báu của bà! Đừng phạm bất cứ sai lầm gì. Guillaume Berlat, một người bạn của ông nhà.”

“Tôi hiểu rồi... Guillaume Berlat.”

Thiếu phụ đã sẵn sàng la hét và khua tay múa chân. Tàu vừa dừng lại, mấy người đàn ông bước vào toa chúng tôi. Thời khắc quyết định bắt đầu.

Thở hổn hà hổn hển, thiếu phụ kêu lên: “Arsène Lupin... Hắn tấn công chúng tôi. Hắn lấy hết vàng bạc châu báu của tôi. Tôi là bà Renaud... Chồng tôi là giám đốc một trại cải tạo... Ôi! Đây là em trai tôi, Georges Ardelle, Giám đốc Ngân hàng Crédit Rouennais... Các ông hẳn đã biết.”

Thiếu phụ ôm chầm lấy một thanh niên vừa vào trong toa, và viên Cảnh sát trưởng trông thấy người này thì chào hỏi. Rồi nàng tiếp tục nức nở: “Đúng vậy, Arsène Lupin... lợi dụng lúc ông đây đang ngủ, hắn siết lấy cổ họng ông ấy... ông Berlat, một người bạn của chồng tôi.”

Viên Cảnh sát trưởng hỏi: “Nhưng Arsène Lupin đâu rồi?”

“Hắn nhảy khỏi tàu lúc tàu chạy xuyên qua đường hầm.”

“Bà có chắc chắn đó là hắn không?”

“Tôi chắc chắn mà! Tôi hoàn toàn nhận ra hắn. Hơn nữa, người ta đã trông thấy hắn ở ga Saint-Lazare. Hắn đội một cái mũ mềm...”

“Không, mũ phớt, như thế kia.” Viên Cảnh sát trưởng chỉ vào mũ tôi, nói.

“Tôi chắc chắn hắn đội mũ mềm.” Bà Renaud nhắc lại. “Và mặc cái áo choàng màu xám.”

“Đúng, đúng vậy.” Viên Cảnh sát trưởng đáp lời. “Điện tín thông báo rằng hắn mặc áo choàng màu xám có cổ nhung đen.”

“Chính xác, cổ nhung đen.” Bà Renaud kêu lên đắc thắng.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Ôi! Thiếu phụ bé nhỏ đó thật là một người bạn tuyệt vời.

Các nhân viên cảnh sát cời trói cho tôi. Tôi tự cắn môi mình đến mức tứa máu. Tôi đứng lom khom, dùng khăn mùi soa che miệng, đúng kiểu một người vừa ở tư thế gò bó quá lâu, và miệng còn đang rớm máu vì bị nhét giấy. Tôi nói với viên Cảnh sát trưởng, giọng yếu ớt: “Thưa ngài, đó là Arsène Lupin. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nếu chúng ta khẩn trương lên, chúng ta sẽ tóm cổ được hắn. Tôi cho rằng tôi có thể giúp đỡ các ngài trong chuyện này.”

Toa tàu nơi xảy ra vụ án được tách khỏi đoàn tàu, coi như là vật chứng phục vụ việc đi điều tra chính thức. Còn đoàn tàu thì tiếp tục hành trình tới Havre. Sau đó, chen qua đám đông những kẻ tò mò, chúng tôi được đưa đến phòng làm việc của trưởng ga.

Rồi bỗng dưng tôi có cảm giác ngột ngạt, thấy cần hành động thận trọng hơn. Tôi phải viện một cái cớ gì đó để đi lấy xe hơi và chuồn. Ở lại đó sẽ nguy hiểm. Có thể sẽ có chuyện xảy ra, một bức điện từ Paris chẳng hạn, và tôi coi như thua cuộc.

Phải, nhưng còn những thứ tôi bị cướp? Một thân một mình giữa vùng nông thôn xa lạ, tôi không hy vọng gì tóm cổ được gã đàn ông kia.

“Chà! Mình phải thử xem sao chứ.” Tôi tự nhủ. “Có thể là một ván bài khó khăn, nhưng thú vị, và tiền thưởng cũng đáng để nỗ lực.”

Khi viên Cảnh sát trưởng yêu cầu chúng tôi thuật lại tình tiết vụ cướp, tôi kêu lên: “Thưa ngài, Arsène Lupin thực sự đang có lợi thế hơn chúng ta. Xe hơi của tôi đỗ sẵn sàng ngoài sân kia, nếu ngài vui lòng sử dụng, chúng ta có thể cố gắng...”

Viên Cảnh sát trưởng mỉm cười, đáp: “Ý tưởng hay đấy, thực sự rất hay, nên nó đã được thực hiện rồi. Hai nhân viên của chúng tôi đã đuổi theo hắn bằng xe đạp. Họ đi cách đây một lúc.”

“Họ đi đâu vậy?”

“Tới lối vào đường hầm. Ở đó, họ sẽ thu thập bằng chứng, tìm kiếm nhân chứng và lần theo dấu vết của Arsène Lupin.”

Tôi không kìm được cái nhún vai, nói: “Nhân viên của ngài sẽ chẳng tìm kiếm được bằng chứng hay nhân chứng nào đâu.”

“Thật vậy ư?”

“Arsène Lupin sẽ không để cho ai trông thấy hắn đi ra từ đường hầm. Hắn sẽ lựa chọn con đường đầu tiên...”

“Tới Rouen, nơi chúng tôi sẽ bắt hắn.”

“Hắn không đi Rouen đâu.”

“Vậy thì hắn vẫn còn loanh quanh trong vùng này thôi, việc hắn sẽ bị bắt thậm chí càng chắc chắn hơn nữa.”

“Hắn không loanh quanh trong vùng này đâu.”

“Ồ!Ồ! Thế thì hắn trốn chỗ nào?”

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay, nói: “Lúc này, Arsène Lupin đang lảng vảng xung quanh ga Darnétal. Và vào mười giờ năm mươi, tức là sau hai mươi

hai phút nữa, hẳn sẽ lên chuyến tàu từ Rouen đi Amiens.”

“Ông nghĩ thế ư? Làm sao ông biết được?”

“Ồ! Hết sức đơn giản thôi. Khi chúng tôi ở trong toa, Arsène Lupin đã tra bảng giờ tàu của tôi. Hẳn làm thế để làm gì? Chẳng phải là cách không xa địa điểm hẳn biến mất có một tuyến đường sắt khác, có một nhà ga nằm trên tuyến đường sắt này, và một đoàn tàu đang đỗ ở nhà ga ấy? Nghiên cứu bảng giờ tàu, tôi thấy tình hình nó như thế đấy.”

“Thật vậy, thưa ông.” Viên Cảnh sát trưởng nói. “Sự suy luận tuyệt vời. Xin chúc mừng ông, ông có kỹ năng rất tốt.”

Lúc bấy giờ, tôi nhận thấy tôi đã phạm phải sai lầm khi thể hiện quá mức trí tuệ của mình. Viên Cảnh sát trưởng chăm chăm nhìn tôi với nỗi kinh ngạc, và tôi nghĩ có chút gì đó ngờ vực đã xuất hiện trong tư duy nghề nghiệp của ông ta... Ôi! Chắc chắn là không chứ, vì những bức ảnh cảnh sát ban bố đi trông tẻ quá chừng, chúng cung cấp dung mạo một Arsène Lupin quá khác so với cái kẻ đang đứng trước mặt ông ta, tới mức ông ta chẳng tài nào nhận ra được. Dẫu sao, ông ta vẫn bắn khoả, bối rối, bứt rứt.

“Trời ơi! Chẳng có gì kích thích trí óc hoạt động bằng việc bị mất toàn bộ chiếc ví và chỉ mong sao lấy lại được. Thiết nghĩ, nếu ngài cho tôi hai người, xem ra chúng tôi có thể...”

“Ôi! Tôi xin ngài, ngài Cảnh sát trưởng.” Bà Renaud thốt lên. “Ngài hãy nghe theo ông Berlat.”

Thời điểm người bạn tuyệt vời của tôi xen vào thật có tính quyết định. Được chính nàng – phu nhân một quan chức có thể lực – nói ra, cái tên Berlat thực sự trở thành tên tôi, và trao cho tôi một nhân thân không ai có

thể may mắn nghĩ ngờ gì nữa. Viên Cảnh sát trưởng đứng dậy, nói: “Ông Berlat, ông hãy tin tưởng tôi, tôi sẽ rất lấy làm vui mừng được thấy ông thành công. Và tôi cũng muốn tóm cổ Arsène Lupin y như ông vậy.”

Ông ta tháp tùng tôi ra xe, giới thiệu hai người của mình, Honoré Massol và Gaston Delivet, được phân công hỗ trợ tôi. Tài xế của tôi khởi động máy, và tôi ng ồi vào c ần lái. Mấy giây sau, chúng tôi rời khỏi nhà ga. Tôi thế là đã thoát.

A! Phải thú nhận rằng lúc chiếc Moreau-Lepton ba mươi lăm mã lực của tôi lướt veo veo trên những đại lộ chạy xung quanh cái thành phố Normande cổ kính này, tôi đắm chìm trong cảm giác hãnh diện, và chiếc xe hưởng ứng nỗi khát khao của tôi. Cây cối vùn vụt lướt qua hai bên đường, và tôi, hoàn toàn tự do, không còn hiểm nguy nào phải đối phó, chỉ việc thu xếp vài vấn đề riêng tư nhỏ với hai đại diện trung thực của cảnh sát Rouen đang ng ồi phía sau xe. Arsène Lupin đang truy tìm Arsène Lupin!

Những người bảo vệ trật tự xã hội đây khiêm nhường, Gaston Delivet và Honoré Massol, sự hỗ trợ của các anh thật đáng quý! Tôi có thể làm gì nếu không có sự hỗ trợ của các anh? Không có các anh, nhiều lần qua ngã ba hay ngã tư, khéo tôi đã rẽ nhầm hướng! Không có các anh, khéo Arsène Lupin đã mắc sai lầm, và kẻ kia đã trốn thoát mất!

Nhưng h ồi kết chưa tới. Còn lâu mới tới. Tôi còn phải tóm cổ được tên trộm và đoạt lại những giấy tờ gã đã cướp mất. Bất luận trong hoàn cảnh nào, hai anh chàng phụ tá của tôi cũng không được phép trông thấy những giấy tờ đó, càng không được phép nắm giữ. Đó là điểm khiến tôi thấy hơi khó khăn.

Chúng tôi tới Darnétal ba phút sau khi tàu khởi hành. Thực sự, tôi được

động viên khuyến khích khi biết có một người đàn ông mặc áo choàng màu xám cổ nhung đen lên tàu tại đây. Gã mua vé hạng hai đi Amiens. Lần đầu tiên làm thám tử của tôi chắc chắn hứa hẹn thành công rực rỡ.

Delivet nói với tôi: “Đó là tàu tốc hành, và mười chín phút nữa sẽ đỗ ở ga tiếp theo là Montérolier-Buchy. Nếu chúng ta không đến đây trước Arsène Lupin được, hẳn có thể tiếp tục đi Amiens, hoặc chuyển tàu đi Clères, rồi từ đó đi Dieppe hoặc Paris.”

“Montérolier cách đây bao xa?”

“Hai mươi ba kilomet.”

“Hai mươi ba kilomet trong mười chín phút... Chúng ta sẽ đến đây trước hẳn.”

Chúng tôi tiếp tục lên đường! Chưa bao giờ chiếc Moreau-Lepton trung thành này đáp lại tâm trạng sốt ruột của tôi bằng sự nhiệt tình và ổn định như vậy. Nó tán thành quyết tâm của tôi. Nó thấu hiểu nỗi hờn căm của tôi đối với gã Arsène Lupin khốn kiếp. Đồ bất lương! Kẻ phản bội!

“Rẽ phải đi.” Delivet hét lên. “Rồi rẽ trái.”

Chúng tôi phóng như bay, gần như không tiếp đất. Những cột mốc chỉ đường tựa như lũ tiểu yêu nhút nhát lao biến đi mỗi khi chúng tôi tiến tới. Bỗng nhiên, tại một khúc quanh, chúng tôi trông thấy một cột khói. Đó là đoàn tàu tốc hành miền Bắc. Trong vòng một kilomet, chúng tôi chiến đấu với nhau về tốc độ, một cuộc chiến đấu không cân sức mà kết quả đã chắc chắn. Chúng tôi về đích trước hai mươi thân xe.

Ba giây sau, chúng tôi đã đứng trên sân ga, trước các toa hạng hai. Các cánh cửa mở ra, một số hành khách xuống tàu, nhưng không có tên trộm

mà tôi đang tìm kiếm. Chúng tôi lục soát khắp các toa. Không thấy bóng dáng Arsène Lupin đâu cả.

“Trời ạ!” Tôi kêu lên. “Hắn ắt đã nhận ra tôi ngồi trên xe khi chúng ta rượt đuổi ngay bên cạnh và đã nhảy khỏi tàu rồi.”

“A! Hắn kia kìa! Đang băng qua đường tàu.”

Tôi bắt đầu đuổi theo gã đàn ông, hai anh chàng phụ tá bám đằng sau tôi, hay nói đúng hơn chỉ một anh thôi, vì anh kia, Massol, thể hiện là tay chạy với tốc độ và sức bền hiếm có. Loáng sau, anh ta gần như đã bắt kịp kẻ bỏ trốn. Gã nhận ra đi đầu ấy, nhảy qua một hàng rào, ba chân bốn cẳng vượt qua một bãi cỏ, và chui vào một khu rừng nhỏ rậm rạp. Khi chúng tôi tới được bìa rừng, Massol đang đợi. Anh ta không tiến thêm nữa vì sợ lạc mất chúng tôi.

“Hoàn toàn đúng đấy, anh bạn thân mến.” Tôi nói. “Sau một cuộc rượt đuổi như vậy, con mồi của chúng ta ắt hụt hơi rồi. Bây giờ thì chúng ta sẽ tóm hắn.”

Tôi xem xét khu vực xung quanh, suy tính việc một mình bắt kẻ bỏ trốn, để lấy lại các thứ giấy tờ mà nếu rơi vào tay chính quyền, họ chắc chắn sẽ đặt ra những câu hỏi đáng khó chịu. Rồi tôi quay lại nói với hai anh bạn đồng hành: “Công việc khá dễ dàng thôi. Anh, Massol, trấn bên tay trái nhé. Anh, Delivet, bên tay phải. Như thế, hai anh sẽ bao quát được toàn bộ bìa rừng, và hắn không thể tẩu thoát mà không bị các anh phát hiện, trừ phi hắn tẩu thoát qua khe núi kia, nhưng tôi sẽ canh chừng ở đó. Nếu hắn không tự nguyện mò ra, tôi sẽ vào lừa hắn ra, về phía một trong hai anh. Hai anh chỉ phải đợi. À! Tôi quên mất, trong trường hợp cần hỗ trợ, tôi sẽ bắn một phát súng lục.”

Massol và Delivet bước tới vị trí của mình. Họ vừa đi khỏi, tôi ngay lập tức tiến vào rừng, cố gắng nhẹ nhàng và thận trọng nhất có thể để không bị nhìn thấy hay nghe thấy. Tôi gặp các bụi cây um tùm, rậm rạp, phía dưới đã phát quang thành đường mòn nhưng bên trên vẫn lòa xòa cành lá nên tôi không đi thẳng người được. Một trong những đường mòn ấy dẫn đến khoảng trống giữa rừng, và tôi thấy các dấu chân in trên mặt cỏ ướt. Tôi đi theo các dấu chân, chúng dẫn đến một cái gò nhỏ, một túp nhà bỏ hoang, đổ nát nằm trên đỉnh gò.

“Hắn ắt đang trong đó.” Tôi tự nhủ. “Quả là một nơi trú ẩn tốt đấy.”

Tôi rón rén tiến đến bên hông túp nhà. Một tiếng động khê khàng cho tôi biết gã đàn ông đang ở trong đó, rồi tôi trông thấy gã qua khe hở. Gã quay lưng lại phía tôi. Chỉ hai bước nhảy, tôi đã chồm lên được người gã. Gã bóp cò khẩu súng lục cầm trong tay, nhưng không kịp nữa rồi. Tôi xô gã ngã xuống đất, vịn hai cánh tay gã ra sau lưng khiến gã hoàn toàn bất lực. Tôi thì đầu gối lên ngực gã.

“Nghe đây, cậu chàng.” Tôi thì thầm vào tai gã. “Ta là Arsène Lupin. Hãy đưa cho ta, ngay lập tức và lễ phép vào, chiếc ví của ta và số vàng bạc châu báu của người phụ nữ kia. Đổi lại, ta sẽ cứu cậu thoát khỏi đám cảnh sát và ghi tên cậu vào danh sách các chiến hữu của ta. Một lời thôi: Có hay không?”

“Có.” Gã lầm bầm.

“Rất tốt. Vụ tẩu thoát sáng hôm nay của cậu được chuẩn bị đầu vào đấy nhỉ. Ta chúc mừng cậu.”

Tôi đứng dậy. Gã đàn ông lặn trong túi áo, rút ra một con dao to và cố tấn công tôi.

“Đồng gốc!” Tôi kêu lên.

Một tay tôi gạt đòn tấn công, còn tay kia tôi thoi mạnh vào động mạch cảnh của gã. Gã ngã lảo nhào, bất tỉnh!

Tôi lấy lại được chiếc ví đựng giấy tờ và tiền. Vì tò mò, tôi xem giấy tờ của gã đàn ông. Trên một phong bì thư gửi cho gã, ghi tên Pierre Onfrey. Cái tên khiến tôi giật mình. Pierre Onfrey, thủ phạm vụ ám sát tại đường Lafontaine, vùng Auteuil! Pierre Onfrey, kẻ đã cắt cổ bà Delbois và hai con gái bà. Tôi cúi xuống nhìn gã. Phải, đó là bộ mặt mà lúc ở trong toa tàu tôi cứ có cảm giác quen quen, nhưng lúc bấy giờ không tài nào nhớ ra được.

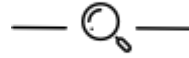
Tuy nhiên, thời gian đang trôi qua. Tôi bỏ hai tờ một trăm franc vào phong bì, cùng tấm danh thiếp ghi những dòng sau.

Arsène Lupin gửi tới hai cộng sự đáng quý, Honoré Massol và Gaston Delivet, chút quà nho nhỏ thể hiện lòng biết ơn của mình.

Tôi đặt chiếc phong bì ở chỗ dễ thấy nhất trong căn phòng, họ chắc chắn sẽ phát hiện ra nó. Bên cạnh đó, tôi đặt chiếc túi xách của bà Renaud. Sao tôi lại không thể trả chiếc túi cho người phụ nữ đã giúp đỡ tôi chứ? Phải thú nhận rằng trước đây, tôi đã lấy toàn bộ những gì có giá trị hoặc những gì tôi thấy thích, chỉ để lại chiếc lược làm bằng vỏ sò, một thỏi son đỏ hiệu Dorin, và một cái ví rỗng. Quý vị biết đấy, công việc là công việc. Và thực sự thì nghề nghiệp của chúng bà ta cũng thật đáng xấu hổ!

Gã đàn ông đang dần dần tỉnh lại. Tôi nên làm gì đây? Tôi không thể cứu gã cũng không thể xử gã. Vì thế, tôi lấy khẩu súng lục của gã, bắn một phát chỉ thiên.

“Hai phụ tá của mình sẽ đến trông nom săn sóc hẳn.” Tôi tự nhủ, rồi vội vã đi theo con đường xuyên qua khe núi. Hai mươi phút sau, tôi đã ngồi yên vị trong xe hơi của mình.



Bốn giờ chiều, tôi đánh điện cho mấy người bạn ở Rouen, thông báo rằng một sự việc bất ngờ khiến tôi không thể tới chơi như đã hẹn. Nói riêng giữa chúng ta với nhau, xét đến tình hình mà lúc bấy giờ họ hẳn đã biết, chuyến viếng thăm của tôi coi như bị trì hoãn vô thời hạn. Thật là một nỗi thất vọng phũ phàng dành cho họ!

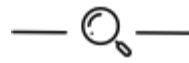
Sáu giờ tối, tôi có mặt tại Paris. Qua các tờ báo ra buổi tối hôm đó, tôi được biết Pierre Onfrey cuối cùng cũng đã bị bắt.

Ngày tiếp theo – chúng ta hãy đừng xem thường lợi thế mà việc quảng bá một cách khôn ngoan đem lại – tờ *Tiếng vang nước Pháp* đăng tin tức giật gân sau:

Hôm qua, ở gần Buchy, sau hàng loạt sự kiện gay cấn, Arsène Lupin đã khiến Pierre Onfrey bị bắt giữ. Thủ phạm vụ ám sát tại đường Lafontaine đã cướp tài sản của bà Renaud, phu nhân giám đốc một trại cải tạo, trên chuyến tàu hỏa tuyến Paris-Havre. Arsène Lupin đã trả lại cho bà Renaud chiếc túi xách đựng các món trang sức, và tặng thưởng hậu hĩnh cho hai thám tử hỗ trợ anh thực hiện cuộc bắt giữ đầy kịch tính này.



Chiếc vòng cổ của nữ hoàng



Mỗi năm, đôi ba lần, vào những dịp quan trọng đặc biệt, chẳng hạn như những buổi khiêu vũ tại Đại sứ quán Áo hay những buổi dạ hội do phu nhân Billingsstone tổ chức, nữ Bá tước Dreux-Soubise lại chưng trên đôi vai trăn trắng nõn nà *Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng*.

Nó đích thực là chiếc vòng cổ nổi tiếng đó, chiếc vòng cổ huyền thoại mà Bohmer và Bassenge, hai thợ kim hoàn của triều đình, đã chế tác cho phu nhân du Barry, chính là chiếc vòng cổ mà đức Hoàng y Giáo chủ Rohan-Soubise định tặng Marie-Antoinette, Hoàng hậu nước Pháp, cũng chính là chiếc vòng cổ bị Jeanne de Valois, người phụ nữ gian hùng, nữ Bá tước de la Motte, phá tan tành vào một buổi tối tháng Hai năm 1785, với sự tiếp tay của chồng bà ta và kẻ đồng lõa, Rétaux de Villette.

Thực thà mà nói, chỉ bộ khung của chiếc vòng là nguyên gốc. Rétaux de Villette giữ bộ khung, còn Bá tước de la Motte và vợ ông ta đã vãi những viên ngọc đẹp long lanh từng được Bohmer lựa chọn hết sức cẩn thận ra bốn phương tám hướng. Về sau, Rétaux de Villette bán bộ khung

cho Gaston de Dreux-Soubise, cháu trai và là người thừa kế của đức Hồng y Giáo chủ, người cũng mua vài viên kim cương còn sót lại của chiếc vòng cổ từ nhà chế tác kim hoàn Anh quốc, Jeffreys, rồi bổ sung thêm bằng những viên đá quý khác cùng kích thước nhưng chất lượng kém hơn nhiều, khôi phục chiếc vòng cổ tuyệt vời với hình dáng giống như khi nó vừa rời khỏi đôi bàn tay của Bohmer và Bassenge.

Trong gần một thế kỷ, nhà Dreux-Soubise luôn luôn tự hào vì là chủ sở hữu của chiếc vòng cổ đậm tính lịch sử đó. Mặc dù nghịch cảnh đã khiến họ sa sút về tài sản, họ thà thất lưng buộc bụng, cắt giảm chi tiêu hằng ngày, chứ dứt khoát không bán đi di vật hoàng gia này. Đặc biệt, ngài Bá tước hiện giờ gắn bó với chiếc vòng tựa như người ta gắn bó với ngôi nhà của tổ tiên, dòng họ. Để đảm bảo an toàn, ngài thuê một két sắt ký gửi ở Ngân hàng Crédit Lyonnais, cất giữ chiếc vòng. Dích thân ngài đi lấy nó vào buổi chiều ngày nào mà vợ ngài muốn đeo và buổi sáng ngày hôm sau, cũng dích thân ngài lại mang nó đến ngân hàng.

Buổi tối hôm ấy, tại tiệc chiêu đãi trong cung điện Castille, nữ Bá tước đã thành công đặc biệt. Vua Christian, khách mời danh dự của bữa tiệc, đã có lời ngợi khen sắc đẹp và sự duyên dáng của bà. Những viên kim cương với hàng ngàn mặt cắt tinh xảo lấp lánh sáng như những ngọn lửa nhỏ xung quanh chân cổ và đôi vai quyến rũ của nữ Bá tước. Hoàn toàn không quá khi nói rằng chẳng ai ngoài bà có thể đeo được một món trang sức nặng đến thế mà trông vẫn nhẹ nhàng, uyển chuyển đến thế.

Đây quả là một chiến thắng kép, và ngài Bá tước Dreux-Soubise hết sức hoan hỉ khi họ trở về phòng ngủ của mình trong ngôi nhà cũ kĩ ở vùng ngoại ô Saint-Germain. Ngài tự hào về vợ, và có lẽ chẳng kém tự hào về chiếc vòng cổ đã khiến ngôi nhà mà gia đình ngài từng sống qua nhiều thế

hệ được vẻ vang rạng rỡ thêm. Vợ ngài cũng ngắm nghía chiếc vòng với niềm kiêu căng gần như trẻ con, không khỏi nuối tiếc khi phải tháo nó ra và đưa lại cho chồng. Đức phu quân mê mẩn nhìn nó như thể mới nhìn nó lần đầu tiên. Rồi, đặt nó vào chiếc hộp da màu đỏ đóng dấu Hồng y Giáo chủ, ngài đi vào buồng bên cạnh, thực ra chỉ là một kho để đồ được ngăn ra từ phòng ngủ, và muốn đi vào đây thì bắt buộc phải đi qua một cái cửa ở ngay đuôi giường vợ chồng ngài. Như nhiều lần trước, ngài đặt chiếc hộp lên giá cao, giữa các hộp đựng mũ và từng chồng khăn ăn, khăn trải bàn... bằng vải lanh. Ngài đóng cánh cửa buồng đi nghỉ.

Hôm sau, ngài Bá tước thức dậy vào khoảng chín giờ, dự định sẽ đến Ngân hàng Crédit Lyonnais rồi mới trở về dùng bữa sáng. Ngài thay quần áo, uống tách cà phê, rồi ra chuồng ngựa yêu cầu chuẩn bị xe. Nhưng tình trạng sức khỏe của một con ngựa khiến ngài lo lắng. Ngài bắt phải cho nó vận động để ngài xem. Sau đó, ngài quay lại gặp vợ lúc bấy giờ vẫn chưa rời khỏi phòng ngủ. Người hầu gái đang chải tóc cho bà Bá tước. Khi chồng bà bước vào, bà hỏi: “Anh chuẩn bị ra ngoài à?”

“Ừ, đến ngân hàng thôi.”

“Đương nhiên rồi. Đi ngay bây giờ là sáng suốt đấy.”

Ngài Bá tước bước vào kho để đồ, nhưng, sau vài giây, không hề tỏ ra là có chút gì sững sốt, ngài hỏi: “Em lấy nó ra rồi à, em yêu?”

“Gì cơ?... Không, em không lấy cái gì cả.”

“Em hẳn đã lấy nó ra rồi.”

“Không hề. Em thậm chí chưa mở cái cửa đó.”

Ngài Bá tước bước ra, luống cuống, lắp bắp, nói với giọng hầu như

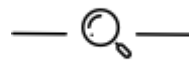
không nghe được: “Em chưa... Không phải em?... Thế thì...”

Bà Bá tước hấp tấp lao đến hỗ trợ chồng, rồi họ cùng lục lọi kỹ lưỡng, ném các cái hộp xuống sàn và giở tung hàng đồng khăn ăn, khăn trải bàn. Cuối cùng, ngài Bá tước nói một cách hết sức chán nản: “Tìm kiếm nữa cũng vô ích thôi. Tôi đã để nó ở đây, trên cái giá này.”

“Anh hẳn đã nhớ nhầm.”

“Không, không, nó đã được để ở cái giá này – không nơi nào khác.”

Họ thấp nển lên, vì buồng khá tối, rồi họ mang hết tất cả mọi thứ cất bên trong ra ngoài. Và sau khi buồng hoàn toàn trống trơn, họ đành phải tuyệt vọng mà chấp nhận sự thật rằng chiếc vòng cổ lừng danh đã biến mất. Không tốn thời gian than vãn vô ích, bà Bá tước trình báo với ngài Cảnh sát trưởng Valorbe.



Ngài Cảnh sát trưởng ngay lập tức đến hiện trường, nghe thuật lại câu chuyện xong thì hỏi ngài Bá tước: “Ngài có chắc chắn là hồi đêm không có ai đi qua phòng ngủ của vợ chồng ngài không?”

“Tuyệt đối chắc chắn, vì tôi rất thính ngủ. Hơn nữa, phòng ngủ có then cài, và tôi nhớ sáng hôm nay tôi còn rút then cài khi vợ tôi bấm chuông gọi đưa hầu gái mà.”

“Và không còn đường nào khác để lọt vào buồng?”

“Không.”

“Không có cửa sổ?”

“Có cửa sổ, nhưng đã bị đóng vĩnh viễn rồi.”

“Để tôi xem xét.”

Những cây nến được thắp lên, và Valorbe ngay lập tức quan sát thấy nửa dưới cửa sổ được chắn bằng một chiếc tủ lớn, tuy nhiên, chiếc tủ vẫn hơi hẹp, hai bên thành tủ chưa ra tới hai bên khung cửa.

“Cửa sổ mở ra đâu thế, thưa ngài?”

“Ra một cái sân trong nhỏ.”

“Và trên này còn một tầng nữa à?”

“Còn hai tầng, nhưng từ tầng mà người hầu ở có lưới sắt mắt dày giăng ra sân, nên phòng này mới tối thế.”

Khi họ kéo chiếc tủ ra, họ thấy cửa sổ vẫn chốt chặt, vậy thì không ai lọt vào bằng đường này được.

“Trừ phi kẻ đột nhập đi ra qua phòng ngủ của vợ chồng tôi.” Ngài Bá tước nói.

“Nếu thế thì ngài đã thấy cửa không còn cài then chứ.”

Ngài Cảnh sát trưởng cân nhắc tình hình một lát, rồi hỏi bà Bá tước: “Có người hầu nào biết tối hôm qua bà đeo chiếc vòng cổ không?”

“Chắc chắn là có chứ, tôi không hề giấu giếm việc đó mà. Nhưng không ai biết chúng tôi cất chiếc vòng ở trong buồng này cả.”

“Không ai à?”

“Không ai cả... trừ phi...”

“Hãy thật chắc chắn, thưa bà, vì điếu này rất quan trọng.”

Bà Bá tước quay sang ch ồng mình, nói: “Em đang nghĩ tới Henriette.”

“Henriette ư? Cô ấy không biết chỗ chúng ta cất đâu.”

“Anh chắc chắn chứ?”

“Cô Henriette này là ai vậy?” Valorbe hỏi.

“Một người bạn học, bị gia đình ru ồng rẫy vì kết hôn không môn đăng hộ đối. Sau khi ch ồng cô ấy mất, tôi bố trí một căn phòng trong nhà cho cô ấy với cậu con trai. Cô ấy may vá rất khéo léo và giúp đỡ tôi một số việc.”

“Cô ấy ở t ầng nào?”

“Cùng t ầng với chúng tôi... cuối hành lang... và tôi nghĩ... cửa sổ căn bếp của cô ấy...”

“Mở ra cái sân trong này, đúng không ạ?”

“Đúng vậy, đối diện ngay cửa sổ phòng chúng tôi.”

Valorbe yêu c ầu được gặp Henriette. Họ đi đến phòng cô. Cô đang khâu vá, còn cậu con trai Raoul, khoảng sáu tuổi, đang ng ồi đọc sách cạnh mẹ. Ngài Cảnh sát trưởng ngạc nhiên trước căn phòng t ối tăm cô ở. Căn phòng không có lò sưởi, thông với một ngăn rất nhỏ dùng làm bếp. Ngài Cảnh sát trưởng bắt đầu thăm vấn cô. Cô tỏ ra hoang mang khi biết về vụ trộm. Buổi tối hôm qua, chính cô đã giúp bà Bá tước thay trang phục và cũng chính cô đã đeo chiếc vòng lên cổ bà.

“Lạy Chúa!” Henriette thốt lên. “Không thể nào!”

“Cô không có ý kiến gì à? Không có nghi ngờ gì dù là nhỏ nhất sao? Liệu có khả năng tên trộm đã đi qua phòng cô không?”

Henriette thành thật bật cười, chẳng hề nghĩ mình lại có thể là một đối tượng bị nghi vấn.

“Nhưng tôi chưa rời khỏi phòng. Tôi chưa ra ngoài. Và có lẽ là ngài chưa biết đâu nhỉ?”

Henriette mở cửa sổ căn bếp, nói: “Ngài thấy đấy, khoảng cách tới mép cửa sổ bên kia ít nhất cũng phải ba mét.”

“Ai nói với cô là chúng tôi đang giả định tên trộm đi qua ngã đó?”

“Nhưng... chiếc vòng cổ được cất trong kho để đồ, đúng không ạ?”

“Làm sao cô biết?”

“Sao cơ ạ, tôi vẫn luôn luôn biết chiếc vòng được cất đó ban đêm mà. Việc này được nói ngay trước mặt tôi.”

Gương mặt Henriette, mặc dù vẫn trẻ trung, hằn rõ dấu vết của sự cam chịu và phiền muộn. Lúc bấy giờ, nó xuất hiện thêm nét lo âu, như thể có mối hiểm nguy nào đó đang rình rập. Cô kéo cậu con trai về phía mình. Cậu bé nắm bàn tay mẹ, hôn âu yếm.

Khi chỉ còn hai người với nhau, ngài Bá tước bảo ngài Cảnh sát trưởng: “Tôi không nghĩ ngài lại nghi ngờ Henriette. Tôi có thể đảm bảo cho cô ấy. Cô ấy chính là hiện thân của sự trung thực.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài.” Valorbe đáp. “Tôi mới nghĩ được là có thể đã có người vô tình đồng lõa. Nhưng tôi phải thú nhận rằng ngay cả giả thiết ấy chúng ta cũng đành từ bỏ thôi, vì nó không hữu ích đối với

việc giải quyết vấn đề trước mắt.”

Ngài Cảnh sát trưởng kết thúc cuộc đi đầu tra, bàn giao lại cho ngài thẩm phán. Ngài thẩm phán xét hỏi những người hầu, kiểm tra tình trạng then cài cửa, thử đóng và mở cửa sổ kho để đồ, khảo sát từ đầu đến cuối cái sân nhỏ. Tất cả đều vô ích. Then cài cửa vẫn nguyên vẹn. Cửa sổ kho để đồ không thể mở hay đóng từ bên ngoài.

Các cuộc thẩm vấn đặc biệt liên quan tới Henriette, vì, bất luận thế nào, chúng cũng luôn luôn hướng vào cô. Họ đi đầu tra kĩ lưỡng về quá khứ của cô, xác định được rằng, trong vòng ba năm vừa qua, cô chỉ ra khỏi ngôi nhà này đúng bốn lần, và những lần đó cô đi đâu, làm gì đều có sự giải thích thỏa đáng. Thực tế, cô vừa là hầu phòng vừa là thợ may cho bà Bá tước, bà này thì cư xử với cô cực kỳ nghiêm khắc, thậm chí là hà khắc.

Đến cuối tuần, ngài thẩm phán cũng chẳng thu thập được thông tin gì cụ thể hơn so với ngài Cảnh sát trưởng. Ngài thẩm phán nói: “Cứ cho là chúng ta đã biết ai là kẻ trộm, mà thực tế tất nhiên chúng ta chưa biết, chúng ta vẫn vướng mắc ở chỗ chúng ta không biết vụ trộm được tiến hành như thế nào. Chúng ta phải đương đầu với hai vấn đề cái cửa và cái cửa sổ – cả hai đều được cài then, đóng chặt. Thành thử, đây là một bí ẩn kép. Làm sao mà một kẻ nào đó có thể lọt vào, và, hơn nữa, làm sao hắn có thể tẩu thoát, bỏ lại sau lưng một cái cửa vẫn còn cài then và một cái cửa sổ vẫn còn đóng chặt?”

Hết bốn tháng, ngài thẩm phán ngấm ngầm cho rằng ông bà Bá tước, bị bức bách về tài chính, vốn dĩ là chuyện thường tình đối với họ, đã bán chiếc vòng cổ của Nữ hoàng đi. Ngài quyết định đóng hồ sơ đi đầu tra.

Bị mất món trang sức nổi tiếng kia là một đòn khốc liệt giáng xuống

nhà Dreux-Soubise. Những khoản vay chẳng còn được đảm bảo bằng một tài sản quý giá như thế nữa, họ bỗng dưng thấy mình bị các chủ nợ giục giã ráo riết. Họ bắt buộc phải cắt giảm chi tiêu triệt để, phải bán hoặc cần cố mọi thứ có chút giá trị. Nói một cách ngắn gọn, họ đáng lẽ đã phá sản hoàn toàn nếu không được thừa kế hai món lớn từ những người họ hàng xa.

Niềm kiêu hãnh của họ cũng sụp đổ, như thể dòng dõi tổ tiên cao quý của họ đã bị mất đi trên tấm gia huy. Và lạ lùng thay, bà Bá tước cứ nhằm người bạn học cũ, Henriette, để trút hết nỗi hằn học. Bà Bá tước thể hiện những tình cảm tức tối nhất, thậm chí công khai buộc tội cô. Đầu tiên, Henriette bị đuổi sang khu vực người hầu, và ngày hôm sau thì bị đuổi hẳn.

Cuộc sống của ông bà Bá tước cứ đầu đầu trôi đi một thời gian. Họ thường xuyên đi đây đi đó. Chỉ duy nhất một sự kiện đáng chú ý xảy ra. Một vài tháng sau khi Henriette đi chỗ khác, bà Bá tước ngạc nhiên nhận được bức thư như sau, ký tên Henriette:

Thưa bà,

Tôi không biết phải cảm ơn bà như thế nào, vì bà, chẳng phải là bà sao, đã gửi cho tôi thứ đó? Không thể là người nào khác được.

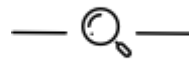
Không ai ngoài bà biết tôi đang sống ở đâu. Nếu tôi có nhần lẫn gì, xin hãy thứ lỗi cho tôi, và xin hãy nhận lấy lời cảm ơn chân thành của tôi vì những ân huệ mà bà đã dành cho tôi dạo trước...

Bức thư muốn nói gì? Những ân huệ mà bà Bá tước dành cho Henriette dù ở hiện tại hay quá khứ chủ yếu đều chỉ là bất công và hờ hững. Vậy tại sao lại có bức thư cảm ơn này?

Khi được yêu cầu giải thích, Henriette trả lời rằng trước đó cô nhận được một bức thư qua đường bưu điện, bên trong có hai tờ một ngàn franc. Trong thư trả lời, cô gửi kèm chiếc phong bì đóng dấu bưu điện Paris, những dòng địa chỉ rõ ràng được viết theo kiểu giả dạng chữ. Vậy hai ngàn franc đó là từ đâu ra? Ai đã gửi? Và vì sao lại gửi?

Mười hai tháng sau, Henriette lại nhận được một bức thư tương tự và một khoản tiền giống như thế. Rồi lần thứ ba, lần thứ tư, mỗi năm một lần trong vòng sáu năm, nhưng có sự thay đổi, đó là lần thứ năm và lần thứ sáu số tiền tăng gấp đôi. Còn có một sự thay đổi nữa: Do nhà chức trách bưu điện trước đây đã giữ một trong những bức thư với lý do thư không đăng ký nơi gửi, hai bức thư cuối cùng được gửi theo đúng thể thức. Bức thư thứ nhất được gửi từ Saint-Germain, bức thư thứ hai được gửi từ Suresnes. Người gửi ký tên ở bức thư nhất là *Anquety*, và ở bức kia là *Péchard*. Các địa chỉ được đăng ký không có thật.

Sau sáu năm thì Henriette qua đời, và bí ẩn vẫn hoàn là bí ẩn.



Toàn bộ những sự việc này ai ai cũng biết. Vụ án này nằm trong số các vụ án thu hút được sự chú ý đặc biệt của dư luận, và thật trùng hợp lạ lùng, khi chiếc vòng cổ đã khiến nước Pháp chấn động hồi cuối thế kỷ XVIII, một thế kỷ sau lại gây chấn động lần nữa. Nhưng câu chuyện tôi sắp sửa kể ra đây thì chỉ những bên trực tiếp liên quan, và vài người mà ngài Bá tước

yêu cầu phải tuyệt đối giữ bí mật, mới biết. Vì rất có thể đến ngày nào đó lời hứa giữ bí mật kia sẽ bị phá vỡ, tôi không ngại ngần gì mà không xé toang bức màn che phủ, tiết lộ chìa khóa giải đáp bí ẩn, tiết lộ lời giải thích về lá thư xuất hiện trên khắp các báo buổi sáng cách đây hai ngày, một lá thư khác thường biết đâu đã làm màn sương mù và bóng tối vốn vẫn bao trùm vở kịch bí ẩn này thêm dày đặc.

Năm ngày trước, nhiều khách khứa được mời đến dùng bữa tối tại nhà ngài Bá tước Dreux-Soubise. Có một số các bà các cô, bao gồm người chị họ và hai cháu gái ngài, cùng với các ông sau đây: ông Chủ tịch Tập đoàn d'Essaville, ông Phó Chủ tịch Bochas, Hiệp sĩ Floriani: người ngài Bá tước quen ở Sicile, và Hầu tước – Tướng Rouzières: một người bạn cũ cùng tham gia câu lạc bộ.

Ăn xong, các bà các cô pha cà phê và cho phép các ông hút thuốc, miễn là họ đừng rời khỏi phòng khách. Mọi người chỉ nói những chuyện chung chung, rồi cuối cùng một vị khách ngẫu nhiên đề cập tới các vụ án đình đám. Và Hầu tước Rouzières, vốn vẫn thích thú mỗi khi được trêu chọc ngài Bá tước, có cơ hội lôi ra vụ Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng, chủ đề mà ngài Bá tước ghét cay ghét đắng.

Mỗi vị khách bày tỏ một ý kiến cá nhân về vụ việc đó, và tất nhiên các giả thiết khác nhau của họ không những trái ngược nhau mà còn không có khả năng xảy ra.

“Thế còn ngài thì sao, thưa ngài?” Bà Bá tước hỏi Hiệp sĩ Floriani.
“Ngài có ý kiến gì?”

“Ồ! Tôi... Tôi không có ý kiến gì, thưa bà.”

Tất cả khách khứa đều phản đối, vì Hiệp sĩ Floriani vừa kể một cách

rất thú vị về những cuộc phiêu lưu mà anh ta từng tham gia với cha mình, một quan tòa ở Palermo, và chính những cuộc phiêu lưu đó đã hình thành nên ở anh ta óc phán đoán, cùng sự tinh tế ý nhị.

“Tôi xin thú nhận rằng tôi đôi khi cũng làm sáng tỏ được những vụ án ly kỳ, bí ẩn mà các thám tử lành nghề nhất đã chịu bó tay.” Hiệp sĩ Floriani nói. “Nhưng tôi không tự nhận mình là Sherlock Holmes. Hơn nữa, tôi hầu như chẳng biết gì về vụ Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng.”

Tất cả mọi người lúc bấy giờ quay sang ngài Bá tước. Do đó, mặc dù hoàn toàn miễn cưỡng, ngài cũng đành thuật lại toàn bộ tình tiết liên quan đến vụ trộm. Hiệp sĩ Floriani lắng nghe, ngẫm nghĩ, đặt vài câu hỏi, rồi nói: “Hết sức kỳ lạ... Vụ này thoát tiên xem ra rất đơn giản.”

Ngài Bá tước nhún vai. Những người khác xích lại gần Hiệp sĩ Floriani hơn khi anh ta tiếp tục với giọng quả quyết: “Thông thường, để tìm ra thủ phạm một tội ác hay một vụ trộm, nhất thiết phải xác định được tội ác hay vụ trộm đó đã diễn ra như thế nào, hoặc ít nhất đã có khả năng diễn ra như thế nào. Trong vụ việc này, điều đó quá đơn giản, vì chúng ta không phải đối diện với vài giả thiết mà chỉ phải đối diện với một thực tế rõ ràng: Tên trộm chẳng thể lọt vào bằng cách nào khác ngoài cách qua cửa phòng ngủ của ông bà Bá tước hoặc cửa sổ kho để đồ. Nào, người ta chẳng thể từ bên ngoài mà tháo then cài cửa. Vì vậy, tên trộm ắt đã lọt vào qua cái cửa sổ kia.”

“Nhưng cửa sổ cũng được đóng và cài chặt. Sau vụ trộm, chúng tôi thấy nó vẫn được đóng và cài chặt.” Ngài Bá tước khẳng định.

Hiệp sĩ Floriani tiếp tục, chẳng mảy may quan tâm đến lời nói xen vào của ngài Bá tước: “Hắn chỉ cần bắc một cái cầu, một tấm ván hay một cái

thang, nối giữa ban công căn bếp và bậu cửa sổ, và vì chiếc hộp trang sức kia...”

“Nhưng tôi phải nhắc lại rằng cửa sổ đã đóng và cài chặt.” Ngài Bá trước sốt ruột kêu lên.

Lần này, Hiệp sĩ Floriani bắt buộc phải đáp lại. Anh ta đáp lại với thái độ cực kỳ bình thản, như thể việc phản đối đó là việc vô nghĩa nhất trên đời: “Tôi thừa nhận rằng đúng thế, nhưng chẳng phải là có một cửa sổ con ở bên trên cửa sổ lớn hay sao?”

“Bằng cách nào ngài biết được?”

“Thứ nhất, đó là kiểu thiết kế truyền thống của các ngôi nhà thời bấy giờ, và, thứ hai, nếu không có cái cửa sổ con đó thì vụ trộm không thể giải thích được.”

“Đúng, đúng là có một cửa sổ con, nhưng nó cũng đã bị chốt chặt lại y như cửa sổ lớn vậy. Vì thế, chúng tôi không để ý tới.”

“Đó là một sai lầm, vì nếu các ngài kiểm tra cái cửa sổ con thì các ngài sẽ thấy nó đã bị rút chốt cài rồi.”

“Nhưng bằng cách nào?”

“Tôi đoán, giống như đối với tất cả các vụ khác thôi, tên trộm đã dùng một đoạn thép uốn cong đẳng đầu.”

“Vâng, nhưng tôi không biết...”

“Bây giờ thì, qua một cái lỗ trên cửa sổ, với sự trợ giúp của một dụng cụ gì đó, chẳng hạn một que cời lửa có móc đẳng đầu, người ta dễ dàng móc và rút được cái chốt cửa sổ con.”

Ngài Bá tước cười to, nói: “Tuyệt vời! Tuyệt vời! Kế hoạch của ngài rất thông minh đấy, nhưng thưa ngài, ngài đã bỏ sót mất một điếu, đó là chẳng có cái lỗ nào trên cửa sổ cả.”

“Có một cái lỗ.”

“Vớ vẩn, nếu có thì chúng tôi đã thấy.”

“Để thấy được thì các ngài phải tìm, mà thực tế chưa ai tìm cả. Cái lỗ vẫn ở đó, nó chắc chắn phải ở đó, dưới lớp ma-tít mép cửa sổ. Tất nhiên, theo chiều dọc.”

Ngài Bá tước đứng dậy. Ngài hết sức phấn khích. Ngài đi đi lại lại xung quanh căn phòng hai hay ba vòng, về căng thẳng. Rồi ngài lại gần Floriani, nói: “Từ dạo ấy, chưa ai vào trong kho để đồ cả, mọi thứ vẫn nguyên trạng.”

“Rất tốt, thưa ngài, thế thì ngài có thể dễ dàng tự mình kiểm nghiệm và thấy lời giải thích của tôi là đúng.”

“Lời giải thích của ngài không phù hợp với các thực tế mà ngài thẩm phán điếu tra đưa ra. Ngài chưa chứng kiến gì, tuy nhiên ngài lại đang phủ nhận tất cả những gì chúng tôi đã chứng kiến và đã biết.”

Floriani chẳng bận tâm tới thái độ hờn dỗi của ngài Bá tước. Anh ta chỉ mỉm cười, nói: “Trời ơi, thưa ngài, tôi đưa ra giả thiết của mình, vậy thôi. Nếu tôi nhầm lẫn, ngài có thể dễ dàng chứng minh.”

“Tôi sẽ làm điếu đó ngay lập tức... Nhưng tôi xin thú nhận rằng sự quả quyết của ngài..”

Ngài Bá tước lẩm bẩm thêm vài từ, rồi đột nhiên lao ra cửa. Chẳng ai nói một lời nào trong lúc ngài vắng mặt, sự im lặng hoàn toàn đem đến

không khí nghiêm trọng, g ãn như bị thảm. Cuối cùng, ngài Bá tước cũng quay lại. Trông ngài nhợt nhạt và lo lắng. Ngài nói với khách khứa, giọng run rẩy: “Mong mọi người thứ lỗi... những khám phá của Hiệp sĩ đây quả là hết sức bất ngờ... Tôi chưa bao giờ nghĩ...”

Vợ ngài Bá tước sốt sắng hỏi: “Anh hãy nói đi... tình hình như thế nào?”

Ngài Bá tước lắp bắp: “Có cái lỗ ở đó, đúng chỗ đó, bên mép cửa sổ...”

Ngài tóm lấy cánh tay Hiệp sĩ Floriani, nói với giọng khẩn khoản: “Bây giờ thì, thưa ngài, ngài hãy tiếp tục đi. Tôi công nhận là cho đến lúc này ngài đã đúng, nhưng bây giờ thì... đó chưa phải tất cả... ngài hãy tiếp tục đi... hãy cho chúng tôi biết phần còn lại.”

Floriani nhẹ nhàng gỡ tay ngài Bá tước, im lặng một lát, rồi tiếp tục: “Chà, theo tôi, mọi chuyện diễn ra như thế này. Tên trộm biết là bà Bá tước buổi tối hôm đó sẽ đeo chiếc vòng, đã bắc cái gì đó làm thành cái cầu trong lúc ông bà đi dự tiệc. Hắn theo dõi ngài qua cửa sổ và trông thấy ngài giấu chiếc vòng. Sau đó, hắn cắt kính và rút chốt cửa.”

“Ồ! Nhưng hai cửa sổ cách nhau như thế, hắn không thể thò tay qua cửa sổ con mà rút chốt cửa sổ lớn được.”

“Chà, nếu hắn không thể với từ cửa sổ con xuống cửa sổ lớn, thì hắn ắt đã chui qua cái cửa sổ con đó.”

“Không thể nào, cái cửa sổ con đó quá bé. Một người đàn ông làm sao chui lọt.”

“Vậy thì chẳng phải là một người đàn ông.” Floriani khẳng định.

“Cái gì?”

“Nếu cái cửa sổ con không vừa cho một người đàn ông, thì hẳn là vừa cho một đứa trẻ.”

“Một đứa trẻ ư?”

“Chẳng phải ngài đã nói cô bạn Henriette của ngài có một cậu con trai sao?”

“Đúng vậy, một cậu con trai tên là Raoul.”

“Vậy rất có khả năng chính thằng bé Raoul đã thực hiện vụ trộm.”

“Ngài có bằng chứng gì để chứng minh đi ầu đó?”

“Bằng chứng gì ư? Vô khối... Chẳng hạn như...”

Floriani dừng lại, nghĩ ngợi một chút, rồi tiếp tục: “Chẳng hạn như, cái tấm ván làm cửa ầu đó. Rất có thể thằng bé đã mang nó từ bên ngoài vào nhà, xong lại mang ra mà không ai chú ý cả. Thằng bé hẳn đã sử dụng thứ gì đó ở ngay xung quanh. Trong cái ngăn nhỏ Henriette dùng làm bếp, chẳng phải là có mấy cái giá treo trên tường để cất nồi niêu bát đĩa sao?”

“Theo như tôi nhớ thì có hai cái giá.”

“Ngài có chắc chắn rằng hai cái giá đó được bắt chặt vào con sơn bằng gỗ không? Vì, nếu không phải như thế, chúng ta hoàn toàn có lý khi đưa ra giả thiết là thằng bé đã tháo hai cái giá đó xuống, buộc chúng lại với nhau làm thành chiếc cửa ầu. Trong căn bếp có bếp lò, nên chúng ta có lẽ sẽ tìm thấy một que cời lửa đầu uốn cong mà thằng bé đã sử dụng để mở cái cửa sổ con.”

Chẳng nói chẳng rằng, ngài Bá tước đi ra ngoài, và lần này thì những người đang có mặt không còn căng thẳng hồi hộp như lần trước nữa. Họ

tin tưởng ở nhận định của Floriani, và chẳng ai ngạc nhiên khi ngài Bá tước quay lại tuyên bố: “Chính là thằng bé đó. Mọi đi đâu đâu chúng tỏ giả thiết ấy đúng.”

“Ngài đã thấy mấy cái giá và que cời lửa?”

“Phải. Mấy cái giá đã được tháo định, và que cời lửa vẫn còn đó.”

Nhưng bà Bá tước kêu lên: “Ngài nên nói là mẹ nó thì đúng hơn. Henriette là kẻ phạm tội. Cô ta hẳn đã thúc ép con mình...”

“Không.” Hiệp sĩ Floriani khẳng định. “Người mẹ không liên quan gì.”

“Vớ vẩn! Bọn họ ở cùng phòng mà. Thằng bé không thể làm việc đó mà mẹ nó lại không biết gì.”

“Đúng, họ ở cùng phòng, nhưng mọi chuyện diễn ra ở gần bên cạnh, vào ban đêm, khi người mẹ đang ngủ.”

“Thế chiếc vòng cổ thì sao?” Ngài Bá tước hỏi. “Chúng ta lẽ ra đã tìm thấy nó giữa những đồ đạc của thằng bé.”

“Xin lỗi! Thằng bé trước đó đã đi ra ngoài. Buổi sáng hôm đó, lúc các ngài thấy thằng bé đang đọc sách, nó vừa đi học về, và có lẽ ngài Cảnh sát trưởng, thay vì lãng phí thời gian thẩm vấn bà mẹ vô tội thì phải lục soát ngăn bàn đựng sách vở của thằng bé.”

“Nhưng ngài giải thích thế nào về món tiền hai ngàn franc Henriette nhận được hằng năm? Đấy chẳng phải là bằng chứng cho tội đồng lõa ư?”

“Nếu bà ấy là tòng phạm, liệu bà ấy có gửi thư cảm ơn bà không? Hơn nữa, chẳng phải bà ấy đã bị theo dõi rất ngặt nghèo sao? Nhưng đứa trẻ, nó hoàn toàn tự do, nó có thể dễ dàng đi sang thành phố bên cạnh, thương thảo

với một nhà buôn nào đó, bán một hoặc hai viên kim cương, với điều kiện tiền phải được gửi tới từ Paris, và gửi dần dần năm này qua năm khác.”

Hai vợ chồng Bá tước Dreux-Soubise và khách khứa bị nỗi băn khoăn không sao tả được xâm chiếm. Có cái gì đó trong giọng nói cũng như trong thái độ của Floriani – có cái gì đó còn hơn cả sự quả quyết mà ngay từ đầu đã làm ngài Bá tước thấy rất khó chịu. Có một chút mỉa mai châm biếm, dường như chứa đựng sự căm ghét hơn là sự cảm thông. Nhưng ngài Bá tước ra vẻ cười to, nói: “Tất cả thật hết sức tài tình và thú vị, tôi xin chúc mừng trí tưởng tượng sống động của ngài.”

“Không, không hề” Floriani đáp với vẻ cực kỳ điềm tĩnh. “Tôi chẳng tưởng tượng gì cả. Tôi chỉ thuật lại sự việc như nó đã diễn ra thôi.”

“Nhưng ngài biết gì về sự việc đó?”

“Từ những thông tin chính ngài cung cấp cho tôi. Tôi hình dung ra cuộc sống của người mẹ và đứa trẻ ở vùng ngoại ô ấy, sự ốm yếu và bệnh tật của người mẹ, âm mưu và sáng kiến bán những viên đá quý của đứa trẻ để cứu tính mạng mẹ, hoặc ít nhất là để cho mẹ bớt đau đớn lúc sắp sửa lâm chung. Bệnh tật quật ngã người mẹ. Bà qua đời. Rồi năm tháng trôi qua. Đứa trẻ trở thành một người đàn ông, tiếp theo thì... Và bây giờ tôi sẽ thả lỏng trí tưởng tượng... Giả sử người đàn ông đó có niềm mong muốn quay lại ngôi nhà anh ta từng sống thuở thơ ấu, và anh ta đã thực hiện điều này, anh ta đã gặp ở đây những người nghi ngờ và buộc tội mẹ anh ta... các vị có thể hiểu được nỗi thất vọng, đau đớn của anh ta trong chính ngôi nhà mà vở kịch nguyên gốc đã diễn ra không?”

Những lời của Floriani dường như âm vang trong mấy giây im ắng tiếp theo đó, và người ta có thể đọc được trên khuôn mặt ông bà Bá tước

Dreux-Soubise vẻ hoang mang khi cố gắng hiểu những lời này, đồng thời là sự đau đớn, sợ hãi khi hiểu ra. Cuối cùng thì ngài Bá tước cũng lên tiếng: “Ngài là ai vậy, thưa ngài?”

“Tôi ư? Hiệp sĩ Floriani, người ngài gặp ở Palermo, người đã hân hạnh được ngài mời tới tư gia vài lần rồi.”

“Vậy câu chuyện này có ý gì?”

“Ồ! Chẳng có ý gì cả! Đối với tôi, nó đơn giản là câu chuyện tiêu khiển. Tôi cố gắng miêu tả niềm sung sướng của cậu con trai bà Henriette, nếu như anh ta còn sống, và nếu như anh ta có cơ hội nói với ngài rằng anh ta là người gây ra vụ trộm, rằng anh ta làm việc ấy vì mẹ anh ta đã đau khổ khi sắp sửa bị đuổi khỏi vị trí... người hầu, đó là sinh kế của bà, và thằng bé đau khổ khi chứng kiến mẹ nó đau khổ.”

Floriani nói với những xúc cảm kìm nén, hơi nhồm dầy và vờn người về phía bà Bá tước. Không còn ngờ vực gì nữa, Hiệp sĩ Floriani chính là con trai của Henriette. Thái độ và lời lẽ của anh ta chứng tỏ điều này. Và lại, chẳng phải anh ta đã thể hiện rõ ràng ý đồ và mong muốn được mọi người nhận ra sao?

Ngài Bá tước lưỡng lự. Biết làm gì để trả miếng gã khách táo bạo? Vây bắt? Gây ra một vụ bê bối? Lộ mặt nạ kẻ từng cướp tài sản của ngài? Nhưng chuyện đã quá lâu rồi! Và ai sẽ tin tưởng vào câu chuyện ngớ ngẩn về đứa trẻ tội lỗi? Thôi, tốt nhất hãy chấp nhận hoàn cảnh, giả vờ không hiểu ý nghĩa thực sự của nó. Nghĩ vậy, ngài Bá tước quay sang Floriani, thốt lên: “Câu chuyện của ngài rất kỳ lạ, rất thú vị đấy. Tôi rất thích. Nhưng ngài nghĩ chàng thanh niên này, cậu con trai mẫu mực ấy, đã trở thành người như thế nào? Tôi hy vọng anh ta chưa từ bỏ cái sự nghiệp mà

anh ta đã bắt đầu một cách xuất sắc.”

“Ồ! Đương nhiên rồi.”

“Sau một khởi đầu thật tuyệt diệu! Mới sáu tuổi đã đánh cắp Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng, chiếc vòng cổ nổi tiếng đến Marie-Antoinette cũng phải mơ ước!”

“Và đã đánh cắp chiếc vòng mà không gây ra cho bản thân bất cứ rắc rối nào, dù là nhỏ nhất nhất.” Floriani bình luận, hòa theo tâm trạng của ngài Bá tước. “Không một ai nghĩ đến việc xem xét cái cửa sổ, không một ai để ý là bên cửa sổ quá sạch sẽ, bụi cửa sổ đã được thằng bé lau lia cẩn thận nhằm xóa mọi dấu vết có thể để lại trên lớp bụi. Chúng ta phải công nhận rằng vụ việc đó đã đủ để một thằng bé ở tuổi đó mê tít thò lò. Tất cả quá dễ dàng. Nó chỉ cần muốn, và vươn tay ra là lấy được.”

“Và nó đã vươn tay ra.”

“Vươn cả hai tay ấy chứ.” Hiệp sĩ Floriani vừa đáp lời vừa cười vang.

Những người có mặt cảm thấy choáng váng. Sự bí ẩn nào bao trùm cuộc đời của con người được gọi là Floriani này? Hẳn cuộc đời của con người ưa phiêu lưu này phải tuyệt vời lắm, mới sáu tuổi đã tiến hành một vụ trộm, và đến hôm nay, để tìm kiếm cảm giác ly kỳ, hồi hộp, hoặc cao nhất là để thỏa mãn nỗi oán giận, hận thù, đã thách thức nạn nhân của mình ngay dưới mái nhà nạn nhân, thách thức một cách táo bạo, điên rồ, nhưng vẫn tỏ ra là vị khách đầy hào hoa, phong nhã và lịch thiệp!

Floriani đứng dậy, đến gần bà Bá tước để chào tạm biệt. Bà ta bất giác lùi lại. Hiệp sĩ mỉm cười. “Ồ! Thưa bà, bà sợ tôi ư? Phải chăng tôi hơi quá với trò ảo thuật trong phòng khách vừa rồi?”

Bà Bá tước lấy lại được bình tĩnh, trả lời bằng cung cách nhẹ nhàng thường lệ: “Không hề thưa ngài. Câu chuyện về cậu bé sớm có ý thức bồn phận khiến tôi thấy rất hứng thú, và tôi sung sướng biết rằng chiếc vòng cổ của tôi đã mang một vận mệnh đặc biệt như vậy. Nhưng ngài có nghĩ đứa con trai người phụ nữ đó, Henriette, là nạn nhân của gen di truyền khi nó lựa chọn nghề nghiệp cho nó không?”

Cảm nhận được ẩn ý bên trong câu hỏi, Floriani nhún vai, đáp: “Tôi chắc chắn đúng như thế, và, hơn nữa, bản năng phạm tội của thằng bé hẳn phải rất mạnh, nếu không thì nó đã chán chẳng buồn làm việc đó.”

“Tại sao?”

“Như bà ắt biết rồi, phần lớn số kim cương gắn trên chiếc vòng là giả. Chỉ vài viên ít ỏi mua lại từ nhà kim hoàn người Anh kia là thật. Những viên khác đã lần lượt bị bán đi, để đáp ứng nhu cầu thiết yếu và nghiệt ngã của cuộc sống”

“Nó vẫn là chiếc vòng cổ của Nữ hoàng, thưa ngài.” Bà Bá tước ngạo mạn đáp. “Và đó là điều mà nó, đứa con trai của Henriette, không đánh giá đúng được.”

“Thưa bà, nó có thể đánh giá được rằng, dù thật hay rơm, chiếc vòng cổ chẳng qua chỉ là một vật để khoe mẽ, một biểu tượng của sự kiêu căng vô nghĩa, không hơn không kém.”

Ngài Bá tước làm một cử chỉ đe dọa, nhưng vợ ngài ngăn ngài lại.

“Thưa ngài.” Bà ta tiếp tục. “Nếu người đàn ông mà ngài nói đến đó có lấy một chút tự trọng...” Bà ta dừng lời, sợ hãi trước thái độ lạnh lùng của Floriani.

“Nếu người đàn ông đó có lấy một chút tự trọng.” Anh ta nhắc lại.

Bà Bá tước cảm thấy nếu cứ đối đáp với Floriani theo cung cách ấy thì sẽ chẳng đạt được lợi ích gì, và dù tức tối, căm phẫn, run lên vì niềnh kiêu hãnh bấy lâu bị xúc phạm, bà ta nói, thái độ gần như lễ phép: “Thưa ngài, truyền thuyết kể rằng, Rétaux de Villette, khi đoạt được chiếc vòng cổ của Nữ hoàng, đã giữ nguyên vẹn bộ khung của nó. Ông ta hiểu những viên kim cương chỉ đơn giản là đồ trang trí, đồ phụ tùng mà thôi, bộ khung mới là hồn cốt, là sự sáng tạo của nghệ sĩ, vì thế ông ta trân trọng nó. Ngài có nghĩ người đàn ông kia cũng cùng cảm nhận như thế không?”

“Tôi chắc chắn bộ khung vẫn còn. Đứa trẻ tôn trọng nó.”

“Ồ, thưa ngài, nếu ngài tình cờ gặp anh ta, ngài hãy bảo anh ta rằng anh ta đang giữ một cách không chính đáng một di vật, vừa là tài sản vừa là niềnh tự hào của một gia đình, và mặc dù những viên đá quý đã bị lấy mất, Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng vẫn thuộc về nhà Dreux-Soubise. Nó thuộc về chúng tôi, cũng như tên tuổi hay danh dự của chúng tôi vậy.”

Hiệp sĩ chỉ đáp ngắn gọn: “Tôi sẽ bảo anh ta, thưa bà.”

Floriani cúi chào bà Bá tước, chào ngài Bá tước và những vị khách khác, ra về



Bốn ngày sau, bà Bá tước Dreux-Soubise nhìn thấy trên bàn phòng ngủ

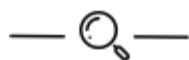
một cái hộp làm bằng da màu đỏ đóng dấu Hồng y Giáo chủ. Bà ta mở ra, bên trong là Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng.

Nhưng, trong cuộc đời một người đàn ông luôn luôn cố gắng đạt được sự thống nhất và tính hợp lý, khi tất cả mọi điều đều quy tụ về một mục tiêu duy nhất – và khi một mẫu quảng cáo con con cũng chẳng hại gì – thì ngày hôm sau, tờ *Tiếng vang nước Pháp* đã đăng những dòng giật gân như sau:

Chiếc vòng cổ của Nữ hoàng, món trang sức lịch sử nổi tiếng bị đánh cắp khỏi nhà Dreux-Soubise, đã được Arsène Lupin tìm thấy, vội vã gửi trả cho chủ sở hữu hợp pháp của nó. Chúng ta không thể không ca ngợi một hành động tinh tế và hào hiệp đến vậy.



Quân bài bảy cơ



Tôi thường xuyên được hỏi câu này: “Làm thế nào mà anh quen Arsène Lupin?”

Mối quan hệ của tôi với Arsène Lupin có rất nhiều người biết. Những tình tiết tôi thu thập được về con người bí ẩn đó, những sự thật không thể chối cãi do tôi đưa ra, những bằng chứng mới mẻ do tôi cung cấp, những diễn giải của tôi về một số hành động của anh ta mà công chúng chỉ nhìn thấy cái vỏ bên ngoài chứ chưa khám phá được những nguyên nhân bí mật hoặc động cơ ẩn giấu bên trong, tất cả đã thiết lập nên mối quan hệ, nếu không phải là quá gần gũi, thì ít nhất cũng thân tình và hoàn toàn tin tưởng lẫn nhau.

Nhưng tôi đã quen anh ta như thế nào? Tại sao tôi được lựa chọn làm người ghi chép lại cuộc đời anh ta? Tại sao lại là tôi chứ chẳng phải là ai khác?

Câu trả lời rất đơn giản: Đó là cơ duyên chứ hoàn toàn chẳng phải do

tôi lựa chọn, các phẩm chất của tôi cũng chẳng phải vấn đề được cân nhắc. Nhờ cơ duyên mà tôi đã được tham gia vào một trong những cuộc phiêu lưu kỳ lạ và bí ẩn nhất của Arsène Lupin, nhờ cơ duyên mà tôi đã trở thành diễn viên trong một vở kịch có anh ta là nhà đạo diễn sân khấu tài ba phi thường, một vở kịch rối rắm, khó hiểu, đầy rẫy những sự kiện ly kỳ hời hợt khiến tôi thấy có chút lúng túng khi kể lại.

Màn đầu tiên của vở kịch diễn ra vào buổi tối ngày Hai mươi hai tháng Sáu đáng nhớ, buổi tối mà lúc trước đã có quá nhiều chuyện liên quan rồi. Về phần tôi, tôi cho rằng hành động tội lỗi tôi phạm phải hôm ấy xuất phát từ tâm trạng bất thường của tôi sau khi trở về nhà. Tôi ăn tối với mấy người bạn ở quán Cascade và cả buổi tối, trong khi chúng tôi hút thuốc, còn dàn nhạc thì chơi những bản valse nào nọ, chúng tôi chẳng nói chuyện gì khác ngoài chuyện tội ác, chuyện ăn cắp ăn trộm, cùng những mưu đồ đen tối, đáng sợ. Những cuộc chuyện trò như thế luôn luôn dẫn đến giấc ngủ đây mộng mị.

Nhà Saint-Martin ra về bằng xe hơi. Jean Daspry – anh chàng Daspry vui vẻ, lơ đãng, sáu tháng sau đã bị giết chết thê thảm ở biên giới Maroc – và tôi đi bộ về trong đêm đen mù mịt, ấm áp. Khi chúng tôi tới trước cửa ngôi nhà nhỏ trên đại lộ Maillot, nơi tôi trú ngụ một năm nay ở Neuilly, anh ta hỏi tôi: “Anh có sợ không?”

“Ý nghĩ mới hay làm sao!”

“Những ngôi nhà này quá biệt lập... chẳng có hàng xóm láng giềng... toàn những bãi đất trống trơn... Thực sự, tôi không phải một thằng hèn, nhưng mà...”

“Quả thực, phải nói là cậu lúc nào cũng vui vẻ!”

“Ô! Đi đâu đó cũng như những đi đâu tôi thường nói thôi mà. Nhà Saint-Martin khiến tôi ấn tượng khi họ kể chuyện về mấy tên cướp và những tay đạo chích.”

Chúng tôi bắt tay chào tạm biệt. Tôi lấy chìa khóa mở cửa.

“Ồ, hay đây!” Tôi lầm bầm. “Antoine quên thấp nên rồi.”

Rồi tôi nhớ ra là thực ra Antoine không ở nhà. Tôi đã cho anh ta nghỉ mấy ngày. Lập tức, bóng tối và sự im lặng của màn đêm khiến tôi thấy căng thẳng như bị đè nặng. Tôi nhón chân lên cầu thang, và chạy vào phòng mình càng nhanh càng tốt. Sau đó, khác với thói quen hàng ngày, tôi khóa cửa và hạ chốt xuống.

Anh nên giúp tôi bình tâm trở lại. Tuy vậy, tôi vẫn thận trọng lấy khẩu côn quay ra khỏi hộp – đó là một khẩu súng lớn, sức sát thương mạnh – và đặt lên giường. Như vậy tôi hoàn toàn yên tâm về khoản để phòng. Tôi nằm xuống, như mọi khi, lấy một cuốn sách từ học bàn cạnh giường ra đọc để dần chìm vào giấc ngủ. Rồi tôi thấy một bất ngờ lớn. Thay vì con dao rọc giấy tôi vẫn thường dùng để đánh dấu trang thì tôi lại thấy kẹp giữa những trang sách một chiếc phong bì được dán chặt bởi năm dấu keo đỏ. Tôi nôn nóng cầm lá thư lên. Thư gửi đích danh tôi và có đóng dấu: “Khẩn cấp.”

Một lá thư! Một lá thư gửi tới tôi! Ai lại có thể đặt lá thư này vào đây? Thấy lo lắng, tôi xé toang phong bì ra và đọc nội dung bên trong:

Kể từ lúc ngài đọc được lá thư này, cho dù có chuyện gì xảy ra, cho dù ngài có nghe thấy gì, không được cử động, không được la hét. Nếu không ngài sẽ phải chịu hậu quả nặng nề đấy.

Tôi không phải kẻ hèn nhát, và hơn nữa, tôi có thể đương đầu với những mối nguy hiểm thực sự, hoặc cười vào những hiểm họa tưởng tượng. Nhưng, hãy để tôi nhắc lại, lúc đó tôi đang trong tâm trạng bất thường, mọi tế bào thần kinh của tôi lúc đó đều đang căng thẳng cực độ sau cuộc chuyện trò lúc tối. Hơn nữa, chẳng phải là ở trong tình huống như tôi lúc ấy, thì bất kể một chuyện gì đường đột và bí hiểm xảy ra cũng có thể làm cho người cứng rắn nhất phải run sợ hay sao?

Mấy ngón tay tôi run rẩy nắm chặt tờ giấy, và tôi đọc đi đọc lại mấy lời đe dọa đó: *“Không được cử động, không được la hét. Nếu không ngại sẽ phải chịu hậu quả nặng nề đấy.”*

“Vớ vẩn!” Tôi nghĩ. “Đây chỉ là trò đùa thôi, tác phẩm của một thằng ngốc quá khích nào đó thôi.”

Tôi chực phá lên cười – một tràng cười sảng khoái. Ai cản tôi chứ? Nỗi sợ ám ảnh nào đã chặn họng tôi? Ít nhất thì tôi cũng sẽ thối tất nển. Không, tôi không thể làm thế được. *“Không được cử động, nếu không ngại sẽ phải chịu hậu quả nặng nề đấy”* là những từ mà hắn đã viết rất rõ ràng.

Những lời đe dọa lại còn đưa ra sự lựa chọn như thế này thường dễ sai khiến được người ta hơn những thực tế có tính tích cực nhất, nhưng tại sao tôi lại phải cố làm ngược lại những lời đó? Tôi chỉ cần nhắm mắt lại là được mà. Và tôi nhắm mắt lại.

Vừa ngay lúc ấy, tôi nghe thấy một tiếng động khe khẽ, tiếp theo là tiếng lách cách, phát ra từ căn phòng rộng tôi dùng làm thư viện. Có một căn phòng nhỏ, mà đúng hơn là phòng nối, ở ngay giữa thư viện và phòng ngủ của tôi.

Cảm giác như một mối nguy hiểm thực sự đang đến gần khiến tôi bị

kích động, và tôi thấy cần thiết phải bật dậy, nắm lấy khẩu côn quay, và lao ngay vào thư viện. Tôi không nghĩ dậy, tôi nhìn thấy một trong những cái rèm chuyển động. Không thể lờn được: Cái rèm rõ ràng đã chuyển động. Nó vẫn đang chuyển động. Và tôi nhìn thấy... Ôi! Tôi nhìn thấy khá là rõ ràng, ở ngay khoảng hẹp giữa mấy cái rèm và cái cửa sổ, có một bóng người: một khối lớn ở phía sau rèm, làm cho cái rèm phập phồng chứ không rũ thẳng xuống. Và chắc chắn là gã nào đó ở sau rèm cũng phải nhìn thấy tôi. Rồi tôi nhanh chóng hiểu ra mọi chuyện. Gã trốn sau rèm kia có nhiệm vụ cảnh giới, còn những kẻ khác thì khuôn hết đồ trộm cướp được trong nhà tôi ra. Tôi có nên nghĩ dậy và lấy khẩu côn quay của tôi ra không nhỉ? Không thể nào! Hấn vẫn đứng đó! Chỉ cần một cử động nhỏ thôi, một tiếng la thôi, là tôi toi đời.

Sau đó, một tiếng động khủng khiếp khiến cả căn nhà rung chuyển, nối tiếp âm thanh kinh hoàng đó là tiếng sấm, hai, ba tiếng cùng lúc, cứ như là tiếng búa rền vang cùng với hàng loạt tiếng vọng vầy. Ít nhất thì đó là cảm nhận lúc ấy của bộ óc đang hết sức rối bời của tôi. Tiếng ồn ban nãy, tiếng sấm, cùng với những tạp âm bên ngoài tạo ra một không gian thực sự ồn ào, cho thấy rằng những kẻ đột nhập nhà tôi không những táo tợn, mà chúng còn tự tin rằng không gì có thể gián đoạn được việc chúng làm.

Chúng đã đúng. Tôi không hề cử động. Như thế có phải là hèn nhát không? Không, là yếu ớt thì đúng hơn, một cảm giác bất lực hoàn toàn, tôi không thể cử động bất kỳ phần nào của cơ thể nữa, cộng thêm sự thận trọng, vì dù sao thì tại sao tôi lại phải cố chống lại chúng chứ? Đằng sau gã đó, có cả chục gã khác rất có thể đang sẵn sàng đến tiếp ứng. Liệu tôi có nên liều mạng mình để cố giữ vài món đồ dùng bàn ăn với mấy thứ lưu niệm?

Cứ thế, tôi bị tra tấn suốt đêm. Kiểu tra tấn này thật không thể chịu đựng nổi, mệt mỏi khủng khiếp! Những tiếng ồn đã dừng từ lâu, nhưng tôi không ngừng lo sợ chúng sẽ lại tiếp tục. Và gã đó! Cái gã đang cảnh giới tôi, có vũ khí trong tay. Cặp mắt đầy sợ hãi của tôi vẫn nhìn chăm chăm về hướng gã. Và cả nhịp tim tôi nữa! Rồi cả mồ hôi đang túa ra từ các lỗ chân lông trên khắp cơ thể tôi nữa!

Bỗng nhiên, tôi thấy như trút được gánh nặng: một xe chở sữa, tiếng xe quá quen thuộc đối với tôi, đi qua dọc đại lộ. Và cũng đúng lúc đó, tôi nhận thấy tia sáng của một ngày mới đang cố len lỏi qua lớp rèm cửa sổ.

Cuối cùng thì ánh sáng ban ngày cũng vào tận giữa phòng rồi, nhiều loại phương tiện khác qua lại tấp nập trên đại lộ, và tất cả bóng ma đêm qua vụt biến mất. Rồi tôi thò một tay ra khỏi giường, từ từ và thận trọng. Mắt tôi vẫn dán vào cái rèm, cố xác định vị trí mục tiêu cần ngắm bắn, tôi tính toán chính xác số cử động cần thiết. Rồi, nhanh gọn, tôi nắm lấy khẩu côn quay và bắn.

Tôi nhảy khỏi giường và hét lên khẳng định sự giải thoát, và lao ngay đến chỗ cửa sổ. Viên đạn đã bay xuyên qua rèm và xuyên qua cả lớp kính cửa sổ, nhưng chẳng trúng gã kia – vì một lý do rất đơn giản là chẳng có ai ở đấy cả. Chẳng có ai cả! Như thế tức là suốt cả đêm, tôi đã bị thôi miên bởi mấy nếp gấp của cái rèm. Và trong lúc đó thì, lũ bất lương kia... Tức điên lên, không gì làm nguôi được cơn giận của tôi lúc này, tôi xoay ổ khóa, mở cửa, băng qua phòng nổi, mở tiếp cánh cửa nữa, và lao vào thư viện. Nhưng rồi quá đối ngạc nhiên vì cảnh tượng trước mắt, tôi đứng sững lại, thở hổn hển, kinh ngạc, còn kinh ngạc hơn cả lúc tôi phát hiện ra là chẳng có gã nào đứng sau rèm. Tất cả những thứ mà tôi nghĩ là đã bị đánh cắp hết rồi, nội thất, sách, tranh, dụng cụ bàn ăn cổ, tất cả đều còn nguyên

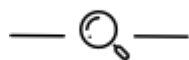
ven ở đúng vị trí của chúng.

Lạ thật đấy. Tôi không thể tin vào mắt mình nữa. Rõ ràng là có tiếng ồn ào đó, lại cả những tiếng ồn của đồ vật di chuyển nữa... Tôi đi một vòng, tôi kiểm tra các bức tường, tôi kiểm lại trong đầu những đồ vật quen thuộc. Không thiếu thứ nào. Và, còn một điểu khó hiểu hơn nữa, là chẳng có dấu hiệu đột nhập nào, không một dấu vết, không một cái ghế nào lệch khỏi vị trí, và cũng chẳng hề có một dấu chân nào.

“Thôi nào! Thôi nào!” Tôi tự nói với mình, đưa tay lên xoa cái đầu đã rối tung. “Chắc chắn là tôi không điên! Rõ ràng tôi nghe thấy tiếng động mà!”

Tôi kiểm tra kỹ lưỡng từng centimet trong căn phòng. Nhưng vô ích. Trừ phi tôi coi cả việc này là một phát hiện: Bên dưới một tấm thảm Ba Tư, tôi thấy một quân bài – một quân bài tú lơ khơ hoàn toàn bình thường. Đó là quân bảy cơ, cũng giống như bao quân bảy cơ khác trong các bộ bài Pháp, nhưng lại có chút khác biệt nhỏ mà vẫn đủ gây tò mò: Ở đây mỗi hình trái tim đỏ bị đục một lỗ hình tròn và các lỗ đầu có kích thước tương tự nhau như thể cùng được đục từ mũi nhọn của một chiếc dùi.

Chẳng còn gì khác. Một quân bài và một lá thư kẹp trong quyển sách. Nhưng như thế chẳng phải đã đủ để khẳng định là tôi không hề mơ ngủ?



Suốt cả ngày hôm ấy, tôi tiếp tục tìm kiếm trong thư viện. Thư viện rất rộng, quá rộng so với căn nhà, và phong cách trang trí căn phòng cho thấy sở thích kỳ quặc của người xây dựng nên căn phòng ấy. Sàn thư viện là một bức tranh ghép từ muôn vàn mảnh đá nhiều màu sắc, tạo thành thiết kế đối xứng đồ sộ. Các bức tường cũng được trang trí bởi những bức tranh ghép tương tự, được sắp xếp thành các cột rõ ràng, cột truyện thơ ngụ ngôn của người La Mã, những tác phẩm thời đế quốc Byzantine, tranh vẽ tường vùng Trung Đông. Một bức tượng thần rượu Bacchus đứng gác chân trên một thùng rượu. Một đế vương đội vương miện vàng, với chòm râu phát sáng và tay phải nắm một thanh kiếm.

Bên trên phòng trưng bày mang phong cách của một nghệ sĩ là một cửa sổ lớn – đó cũng chính là cửa sổ duy nhất của căn phòng này. Cửa sổ này luôn được mở vào ban đêm, rất có thể là những gã kia đã đột nhập vào nhà qua đường đó, với sự trợ giúp của một cái thang. Nhưng, lại một lần nữa, chẳng có bằng chứng nào chứng minh đi ầu đó. Chân thang chắc hẳn phải để lại dấu vết trên nền đất mềm ẩm phía dưới cửa sổ chứ, nhưng ở đây lại chẳng có dấu vết nào. Mà cũng chẳng hề có dấu chân nào ở trong sân cả.

Tôi không hề có ý định báo cảnh sát, bởi vì những thông tin thực tế tối có đến lúc này quá kỳ quặc và chẳng hề nhất quán. Họ sẽ cười vào mặt tôi mất. Tuy nhiên, hồi đó tôi là phóng viên của tờ *Gil Blas* nên tôi vẫn viết một bài dài kể lại câu chuyện ly kỳ của mình, và bài của tôi được đăng hai ngày sau khi sự việc xảy ra. Bài báo đó cũng gây chút chú ý, nhưng chẳng ai buồn coi câu chuyện của tôi là nghiêm túc. Họ nghĩ đây chỉ là chuyện tưởng tượng chứ không hề cho rằng đó là chuyện thực. Gia đình Saint-Martin trấn an tôi. Còn Daspry, thực sự quan tâm tới vụ việc, đến tận nơi gặp tôi, tìm hiểu ngọn ngành mọi việc, nhưng rồi cũng chẳng đi đến kết

luận gì.

Vài ngày sau, vào một buổi sáng, chuông cửa reo, Antoine vào báo với tôi là có một quý ông muốn gặp tôi. Ngài ấy không muốn xưng danh. Tôi bảo Antoine cho người đó vào. Đó là một người đàn ông tầm bốn mươi tuổi với làn da sạm màu, dáng vẻ hoạt bát, trang phục trang trọng, tuy có hơi sồn, lối ăn mặc ấy có vẻ tương phản với thái độ cục mịch của người này. Không hề mào đầu bằng màn chào hỏi, anh ta nói với tôi – bằng một cái giọng thô kệch, khẳng định luôn ý nghĩ của tôi về địa vị xã hội của anh ta: “Thưa ngài, trong lúc ngài ở quán cà phê, tôi thấy tờ *Gil Blas* và đọc bài ngài viết. Bài báo đó thực sự làm tôi thấy hứng thú.”

“Cảm ơn ngài.”

“Và vì thế mà tôi tới đây.”

“À!”

“Đúng vậy, để nói chuyện trực tiếp với ngài. Tất cả thông tin ngài viết trong bài báo đều chính xác hết chứ?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Tốt lắm, nếu đúng vậy thì, có thể tôi sẽ cung cấp cho ngài một vài thông tin.”

“Tốt lắm. Xin mời.”

“Không, chưa đâu. Trước tiên, tôi phải được chắc chắn rằng mọi thông tin ngài cung cấp là chính xác.”

“Tôi đảm bảo với ngài rồi mà. Ngài còn cần bằng chứng như thế nào nữa?”

“Tôi phải được ở lại một mình trong căn phòng này.”

“Tôi không hiểu.” Tôi nói, không giấu được vẻ ngạc nhiên.

“Đó là ý tưởng đầu tiên tôi nghĩ đến khi đọc bài báo của ngài. Một số chi tiết trùng hợp một cách lạ kỳ với một vụ khác mà tôi đang theo dõi. Nếu tôi nhầm, tôi sẽ không nói thêm đi đâu gì nữa. Và cách duy nhất để khẳng định sự thật là được ở lại trong căn phòng này một mình.”

Lời đề nghị này thực ra là nhằm mục đích gì nhỉ? Về sau, tôi nhớ lại là lúc đó anh ta đã rất căng thẳng, nhưng ngay lúc ấy, mặc dù thấy việc đó quá đường đột, tôi vẫn chẳng thấy có gì bất thường về con người hay lời đề nghị của anh ta cả. Hơn nữa, lúc ấy cơn tò mò của tôi đã bị kích thích lắm rồi nên tôi trả lời: “Được thôi. Thế ngài cần bao nhiêu thời gian?”

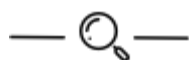
“Ồ! Ba phút – không hơn. Ba phút, tính từ lúc này, rồi tôi sẽ ra ngoài gọi ngài.”

Tôi đi ra khỏi phòng, và đi xuống cầu thang. Tôi lấy đồng hồ ra xem. Một phút trôi qua. Hai phút. Sao tôi lại thấy căng thẳng thế nhỉ? Sao cái khoảnh khắc này lại quái đản và nặng nề thế nhỉ? Hai phút rưỡi... Hai phút ba phần tư. Rồi tôi nghe thấy tiếng súng nổ.

Tôi lao lên cầu thang và chạy ngay vào phòng. Một tiếng thét bật ra từ cổ họng tôi. Ngay giữa phòng, anh ta ngã vật ra, nghiêng về bên trái, bất động. Máu trào ra từ vết thương trên trán anh ta. Gần tay anh ta là một khẩu côn quay, vẫn còn bốc khói.

Nhưng, ngoài cảnh tượng kinh hoàng này, còn một vật nữa khiến tôi phải chú ý. Cách cái xác khoảng năm mươi centimet, ngay trên sàn nhà, có một quân bài tứ lơ khơ. Là quân bảy cơ. Tôi nhặt quân bài đó lên. Đáy mỗi

hình trái tim trên quần bài đầu bị đục một lỗ nhỏ hình tròn.



Nửa tiếng sau, ngài Cảnh sát trưởng đã có mặt, tiếp sau là một nhân viên chuyên đi điều tra án mạng và ngài chỉ huy lực lượng thám tử, ngài Dudouis. Tôi đã rất thận trọng, không chạm vào cái xác. Cuộc thẩm vấn sơ bộ rất ngắn gọn, và chẳng làm sáng tỏ được điều gì. Chẳng có giấy tờ gì trong túi người chết, cũng chẳng có tên tuổi gì ghi trên áo quần anh ta, không có cả chữ viết tắt nào trên khăn tay anh ta cả. Chẳng có manh mối nào để xác định danh tính anh ta. Căn phòng vẫn hoàn toàn nguyên vẹn như lúc đầu. Mọi thứ nội thất hoàn toàn không bị xê dịch. Chắc hẳn người đàn ông này không phải đến nhà tôi chỉ để tự sát, mà cũng chẳng phải vì anh ta nghĩ nhà tôi là nơi thuận lợi nhất để tự tử! Chắc chắn phải có động cơ gì dẫn đến hành động tuyệt vọng đó, và, không còn nghi ngờ gì nữa, động cơ đó chính là kết quả của điều mà anh ta phát hiện ra trong khoảng thời gian ba phút ở một mình.

Điều đó là gì? Anh ta đã nhìn thấy gì? Anh ta đã phát hiện ra sự thật đáng sợ gì vậy? Vẫn không có câu trả lời nào cho những câu hỏi ấy. Nhưng, cuối buổi hôm ấy, một sự việc mang tính mấu chốt đã xảy ra. Trong lúc hai viên cảnh sát nâng cái xác lên để đặt vào cáng, cánh tay trái của cái xác bỗng thông xuống, và một cái danh thiếp nhỏ rơi ra. Trên đó có mấy dòng sau: *Georges Andertatt, 37 đường De Berri.*

Cái đó nghĩa là gì vậy? Georges Andermatt là một ông chủ ngân hàng giàu có ở Paris, nhà sáng lập đồng thời là chủ tịch sàn giao dịch chứng khoán Comptoir des Métaux, tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho ngành công nghiệp kim loại Pháp. Ngài ấy sống như một ông hoàng, là chủ sở hữu hàng loạt xe hơi, xe đồ, và cả một trại ngựa đua đắt tiền. Các mối quan hệ xã hội của ngài ấy rất có chọn lọc, và bà Andermatt luôn được biết đến với nhan sắc và vẻ duyên dáng nổi bật.

“Liệu đó có phải là tên của cái xác kia không?” Tôi hỏi.

Ngài chỉ huy lực lượng thám tử cúi xuống nhìn cái xác.

“Không phải. Ngài Andermatt là một người gầy, và da hơi xám.”

“Thế sao lại có cái danh thiếp này?”

“Ngài có điện thoại chứ, thưa ngài?”

“Có, ở ngoài sảnh. Đi cùng tôi nào.”

Ngài ấy xem số danh bạ, và bảo tôi quay số 415.21.

“Có ngài Andermatt ở nhà không?... Làm ơn nói với ngài ấy là ngài Dudouis muốn ngài ấy lập tức tới số nhà 102 đại lộ Maillot. Rất quan trọng.”

Hai mươi phút sau, ngài Andermatt đi xe hơi đến. Sau khi chúng tôi giải thích sơ qua với ngài về vụ việc thì đưa ngài đến nhìn cái xác. Ngài bộc lộ cảm xúc khá mạnh, và nói, với giọng trầm, và rõ ràng là không muốn tham gia vào việc này.

“Étienne Varin.” Ngài nói.

“Ngài biết anh ta?”

“Không... à không, có, ít nhất thì là... biết mặt. Anh trai anh ta...”

“À! Anh ta có anh trai à?”

“Đúng vậy, Alfred Varin. Anh ta có đến gặp tôi một vài lần vì công việc... Nhưng tôi quên mất là vì việc gì rồi.”

“Anh ta sống ở đâu?”

“Hai anh em họ sống cùng nhau... ở đường De Provence, tôi nghĩ là vậy.”

“Ngài có biết liệu có nguyên nhân gì khiến anh ta tự tử không?”

“Không.”

“Lúc chết, anh ta nắm trong tay cái danh thiếp. Và đó là danh thiếp của ngài, với tên và địa chỉ rõ ràng.”

“Tôi không hiểu ý ngài là gì. Chắc là phải cơ duyên gì đó mà cái danh thiếp của tôi lại ở đó, và cơ duyên đó là gì thì phải đợi kết quả điều tra.”

Thật là một cơ duyên kỳ lạ, tôi nghĩ, và tôi cảm nhận được là những người khác cũng đang có suy nghĩ như tôi.

Các tờ báo ngày hôm sau cũng đưa ra những nhận định trùng với suy nghĩ của tôi, và những người bạn mà tôi trao đổi về vụ việc cũng có chung suy nghĩ như vậy. Giữa những bí ẩn xung quanh vụ việc này, rồi cả hai lá bài bầy cơ với bảy cái lỗ, rồi sau hai sự việc kỳ quái xảy ra ở nhà tôi, thì tấm danh thiếp đó hứa hẹn đem tới chút ánh sáng cho vụ này. Từ tấm danh thiếp đó, sự thật rất có thể sẽ được phơi bày. Nhưng, không như chúng tôi mong đợi, ngài Andermatt chẳng giải thích gì. Ngài nói:

“Tôi đã nói với các ngài tất cả những gì tôi biết. Tôi có thể làm gì hơn

nữa đây? Tôi thực sự rất ngạc nhiên khi thấy danh thiếp của mình lại xuất hiện ở một nơi như vậy, và tôi thực lòng hy vọng sự việc này sẽ được làm sáng tỏ.”

Nhưng mà không. Cuộc điều tra chính thức đã xác định được anh em nhà Varin là người gốc Thụy Sĩ, và đã sống một cuộc sống đa diện dưới nhiều cái tên khác nhau, thường xuyên lui tới sòng bạc, kết giao với một băng đảng người nước ngoài. Cảnh sát vừa mới phá được băng nhóm này sau khi chúng gây ra hàng loạt vụ cướp mà chỉ khi chúng tháo chạy rồi thì người ta mới phát hiện ra được chúng là thủ phạm. Căn nhà số 24 đường De Provence, nơi anh em nhà Varin sống sáu năm trước, không ai biết chúng ra sao.

Tôi phải thú nhận là, về phần tôi, tôi thấy việc này quá phức tạp và quá bí ẩn đến mức tôi không tin là có thể phá được vụ này, vì thế, tôi quyết định sẽ chẳng tốn thêm thời gian cho nó nữa. Nhưng anh bạn Jean Daspry, người tôi thường xuyên gặp gỡ trong giai đoạn đó, mỗi ngày lại càng quan tâm đến vụ đó hơn. Chính anh ta là người chỉ cho tôi một mẫu tin trên một tờ báo nước ngoài được đăng lại và được toàn thể cộng đồng báo chí quan tâm. Nội dung mẫu tin như sau:

Bản thử nghiệm đầu tiên của một mẫu tàu ngầm mới, phiên bản đang được mong đợi sẽ làm ra một cuộc cách mạng trong ngành vũ khí hải quân, sẽ được công bố với sự có mặt của ngài cựu vương tại một địa điểm sẽ được giữ bí mật đến tận phút chót. Một ngu ồn tin của chúng tôi đã tiết lộ tên của con tàu, đó là Quân bài bảy cơ.

Bảy cơ! Lại một rắc rối mới. Liệu có liên hệ gì giữa tên của tàu ngầm

kia và những sự việc mà chúng ta vừa được biết không? Nhưng nếu có thì là liên hệ kiểu gì chứ? Những chuyện vừa xảy ra ở đây chẳng thể nào lại liên quan đến tàu ngầm cả.

“Ngài biết được những gì về con tàu đó?” Daspry nói với tôi. “Những sự việc không liên quan nhất đôi khi lại thường nảy sinh từ cùng một nguồn cơn đấy.”

Hai ngày sau, mẫu tin nước ngoài sau được công bố rộng rãi:

Có nguồn tin cho rằng kế hoạch đóng tàu ngầm Quân bài bảy cơ do các kỹ sư Pháp thiết kế, mặc dù họ đã cố gắng hết sức để tìm kiếm hỗ trợ từ những người đồng hương, mà không thành, cuối cùng lại rơi vào vòng thương thảo với hải quân Anh, và cũng chẳng đạt được thành công gì.

Tôi không muốn vội vã đưa ra công chúng những vấn đề nhạy cảm vốn đã từng gây xôn xao dư luận. Nhưng khi mọi mối đe dọa đến sự an toàn của bản thân đã không còn, tôi phải viết đôi chút về bài báo đã đăng trên tờ *Tiếng vang nước Pháp*. Bài viết thu hút được nhiều sự quan tâm tại thời điểm đó, đồng thời cũng làm sáng rõ đôi chút về bí ẩn vụ Quân bài bảy cơ. Đây là nội dung bài báo đó, ký tên Salvator:

VỤ ÁN QUÂN BÀI BẢY CƠ

Một góc nhìn hé mở

Chúng tôi sẽ nói ngắn gọn thôi. Mười năm trước, một kỹ sư trẻ tuổi, tên là Louis Lacombe, với mong muốn đóng góp thời gian và cả tài sản của mình cho một số nghiên cứu, đã từ bỏ vị trí công việc

lúc đó, r ấ thuê căn nhà số 102 đại lộ Maillot, một căn nhà nhỏ vừa mới được xây dựng và thiết kế dành riêng cho một bá tước người Ý. Qua sự giới thiệu của anh em nhà Varin ở cùng Lausanne, một trong hai người là trợ lý cho những lần thí nghiệm ban đầu, còn người kia là đại diện tài chính, chàng kỹ sư trẻ được đến gặp Georges Andermatt, nhà sáng lập sàn chứng khoán Comptoir des Métaux.

Sau một vài cuộc phỏng vấn, chàng đã khiến ngài chủ ngân hàng hứng thú với một chiếc tàu ngầm mà chàng đang thiết kế, và họ đã cùng nhất trí với một điểm là ngay khi phần thiết kế hoàn thành, ngài Andermatt sẽ tận dụng ảnh hưởng của mình với ngài Bộ trưởng Hàng hải để dự án tàu ngầm của chàng được đưa ra thử nghiệm dưới sự đi đầu hành của Chính phủ. Trong suốt hai năm, Louis Lacombe thường xuyên viếng thăm nhà ngài Andermatt, và chàng liên tục cập nhật cho ngài chủ ngân hàng những cải tiến mới so với bản thiết kế ban đầu, cho tới một ngày, khi đã hài lòng với bản thiết kế của mình, chàng đề nghị ngài Andermatt liên hệ với ngài Bộ trưởng Hàng hải.

Hôm đó, Louis Lacombe ăn tối tại nhà ngài Andermatt. Chàng ra về vào khoảng mười một giờ ba mươi phút tối. Và từ đó, không ai thấy chàng nữa.

Đọc kĩ các bài báo viết về sự việc hôm đó sẽ thấy rằng gia đình chàng trai trẻ đã làm mọi cách để tìm tung tích chàng, nhưng cô vọng. Cuối cùng thì ai nấy đều tin rằng Louis Lacombe – người vốn được biết đến là một thanh niên lập dị và ảo tưởng – đã âm thầm đi tới những nơi không ai biết đến.

Chúng ta hãy chấp nhận giả thuyết đó đi – mặc dù có vẻ như đi đầu đó là không thể – và hãy cùng cân nhắc một nghi vấn khác, mang tầm tối quan trọng đối với đất nước chúng ta: Những bản thiết kế

tàu ngầm đó hiện giờ ra sao? Liệu Louis Lacombe có đem chúng theo không? Hay liệu chúng đã bị hủy đi chưa?

Sau khi tiến hành một cuộc đi đầu tra kỹ lưỡng, chúng ta có thể khẳng định, chắc chắn, rằng những bản thiết kế là có thật, và hiện giờ đang ở trong tay hai anh em nhà Varin. Làm thế nào mà họ lại sở hữu được chúng? Đó là một nghi vấn chưa có lời giải đáp. Và chúng ta cũng chưa biết tại sao hai anh em họ lại không bán chúng đi ngay từ đầu. Liệu có phải do họ sợ bị đi đầu tra, thẩm vấn vì có liên quan đến mấy bản thiết kế đó? Nếu quả đúng đó là lý do thì giờ họ không còn sợ đi đầu tra nữa, mà đến giờ chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định chắc chắn rằng những bản thiết kế của Louis Lacombe hiện đang là tài sản của một thế lực nước ngoài, và chúng ta đang ở trong vị thế phải công bố cho công chúng biết về vụ trao đổi giữa anh em nhà Varin và người đại diện của thế lực đó. Tàu ngầm Quân bài bảy cơ do Louis Lacombe thiết kế hiện giờ lại đang được anh bạn láng giềng của chúng ta đóng chử.

Liệu phát minh đó có thỏa mãn được kỳ vọng của những kẻ dính líu đến vụ phản bội tổ quốc đó?”

Và một mẫu tin vẫn nữa thông tin thêm:

Sau đó, một nguồn tin đặc biệt của chúng tôi cho hay bản thử nghiệm đầu tiên của con tàu Quân bài bảy cơ không được như mong đợi. Có vẻ như những bản thiết kế mà anh em nhà Varin bán ra không bao gồm tập tài liệu cuối cùng mà Louis Lacombe đã trao cho ngài Andermatt vào cái ngày mà chàng biến mất, tập tài liệu mà chỉ có sự hiểu biết tường tận về nó của chính nhà thiết kế mới có thể giải thích cặn kẽ được. Tập tài liệu đó bao gồm một bản tóm tắt

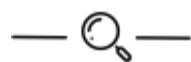
về kết luận cuối cùng của chính tác giả, các số liệu ước tính, các chỉ số không có ở các giấy tờ khác. Không có tập tài liệu này thì các bản thiết kế kia coi như không hoàn chỉnh; và ngược lại, không có những bản thiết kế kia thì tập tài liệu này cũng vô dụng.

Giờ là lúc hành động và lấy lại những gì thuộc về chúng ta. Việc này có thể sẽ khó khăn, nhưng chúng ta tin tưởng vào sự hỗ trợ của ngài Andermatt. Ngài sẽ rất sẵn lòng giải thích những gì có thể cho đến giờ vẫn là kỳ lạ và khó hiểu. Ngài sẽ giải thích không chỉ nguyên nhân tại sao ngài lại che giấu những thông tin này khi xảy ra vụ tự sát của Étienne Varin, mà còn cả lý do tại sao ngài chưa bao giờ tiết lộ thông tin về việc số tài liệu kia biến mất – một thông tin mà ngài nắm rất rõ. Ngài cũng sẽ nói tại sao, trong suốt sáu năm qua, ngài liên tục trả tiền thuê gián điệp theo dõi nhất cử nhất động của anh em nhà Varin. Chúng ta trông đợi ở ngài, không chỉ là mong lời nói mà cả hành động. Ngay lập tức. Nếu không...

Rõ ràng đó là một lời đe dọa. Nhưng nó ám chỉ điều gì? Hình phạt nào mà Salvator, tác giả bí ẩn của bài báo, đang treo trên đầu ngài Andermatt?

Cả một đội quân phóng viên ào ạt tấn công ngài chủ ngân hàng, và mười phóng viên trong số đó phản ánh họ đã được tiếp đón bằng thái độ khinh bỉ, tể tể. Ngay sau đó, tờ *Tiếng vang nước Pháp* khẳng định vị trí của mình trong vụ này qua những lời sau:

Dù ngài Andermatt có sẵn lòng hay không, thì từ nay trở đi, ngài ấy cũng sẽ là cộng sự của chúng tôi trong vụ việc mà chúng tôi đang tiến hành.



Daspry và tôi đang dùng bữa tối cùng nhau khi đọc được tin đó của tờ *Tiếng vang nước Pháp*. Tối hôm đó, bày đầy báo chí ra bàn, chúng tôi cùng thảo luận và suy xét kỹ lưỡng về vụ việc từ mọi góc độ với tinh thần trăn trở hóa vấn đề, không khác gì cảm giác của một người đang đi bộ trong bóng tối và liên tục vấp ngã vì cùng một loại vật cản. Đột nhiên, chẳng hề có tí tín hiệu nào từ bên ngoài, cửa chính bật mở và một người phụ nữ bước vào. Nàng đeo một cái mạng che kín mặt. Tôi bật dậy và đi về phía nàng.

“Thưa ngài, có phải ngài chính là người sống trong căn nhà này không?” Nàng hỏi.

“Đúng vậy, thưa bà, nhưng tôi không hiểu...”

“Cổng không khóa, thưa ngài.” Nàng giải thích.

“Thế còn cái cửa ngoài tiền sảnh thì sao?”

Nàng không trả lời câu hỏi đó, và tôi đoán có lẽ nàng đã đi vào nhà qua đường dành cho người hời. Làm sao nàng biết được đường đó? Sau đó là một khoảng im lặng ngượng ngùng. Nàng nhìn về phía Daspry, và tôi buộc phải giới thiệu anh ta với nàng. Tôi mời nàng ngồi và đề nghị nàng giải thích lý do của buổi viếng thăm này. Nàng lật tấm mạng che mặt lên, nàng có mái tóc nâu, đường nét trên khuôn mặt rất bình thường, mặc dù không xinh đẹp, nhưng trông nàng hấp dẫn – và điểm làm tôi chú ý nhất là đôi mắt buồn, sẫm màu của nàng.

“Tôi là bà Andermatt.” Nàng nói.

“Bà Andermatt!” Tôi ngạc nhiên nhắc lại.

Ngừng lại một thoáng, rồi nàng tiếp tục với giọng nói và cử chỉ thoải mái, tự nhiên: “Tôi đến đây gặp ngài vì vụ đó... ngài biết đấy. Tôi nghĩ có thể tôi sẽ biết được thông tin gì đó...”

“Lạy Chúa tôi, thưa bà, tôi chẳng biết gì ngoài những thứ đã được đăng trên khắp các báo. Nhưng nếu bà có thể nói rõ cho tôi biết bằng cách nào tôi có thể giúp đỡ bà...”

“Tôi không biết... Tôi không biết gì cả.”

Đến tận lúc ấy tôi mới bắt đầu ngờ rằng vẻ điềm tĩnh của nàng chỉ là vỏ bọc bên ngoài mà thôi, đằng sau vẻ thư thái kia là một nỗi khổ đau chua xót nào đó. Phải mất một lúc, chúng tôi chỉ biết giữ im lặng trong ngại ngần. Rồi thì Daspry lên tiếng: “Bà cho phép tôi được hỏi bà một vài câu hỏi chứ?”

“Được, được.” Nàng nói. “Tôi sẽ trả lời.”

“Bà sẽ trả lời... cho dù câu hỏi là gì chứ?”

“Đúng vậy.”

“Bà có biết Louis Lacombe không?” Anh ta hỏi.

“Có, qua ch ờng tôi.”

“L ần cuối bà nhìn thấy anh ta là khi nào?”

“Vào cái buổi tối anh ta dùng bữa với chúng tôi.”

“Ngay lúc đó, có dấu hiệu gì khiến bà nghĩ rằng có thể sau lần đó bà sẽ

không bao giờ gặp lại anh ta nữa không?”

“Không. Nhưng anh ta có nhắc đến một chuyến đi tới Nga... một cách mơ hồ.”

“Tức là bà vẫn nghĩ sẽ gặp lại anh ta?”

“Đúng vậy. Anh ta có hẹn ăn tối với chúng tôi hai ngày ngay sau buổi hôm đó.”

“Thế bà giải thích thế nào về sự biến mất của anh ta?”

“Tôi không thể giải thích được.”

“Thế còn ngài Andermatt?”

“Tôi không biết.”

“Nhưng bài báo đăng trên tờ *Tiếng vang nước Pháp* ám chỉ rằng...”

“Đúng vậy, rằng anh em nhà Varin có dính líu đến sự biến mất của anh ta.”

“Bà có nghĩ như vậy không?”

“Có.”

“Bà có cơ sở gì để nghĩ như vậy không?”

“Khi rời khỏi nhà chúng tôi, Louis Lacombe mang theo một cái túi quai chéo đựng toàn bộ giấy tờ liên quan đến phát minh của anh ta. Hai ngày sau đó, chúng tôi, trong một cuộc đối thoại với anh em nhà Varin, đã biết được rằng số giấy tờ đó đang nằm trong tay họ.”

“Và ngài ấy không hề tỏ giác việc ấy?”

“Không.”

“Sao lại không?”

“Bởi vì trong cái túi đó có một thứ khác nữa – một thứ khác ngoài số giấy tờ của Louis Lacombe.”

“Là cái gì vậy?”

Nàng ngập ngừng, đã định nói ra, nhưng rồi cuối cùng lại giữ im lặng. Daspry tiếp tục: “Tôi đoán đó chính là lý do tại sao chúng bà luôn tự mình theo sát mọi động thái của họ chứ không báo cảnh sát. Ngài ấy hy vọng lấy lại được số giấy tờ và cả thứ đó, cái thứ mà anh em nhà kia dùng để đe dọa và tống tiền chúng bà.”

“Chúng tôi và cả tôi nữa.”

“A! Cả bà nữa sao?”

“Phần nào đó thì cả tôi nữa.”

Nàng nói ra những từ cuối với giọng trống rỗng. Daspry cảm nhận được điều đó. Anh chàng đi tới đi lui vài lượt, rồi dừng lại trước mặt nàng và nói: “Bà đã bao giờ viết thư cho Louis Lacombe chưa?”

“Rồi chứ. Chúng tôi làm ăn với anh ta mà...”

“Ngoài thư từ liên quan đến việc làm ăn ra, bà có viết cho Louis Lacombe thư gì khác không? Thứ lỗi cho tôi vì sự tìm hiểu đến cùng này, nhưng tôi thực sự cần phải được biết toàn bộ sự thật. Bà có viết thư gì khác nữa không?”

“Có.” Nàng trả lời, mặt ửng đỏ.

“Và những lá thư đó cũng rơi vào tay anh em nhà Varin?”

“Đúng vậy.”

“Ngài Andermatt có biết việc đó không?”

“Ngài ấy chưa bao giờ thấy những lá thư đó, nhưng Alfred Varin đã tiết lộ cho chúng tôi biết về chúng và dọa sẽ công bố những bức thư đó ra nếu chúng tôi dám làm bất kỳ điếu gì chống lại hắn ta. Chúng tôi rất sợ... một vụ lùm xùm.”

“Nhưng ngài ấy có cố lấy lại những bức thư ấy không?”

“Tôi nghĩ là có, nhưng tôi không chắc. Ngài biết đấy, sau buổi nói chuyện với Alfred Varin, và sau khi vợ chồng tôi to tiếng với nhau và chồng tôi quy trách nhiệm cho tôi vì những rắc rối vừa qua – chúng tôi hiện giờ sống như những người xa lạ.”

“Nếu vậy thì, bà chẳng còn gì để mất, vậy thì bà lo sợ điếu gì?”

“Hiện giờ, có thể tôi không còn quan tâm tới ngài ấy nữa, nhưng tôi là người phụ nữ ngài ấy đã từng yêu, là người mà rất có thể hiện ngài ấy vẫn còn yêu... Ôi! Tôi dám chắc về điếu đó.” Nàng lẩm bẩm, với giọng tha thiết. “Ngài ấy có thể vẫn sẽ yêu tôi nếu những lá thư đáng nguy hiểm rửa đó không rơi vào tay ngài ấy...”

“Cái gì? Ngài ấy đã đọc được những bức thư ấy sao?... Nhưng chẳng phải anh em nhà kia vẫn thách thức được ngài ấy sao?”

“Đúng vậy, và chúng khoác lác về một nơi cất giấu đảm bảo an toàn nào đó.”

“Rồi sao nữa?”

“Tôi tin là chúng tôi đã phát hiện ra chỗ đó.”

“Rồi sao?”

“Tôi tin là đến giờ thì chúng tôi đã biết chỗ đó ở đâu.”

“À! Thế nhưng mà nó ở đâu?”

“Ở đây.”

“Ở đây!” Tôi hoảng hốt la lên.

“Đúng thế. Tôi đã luôn có cảm giác ấy. Louis Lacombe vốn rất thông minh và thú vui những lúc thư giãn rảnh rỗi của anh ta là chế tạo kết an toàn và các loại khóa. Không còn nghi ngờ gì là anh em nhà Varin đã nhận biết được đi đâu đó và tận dụng luôn một trong những cái kết an toàn của Lacombe để giấu mấy lá thư... và cả những thứ khác nữa, có thể lắm.”

“Nhưng họ có sống ở đây đâu.” Tôi nói.

“Khoảng bốn tháng trước khi ngài dọn đến ở, ngôi nhà này vẫn để không mà. Và có thể họ nghĩ rằng việc ngài dọn đến ở cũng không ảnh hưởng gì khi họ muốn lấy lại số giấy tờ đó. Nhưng họ lại không tính đến chúng tôi. Chúng tôi đã vào được căn nhà này vào đêm Hai mươi hai tháng Sáu, phá được cái kết an toàn, lấy được thứ ngài ấy đang tìm kiếm, và để lại danh thiếp để báo cho hai anh em nhà kia biết ngài ấy không còn gì phải sợ chúng nữa, và rằng tình thế lúc này đã đảo ngược. Hai ngày sau, sau khi đọc được mẩu tin trên tờ *Gil Blas*, Étienne Varin đã tới đây, ở lại một mình trong căn phòng này, phát hiện ra cái kết không còn gì, và... đã tự sát.”

Sau một lúc im lặng, Daspry nói: “Mọi chuyện thật đơn giản... Thế từ hôm ấy, ngài Andermatt có nói chuyện với bà không?”

“Không.”

“Thế thái độ của ngài ấy với bà có gì thay đổi không? Ngài ấy có gì u ám hay là lo âu hơn không?”

“Không, tôi không thấy có gì thay đổi.”

“Và bà vẫn nghĩ là ngài ấy đang giữ mấy lá thư đó? Nhưng theo tôi thì, ngài ấy chưa hề lấy được những lá thư đó, và cũng không phải là ngài ấy đã vào đây tối hôm Hai mươi hai tháng Sáu.”

“Vậy thì ai đã làm việc đó?”

“Một kẻ bí ẩn nào đó đang đi đầu khiến toàn bộ chuyện này, đó là kẻ nắm mọi đầu mối trong tay, và hắn có quyền năng vô hình, nhưng lại có thể đi đầu khiến mọi việc từ xa, và ngay từ đầu chúng tôi đã cảm nhận thấy đi đầu đó. Chính là hắn và đồng bọn của hắn đã đột nhập vào căn nhà này tối Hai mươi hai tháng Sáu; chính hắn đã phát hiện ra chỗ cất giấu sổ giấy tờ kia, chính hắn để lại danh thiếp của ngài Andermatt, và cũng chính hắn là kẻ hiện giờ đang nắm trong tay bằng chứng trao đổi qua lại và các bằng chứng vệt tội phản bội tổ quốc của anh em nhà Varin.”

“Hắn là ai?” Tôi hỏi, mất hết kiên nhẫn.

“Là kẻ viết thư cho tờ *Tiếng vang nước Pháp*... Salvator! Chẳng phải đã có những bằng chứng thuyết phục về đi đầu đó sao? Chẳng phải hắn đã đề cập trong thư những chi tiết nhất định chẳng ai biết được, ngoài kẻ đã nắm được những bí mật của hai anh em nhà kia sao?”

“Nếu thế thì...” Bà Andermatt lắp bắp, hoảng hốt cực độ. “Hắn có cả những lá thư của tôi, và cũng chính hắn là kẻ đang đe dọa chòng tôi. Lạy Chúa tôi! Tôi phải làm gì đây?”

“Viết thư cho hắn.” Daspry đồng dục nói. “Tin tưởng hắn, không giấu giếm gì cả. Nói cho hắn những gì bà biết và cả những gì sau này bà được biết. Bà và hắn có cùng chung một lợi ích. Hắn không chống lại ngài

Andermatt, mà là chống lại Alfred Varin. Hãy hỗ trợ hắn.”

“Bằng cách nào?”

“Chồng bà có tập tài liệu để hoàn thiện những bản thiết kế của Louis Lacombe chứ?”

“Có.”

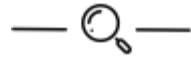
“Hãy nói đi đâu đó cho Salvator, và nếu có thể, hãy lấy tập tài liệu ấy cho hắn. Hãy viết cho hắn ngay đi. Bà chẳng mất gì trong việc này cả.”.

Lời khuyên đó quả là quá táo bạo, thậm chí mới nghe đã thấy thật nguy hiểm, nhưng bà Andermatt không còn lựa chọn nào khác. Hơn nữa, như Daspry đã nói, nàng chẳng mất gì. Nếu tác giả bài báo bí ẩn kia thực sự là kẻ thù thì việc này cũng chẳng làm cho mọi việc trầm trọng thêm. Nếu hắn ta chỉ là một kẻ lạ mặt đang cố hoàn thành một mục tiêu nào đó thì hắn cũng chỉ coi những lá thư kia là thứ yếu. Dù khả năng nào xảy ra, lời khuyên kia cũng là giải pháp duy nhất cho nàng lúc này, và nàng, trong trạng thái tinh thần rối bời, cũng chỉ còn một cách vui vẻ làm theo. Nàng rối rít cảm ơn chúng tôi, và hứa sẽ thông tin liên tục cho chúng tôi.

Thực tế thì, hai ngày sau, nàng gửi cho chúng tôi là thư nàng nhận được từ Salvator, nội dung như sau:

Chưa tìm thấy những lá thư, nhưng tôi sẽ lấy được chúng. Yên tâm. Tôi đang theo dõi mọi việc. S.

Tôi xem lá thư. Chữ viết tay giống y như trong tờ giấy kẹp ở cuốn sách của tôi vào tối Hai mươi hai tháng Sáu. Daspry đã đúng. Salvator thực sự mới là tác giả của toàn bộ chuyện này.



Chúng tôi vừa mới chuẩn bị có chút tia sáng le lói trong vụ án tầm tối này, và một tia sáng không ngờ tới đã làm sáng rõ một số điểm; còn đâu, các chi tiết khác vẫn hết sức mờ hồ— chẳng hạn, sự xuất hiện của hai quân bài bảy Cơ. Có thể là tôi hơi lo lắng thái quá về hai quân bài với bảy lỗ tròn mà hai lần xuất hiện đầu trong tình huống trớ trêu! Nhưng tôi không thể nào không tự hỏi mình: Máy quân bài đó đóng vai trò gì trong tấn bi kịch này chứ? Chúng có tầm quan trọng gì không? Có thể rút ra được kết luận gì từ việc này khi mà tàu ngầm do Louis Lacombe thiết kế cũng tên là Quân bài bảy cơ?

Daspry chẳng nghĩ gì nhiều về hai quân bài kia. Anh ta dành toàn bộ tâm trí vào một vấn đề khác mà anh ta cho là cấp thiết hơn. Anh ta đang cố tìm kiếm cái chỗ cất giấu bí mật kia.

“Và ai mà biết được...” Anh ta nói. “Nhớ đâu tôi lại tìm thấy mấy lá thư mà Salvator chưa tìm thấy – vô tình lại thấy, có thể lắm chứ. Tôi nghĩ là không thể nào anh em nhà Varin lại đi chuyển số thư từ ấy khỏi chỗ giấu bí mật, vì chúng cho rằng chỗ đó chẳng ai tiếp cận được, hơn nữa, số thư từ ấy lại là vũ khí quá quan trọng với chúng.”

Và anh ta tiếp tục tìm kiếm. Chỉ sau một khoảng thời gian ngắn, thư viện rộng thênh thang của tôi không còn gì là bí mật với anh ta nữa, vì thế, anh ta mở rộng cuộc kiểm tìm sang cả các phòng khác. Anh ta khám xét cả trong và ngoài ngôi nhà, từng tảng đá nền, từng viên gạch trên tường, thậm

chỉ còn lật mái ngói lên kiểm tra.

Một hôm, anh ta đến, mang theo một cái cuốc chim và một cái xẻng, đưa cho tôi cái xẻng, giữ lại cái cuốc chim, rồi chỉ ra bãi đỗ xe trống bên hông nhà, nói: “Đi nào.”

Tôi đi theo anh ta, nhưng tôi chẳng có hứng thú gì với việc này. Anh ta chia mảnh đất trống đó ra thành nhiều khoảnh nhỏ, rồi khám xét lần lượt từng khoảnh. Cuối cùng, ở một góc, chỗ giao nhau của hai bức tường nhà hàng xóm, có một đồng đất và sỏi bị những dây thường xuân và cỏ che phủ, và anh ta đặc biệt chú ý đến chỗ đó. Anh ta xới tung chỗ đất sỏi đó ra. Tôi buộc phải hỗ trợ anh ta. Suốt một giờ làm việc cật lực dưới ánh nắng chói chang mà chúng tôi cũng chẳng thu được kết quả gì. Tôi thì thấy nản rồi, nhưng Daspry vẫn thúc giục tôi tiếp tục. Anh ta vẫn sôi nổi, nhiệt tình như lúc mới bắt đầu.

Cuối cùng thì Daspry cũng xới lên được một chút xương – phần còn lại của một bộ hài cốt mà vẫn còn dính vài mẫu quần áo đã rữa. Đột nhiên, mặt tôi tái nhợt. Lấp ló trong đồng đất đá là một mảnh kim loại hình chữ nhật, và tôi nghĩ là tôi thấy trên mảnh kim loại đó có những chấm đỏ. Tôi cúi xuống nhặt nó lên. Miếng kim loại đó vừa bằng kích thước một quân bài, và những chấm đỏ kia, được vẽ bằng chì đỏ, ở đúng những vị trí tương tự như quân bài bảy Cơ, và mỗi chấm lại bị đục một lỗ tròn tương tự như hai quân bài được tìm thấy lần trước.

“Nghe này, Daspry, với tôi như thế là quá đủ rồi. Cậu có thể ở lại tiếp tục nếu cậu thấy hứng thú. Tôi đi đây.”

Không hiểu đó đơn giản là biểu hiện của tinh thần bị kích động, hay đó là hậu quả của một buổi lao động tay chân cực nhọc dưới ánh nắng mặt

trời? Tôi biết rõ là khi tôi quay đi, toàn thân tôi run rẩy, và rồi tôi đi nằm, nằm liên bốn mươi tám giờ, phát sốt và không thể nghỉ ngơi, vì bị ám ảnh bởi hình ảnh những bộ hài cốt cứ nhảy múa xung quanh và ném những trái tim rỉ máu của chúng vào đầu tôi.

Daspry rất chân thành với tôi. Anh ta đến nhà tôi hằng ngày, và ở lại từ ba đến bốn tiếng mỗi ngày, để tìm kiếm, thăm dò, giẫm giẫm chân trên sàn, hay là gõ gõ lên tường.

“Những bức thư ở ngay đây, trong căn phòng này.” Anh ta nhắc đi nhắc lại đi đầu đó. “Chúng ở ngay đây. Tôi đánh cược cả mạng mình về đi đầu đó.”

Sáng ngày thứ ba thì tôi ra khỏi giường – vẫn còn mệt, nhưng đã khỏi. Tôi thấy hưng phấn hơn sau một bữa sáng đầy đủ. Những bức thư tôi nhận được chiều hôm ấy, chứ không phải bất kỳ đi đầu gì khác, chính là liều thuốc cho sự bình phục hoàn toàn, và lại khiến tôi thực sự tò mò. Nội dung bức thư như sau:

Thưa ngài,

Tấn bi kịch, mà màn mở đầu diễn ra vào tối Hai mươi hai tháng Sáu, giờ đang dần đến hồi kết. Tình huống hiện tại buộc tôi phải cho hai nhân vật chính trong vở kịch này đối mặt với nhau, và tôi mong là buổi gặp gỡ sẽ được diễn ra tại nhà ngài, nếu như ngài cho phép tôi được sử dụng căn nhà vào tối nay, trong khoảng thời gian từ chín giờ đến mười một giờ. Sẽ tốt hơn nếu ngài cho người giúp việc đi đầu đó vào tối nay, và, nếu có thể thì ngài làm ơn mở cổng cho hai nhân vật đối đầu của chúng ta vào. Chắc ngài vẫn nhớ là khi tôi đến nhà ngài lần trước vào tối Hai mươi hai tháng Sáu, tôi đã bảo quản rất tốt mọi tài sản của ngài. Tôi cảm thấy thật là một ý nghĩ không phải với ngài nếu tôi có chút gì ngờ vực về việc ngài sẽ

giữ bí mật tuyệt đối việc này.

Bạn của ngài,
SALVATOR

Giọng điệu hài hước cũng như lời đề nghị kỳ quái của hắn ta khiến tôi buồn cười. Ngôn từ trong bức thư thể hiện sự tự tin và chân thành một cách lịch lãm, và chẳng đi đâu gì trên đời này có thể khiến tôi lừa dối hắn hoặc đáp lại sự tin tưởng của hắn bằng sự vô ơn.

Tôi cho người giúp việc của mình một vé xem hát và anh ta ra khỏi nhà vào lúc tám giờ. Vài phút sau, Daspry tới. Tôi cho anh ta xem lá thư.

“Thì sao?” Anh ta nói.

“Thì tôi đã mở cổng ngoài vườn rồi, ai cũng có thể vào được.”

“Và ngài... ngài có định đi luôn không?”

“Không hề. Tôi định ở ngay đây luôn chứ.”

“Nhưng hắn yêu cầu ngài đi...”

“Nhưng tôi sẽ không đi đâu cả. Tôi sẽ thận trọng, nhưng tôi nhất định phải chứng kiến mọi chuyện xảy ra.”

“Trời ơi!” Daspry reo lên, cười sảng khoái. “Ngài đúng đấy, tôi sẽ ở lại với ngài. Tôi cũng không muốn bỏ lỡ vụ này đâu.”

Tiếng chuông cửa vang lên, làm gián đoạn cuộc nói chuyện của chúng tôi.

“Đã đến rồi sao?” Daspry nói. “Sớm hơn giờ hẹn hai mươi phút! Tuyệt đấy!”

Tôi ra cửa và mời vị khách vào. Đó là bà Andermatt. Trông nàng nhợt nhạt và đầy lo âu, rồi nàng nói ngập ngừng: “Chồng tôi... đang đến đây... Ngài ấy có một cuộc hẹn... Họ định trao cho ngài ấy mấy bức thư...”

“Làm sao bà biết được việc đó?” Tôi hỏi.

“Vô tình thôi. Lúc chúng tôi đang ăn tối thì chồng tôi nhận được một lời nhắn. Người giúp việc lại đưa nhàn cho tôi. Chồng tôi giật lại tức thì, nhưng quá muộn. Tôi đã đọc được rồi.”

“Bà đọc được lời nhắn ấy?”

“Đúng vậy. Đại loại như thế này: *Chín giờ tối nay, đến đại lộ Maillot với những giấy tờ liên quan đến vụ việc. Đổi lại, có những lá thư.* Vì thế, sau bữa tối, tôi vội vã đến đây.”

“Chồng bà không biết chứ?”

“Không hề”

“Ngài nghĩ thế nào về việc này?” Daspry quay sang hỏi tôi.

“Tôi cũng nghĩ như cậu thôi, rằng ngài Andermatt là một trong những vị khách được mời tới nay.”

“Đúng vậy, nhưng được mời đến để làm gì?”

“Đi đâu đó thì chúng ta sắp được biết thôi.”

Tôi dẫn mọi người vào một phòng rộng. Ba chúng tôi có thể trốn thoải mái dưới tấm phủ ống khói bằng nhung và từ đó quan sát mọi việc diễn ra trong phòng. Chúng tôi ngồi đó, bà Andermatt ngồi giữa tôi và Daspry.

Đồng hồ điểm chín giờ. Vài phút sau, có tiếng kéo mở cổng ngoài vườn. Tôi phải thú nhận là tôi đã cực kỳ căng thẳng. Tôi chuẩn bị được

thấy chìa khóa của mọi bí ẩn trong vụ này. Chuỗi sự kiện chấn động vài tuần gần đây chuẩn bị có lời giải đáp, và cuộc giao đấu cuối cùng chuẩn bị diễn ra ngay trước mắt tôi đây. Daspry nắm chặt tay bà Andermatt, và nói với nàng: “Không một lời, không một cử động! Cho dù bà có nghe hoặc nhìn thấy gì thì cũng phải ng ồi im!”

Ai đó vừa bước vào phòng. Là Alfred Varin. Tôi nhận ra hắn ngay, vì hắn trông rất giống người anh em Étienne của hắn. Cùng dáng vai xuôi, cùng bộ mặt tái nhợt với râu quai nón đen rậm.

Hắn bước vào phòng với vẻ lo sợ của một kẻ luôn sợ bị sập bẫy hoặc bị mai phục, một kẻ luôn cố đánh hơi để tránh những hiểm nguy kiểu như vậy. Hắn liếc nhìn khắp căn phòng, và tôi có cảm giác là cái ống khói mà lại có khăn phủ bằng nhung khiến hắn thấy không yên tâm. Hắn bước ba bước về phía chúng tôi, rồi đột nhiên quay lại và đi về phía bức tranh ghép đức vua với bộ râu phát sáng và thanh kiếm sáng choang. Hắn tỉ mỉ ngắm nghía bức tranh, ng ồi xuống ghế và sờ tay lần theo đường nét vai, đầu và từng nét trên khuôn mặt vị vua. Bỗng dưng, hắn nhảy ra khỏi ghế. Hắn nghe tiếng bước chân đang đến gần. Ngài Andermatt xuất hiện trước cửa.

“Anh! Chính anh!” Ông chủ ngân hàng hét lên. “Có phải chính anh gọi tôi tới đây không?”

“Tôi ư? Không đời nào.” Varin phản kháng bằng cái giọng thô lỗ, cục cằn y như người anh em của hắn. “Ngược lại, chính lá thư của ngài khiến tôi tới đây đây.”

“Thư của tôi?”

“Một bức thư do ngài ký, trong đó ngài đề nghị...”

“Tôi không hề viết gì cho anh cả.” Ngài Andermatt khẳng định.

“Ngài không viết cho tôi á?”

Bản năng trỗi dậy, Varin bắt đầu cảnh giác, không phải cảnh giác với ngài chủ ngân hàng, mà là với một kẻ giấu mặt nào đó đã lừa hắn vào cái bẫy này. Một lần nữa, hắn nhìn về hướng chúng tôi, rồi đi về phía cửa. Nhưng ngài Andermatt chặn hắn lại.

“Này, anh đang định đi đâu đấy, Varin?”

“Có đi đâu gì đó kỳ quặc ở đây, tôi không thích thế. Tôi về nhà đây. Tạm biệt.”

“Khoan đã!”

“Không cần vậy đâu, thưa ngài Andermatt. Tôi chẳng có gì để nói với ngài cả.”

“Nhưng tôi có đi đâu muốn nói với anh, và đây là cơ hội tốt.”

“Để tôi đi.”

“Không, anh sẽ không đi được đâu.”

Varin rúm lại trước thái độ quả quyết của ngài chủ ngân hàng, hắn lần rầu: “Vậy thì, hãy nói nhanh gọn đi.”

Có một điều khiến tôi ngạc nhiên, và tôi không nghi ngờ gì là hai bạn đồng hành của tôi cũng có ý nghĩ tương tự. Tại sao Salvator lại không ở đây? Chẳng phải hắn là phần tất yếu của việc này sao? Hay là hắn muốn hai kẻ đối nghịch kia tự xử? Dù thế nào đi nữa, sự vắng mặt của hắn là một nỗi thất vọng lớn, mặc dù cũng chẳng hề làm cho tình huống trước mắt chúng tôi bớt đi phần gay cấn.

Một lúc sau, ngài Andermatt tiến sát về phía Varin, đối mặt và nhìn thẳng vào mắt hắn mà nói: “Bây giờ thì, sau chừng ấy năm, và anh chẳng còn gì phải sợ hãi nữa, anh hãy trả lời tôi rõ ràng đi: Anh đã làm gì Louis Lacombe?”

“Hỏi được lắm! Cứ như là tôi biết rõ mọi thứ về anh ta ấy nhỉ!”

“Anh biết rõ quá đi chứ! Anh và người anh em của anh chẳng luôn luôn đồng hành cùng anh ta sao, gần như là ở luôn trong nhà anh ta rồi. Các anh biết rõ về các bản thiết kế cũng như những công việc anh ta làm. Và cái tối cuối cùng mà tôi thấy Louis Lacombe, khi tôi chào tạm biệt anh ta ở ngay cửa nhà tôi, tôi đã trông thấy bóng hai người đàn ông lẩn vào trong bóng cây. Tôi xin thề là tôi đã thấy rõ hai người đó.”

“Rồi sao, chuyện đó thì liên quan gì đến tôi?”

“Hai người đó chính là anh và người anh em của anh.”

“Chúng mình đi đâu đó là đúng đi.”

“Bằng chứng xác đáng nhất chính là, hai ngày sau, chính anh cho tôi xem sổ giấy tờ và những bản thiết kế của Lacombe và gạ bán chúng cho tôi. Làm thế nào mà anh có được sổ giấy tờ đó?”

“Tôi đã nói rồi cơ mà, thưa ngài Andermatt, rằng chúng tôi thấy sổ giấy tờ đó trên bàn của Lacombe, buổi sáng ngay sau hôm anh ta mất tích.”

“Nói dối!”

“Chúng mình đi.”

“Luật pháp sẽ chứng minh đi đâu đó.”

“Tại sao ngài không đi trình báo ra pháp luật đi?”

“Tại sao ư? A! Tại sao...” Ngài chủ ngân hàng lấp bắp, thoáng một chút cảm xúc lộ ra trên mặt ngài.

“Ngài biết rất rõ, thưa ngài Andermatt, nếu như ngài chỉ cần có tí chút cơ sở về tội lỗi của chúng tôi thôi, thì cái trò dọa dẫm con con của chúng tôi chẳng thể nào cản được ngài đi trình báo đâu.”

“Trò dọa dẫm nào? Mấy lá thư đó á? Anh nghĩ là tôi lại buồn mất thời gian bận tâm đến mấy lá thư đó à?”

“Nếu ngài không hề quan tâm đến chúng, tại sao ngài lại đề nghị trả cho tôi hàng ngàn franc để lấy lại mấy lá thư đó? Và tại sao ngài lại phải theo dõi tôi và anh tôi như theo những con thú hoang vậy?”

“Để lấy lại những bản thiết kế.”

“Vớ vẩn! Ngài muốn mấy lá thư đó. Một khi ngài có được mấy lá thư đó rồi, ngài có thể khai ra chúng tôi. Ôi! Không, không bao giờ tôi để mất chúng!”

Hắn cười man dại, rồi đột nhiên im bặt, và nói: “Nhưng thôi, như thế là đủ rồi! Chúng ta đang luẩn quẩn rồi. Chưa làm sáng tỏ được điều gì cả. Tốt hơn là cứ để mọi việc như thế đi.”

“Chúng ta sẽ không để mặc mọi việc như thế được.” Ngài chủ ngân hàng khẳng định. “Và vì anh đã đề cập đến mấy lá thư, để tôi cho anh rõ điều này, anh sẽ không được ra khỏi ngôi nhà này nếu không trao mấy lá thư đó cho tôi.”

“Tôi sẽ đi khi nào tôi muốn.”

“Anh sẽ không đi đâu.”

“Cẩn thận đây, ngài Andermatt. Tôi cảnh báo ngài.”

“Tôi nói rồi, anh sẽ không đi.”

“Chúng ta sẽ cùng xử lý đi đầu đó.” Varin gào lên giận dữ khiến bà Andermatt không thể nén được tiếng kêu sợ hãi. Varin chắc hẳn đã nghe thấy tiếng nàng, vì thế mà hắn rào bước đi thẳng ra ngoài. Ngài Andermatt đẩy hắn quay lại. Rồi tôi thấy hắn thò tay vào túi áo khoác.

“Tôi nói một lần cuối, để tôi qua.” Hắn hét lên.

“Đưa mấy lá thư ra đây đã!”

Varin rút khẩu côn quay ra, chĩa thẳng vào ngài Andermatt, nói: “Có hay không?”

Ngài chủ ngân hàng vội vã ngã thụp xuống. Có một tiếng súng nổ. Khẩu súng rời khỏi tay Varin. Tôi chết lặng. Tiếng súng rất gần chỗ chúng tôi ẩn nấp. Chính là Daspry đã bắn Varin, khiến hắn phải buông súng. Trong nháy mắt, Daspry đã nhảy ra đứng giữa hai người đàn ông kia, đối mặt với Varin. Anh ta mĩa mai nói với hắn: “Anh rất may mắn đấy, anh bạn. Tôi ngắm bắn tay anh nhưng lại chỉ trúng vào khẩu súng.”

Cả hai người nhìn chằm chằm vào anh ta, ngơ ngàng. Rồi quay sang ông chủ ngân hàng, anh ta tiếp: “Rất mong ngài thứ lỗi, thưa ngài, vì đã xen vào việc của ngài, nhưng thực sự, ngài diễn dở lắm. Hãy để tôi làm nhà cái trong vụ này đi.”

Quay lại phía Varin, Daspry tiếp tục: “Giờ là chuyện giữa hai chúng ta, anh bạn, và hãy chơi đàng hoàng, nếu có thể. Chặt cơ là mạnh nhất, và tôi chọn quân bảy.”

Rồi Daspry giơ lên trước mặt Varin đang hoảng loạn, rồi bời, miến

kim loại chúng tôi đào được ở ngoài vườn, miếng kim loại có bảy chấm đỏ. Đó quả thực là một cú sốc kinh hoàng đối với Varin. Mặt xám ngoét, mắt nhìn trừng trừng, với một vẻ như đau đớn quần quai, hần đường như tê liệt khi nhìn thấy mảnh kim loại kia.

“Anh là ai?” Hấn hụt hơi nói.

“Một người thích xen vào việc của người khác, đến tận cùng sự việc.”.

“Anh muốn gì?”

“Thứ mà anh mang tới đây tối nay.”

“Tôi chẳng mang gì hết.”

“Có, chắc chắn là có. Nếu không thì anh đã không tới đây rồi. Sáng nay, anh nhận được lời mời tới đây lúc chín giờ, và hẹn phải mang theo sổ giấy tờ anh đang giữ. Giờ anh ở đây rồi. Sổ giấy tờ đâu?”

Giọng nói của Daspry lúc này đầy vẻ uy quyền mà tôi không thể nào hiểu nổi, thường thì anh ta vốn luôn hòa nhã, dĩ hòa vi quý. Hoàn toàn khuất phục, Varin đặt tay lên túi áo, và nói: “Sổ giấy tờ ở đây.”

“Tất cả chứ?”

“Tất cả.”

“Tất cả những gì anh lấy của Louis Lacombe và sau đó bán cho Thiếu tá Von Lieben?”

“Đúng vậy.”

“Đây là những bản sao hay là bản gốc?”

“Tôi mang bản gốc đến.”

“Anh muốn bán bao nhiêu?”

“Một trăm ngàn franc.”

“Anh điên rồ.” Daspry nói. “Tại sao, ngài Thiệu tá trả anh hai mươi ngàn, và chẳng khác nào ném qua cửa sổ, con tàu hoàn toàn thất bại từ những lần thử đầu tiên.”

“Họ không hiểu bản thiết kế.”

“Những bản thiết kế đó chưa hoàn thiện.”

“Vậy thì sao anh còn hỏi mua chúng làm gì?”

“Bởi vì tôi muốn có chúng. Tôi trả anh năm ngàn franc – không thêm một xu.”

“Mười ngàn. Không kém một xu.”

“Đồng ý.” Daspry nói, rồi quay về phía ngài Andermatt và nói: “Ngài sẽ rất sẵn lòng ký ngân phiếu chi khoản tiền này chứ?”

“Nhưng... Tôi không có...”

“Cuốn ngân phiếu? Đây thưa ngài.”

Quá ngạc nhiên, ngài Andermatt kiểm tra lại cuốn sổ mà Daspry vừa đưa cho mình.

“Đây là cuốn ngân phiếu của tôi.” Ngài cuống lên nói. “Sao lại thế được?”

“Làm ơn, không nói những lời vô ích, thưa ngài. Ngài chỉ việc ký thôi.”

Ngài chủ ngân hàng lấy bút mực ra, đi đến vào tờ ngân phiếu, rồi ký. Varin chìa tay ra để đón lấy từ ngân phiếu.

“Đặt tay xuống đi.” Daspry ra lệnh. “Vẫn còn một vài việc nữa.” Rồi quay lại phía ngài chủ ngân hàng, anh ta nói: “Ngài yêu cầu những lá thư, phải vậy không?”

“Đúng vậy, một bọc thư.”

“Chúng đâu rồi, Varin?”

“Tôi không có mấy lá thư đấy.”

...

“Chúng đâu rồi, Varin?”

“Tôi không biết. Anh tôi phụ trách mấy lá thư đấy.”

“Chúng được giấu trong phòng này.”

“Nếu thế thì, anh phải biết chúng được giấu ở đâu.”

“Làm sao mà tôi biết được?”

“Chẳng phải anh chính là người tìm ra chỗ giấu bí mật ư? Anh có vẻ thạo tin không kém gì... Salvator.”

“Không có thư trong chỗ giấu đó.”

“Có mà.”

“Mở ra đi.”

Varin nhìn thẳng vào anh ta với vẻ thách thức. Chẳng phải Daspry và Salvator là một người sao? Mọi chuyện đều chứng minh cho kết luận đó. Nếu vậy thì, Varin chẳng còn gì mà phải cố giấu cái chỗ giấu bí mật đã bị lộ đó.

“Mở ra đi.” Daspry nhắc lại.

“Tôi không có quân bài bảy cơ đó.”

“Có đây rồi.” Daspry nói, đưa cho hắn miếng kim loại.

Varin co rúm lại sợ hãi, gào toáng lên: “Không không, tôi không mở đâu.”

“Không sao.” Daspry trả lời, đồng thời đi về phía bức ảnh vị vua râu quai nón, trèo lên một cái ghế và ghép tấm kim loại vào phần dưới thanh gương sao cho các mép của tấm kim loại khớp với hai mép thanh gương. Rồi, dùng một cái dùi, anh ta lần lượt ấn vào từng viên đá trên bức tranh tương ứng với từng lỗ trên tấm kim loại. Khi anh ta ấn đến viên đá thứ bảy, một tiếng *click* vang lên, và toàn bộ phần mình đức vua xoay quanh một trục, làm lộ ra một cửa lớn có khung thép. Đây quả là một cái kết chóng chày.

“Anh thấy đấy, Varin, cái kết trông rộng.”

“Giờ thì tôi đã rõ. Vậy thì anh tôi đã lấy mấy lá thư ra rồi.”

Daspry bước xuống khỏi ghế, lại gần Varin và nói: “Thôi đi, đừng nói chuyện nhảm nhí với tôi nữa. Còn một chỗ giấu khác. Ở đâu?”

“Không có chỗ nào khác.”

“Có phải anh lại muốn tiền không? Bao nhiêu?”

“Mười ngàn...”

“Ngài Andermatt, đối với ngài thì những lá thư đó có đáng giá mười ngàn franc không?”

“Có.” Ngài chủ ngân hàng khẳng định chắc nịch.

Varin đóng cái kết lại, lấy miếng kim loại quân bài bảy cơ ra và đặt lại

đúng vị trí cũ trên thanh gương. Hắn lại ấn cái đầu vào từng lỗ. Lần này lại có tiếng *click* như lần trước, nhưng khác với lần mở trước, chỉ một phần của cái kết quay trên trục, để lộ ra một cái kết nhỏ hơn ngay bên trong cái kết to ban nãy. Gói thư ở đó, buộc chặt bằng một sợi dây ruy băng và có hàn keo. Varin đưa gói thư đó cho Daspry. Daspry quay lại phía ngài chủ ngân hàng và nói: “Ngân phiếu sẵn sàng rồi chứ, ngài Andermatt?”

“Rồi.”

“Và ngài cũng có tập tài liệu cuối cùng ngài nhận được từ Louis Lacombe – tập tài liệu để hoàn thiện những bản thiết kế ở đây chứ?”

“Có.”

Vụ trao đổi thế là xong. Daspry cất tập tài liệu và hai tấm ngân phiếu vào túi áo, và đưa tập thư cho ngài Andermatt.

“Đây là tất cả những gì ngài cần, thưa ngài.”

Ngài chủ ngân hàng chần chừ một chút, như thể sợ phải động vào những lá thư đáng nguy hiểm mà ngài ra sức tìm kiếm bấy lâu nay. Sau đó, ngài đón lấy chúng bằng một cử chỉ đầy lo âu. Ngay sát bên tai tôi, tôi nghe một tiếng rên rỉ. Tôi nắm lấy tay bà Andermatt. Bàn tay lạnh toát.

“Tôi tin là, thưa ngài...” Daspry nói với ngài chủ ngân hàng. “Thương vụ của chúng ta đến đây là kết thúc. Ô! Đừng cảm ơn tôi. Chỉ là cơ may thôi, nên tôi mới có dịp để có thể đáp lại ngài một cách tương xứng như vậy. Tạm biệt.”

Ngài Andermatt ra về. Ngài mang theo những lá thư vợ ngài viết cho Louis Lacombe.

“Tuyệt vời!” Daspry mừng rỡ thốt lên. “Mọi thứ diễn ra đúng như dự

tính của chúng ta. Bây giờ thì chúng ta chỉ còn mỗi việc kết thúc nốt vấn đề nhỏ giữa hai ta nữa thôi, anh bạn. Anh có số giấy tờ ở đây đúng không?”

“Chúng đây – tất cả đây.”

Daspry xem xét cẩn thận chỗ giấy tờ, rồi bỏ tất cả vào túi.

“Chính xác, anh đã giữ lời đấy.” Anh ta nói.

“Nhưng...”

“Nhưng sao?”

“Hai tờ ngân phiếu? Số tiền thì sao?”

Varin nôn nóng hỏi.

“Anh bạn, anh đã nhận được quá nhiều đảm bảo rồi, anh còn đòi hỏi gì nữa?”

“Tôi chỉ đòi những gì đúng ra là của tôi.”

“Anh lại có thể đòi lại những gì mà anh ăn cắp ư? Chà, tôi nghĩ là không đâu!”

Varin mất hết bình tĩnh. Hắn run lên vì giận dữ, mắt hắn vẫn đỏ tía máu. “Số tiền... hai mươi ngàn...” Hắn nói giật cục.

“Không đời nào! Tôi cũng cần số tiền ấy.”

“Số tiền!”

“Thôi nào, có lý tí đi, và đừng kích động. Không tốt cho anh đâu.”

Daspry tóm chặt lấy tay hắn, khiến Varin rú lên đau đớn. Daspry tiếp tục: “Giờ thì anh đi được rồi đấy. Khí trời sẽ giúp anh thư giãn đôi chút

đấy. Có lẽ là anh cần tôi chỉ cho anh lối đi nhỉ? À! Phải rồi, chúng ta sẽ đi ra bãi xe trống ngoài kia, và tôi sẽ chỉ cho anh cái đồng đất đá nhỏ và bên dưới đấy...”

“Đó là giả! Cái đó chỉ là giả thôi!”

“Ôi, không! Thật đấy. Cái mảnh kim loại con con đó được tìm thấy ở đây đấy. Louis Lacombe luôn mang theo nó, và anh đã chôn cả nó cùng với cái xác... và cả một số thứ sẽ khiến cho thẩm phán và cả bồi thẩm đoàn hứng thú đấy.”

Varin vui mặt vào hai bàn tay, thốt lên: “Được rồi, tôi chịu thua. Đừng nói gì nữa. Nhưng tôi muốn hỏi anh một câu. Tôi muốn biết...”

“Là gì?”

“Trong cái két lớn có một hộp tráp nhỏ chứ?”

“Có.”

“Tối Hai mươi hai tháng Sáu cái tráp vẫn ở đó chứ?”

“Có.”

“Trong đó có gì vậy?”

“Mọi thứ mà anh em nhà Varin đã bỏ vào – một bộ sưu tập kim cương và ngọc trai rất đẹp do anh em nhà họ lấy được từ nhiều nơi khác nhau.”

“Và anh đã lấy cái tráp rồi à?”

“Đương nhiên rồi. Anh đổ lỗi cho tôi về việc đó ư?”

“Tôi hiểu rồi... Chính vì không thấy cái tráp đó mà anh trai tôi đã tự sát.”

“Có thể lắm. Việc anh cắt đứt liên lạc với anh ta chưa đủ khiến anh ta phải tự kết liễu đời mình. Nhưng cả việc cái tráp biến mất nữa thì... Đó đã phải là tất cả những gì anh muốn hỏi tôi chưa?”

“Một đi ầu nữa: Tên anh là gì?”

“Anh hỏi vậy để mong ngày trả thù à?”

“Đúng thế! Tình thế có thể đảo ngược. Hôm nay anh thế thượng phong. Ngày mai...”

“Sẽ là anh.”

“Mong là vậy. Tên anh là gì?”

“Arsène Lupin.”

“Arsène Lupin!”

Hắn lão đảo, như thế vừa bị choáng sau một cú đánh trời giáng. Hai từ đó đã cướp đi mọi hy vọng của hắn. Daspry cười lớn, và nói: “À! Anh thử tưởng tượng xem có ngài Durand hay là Dupont nào đó lại có thể đi ầu khiến được một vụ như thế này chứ? Không bao giờ, một vụ như thế này đòi hỏi phải có kỹ năng và sự mưu trí của Arsène Lupin. Và giờ thì anh đã biết tên tôi rồi, đi đi và chuẩn bị mà báo thù. Arsène Lupin sẽ đợi anh.”

Rồi anh ta đẩy gã Varin đang hết sức hoảng loạn ra khỏi cửa.

“Daspry! Daspry!” Tôi la lớn, gạt tấm rèm che sang một bên.

Anh ta chạy lại chỗ tôi. “Gì thế? Có chuyện gì thế?”

“Bà Andermatt đang mệt lắm.”

Anh ta vội vã chạy lại với nàng, cho nàng hít một ít muối, và vừa chăm

sóc nàg, anh ta vừa hỏi tôi: “Chuyện gì khiến bà ấy bị như vậy thế?”

“Vị anh đã đưa những bức thư của Louis Lacombe cho ch ồng bà ấy.”

Anh ta vổ trán một cái và nói: “Bà ấy lại nghĩ là tôi có thể làm một việc như thế sao?... Nhưng, có thể lắm chứ. Sao mình lại ngó ngán thế nhỉ?”

Bà Andermatt đã tỉnh lại. Daspry lấy ra từ trong túi áo một cái gói giống hệt như gói mà ngài Andermatt vừa mang đi lúc nãy.

“Đây là những lá thư của bà, thưa bà. Đây là những lá thư thật.”

“Thế còn... mấy lá thư kia thì sao?”

“Những lá thư kia cũng giống hệt những cái này thôi, tôi đã viết lại, cẩn thận sửa lại từng từ ngữ r ồi. Ch ồng bà sẽ không thấy đi ầu gì đáng phải chê trách về bà trong đó cả, và chắc chắn ngài ấy sẽ không nghi ngờ gì về việc mấy lá thư đã bị thay thế vì ngài ấy đã tận mắt chứng kiến chúng được lấy ra từ cái két.”

“Nhưng còn chữ viết thì...”

“Chẳng có chữ viết tay nào là không thể bắt chước.”

Nàng cảm ơn anh ta bằng những lời lẽ trân trọng mà nàng cũng sẽ dùng để nói với bất kỳ người nào trong thế giới của nàng, vì thế, tôi có thể kết luận là nàng đã không chứng kiến được màn cuối cùng giữa Varin và Arsène Lupin. Nhưng sự thật bất ngờ này lại khiến tôi thấy khá là hổ thẹn. Lupin! Bạn cùng câu lạc bộ với tôi chẳng phải ai khác mà chính là Arsène Lupin. Tôi đã không thể nhận ra đi ầu đó. Nhưng r ồi anh ta nói, với vẻ thoải mái tự nhiên vốn có: “Ngài có thể nói tạm biệt Jean Daspry.”

“A!”

“Đúng vậy, Jean Daspry đang chuẩn bị một chuyến đi dài. Tôi sẽ cử anh ta tới Maroc. Ở đó, có thể anh ta sẽ tìm thấy cái kết xứng đáng cho đời mình. Tôi có thể nói đó là những gì mà anh ta mong đợi.”

“Nhưng Arsène Lupin sẽ vẫn còn chứ?”

“Ồ! Chắc chắn rồi. Arsène Lupin mới bắt đầu ở ngưỡng cửa của sự nghiệp, và anh ta mong rằng...”

Sự tò mò buộc tôi phải tạm ngắt lời anh ta, và hướng anh ta sang chuyện khác, không để bà Andermatt tiếp tục nghe chuyện này. Tôi hỏi: “Có phải anh đã tìm thấy cái kết nhỏ rồi không – cái kết chứa mấy lá thư ấy?”

“Đúng vậy, sau khi vượt qua khá nhiều trở ngại đây. Tôi tìm thấy nó chỉ vài qua thôi, lúc ngài đang ngủ. Và trời đất, có Chúa chứng giám là không ngờ nó lại dễ như thế! Nhưng những điếu đơn giản nhất lại thường là những điếu chúng ta chẳng bao giờ để mắt tới.” Sau đó, chìa cho tôi xem miếng kim loại có hình quân bài bảy cơ, anh ta nói thêm: “Tất nhiên là tôi đã đoán được, để mở được cái kết lớn hơn thì phải đặt cái này vào thanh gươm trên hình vị vua kia.”

“Làm sao anh đoán được điếu đó?”

“Cũng dễ thôi. Qua một nguồn tin riêng của tôi, tôi đã biết trước được điếu đó khi tôi tới đây vào tối Hai mươi hai tháng Sáu...”

“Sau khi anh chào từ biệt tôi trong tình trạng...”

“Đúng vậy, sau khi chuyển hướng chủ đề buổi nói chuyện của chúng ta hôm đó vào các câu chuyện về tội phạm và cướp bóc, tôi có thể chắc chắn là ngài sẽ bị rơi vào trạng thái ám ảnh, lo sợ đến mức tối hôm đó không

dám ra khỏi giường, nhưng như thế thì tôi có thể thoải mái tìm kiếm trong nhà mà không lo bị gián đoạn.”

“Mọi việc diễn ra đúng như kế hoạch của anh rồi đấy.”

“Thực ra thì khi tôi tới đây hôm đó, tôi đã biết trước là có một cái trap nhỏ giấu trong một cái két có khóa bí mật, và quân bài bảy cơ chính là chìa khóa. Tôi chỉ cần đặt được quân bài đó vào đúng chỗ là có thể mở được. Và chỉ một giờ tìm kiếm là tôi đã phát hiện ra chỗ đó là chỗ nào.”

“Một giờ!”

“Để quan sát nhân vật trên ảnh ghép kia.”

“Vị hoàng đế già đó hả?”

“Vị vua già đó chính là hình trên quân K cơ trong mọi bộ tứ lơ khơ.”

“Đúng rồi. Nhưng làm sao quân bài bảy cơ đó lúc thì mở được cái két to, lúc lại mở được cái két nhỏ? Và làm sao vô tình lần đầu tiên mở anh lại mở trúng cái két to? Ý tôi lần đầu là vào hôm Hai mươi hai tháng Sáu ấy.”

“Tại sao ư? Bởi vì tôi luôn đặt quân bài theo cùng một hướng vào chỗ thanh gươm kia. Tôi chưa bao giờ xoay cả. Nhưng hôm qua, tôi phát hiện ra là chỉ cần đảo ngược quân bài thì bảy điểm nhấn trên bức tranh cũng sẽ là bảy điểm khác.”

“Không thể tin nổi!”

“Tất nhiên rồi, khó mà hình dung được! Nhưng một người cần phải nghĩ được hết những điều đó.”

Còn một điều nữa: “Anh không hề biết gì về những lá thư cho đến khi bà Andermatt...”

“Nói về chúng trước mặt tôi? Không, tôi không biết gì cả. Bởi vì trong cái kết ấy, ngoài cái trap ra, tôi chẳng thấy gì khác ngoài những thư từ trao đổi của hai anh em nhà kia xoay quanh âm mưu phản trắc của họ liên quan đến những bản thiết kế.”

“Vậy thì chỉ là ngẫu nhiên mà ban đầu anh phát hiện ra và tiếp tục đi đầu tra về câu chuyện giữa hai anh em họ, rồi sau đó lại tìm kiếm những bản thiết kế và số tài liệu liên quan đến chiếc tàu ngầm hả?”

“Hoàn toàn ngẫu nhiên.”

“Vậy thì ngay từ đầu, đi đâu gì khiến anh vào căn nhà này tìm kiếm?”

“Lạy Chúa tôi!” Daspry phá lên cười, và nói. “Ngài thật quan tâm sâu sắc đến vụ này!”

“Đi đâu đó thực sự cuốn hút tôi.”

“Tốt lắm, bây giờ thì, sau khi tôi hộ tống bà Andermatt ra xe kéo, và gửi một mẫu chuyện cho tờ *Tiếng vang nước Pháp*, tôi sẽ quay lại và kể cho ngài chuyện đó.”

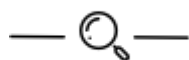
Anh ta nghĩ xuống và viết một trong những mẫu tin ngắn gọn, súc tích để nhằm mua vui và mê hoặc công chúng. Có ai mà lại không nhớ là mẫu tin kiểu như thế đã gây rúng động như thế nào trên toàn thế giới chứ?

“Arsène Lupin vừa mới giải quyết được vấn đề mới đây do Salvator đưa ra. Đã lấy được toàn bộ tập tài liệu và những bản thiết kế gốc của chàng kỹ sư Louis Lacombe, ngài đã trao chúng cho ngài Bộ trưởng Hàng hải, đồng thời, ngài cũng đi đầu trong danh sách đăng ký tài trợ cho chương trình quốc gia đóng tàu ngầm đầu tiên dựa trên những bản thiết kế đó. Ngài đóng góp số tiền là hai

mười ngàn franc.

“Hai mươi ngàn franc! Chính là từ ngân phiếu của ngài Andermatt?”
Tôi thốt lên khi đọc mẫu tin anh ta đưa cho tôi.

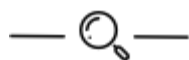
“Chính xác. Varin phải trả giá cho tội phản trắc của hắn, cũng hợp lý đấy chứ.”



Và đó chính là câu chuyện làm sao tôi lại quen được Arsène Lupin. Cũng nhờ chuyện đó mà tôi biết được là Jean Daspry, một thành viên trong câu lạc bộ của tôi, chẳng phải ai khác mà chính là Arsène Lupin, tên trộm hào hoa. Đó cũng chính là cách mà một mối quan hệ khá hài hòa giữa tôi và người đàn ông nổi tiếng đó được thiết lập, và nhờ có lòng tin mà anh ta dành cho tôi, giờ đây tôi trở thành người chép sử khiêm tốn và trung thành cho anh ta.



Két của bà Imbert



Ba giờ sáng, vẫn còn nửa tá xe kéo tụ tập trước cửa một trong những căn nhà nhỏ dọc một bên đại lộ Berthier. Cánh cửa căn nhà mở ra, và một vài vị khách, cả nam lẫn nữ xuất hiện ở cửa. Đa số họ đều lên xe kéo và đi ngay, chỉ còn lại hai người đàn ông tiếp tục đi đến phố Courcelles thì chia tay vì một trong hai người sống ngay trên phố đó. Người còn lại quyết định đi bộ ngược trở lại phố Porte-Maillot. Đó là một tối mùa đông đẹp trời, lạnh và khô ráo, đi bách bộ dưới thời tiết như buổi tối này thì thật thư thái, thoải mái.

Nhưng sau vài phút, ngài bất giác cảm thấy có ai đó đang đi theo mình. Ngài quay lại nhìn xem thế nào thì thấy một người đàn ông lù lù trong mấy tán cây. Ngài không phải là một kẻ hèn nhát, nhưng ngài nghĩ tốt hơn hết là nên rảo bước đi nhanh hơn. Rồi cái gã đang bám theo ngài bắt đầu chạy và ngài thấy là lúc này tốt nhất nên rút khẩu súng còn quay ra mà chĩa vào hắn luôn thôi. Nhưng ngài không kịp nữa rồi. Gã kia đã lao đến và ra đòn tấn công rất mạnh. Tức thì, cả hai bị cuốn vào một cuộc giao tranh

sống còn, trong đó, kẻ lạ mặt tấn công ngài đang có lợi thế. Ngài la hét cầu cứu, cố chống lại hắn, nhưng lại bị ném vật xuống một đồng gạch đá, bị siết cổ, và bị gã lạ mặt kia nhét khăn tay vào miệng. Ngài nhắm mắt lại, và đột nhiên, cái gã đang đè nghiêng lên người khiến ngài sắp chết ngạt kia đứng bật dậy để đỡ một đòn tấn công bất ngờ. Một cú đánh bằng gậy và một cú đá bằng chân đi giày cao cổ, gã kia rú lên hai tiếng đau đớn và bỏ chạy, chân khập khiễng còn miệng thì không ngừng chửi thề. Không buồn đến gần nâng người bị nạn dậy, người lạ mặt mới tới cúi xuống nhìn cái thân hình đang nằm sõng soài dưới đất và hỏi:

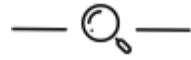
“Ngài có bị đau không, thưa ngài?”

Ngài không bị thương, nhưng đang bị choáng váng và không thể đứng dậy được. Vị cứu tinh của ngài vẫy một chiếc xe kéo, dìu ngài lên xe, rồi cùng ngài đi về ngôi nhà phố Grande-Armée. Khi về đến đây, cũng đã khá hồi sức rồi, ngài cảm ơn ân nhân của mình không ngớt.

“Tôi nợ ngài mạng sống của tôi, thưa ngài, và tôi sẽ không bao giờ quên được ơn này. Tôi không muốn làm vợ tôi hoảng hốt vào giờ khuya như thế này, nhưng ngày mai, nàng sẽ rất lấy làm hân hạnh được trực tiếp cảm ơn ngài về việc này. Hãy đến dùng bữa sáng với chúng tôi nhé! Tên tôi là Ludovic Imbert. Tôi có thể biết tên ngài được chứ?”

“Tất nhiên rồi, thưa ngài.”

Và anh ta đưa cho ngài Imbert một tấm danh thiếp có ghi tên *Arsène Lupin*.



Vào khoảng thời gian đó, Arsène Lupin không thấy thích thú gì cái danh tiếng do vụ nhà Cahorn, hay là vụ trốn thoát khỏi nhà tù Santé, và cả nhiều vụ đình đám khác đem lại cho anh ta. Anh ta còn chẳng bao giờ dùng đến cái tên Arsène Lupin. Vậy mà lần này cái tên đó lại được dùng để xưng danh cho ân nhân của ngài Imbert, như thế tức là, Arsène Lupin được rửa tội và tái sinh trong vụ này. Vũ trang đầy đủ và đã sẵn sàng lâm trận, sự thực là vậy, nhưng vẫn thiếu nguồn lực để thành công, Arsène Lupin khi đó vẫn chỉ là một gã tập sự trong lĩnh vực mà sau này anh ta nhanh chóng trở thành một chuyên gia lão luyện.

Nhớ lại khoảnh khắc nhận lời mời tới ăn sáng tối hôm ấy là anh ta lại thấy hào hứng khó tả! Cuối cùng thì anh ta cũng đạt được mục đích! Cuối cùng thì anh ta cũng được làm một vụ xứng tầm với sức mạnh và kỹ năng của mình! Hàng triệu franc của nhà Imbert! Thật là một bữa tiệc thịnh soạn cho kẻ đang gặp cơn đói như anh ta!

Anh ta chuẩn bị một bộ đồ hóa trang đặc biệt cho vụ này: một chiếc áo choàng lông cũ sờn, một cái quần ống rộng bó gấu, một cái mũ lụa sờn rách, áo thì sờn cổ và cổ tay, toàn bộ trang phục đều rất đúng điệu, nhưng thể hiện nổi bật cái nghèo khó không thể lẫn vào đâu được. Anh ta đeo cả vạt chất liệu ruy băng đen và gài một viên kim cương giả. Hành trang sẵn sàng, anh ta bước xuống cầu thang căn nhà nơi anh ta đang ở trên phố Montmartre. Đến tầng ba, không buồn dừng lại, anh ta dùng cây gậy đẩy tung cánh cửa khóa ra. Anh ta bước ra ngoài đại lộ. Một chiếc xe điện đi

qua. Anh ta bước lên xe, người lên xe sau anh ta ngồi luôn ở ghế ngay cạnh anh ta. Đó chính là người thuê trọ sống ở căn hộ tầng ba. Một lúc sau, người đó nói với Lupin: “Này, Thống đốc sao rồi?”

“Chà, việc đó xong xuôi rồi.”

“Thế nào?”

“Tôi đang đến đó ăn sáng đây.”

“Anh ăn sáng... ở đó!”

“Chắc chắn rồi. Sao không? Tôi đã cứu ngài Ludovic Imbert khỏi phải chết dưới tay các anh. Ngài Imbert không phải là kẻ vô ơn. Ngài ấy mời tôi tới ăn sáng.”

Một khoảng im lặng chùng xuống. Rồi gã kia lại tiếp: “Nhưng anh không định vứt bỏ kế hoạch đấy chứ?”

“Anh bạn thân mến ơi!” Lupin nói. “Khi tôi đã bỏ công tính toán, sắp đặt một vụ tấn công đoạt mạng như thế, khi mà tôi lại phải cất công dính vào một vụ lúc ba giờ sáng, rồi phải nện anh bằng cái gậy của tôi, phải đá anh bằng đôi giày cao cổ của tôi, để mà rất có thể khiến anh, người bạn duy nhất của tôi, bị thương, thì tôi không hề có ý định đánh hỏng những lợi thế do cái vụ cứu giúp quá hoàn hảo đến vậy mang lại đâu. Ôi! Không, không đời nào.”

“Thế còn những lời đồn lả lùng chúng ta đã biết về khối tài sản của họ thì sao?”

“Không phải lo về chuyện đó. Trong suốt sáu tháng liền, tôi làm việc không ngừng nghỉ để phục vụ cho vụ này, đi đầu tra vấn nó, nghiên cứu nó, hỏi han những người hầu, những người cho vay tiền và cả những kẻ hầu

như chả có vai trò gì. Trong sáu tháng liền, tôi đã theo sát cả người chồng và người vợ nhà ấy. Nhờ vậy mà giờ tôi biết rõ tường tận những gì tôi đang nói. Cho dù họ có nhận được số tài sản đó từ lão già Brawford, như họ vẫn vờ là vậy, hay từ một nguồn nào khác, tôi cũng không quan tâm. Tôi chỉ biết rằng số tài sản đó là có thật, nó thực sự tồn tại. Và một ngày nào đó, toàn bộ số tài sản đó sẽ là của tôi.”

“Tuyệt! Một trăm triệu!”

“Hãy nói mười đi, hoặc thậm chí chỉ là năm – thế là đủ! Họ có cái kết đầy trái phiếu, và tôi sẽ xuống địa ngục luôn nếu không thể lấy được số trái phiếu đó.”

Xe điện dừng ở cung điện Étoile. Gã kia thì thầm với Lupin: “Giờ tôi làm gì đây?”

“Hiện giờ thì chẳng gì hết. Chờ tin tôi. Không có gì phải vội.”

Năm phút sau, Arsène Lupin đã đang đi lên những bậc thang hoành tráng trong biệt thự nhà Imbert, và ngài Imbert giới thiệu anh ta với vợ ngài, bà Gervaise Imbert, một phụ nữ lùn, béo và rất lắm lời. Bà đón tiếp Lupin bằng một lời chào thân mật.

“Tôi mong là chúng ta sẽ có chút riêng tư để cùng tiếp đón vị cứu tinh của chúng ta.” Bà nói.

Ngay từ đầu, họ đối đãi với *vị cứu tinh của chúng ta* như thể một người bạn cũ quý hóa. Đến khi món tráng miệng được mang ra thì tình bạn giữa họ đã rất khăng khít rồi, và câu chuyện đã chuyển sang đoạn trao đổi những bí mật cá nhân. Arsène kể chuyện về cuộc đời mình, về cuộc đời người cha là quan tòa của anh ta, những nỗi khổ hạnh khi anh ta còn nhỏ,

và cả những khó khăn hiện thời anh ta đang phải đương đầu. Gervaise, đáp lại, cũng nói về tuổi trẻ của bà, về cuộc hôn nhân của bà, về lòng tốt của ông cụ Brawford, về món tiền một trăm triệu mà bà vừa được thừa kế, những rào cản khiến bà chưa được tận hưởng niềm vui được nhận món tiền thừa kế, về những món tiền mà bà buộc phải vay với mức lãi cắt cổ, rồi những cuộc tranh chấp không hồi kết với những anh em họ của Brawford, rồi cả kiện tụng! Rồi các huấn thị của tòa! Thực tế là, bà nói mọi thứ!

“Hãy nghĩ xem, ngài Lupin, số trái phiếu ở kia, trong văn phòng chúng tôi, và nếu như chúng tôi chỉ tách riêng một tờ ra thôi, chúng tôi sẽ mất tất cả! Trái phiếu thì vẫn ở đó, trong két của chúng tôi, và chúng tôi thì không dám động đến chúng.”

Ngài Lupin chỉ nghĩ đến việc mình đang được ở gần, rất gần một khối tài sản kịch xù đến vậy là đã rùng mình. Nhưng anh ta biết chắc chắn rằng ngài Lupin sẽ không bao giờ phải chịu chung một nỗi khổ như bà chủ nhà tốt bụng đang khẳng định là bà chẳng dám đụng đến số tài sản ấy.

“A! Chúng ở đó!” Anh ta tự nhắc lại với mình. “Chúng vẫn ở đó!”

Tình bạn hình thành trong những tình huống như vậy nhanh chóng trở thành những mối quan hệ gắn bó hơn. Khi được hỏi thân mật hơn, Arsène Lupin bộc bạch về sự nghèo khó và về nỗi buồn khổ của mình. Ngay lập tức, chàng trai trẻ kém may mắn được cất nhắc vào vị trí thư ký riêng cho nhà Imbert, cả chồng và vợ, với mức lương một trăm franc mỗi tháng. Nhiệm vụ của anh ta là đến nhà họ mỗi ngày và nhận các chỉ thị cụ thể về việc làm của mình, và anh ta được sử dụng một căn phòng ở tầng hai để làm văn phòng. Căn phòng này ở ngay bên trên phòng làm việc của ngài

Imbert.

Arsène đã sớm nhận ra vị trí thư ký của anh ta thực chất chỉ là ng ồi không mà vẫn được hưởng hậu đãi. Suốt hai tháng đầu, anh ta chỉ nhận được nhiệm vụ chép lại bốn lá thư quan trọng, và được gọi sang phòng làm việc của ngài Imbert đúng một lần, vì thế mà anh ta chỉ có mỗi một cơ hội duy nhất để quan sát tận mắt cái kết của nhà Imbert. Đã thế, anh ta cũng nhận ra là thư ký không được mời đến khi ông chủ làm các công việc xã hội. Nhưng anh ta không hề phàn nàn, vì anh ta muốn được duy trì trạng thái vừa phải, ỉn mình, được yên thân và tự do.

Tuy nhiên, anh ta không hề lãng phí chút thời gian nào. Ngay từ đầu, anh ta đã bí mật viếng thăm phòng làm việc của ngài Imbert, và luôn quan tâm đặc biệt đến cái kết lúc nào cũng được khóa kĩ đến mức tưởng như không khí cũng không thể lọt vào được. Cái kết là một khối sắt thép trông lạnh lẽo và chắc chắn, không thể nào dùng những dụng cụ trộm cắp thông thường mà phá được. Nhưng Arsène Lupin không hề nản chí.

“Chỗ nào không dùng được sức mạnh thì mẹo sẽ phát huy tác dụng.” Anh ta tự nhủ. “Quan trọng là phải có mặt tại hiện trường khi cơ hội tới. Còn bây giờ, mình sẽ theo dõi và chờ đợi.”

Anh ta làm một vài động tác chuẩn bị ban đầu. Sau khi thăm dò, đo đạc kĩ lưỡng từ sàn phòng làm việc của mình, anh ta cài một ống chì xuyên qua trần phòng ngài Imbert qua điểm nối ở một gờ tường. Qua cái ống này, anh ta hy vọng có thể quan sát và theo dõi được mọi việc diễn ra trong phòng ngài ở ngay bên dưới.

Từ đó trở đi, hết ngày này sang ngày khác, anh ta chỉ nằm dài trên sàn. Anh ta thường xuyên thấy vợ chồng nhà Imbert ng ồi bàn bạc gì đó ở ngay

trước cái két, rồi đọc sách và xem báo. Khi họ xoay cái núm khóa két, anh ta có theo dõi xem họ xoay vào số nào và số vòng họ xoay trái, xoay phải. Anh ta theo dõi từng cử chỉ của họ, anh ta cố bắt từng từ họ nói. Còn có một chiếc chìa khóa nữa mới mở được cái két. Họ làm gì với cái chìa ấy rồi nhỉ? Họ có giấu nó đi không?

Một hôm, anh ta thấy họ ra khỏi phòng mà không khóa cái két. Anh ta nhanh chóng lao xuống cầu thang và cả gan đi thẳng vào phòng đó. Nhưng họ lại quay lại.

“Ôi! Tôi xin lỗi.” Anh ta nói. “Tôi đi nhầm phòng, cửa giống nhau quá.”

“Vào đi, ngài Lupin, mời vào.” Bà Imbert rồi rít. “Ở đây ngài có thấy thoải mái như ở nhà không? Chúng tôi cần lời khuyên của ngài. Chúng tôi nên bán loại trái phiếu nào nhỉ? Cổ phiếu nước ngoài hay là trái phiếu chính phủ?”

“Thế huấn thị của tòa thì sao?” Lupin ngạc nhiên nói.

“Ô! Không phải mọi trái phiếu của chúng tôi đều bị huấn thị đó ràng buộc.”

Bà mở cửa két và lấy ra một gói trái phiếu. Nhưng ông chững ngẩn lại.

“Không, không, Gervaise, sẽ thật ngốc nghếch khi bán số cổ phiếu nước ngoài lúc này. Chúng vẫn đang lên giá, trong khi trái phiếu chính phủ đã ở mức cao nhất có thể rồi. Ngài nghĩ thế nào, anh bạn thân mến của tôi?”

Anh bạn thân mến chẳng có ý kiến gì, nhưng anh ta vẫn đưa ra lời khuyên nên bán số trái phiếu chính phủ. Thế là bà Imbert lấy một gói trái

phiếu khác ra, rồi rút ngẫu nhiên một tờ giấy từ gói đó. Nhìn tờ giấy đó, anh ta biết được là một tờ trái phiếu ba phần trăm trị giá hai ngàn franc. Ludovic bỏ gói trái phiếu đó vào túi áo. Chiều hôm đó, với sự hộ tống của anh thư ký, ngài bán được số trái phiếu đó cho một tay đầu cơ cổ phiếu và thu về bốn mươi sáu ngàn franc.

Cho dù bà Imbert có nói gì hay tiếp đón thế nào đi nữa, Arsène Lupin không bao giờ cảm thấy thoải mái tự nhiên khi ở nhà Imbert. Ngược lại, anh ta thấy vị trí, vai trò của mình trong nhà này thật chẳng giống ai. Anh ta còn biết được là những người giúp việc trong nhà thậm chí còn chẳng biết tên anh ta. Họ gọi anh ta là *ngài ấy*. Ludovic cũng nhắc đến anh ta với họ theo cách ấy: “Nói với ngài ấy nhé. Ngài ấy đã đến chưa?” Sao họ lại gọi anh ta bằng cái tên gọi kỳ quái như vậy nhỉ?

Đã thế, sau lần gặp đầu tiên đầy những cảm xúc dào dạt, vợ chồng nhà Imbert hiếm khi nói chuyện với anh ta, và mặc dù họ cũng có chút trọng vọng anh ta như là một ân nhân, họ vẫn hầu như chẳng mấy quan tâm đến anh ta. Có vẻ như họ coi anh ta là một nhân vật kỳ quặc luôn không muốn ai quấy rầy, và họ luôn tỏ ra tôn trọng mong muốn được biệt lập với mọi người của anh ta, cứ như thể anh ta có quy định ngặt nghèo về việc đó vậy. Một lần, khi đi ngang qua tiền sảnh, anh ta nghe thấy bà Imbert nói với hai quý ông khác: “Hắn đúng là một kẻ man rợ!”

“Được lắm!” Anh ta thầm nói với mình. “Tôi là một thằng man rợ.”

Và rồi, chẳng buồn tìm hiểu xem vì sao họ lại cư xử kỳ lạ như vậy, anh ta cứ tiếp tục tiến hành kế hoạch của mình. Anh ta quyết định rằng mình không thể chờ đợi vận may được nữa, và cũng không thể mong đợi gì vào sự sơ hở của bà Imbert, vì bà ta cần khóa két và mỗi lần khóa két xong thì

bà ta thường xuyên xé vụn tờ giấy ghi mã kết. Vì thế, anh ta phải chủ động hành động thôi.

Cuối cùng, một sự việc xảy ra khiến cho mọi việc tiến triển nhanh hơn mong đợi của anh ta, đó chính là việc một số tờ báo đăng loạt tấn công dữ dội gia đình Imbert, cáo buộc họ lừa đảo, bịp bợm. Arsène Lupin cũng có mặt trong một số cuộc họp gia đình bàn về sự việc không ai mong muốn này. Anh ta quyết định là nếu tiếp tục chờ đợi thêm nữa, anh ta có thể sẽ mất tất cả. Trong suốt năm ngày tiếp theo, thay vì ra khỏi ngôi nhà đó vào lúc sáu giờ như thường lệ, anh ta tự nhốt mình trong phòng. Trông có vẻ như là anh ta đã ra ngoài, nhưng thực ra anh ta vẫn đang nằm dài trên sàn để thám thính phòng làm việc của ngài Imbert. Trong suốt năm buổi tối đó, thời cơ thuận lợi mà anh ta mong đợi đã không xảy ra. Anh ta ra khỏi ngôi nhà vào lúc nửa đêm bằng đường cửa ngách mà anh ta cũng có chìa khóa.

Nhưng đến ngày thứ sáu, anh ta biết được là vợ chồng nhà Imbert, nhằm đáp trả những lời lẽ cay nghiệt của đám kẻ thù nhằm vào gia đình họ, đã quyết định sẽ làm một bản kiểm kê số tài sản đang cất trong cái kết.

“Họ sẽ làm ngay tối nay thôi.” Lupin nghĩ.

Và quả thực, sau bữa tối, ngài Imbert và vợ ông ta lui vào văn phòng, bắt đầu kiểm tra những cuốn sổ tài khoản và sổ cổ phiếu cất trong cái kết. Rồi, từng giờ lặng lẽ trôi đi. Anh ta nghe tiếng những người giúp việc lên cầu thang về phòng họ. Không ai còn ở dưới tầng một nữa. Nửa đêm! Vợ chồng Imbert vẫn tiếp tục công việc.

“Mình cũng phải làm việc của mình thôi.” Lupin lầm bầm.

Anh ta mở cửa sổ phòng mình. Cửa sổ này mở ra một cái sân. Bên ngoài trời tối đen và cực kỳ yên tĩnh. Anh ta lấy ra từ cái bàn làm việc một

sợi thừng có thắt nút, buộc chặt một đầu vào ban công trước cửa sổ phòng mình, và lặng lẽ theo sợi dây, tụt xuống cửa sổ phòng bên dưới, chính là cửa sổ phòng làm việc của ngài Imbert. Anh ta đứng trên ban công một lúc, bất động, căng tai lên mà nghe và căng mắt lên mà nhìn, nhưng những bức rèm dày đã che kín toàn bộ bên trong căn phòng. Anh ta thận trọng đẩy cái cửa sổ kép. Nếu như có ai đó kiểm tra lại cái cửa sổ thì chắc chắn thấy cái cửa sẽ bật mở dù chỉ bị tác động một lực rất nhỏ, vì suốt buổi chiều, anh ta đã cố sửa để cho cái chốt cửa không thể khớp vào khe chốt được nữa.

Anh ta vừa chạm vào là mở được cửa sổ đó luôn. Sau đó, rất khẽ khàng, anh ta đẩy cho cái cửa sổ mở ra vừa đủ để mình có thể thò đầu vào. Anh ta hé cái rèm ra vài centimet, nhìn vào, và thấy ngài Imbert cùng bà vợ đang ngồi trước cái kết, tập trung cao độ vào công việc đang làm và hiếm lắm mới nói thì thầm với nhau vài từ.

Anh ta tính toán khoảng cách từ chỗ mình nấp đến chỗ họ đang ngồi, cân nhắc những động tác chính xác mà anh ta có thể tiến hành để không chế được họ, từng người một, trước khi họ kịp la lên cầu cứu, và anh ta đang chuẩn bị lao vào họ thì bà Imbert nói:

“A! Căn phòng bắt đầu lạnh dần rồi. Em đi ngủ đây. Còn ngài thì sao, chồng thân yêu của em?”

“Anh sẽ ở lại và làm nốt cho xong.”

“Cho xong ư? Tại sao phải thế chứ, anh sẽ phải thức cả đêm đấy.”

“Không đến thế đâu. Một tiếng đồng hồ là nhiều nhất thôi.”

Bà ta đi về phòng nghỉ. Hai mươi phút, rồi ba mươi phút trôi qua. Arsène đẩy cái cửa sổ mở rộng thêm chút nữa. Mấy cái rèm rung chuyển.

Anh ta đẩy thêm chút nữa. Ngài Imbert quay lại và nhìn thấy mấy cái rèm bị gió thổi rung rinh, ngài đứng dậy, ra đóng cửa sổ.

Không một tiếng hét, không một chút dấu hiệu vật lộn. Chỉ với vài động tác nhanh gọn, chính xác, và không hề khiến ngài Imbert bị thương dù là một vết nhỏ nhất, Arsène hạ được ông ta, quấn cái rèm quanh đầu rồi buộc tay chân ông ta lại với nhau, và anh ta làm nhanh gọn đến mức ngài Imbert không có cơ hội mà nhìn xem kẻ tấn công mình là ai.

Rất nhanh chóng, anh ta tiếp cận cái kết, chộp lấy hai gói và giấu dưới cánh tay, rời khỏi căn phòng, rồi mở cửa lối đi dành cho người hầu. Một xe kéo đang đỗ ngoài phố.

“Cần lấy, gói đầu tiên đấy, và theo tôi.” Anh ta nói với người đánh xe. Anh ta quay lại căn phòng, và chỉ trong hai lượt ra vào, anh ta dọn sạch cái kết. Sau đó, Arsène đi lên phòng của mình ở tầng trên, tháo sợi thừng, và xóa mọi dấu vết liên quan đến các hoạt động bí mật khác của mình.

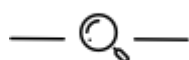
Vài giờ sau, Arsène Lupin và tay trợ giúp của anh ta cùng nhau xem xét những thứ vừa lấy cắp được. Lupin không hề thất vọng, vì anh ta đã lường trước được là sự giàu có của nhà Imbert chỉ là một sự phóng đại quá đà mà thôi. Số tài sản đó chẳng phải là hàng trăm triệu, mà thậm chí còn chẳng được hàng chục triệu. Tuy nhiên, đó vẫn là một món tiền đáng kể, và Lupin hoàn toàn thỏa mãn với số tiền ấy.

“Tất nhiên.” Anh ta nói. “Sẽ mất một khoản đáng kể khi chúng ta bán số trái phiếu này đi đấy, vì chúng ta sẽ phải bán một cách bí mật với giá thấp. Còn lúc này, số trái phiếu này sẽ nằm im lặng trong ngăn kéo bàn tôi, chờ đến một thời cơ thích hợp thôi.”

Arsène thấy chẳng có lý do gì mà anh ta lại không đến nhà Imbert vào

ngày hôm sau. Nhưng khi đọc báo buổi sáng ngày hôm ấy, anh ta lại biết được một thông tin giật mình: Ludovic và Gervaise Imbert đã biến mất.

Khi nhà chức trách thu cái kết và mở ra để kiểm tra, họ thấy đúng những gì mà Arsène Lupin để lại – không một thứ gì.



Đó là toàn bộ sự thực về vụ đó, và tôi biết được những gì xảy ra tiếp theo vào một ngày, khi mà Arsène Lupin đang trong tâm trạng tin tưởng bộc bạch. Anh ta cứ đi tới ánh mắt lo âu rất khác với vẻ hăng ngày của mình.

“Cuối cùng thì...” Tôi nói với anh ta. “Đó là vụ mạo hiểm thành công nhất của anh đấy nhỉ?”

Không trả lời trực tiếp vào câu hỏi của tôi, anh ta nói: “Có một vài bí mật tôi chưa tìm hiểu được về vụ đó, một vài điểm kỳ lạ mà tôi không thể hiểu nổi. Chẳng hạn như: Tại sao họ lại biến mất? Tại sao họ không tận dụng lợi thế mà tôi vô tình tạo ra cho họ? Chẳng phải là quá đơn giản với họ khi nói ra rằng *Hàng trăm triệu từng ở trong két này. Giờ không còn nữa, bởi vì đã bị đánh cắp hết rồi sao?*”

“Họ mất trí rồi.”

“Đúng, đúng là vậy đấy! Họ mất trí rồi... Ngược lại, sự thật là...”

“Sự thật là gì?”

“Ồ! Chẳng có gì.”

Việc Lupin bỗng dừng lại im lặng như vậy có ý gì không? Rõ ràng là anh ta chưa nói hết mọi chuyện với tôi, có đi đâu gì đó mà anh ta thà chết không nói ra. Biểu hiện của anh ta làm tôi hoang mang. Chắc hẳn phải có đi đâu gì đó thực sự nghiêm trọng thì mới khiến một gã như Arsène Lupin phải có đôi chút ngẩn ngại. Tôi hỏi hù dọa vài câu: “Từ đây trở đi, anh có thấy họ nữa không?”

“Không.”

“Và có khi nào anh cảm thấy chút thương hại gì cho hai người không may mắn đó không?”

“Tôi á?” Anh ta giật nảy người thốt lên.

Phản ứng đột ngột của anh ta khiến tôi sửng người. Liệu có phải tôi vừa đụng vào nỗi đau của anh ta? Tôi tiếp tục: “Tất nhiên. Nếu như anh không bỏ họ lại một mình như vậy, thì họ rất có thể đã có cách đối phó với nguy hiểm, hoặc, ít nhất thì, cũng có thể trốn thoát cùng với tiền đầy túi.”

“Ý ngài là gì vậy?” Anh ta nói với vẻ phẫn nộ. “Tôi thấy có vẻ như ngài nghĩ là tôi nên lấp đầy tâm trí mình bằng cảm giác ăn năn, hối hận phải không?”

“Gọi là ăn năn hay là lấy làm tiếc – anh thích thế nào cũng được...”

“Họ không xứng đáng được như vậy.”

“Anh không có chút gì gọi là lấy làm tiếc cho họ hay là ăn năn vì đã lấy cắp hết tài sản của họ ư?”

“Tài sản nào?”

“Mấy gói trái phiếu anh lấy từ trong két nhà họ ấy.”

“Ồ! Tôi lấy cắp trái phiếu của họ á, có phải thế không nhỉ? Tôi đã cướp mất một phần sự giàu sang của họ ư? Có phải đó là tội của tôi không? À! Ông bạn thân mến của tôi, ngài chưa biết sự thật r ồi. Ngài không bao giờ có thể tưởng tượng được rằng thực ra đồng trái phiếu đó còn chẳng giá trị bằng số giấy để in ra chúng. Đồng trái phiếu đó là giả... Tất cả đều là giả... Từng tờ một là giả... Ngài có hiểu không thế? CHÚNG LÀ ĐỒ GIẢ HẾT!”

Tôi nhìn chăm chăm vào anh ta, quá đỗi ngạc nhiên. “Giả á? Toàn bộ số bốn hay năm triệu đấy hả?”

“Đúng vậy, là giả!” Anh ta gào lên, trong một cơn giận dữ. “Chỉ là một đồng giấy lộn! Tôi thậm chí không thể kiếm nổi một xu từ cái đồng ấy! Và ngài còn hỏi tôi có chút ăn năn nào không cơ đấy. Họ mới là những kẻ phải thấy ăn năn và hối tiếc ấy. Họ đã chơi tôi một vố, coi tôi như một thằng ngốc, và tôi đã mắc bẫy họ. Tôi là nạn nhân của họ, là thằng khờ ngu ngốc nhất từ trước tới giờ!”

Anh ta thực sự đang kích động vì cơn giận – hệ quả của sự nham hiểm và niềm kiêu hãnh bị tổn thương. Anh ta tiếp tục: “Từ đầu đến cuối, tôi là kẻ nhận quả đắng của vụ đó. Ngài có biết tôi đóng vai gì trong chuyện đó không, mà đúng ra là họ cho tôi đóng vai gì trong đó thì đúng hơn? Chính là André Brawford! Đúng vậy, ông bạn của tôi, đó là sự thật, và tôi không mảy may nghi ngờ gì về điều đó. Cho đến mãi về sau này, khi đọc báo, cái đầu ngu ngốc của tôi mới sáng ra được. Trong khi tôi vẫn đóng vai là *vị ân nhân* của ông ta, là một quý ông lịch lãm đã mạo hiểm mạng sống của mình để cứu ngài Imbert khỏi bàn tay của một kẻ ám sát, họ vờ coi tôi như là

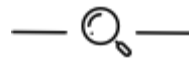
Brawford. Chẳng phải như thế quá là tuyệt vời sao? Cái gã kỳ quặc có một phòng riêng trên tầng hai, cái gã man rợ chỉ được giới thiệu tên từ xa là Brawford, và Brawford chính là tôi! Nhờ có tôi, và nhờ cái uy tín mà tôi mang lại dưới cái tên Brawford, họ mới có thể vay được tiền từ các ông chủ ngân hàng và nhiều người cho vay tiền khác. Ha! Thật là một kinh nghiệm để đời cho kẻ mới tập sự như tôi! Và tôi thề với ngài là tôi sẽ gạt hái được nhiều từ bài học đó!”

Anh ta dừng lại, siết lấy cánh tay tôi, và nói với tôi, với giọng bức bối, tức tối: “Ông bạn thân mến của tôi, ngay lúc này đây, Gervaise Imbert vẫn nợ tôi một ngàn năm trăm franc.”

Tôi không thể nén cười, cơn giận của anh ta thật nực cười. Anh ta đang trăn trọng hóa vấn đề rồi. Một lúc sau, tự anh ta cười phá lên và nói: “Thật vậy đấy, ông bạn của tôi, một ngàn năm trăm franc. Ngài phải biết rằng tôi chưa hề nhận được một xu nào từ cái khoản lương họ hứa hẹn cho tôi, và, hơn thế nữa, bà ta còn vay của tôi một khoản là một ngàn năm trăm franc. Toàn bộ số tiền tiết kiệm ít ỏi của tôi! Và ngài có biết bà ta vay để làm gì không? Để đi làm từ thiện! Tôi đang nói cho ngài toàn bộ câu chuyện đây. Bà ta cần số tiền đó để giúp đỡ một vài người nghèo khó mà bà ta đang nhận đỡ đầu – nhưng ông chớ đừng không biết về việc đó. Và số tiền tôi khó khăn lắm mới kiếm được đã tuột khỏi tay tôi chỉ vì cái câu chuyện lừa phỉnh ngớ ngẩn ấy! Có nực cười không có chứ? Arsène Lupin bị chính người phụ nữ lịch thiệp mà hắn lấy trộm bốn triệu cổ phiếu giả lừa mất một ngàn năm trăm franc! Và trời ơi, tôi đã tốn bao nhiêu thời gian, sự nhẫn nại và cả mưu trí để nhận được kết quả đó! Đó là lần đầu tiên trong đời tôi bị lấy ra làm trò hề như một thằng ngốc, và tôi thành thực thú nhận rằng lần đó tôi thực sự đã bị lừa, một cú lừa quá hoàn hảo!”



Viên trăn châu đen



Tiếng chuông rung inh ỏi khiến chị gác cổng nhà số 9, đường Hoche thức giấc. Chị ta vén tấm màn mỏng, lầu bàu: “Tôi nghĩ là mọi người vào nhà hết rồi chứ nhỉ, bây giờ phải ba giờ sáng rồi!”

“Có thể có ai đó đi gặp bác sĩ.” Chồng chị ta lờ mờ nói. “Tầng ba, bên trái. Nhưng ông bác sĩ đó không đi thăm bệnh đêm đâu.”

“Đêm nay ông ta phải đi.”

Vị khách đi vào sảnh, lên tầng một, tầng hai, tầng ba, và, không dừng lại ở cửa nhà ông bác sĩ, anh ta tiếp tục đi lên tầng năm. Tại đó, anh ta thử hai chìa khóa. Một trong hai chìa mở được khóa.

“À! Tốt!” Anh ta lẩm bẩm. “Tuyệt vời, công việc như thế là sẽ thuận lợi hơn rất nhiều. Nhưng trước khi mình bắt đầu việc này, mình nên tính đường lui trước đã. Để xem nào... Liệu mình đã có đủ thời gian để đánh thức ông bác sĩ và rồi bị ông ta từ chối không nhỉ? Chưa đủ... vài phút nữa đã.”

Sau mười phút, anh ta xuống cầu thang, to tiếng cảm râm về ông bác sĩ. Chị gác cổng tòa nhà mở cửa cho anh ta và rồi khóa cửa khi anh ta đi ra rồi, một tiếng *cạch* vang lên sau lưng anh ta. Nhưng cửa không hề bị khóa, vì anh ta đã nhanh chóng nhét một mẫu kim loại vào ổ khóa khiến cho thanh chốt không thể khít vào được nữa. Rồi, nhẹ nhàng, anh ta lại quay lại ngôi nhà mà chị gác cổng không hề hay biết. Trong trường hợp báo động, anh ta đã có đường lui an toàn. Không một tiếng động, anh ta lên tầng năm một lần nữa. Dưới ánh sáng đèn pin, anh ta để mũ và áo choàng lên một cái ghế ở phòng ngoài, ngẩng lên một cái ghế khác, và che đậy bước chân đi lại nặng nề của mình bằng cách đi dép bông.

“Ồ! Thế là ta vào rồi – và mọi chuyện thật đơn giản! Mình tự hỏi tại sao không có nhiều người hơn nữa làm cái nghề ăn trộm vừa kiểm soát được mà lại vừa thoải mái thế này nhỉ? Chỉ với một chút cẩn thận và suy nghĩ thôi, đây chính là nghề tuyệt vời nhất. Mà lại không quá yên lặng và nhàm chán, tất nhiên, nếu không thì việc này sẽ trở nên thật sự mệt mỏi.”

Anh ta mở bản vẽ chi tiết căn hộ ra.

“Mình sẽ bắt đầu từ việc xác định vị trí mình đang đứng. Đây rồi, mình nhìn thấy cái sảnh mình đang ngẩng đầu đây rồi. Nhìn về hướng phố kia là phòng khách, phòng thay đồ nữ và phòng ăn. Không nên mất thời gian vào mấy cái phòng ấy, vì có vẻ như bà Bá tước có cái gu thẩm mỹ chẳng lấy gì là tốt lắm... Chẳng có nổi một món lưu niệm có giá trị!... Nào, bây giờ thì hãy bắt đầu công việc!... À! Đây là một hành lang, chắc là để đi vào phòng ngủ rồi. Chỉ khoảng ba mét thôi là mình sẽ đến được cửa tủ quần áo, tủ này thông với phòng ngủ của bà Bá tước.”

Anh ta gấp bản vẽ lại, tắt đèn và đi dọc theo hành lang, đếm từng bước

chân để đo khoảng cách, rồi: “Một mét... hai mét... ba mét... Cánh cửa đây rồi... Lạy Chúa tôi, sao lại dễ dàng đến thế! Chỉ còn một cái then cài nhỏ và đơn giản ngăn cách mình với căn phòng kia, và mình biết rõ là cái then cài cửa cách mặt đất đúng một mét bốn mươi ba phân. Vì vậy, nhờ vào một vết cắt nhỏ mà mình chuẩn bị làm đây, mình sẽ loại được cái chốt.”

Anh ta lấy ra từ trong túi những dụng cụ cần thiết. Sau đó, anh ta chợt nảy ra một ý tưởng. “Nhỡ mà tự dựng cái cửa này lại không bị chốt thì sao? Thử trước đã.”

Anh ta xoay tay nắm cửa và cửa mở ra.

“Lupin táo bạo của ta, chắc chắn là số phận ưu đãi may rồi... Giờ thì làm gì đây? May nắm rõ tình trạng căn phòng, may biết rõ chỗ bà Bá tước giấu viên trân châu đen. Vì thế, để lấy được viên trân châu một cách an toàn, may chỉ việc khế khàng hơn cả sự tinh mịch, vô hình hơn cả bóng đêm nữa thôi.”

Arsène Lupin mất trọn nửa giờ để mở cánh cửa thứ hai – một cánh cửa bằng kính dẫn tới phòng ngủ của bà Bá tước. Nhưng anh ta hoàn thành công việc quá điêu luyện và thận trọng tới mức giá mà bà Bá tước có đang thức thì bà ấy cũng không thể nào nghe thấy bất kỳ âm thanh gì dù là nhỏ nhất. Theo như bản vẽ chi tiết các căn phòng mà anh ta đang có, anh ta chỉ cần đi qua một cái ghế dựa, và tiếp đó là một cái bàn nhỏ ngay sát cái giường. Trên cái bàn đó có một cái hộp đựng thư từ và báo chí, và viên trân châu đen được giấu trong cái hộp đó. Anh ta cúi xuống, rón rén bò trên tấm thảm, lần theo mép cái ghế dựa. Khi bò đến mép cuối của cái ghế, anh ta dừng lại để ổn định con tim đang đập thành thịch. Mặc dù không hề bị lay

động bởi bất kỳ cảm giác sợ hãi nào, nhưng quả thực anh ta cũng thấy khó mà vượt qua được cảm giác hồi hộp, căng thẳng giữa không gian im ắng thế này. Anh ta tự thấy lạ lùng về mình lúc này, bởi vì anh ta đã vượt qua rất nhiều khoảnh khắc căng thẳng hơn nhiều mà không hề mấy may rung động. Không mối hiểm nguy nào đe dọa được anh ta. Vậy thì tại sao tim anh ta lại đập như thể chuông báo động vậy? Liệu có phải người phụ nữ đang ngủ kia có tác động gì đến anh ta? Liệu có phải là do anh ta đang ở gần một trái tim loạn nhịp khác?

Anh ta đóng tai lên nghe, và cảm thấy như mình có thể nghe thấy tiếng thở đều đều của một người đang say ngủ. Điều đó khiến anh ta tự tin hơn, giống như là có một người bạn bên cạnh vậy. Anh ta lần tìm, và thấy cái ghế bành. Rồi, vẫn với những động tác chậm rãi, thận trọng, anh ta tiến dần đến cái bàn, vẫn giơ tay ra trước mặt để lần tìm đường. Tay phải anh ta chạm vào một cái chân bàn. À! Bây giờ thì, anh ta chỉ việc đứng dậy, lấy viên trên châu và chuồn thôi. Thật là may mắn, tim anh ta đang nhảy loạn xạ trong lồng ngực như thể một con quái vật hoang dại và làm ồn đến mức anh ta sợ là tim mình sẽ đánh thức bà Bá tước mất. Phải nỗ lực ý chí lắm anh ta mới tìm được tim mình thôi đập loạn xạ, và anh ta đang định đứng dậy khỏi sàn nhà thì tay trái quờ phải một vật vút trên sàn, một vật mà như anh ta sờ được thì là cái chân cắm nệm – một cái chân cắm nệm bị vút chổng chơ. Một lúc sau, tay anh ta lại quờ phải một vật khác: cái đèn hờ – một trong mấy cái đèn hồdu lịch nhỏ, có bọc da.

Chà! Đã có chuyện gì ở đây thế nhỉ? Anh ta không thể nào hiểu được. Cái chân cắm nệm đó, cái đèn hờ nữa, tại sao những thứ đó lại không ở đúng vị trí bình thường nhỉ? À! Đã có chuyện gì xảy ra trong cái im lặng chết người đêm nay vậy?

Bỗng nhiên miệng anh ta bật ra một tiếng thét. Anh ta vừa chạm phải... Ôi! Một thứ gì đó lạ lùng không thể nói nên lời! “Không! Không!” Anh ta nghĩ. “Không thể nào như thế được. Chỉ là ảo giác do bộ não căng thẳng của mình gây ra mà thôi.” Hai mươi giây, rồi ba mươi giây, anh ta vẫn đứng im bất động, sợ hãi, trán đầm mồ hôi, và mấy ngón tay anh ta vẫn còn nguyên cảm giác của cú chạm chết chóc đáng sợ ấy.

Lấy hết sức bình sinh, anh ta mạo hiểm thò tay ra lần nữa. Lại một lần nữa, anh ta chạm phải cái vật lạ lùng không thể nói nên lời ấy. Anh ta cảm nhận nó. Anh ta phải cảm nhận để còn xác định xem nó là cái gì chứ. Anh ta nhận thấy đó là tóc, tóc người, và một cái mặt người. Và cái mặt thì lạnh toát, gần như đóng băng.

Dù tình huống có đáng sợ đến đâu thì một người đàn ông như Arsène Lupin vẫn kiên cố được bản thân và nhận định tình hình đúng theo những gì anh ta đã biết. Vì thế, Arsène Lupin nhanh chóng lấy đèn pin ra. Một người phụ nữ nằm trước mặt anh ta, toàn thân đầy máu. Cổ và vai bà ta đầy những vết thương hở. Anh ta cúi xuống gần bà ta và xem xét kỹ hơn. Bà ta đã chết.

“Chết! Đã chết!” Anh ta lầm bầm, hoảng loạn.

Anh ta nhìn chằm chằm vào cặp mắt bất động ấy, cái miệng mím chặt dữ tợn ấy, làn da xám ngoét ấy, và cả máu kia nữa – máu chảy xuống thảm và khô lại thành những chấm đen thẫm. Anh ta đứng dậy và bật điện lên. Và anh ta nhận ra những dấu hiệu của một cuộc vật lộn tuyệt vọng. Cái giường đang trong tình trạng cực kỳ lộn xộn. Trên sàn nhà, cái chân cắm nệm, và cái đồng hồ với kim chỉ mười một giờ hai mươi phút. Rồi, ở một góc xa hơn, một cái ghế bị lật ngược, và khắp nơi trong căn phòng đều có

máu, những giọt máu khô và cả những vũng máu.

“Thế còn viên trân châu đen?” Anh ta lẩm rầm.

Cái hộp thư và báo vẫn ở đúng vị trí. Anh ta háo hức mở cái hộp ra. Hộp trang sức vẫn ở trong đó, nhưng trống không. “Trời đất!” Anh ta bực bội nói. “Mày đã tự phụ về sự may mắn của mình quá sớm đấy, anh bạn Lupin ạ. Bà Bá tước thì nằm chết bất động lạnh toát, còn viên trân châu đen thì biến mất, có rất nhiều giả thuyết cho tình huống này, nhưng chẳng cái nào là hay ho với mày hết. Ra khỏi đây càng nhanh càng tốt, nếu không thì mày sẽ vướng phải vụ rắc rối vô cùng đấy.”

Thế nhưng, anh ta không hề nhúc nhích.

“Ra khỏi đây ư? Đúng vậy, đương nhiên rồi. Ai cũng sẽ làm thế, trừ Arsène Lupin. Hắn còn nhiều thứ hay ho hơn để làm ngay lúc này, để tiếp tục công việc một cách gọn gàng, hợp lý. Trong mọi chuyện, mày đều phải giữ đầu óc tỉnh táo. Hãy giả định mày là một ông cảnh sát trưởng và mày đang chuẩn bị một cuộc thẩm vấn liên quan đến vụ này. Đúng vậy, nhưng để làm được việc đó, ta cần một trí óc sáng suốt. Đầu óc mình lúc này thì đang lùnh nhùng như một nĩa thịt hầm rau củ.”

Anh ta ngẩng phịch xuống một cái ghế bành, bàn tay nắm chặt day vào vầng trán nóng ran như đang bốc lửa.



Vụ giết người ở đại lộ Hoche là một trong những chuyện gần đây gây chấn động và hoảng loạn trong dân chúng Paris, và, chắc chắn, tôi lẽ ra không bao giờ nên đề cập đến vụ này nếu như bức màn bí mật của chuyện không được vén lên bởi chính Arsène Lupin. Không ai biết sự thật chính xác của vụ này là gì.

Ai mà lại không biết – từ lần gặp gỡ nàng ở nhà Bois – nàng Léontine Zalti thanh lịch, nữ ca sĩ nổi tiếng một thời, vợ và r ấ là quả phụ của ngài Bá tước d'Andillot, nàng Zalti xa hoa, lộng lẫy làm lóa mắt cả Paris khoảng hai mươi năm trước, nàng Zalti nổi danh khắp châu Âu vì có những viên kim cương và ngọc trai không l ờ? Người ta đồn rằng nàng đeo quanh vai số châu báu giá trị bằng toàn bộ vốn liếng của mấy ngân hàng và vài mỏ vàng của mấy công ty Úc châu. Các nghệ nhân kim hoàn làm việc cho Zalti y như khi họ còn phục vụ cho các vị vua và hoàng hậu. Và ai mà không nhớ cái túi đựng đầy đến miệng toàn bộ số của cải đó? Không một hiện vật nào trong bộ sưu tập đó còn sót lại trừ viên trân châu đen lừng danh. Viên trân châu đen! Nếu như bà Bá tước định rời xa nó và quyết định đem ra trao đổi, nó phải trị giá cả gia tài.

Nhưng bà quyết định giữ lại nó, để sống ở một căn hộ bình dân với người bạn đồng hành của bà, người đầu bếp, và một người hầu nam, chứ không bán món trang sức vô giá đó đi. Việc đó hoàn toàn có lý do, một lý do mà bà không ngại ngần tiết lộ: Viên trân châu đen đó là món quà từ một vị hoàng đế! Gần như phá sản, và phải hạ mình xuống một mức sống giản tiện nhất, bà vẫn trung thành với vật đồng hành với bà suốt thời thanh xuân hạnh phúc và rực rỡ. Viên trân châu đen chưa khi nào tuột khỏi quyền sở hữu của bà. Bà đeo nó ban ngày và cả ban đêm, r ấ giấu nó ở một nơi mà chỉ mình bà biết.

Tất cả những thông tin trên được đăng tải lại với dung lượng đến vài cột trên một tờ báo đại chúng, lại làm cho công chúng tò mò thêm một lần nữa về vụ này. Và, dù với những người đã nắm được chìa khóa bí ẩn của vụ này thì chẳng có gì phải bàn, nhưng lạ lùng thay, vụ bắt giữ nghi phạm của vụ án mạng đó chỉ khiến cho vụ này thêm rối ren và kéo dài thêm sự náo nức của công chúng về vụ việc. Hai ngày sau, các tờ báo đều đăng tải mẫu tin sau:

Chúng tôi đã có được thông tin về vụ bắt giữ Victor Danègre, người hầu của bà Bá tước d'Andillot. Bằng chứng buộc tội hắn trong vụ này rất rõ ràng và thuyết phục. Ngài đi đầu tra chính Dudouis tìm thấy cái áo gi lê người hầu của hắn trong lớp chăn đệm trên giường hắn ở căn phòng gác mái, trên tay áo dính vài vết máu. Thêm vào đó, cái áo đó bị đứt một chiếc khuy bọc vải, và chiếc khuy đó lại được tìm thấy dưới giường của nạn nhân.

Có vẻ như là, sau bữa tối, thau vì đi về phòng của mình, Danègre đã lén vào cái tủ quần áo, và, qua cái cửa kính, đã nhìn thấy bà Bá tước giấu viên trân châu đen quý giá. Đây thực sự là một giả thuyết quá đơn giản, nhưng chưa tìm thấy bằng chứng nào để chứng thực đi đầu này. Vẫn còn một điểm khó hiểu nữa. Vào lúc bảy giờ sáng hôm ấy, Danègre đi đến tiệm thuốc lá trên đường De Courcelles, người gác cổng khu nhà và người chủ tiệm thuốc lá đều xác nhận đi đầu này. Ngược lại, bạn đồng hành của bà Bá tước và đầu bếp của bà, những người ngủ ở ngay cuối hành lang, đều khẳng định rằng khi họ thức dậy vào lúc tám giờ thì cửa phòng ngoài và cửa bếp đều khóa. Hai người này đều làm việc cho bà Bá tước hai mươi năm, và đều ngoại phạm. Câu hỏi đặt ra là: Danègre ra khỏi căn hộ đó bằng cách nào? Hắn có chìa khóa khác không? Đó là những đi đầu mà cảnh

sát sẽ phải đi đầu tra ra.

Thực tế thì cuộc đi đầu tra của cảnh sát chẳng hề làm sáng tỏ tí nào cho vụ án bí ẩn này. Ai cũng biết rằng Victor Danègre là một tên tội phạm nguy hiểm, một gã say xỉn, trác táng. Nhưng càng tiếp tục cuộc đi đầu tra thì vụ án càng trở nên bí ẩn và rắc rối hơn. Ngay từ đầu, một phụ nữ trẻ, cô de Sinclèves, người em họ đồng thời là người thừa kế duy nhất của bà Bá tước, đã khẳng định rằng một tháng trước khi chết, bà Bá tước đã viết thư cho cô, trong đó mô tả cụ thể tình trạng viên trân châu đen đang được cất giấu thế nào. Bức thư đó biến mất ngay sau hôm cô nhận được nó. Kẻ nào đã lấy trộm lá thư đó?

Thêm nữa, chi gác công tòa nhà cũng nhắc đến việc chi đã mở cửa cho một người đến tìm bác sĩ Harel. Khi được hỏi, vị bác sĩ khẳng định chẳng có ai rung chuông nhà ông ta cả. Vậy thì đó là ai? Liệu có phải là một kẻ đồng lõa?

Giả thuyết về việc có một kẻ đồng lõa sau đó được một loạt báo chí và công chúng cho là đúng, và cả Ganimard, vị thám tử lừng danh cũng đồng tình với giả thuyết này.

“Lupin chính là mấu chốt của vụ này.” Ngài nói với vị thẩm phán.

“Vớ vẩn!” Ngài thẩm phán nói. “Anh lúc nào cũng có Lupin trong đầu. Anh thấy hắn ở khắp nơi.”

“Tôi thấy hắn ở khắp nơi, bởi vì đúng là hắn ở khắp nơi.”

“Nói đúng ra là anh luôn thấy hắn mỗi khi anh gặp phải chuyện gì bản thân anh không thể giải thích nổi. Hơn nữa, anh đã bỏ qua chi tiết là vụ án

xảy ra lúc mười một giờ hai mươi phút đêm, như chúng ta đã thấy qua cái đồng hồ, trong khi đó, chuyển viếng thăm lúc nửa đêm, như chị bảo vệ đã nói, là vào lúc ba giờ sáng.”

Những người thừa hành pháp luật thường vội vã gán tội cho một đối tượng nghi vấn nào đó, và rồi bóp méo mọi phát hiện đi đầu tra tiếp theo nhằm chứng minh giả thuyết ban đầu của họ là đúng. Tiểu sử tồi tệ của Victor Danègre, một tên tội phạm mang tính hệ thống, một gã say xỉn và trác táng, đã có ảnh hưởng đến phán đoán của ngài thẩm phán, và mặc dù sự thực là chẳng đi đầu tra thêm được gì để củng cố những bằng chứng ban đầu thì ngài thẩm phán vẫn cương quyết không thay đổi quan điểm về đi đầu tra này. Ngài ngừng đi đầu tra, và vài tuần sau, phiên tòa bắt đầu. Phiên tòa diễn biến chậm chạp và mệt mỏi. Ngài thẩm phán tỏ ra thờ ơ, còn ngài công tố viên thì đọc bản cáo trạng một cách cầu thả. Trong tình cảnh này thì công việc của vị luật sư bào chữa cho Danègre khá là đơn giản. Ngài chỉ ra lỗi và những điểm không thống nhất trong vụ án cho nguyên đơn, và tranh luận rằng bằng chứng hiện có không đủ để kết tội nghi phạm. Ai đã đánh chiếc chìa khóa, chiếc chìa khóa không thể thiếu trong vụ này vì nếu không có nó thì làm sao mà Danègre có thể khóa được cửa sau khi đã ra khỏi nhà? Có ai đã từng nhìn thấy chiếc chìa khóa đó chưa, và giờ nó như thế nào rồi? Ai đã nhìn thấy con dao của kẻ sát nhân chưa, và giờ thì nó ở đâu?

“Dù thế nào đi nữa.” Vị luật sư của gã tù nhân tranh luận. “Bên nguyên cũng phải chứng minh được, với những bằng chứng thuyết phục hơn bất kỳ những nghi ngờ có cơ sở nào, rằng tù nhân kia chính là kẻ giết người. Bên nguyên cũng phải chỉ ra được rằng nhân vật bí ẩn, kẻ đã lẻn vào tòa nhà lúc ba giờ sáng, không phải là kẻ giết người. Để chắc chắn về đi đầu tra này, cái đồng hồ trong phòng nạn nhân chỉ mười một giờ. Nhưng đi đầu đó

thì có ý nghĩa gì? Tôi chắc rằng, việc cái đồng hồ đó chỉ mấy giờ chẳng chứng minh được điều gì. Kẻ sát nhân có thể vặn kim đồng hồ về bất kỳ giờ nào mà hắn muốn, và do đó, có thể đánh lừa chúng ta về mốc thời gian chính xác của vụ án.”

Victor Danègre được tuyên vô tội.

Hắn rời khỏi nhà tù vào một ngày thứ Sáu, vào lúc trời nhá nhem tối, yếu ớt và tuyệt vọng sau sáu tháng tù giam. Quá trình thẩm vấn, sự cô đơn, phiên tòa, những cuộc tranh tụng giữa tòa, tất cả kết hợp lại thành một nỗi sợ hãi, lo lắng trong hắn. Đêm đến, hắn lại bị những cơn ác mộng hành hạ và bị ám ảnh bởi những hình ảnh kỳ dị của cái đoạn đầu đài. Hắn là một kẻ suy sụp cả về tinh thần và thể chất.

Ân dưới cái tên Anatole Dufour, hắn thuê một phòng nhỏ trên đỉnh Montmartre, và sống nhờ làm bất kỳ việc vặt nào mà hắn kiếm được. Hắn tồn tại một cách đáng thương hại. Đã ba lần hắn kiếm được việc làm ổn định, rồi lại bị nhận ra và đuổi việc. Đôi khi hắn lại có ý nghĩ là có người theo dõi hắn – thám tử, không còn nghi ngờ gì nữa, những kẻ đang cố tìm cách bắt hắn và buộc tội hắn. Hắn dường như có thể cảm nhận được bàn tay sức mạnh của pháp luật đang túm lấy cổ áo hắn.

Một buổi tối, khi hắn đang ngồi ăn tối ở một nhà hàng gần nơi hắn ở thì một người đàn ông bước vào và ngồi vào cùng bàn với hắn. Đó là một người đàn ông tầm bốn mươi tuổi, mặc một chiếc áo choàng sạch sẽ đến đáng ngờ. Anh ta gọi xúp và một chai rượu vang. Sau khi ăn xong món xúp, anh ta quay lại hướng Danègre, và chú ý nhìn chăm chăm vào hắn. Danègre thu mình lại sợ hãi. Hắn thấy chắc chắn đây chính là một trong những người luôn đi theo hắn suốt mấy tuần vừa qua. Anh ta muốn gì?

Danègre cố đứng dậy, nhưng không được. Tứ chi hắn không nghe theo ý muốn của hắn. Người đàn ông kia tự rót cho mình một ly vang, và rồi rót vào ly của Danègre. Anh ta nâng ly rượu lên và nói: “Vì sức khỏe của anh, Victor Danègre.”

Victor giật mình cảnh giác, rồi lắp bắp: “Tôi! Tôi!... Không, không... Tôi th ề với anh là...”

“Anh sẽ th ề gì th ề? Rằng anh không phải là anh ư? Người h ầi của bà Bá tước?”

“Người h ầi nào? Tên tôi là Dufour. Hỏi ông chủ mà xem.”

“Đúng vậy, anh là Anatole Dufour đối với ông chủ nhà hàng này, nhưng là Victor Danègre đối với các nhân viên pháp luật.”

“Không phải như thế! Ai đó đã nói dối ngài.”

Người mới đến kia lấy ra từ trong túi áo một tấm danh thiếp và đưa nó cho Victor, hắn đọc tấm danh thiếp: *Grimaudan, cựu thanh tra của lực lượng thám tử. Chuyên tiến hành các thương vụ cá nhân.* Victor rùng mình nói: “Ngài có liên hệ với cảnh sát?”

“Không, bây giờ thì không, nhưng tôi có thích và quan tâm đến công việc này và tôi vẫn tiếp tục làm việc, nhưng theo cách... có lợi hơn. Thi thoảng tôi cũng gặp được những cơ hội vàng – chẳng hạn như vụ án của anh.”

“Vụ của tôi?”

“Đúng vậy, vụ của anh. Tôi khắ định với anh vụ này là vụ rất hứa hẹn đấy, nhưng với một đi ều kiện là anh cũng phải biết đi ều cơ.”

“Thế nếu như tôi không biết đi đâu thì sao?”

“Ôi! Anh bạn của tôi, hiện giờ anh đang không có vị thế gì để mà từ chối bất kỳ đề nghị nào của tôi.”

“Anh muốn... cái gì?” Victor sợ hãi lắp bắp.

“Thôi được, tôi sẽ nói rõ cho anh hiểu chỉ qua vài lời ngắn gọn thôi. Tôi được cô de Sinclèves, người thừa kế của bà Bá tước dAndillot, cử đến.”

“Để làm gì?”

“Để lấy lại viên trân châu đen.”

“Trân châu đen?”

“Mà anh đã đánh cắp.”

“Nhưng tôi không có nó.”

“Anh có nó.”

“Nếu tôi có nó thì tôi đã là kẻ giết người...”

“Anh chính là kẻ giết người.”

Danègre nở một nụ cười gượng ép. “May mắn cho tôi, thưa ngài, tòa án lại không cùng quan điểm với ngài. Tòa đã tuyên án khẳng định tôi vô tội. Và khi một người có nhận thức rõ ràng và mười hai người tốt khác ủng hộ anh ta thì...”

Ngài cự thanh tra tóm lấy cánh tay hắn. “Đừng nói lời hoa mỹ, anh bạn. Bây giờ thì, nghe tôi nói đây và hãy cân nhắc lời tôi cho kỹ. Anh sẽ thấy là lời nói của tôi đáng để anh suy nghĩ đấy. Nào, Danègre, ba tuần trước vụ giết người, anh lấy cắp chìa khóa mở cửa từ người hầu của anh

đầu bếp, rồi mang đi đánh một chìa khác ở tiệm anh thợ khóa tên là Outard, ở số 244 đường Oberkampf.”

“Nói dối – đi đâu đó là dối trá!” Victor gầm lên. “Không một ai từng nhìn thấy chiếc chìa khóa đó. Không có cái chìa khóa nào như thế cả.”

“Nó đây.” Sau một lúc im lặng, Grimaudan tiếp tục: “Anh giết bà Bá tước bằng con dao do chính anh mua ở Bazar de la République vào cùng ngày anh đặt đánh chiếc chìa khóa. Lưỡi con dao đó hình tam giác với một đường rãnh chạy dọc từ đầu này đến đầu kia.”

“Tất cả chỉ là vớ vẩn. Anh chỉ đoán mò dựa trên những gì mà anh hoàn toàn không biết. Không một ai từng nhìn thấy con dao đó.”

“Nó đây.”

Victor Danègre rúm lại. Ngài cự thanh tra tiếp tục: “Có một vài chỗ đã bị gỉ rồi. Tôi nói cho anh biết làm sao những thứ này lại đến được đây nhé?”

“Thôi đi!... Anh có một cái chìa khóa và một con dao. Ai có thể chứng minh được rằng những thứ đó là của tôi?”

“Anh thợ khóa và cả người bán hàng đã bán cho anh con dao. Tôi vừa mới gọi lại ký ức cho họ về việc này, và, khi anh đối diện với họ, chắc hẳn họ không thể nào nhận lầm anh đâu.”

Lời lẽ của anh ta rõ ràng và đanh thép, với giọng chắc nịch và chính xác. Danègre run lên vì sợ hãi, và hắn vẫn cố gắng một cách vô vọng để giữ được vẻ điềm tĩnh.

“Đó đã phải là tất cả bằng chứng anh có chưa?”

“Ồ! Không, không hề. Tôi còn rất nhiều nữa. Chẳng hạn, sau khi gây án, anh ra khỏi căn phòng bằng chính lối anh đi vào. Nhưng, ở ngay giữa phòng có tủ quần áo, đột nhiên run lên vì cảm thấy sợ, anh dựa vào tường để đứng cho vững.”

“Làm sao anh biết được đi ầu đó? Chẳng ai có thể biết được đi ầu đó.”
Hắn vẫn cố cãi trong tuyệt vọng.

“Cảnh sát thì chẳng biết gì về đi ầu đó, đương nhiên rồi. Họ còn chẳng bao giờ nghĩ đến việc thắp nến lên mà kiểm tra những bức tường. Nhưng nếu họ làm như vậy thì chắc chắn họ đã nhìn thấy trên nền tường trắng có một chấm đỏ mờ, tuy nhiên khá là rõ, để lần được dấu vân tay ngón cái của anh bị in lên tường trong lúc ngón tay ấy vẫn còn ướt máu. Giờ thì chắc anh cũng đã biết rõ ràng, với hệ thống Bertillon, dấu vân tay ngón cái là một phương tiện nhận dạng cơ bản.”

Victor Danègre xám ngoét, những giọt mồ hôi lớn lăn dài trên mặt hắn rồi rớt xuống bàn. Hắn nhìn chằm chằm, bằng một ánh mắt man dại, vào người đàn ông lạ mặt, người vừa mới thuật lại vụ án mạng do hắn gây ra như thể anh ta là nhân chứng vô hình ngày hôm đó. Hoàn toàn bị khuất phục và không còn sức lực, Victor cúi đầu. Hắn cảm thấy rằng cố chống lại người đàn ông kỳ diệu này cũng chỉ vô dụng. Vì thế, hắn nói: “Anh sẽ cho tôi bao nhiêu, nếu tôi đưa anh viên trân châu?”

“Chẳng gì hết.”

“Ồi! Anh đang đùa đấy à? Hay ý anh là tôi nên đưa cho anh một thứ trị giá đến hàng nghìn, hàng trăm nghìn và chẳng nhận lại cái gì cả?”

“Anh sẽ được mạng sống của mình. Như thế có phải chẳng là gì không?”

Gã đàn ông xui xẻo kia run lên. Rồi Grimaudan nói thêm, với giọng ôn hòa hơn: “Thôi nào, Danègre, viên trân châu đó chả có giá trị gì khi ở trong tay anh. Anh gần như không thể nào bán nó đi được. Vậy thì anh giữ nó làm gì?”

“Có đầy chủ hiệu cần đồ... và, một ngày nào đó, tôi sẽ có thể kiếm được chút gì từ viên trân châu đó.”

“Nhưng ngày đó rất có thể là đã quá muộn.”

“Tại sao?”

“Bởi vì trước khi ngày đó đến thì rất có thể anh đã ở trong tay cảnh sát rồi, và với những bằng chứng mà tôi có thể cung cấp – con dao, cái chìa khóa, dấu vân tay ngón cái – anh sẽ thế nào chứ?”

Victor gục đầu vào tay nghĩ ngợi. Hắn cảm thấy hoàn toàn mất trí, mất trí vô phương cứu chữa, và cùng lúc, một cảm giác mệt mỏi và tuyệt vọng bao trùm lấy hắn. Hắn yếu ớt lắm bầm: “Khi nào tôi phải giao nó cho anh?”

“Tối nay – trong vòng một giờ nữa.”

“Nếu tôi từ chối thì sao?”

“Nếu anh từ chối, tôi sẽ gửi lá thư này đến ngài Chương lý của tờ *Cộng hòa*. Trong thư, quý cô de Sinclèves buộc tội anh là kẻ giết người.”

Danègre rót hai ly rượu và uống ực một hơi, rồi ngẩng đầu lên, hắn nói: “Trả tiền đi, và đi thôi nào. Thế là quá đủ với tôi trong cái vụ đáng nguyền rủa này rồi.”

Đêm xuống. Hai gã đàn ông đi dọc đường Lepic rồi theo đường vành

đai đi về phía cung điện Étoile. Họ cứ thế đi trong im lặng. Victor đi trong tư thế hai vai chùng xuống, còn khuôn mặt thì thiếu não. Khi họ tới công viên Monceau, hắn nói: “Chúng ta gần tới ngôi nhà đó rồi đấy.”

“Trời đất! Anh chỉ rời khỏi ngôi nhà đó có một lần duy nhất, ngay trước khi bị bắt, và đó là lần anh đi tới tiệm thuốc lá.”

“Đây rồi.” Danègre nói với giọng trầm buồn.

Họ đi men theo bức tường bao khu vườn nhà bà Bá tước, và băng qua con phố nơi có tiệm thuốc lá mà Danègre đã tới. Bước thêm vài bước, Danègre bỗng dừng lại, chân hắn run rẩy, và rồi hắn ngã thụp xuống một cái ghế.

“Nào! Giờ thì sao nữa?” Bạn đồng hành của hắn thúc giục.

“Nó ở kia rồi.”

“Ở đâu? Lại đây, ngay nào, đừng nói nhảm mất thời giờ nữa!”

“Kia – ngay trước mặt chúng ta.”

“Đâu?”

“Ở giữa hai viên đá lát hè ấy.”

“Viên nào?”

“Tìm đi.”

“Đá nào chứ?”

Victor không trả lời.

“À! Tôi hiểu rồi!” Grimaudan reo lên. “Anh muốn tôi trả tiền cho thông tin đó chứ gì?”

“Không... nhưng... tôi sợ là tôi sẽ chết đói mất.”

“Ra thế! Đó là lý do tại sao anh vẫn chần chừ chưa nói ra chứ gì. Được thôi, tôi sẽ không quá khó khăn với anh đâu. Anh muốn bao nhiêu?”

“Đủ để kiếm một vé hạng bèo lên tàu đi Mỹ thôi.”

“Được thôi.”

“Và một trăm franc để tôi có thể sống sót đến ngày kiếm được việc trên con tàu đó.”

“Anh sẽ có hai trăm. Nào, giờ thì nói đi.”

“Đếm viên đá lát hè từ trái sang phải tính từ lối thoát nước. Viên trên châu ở giữa viên đá thứ mười hai và mười ba.”

“Ở trong rãnh nước ấy hả?”

“Đúng vậy, sát với lối đi.”

Grimaudan liếc nhìn xung quanh xem có ai đang nhìn không. Một vài cái tàu điện và vài người đi bộ lướt qua. Nhưng, chẳng sao, họ sẽ chẳng bận tâm để mà nghi ngờ gì đâu. Anh ta lấy con dao bỏ túi ra và xiên thẳng vào giữa viên đá số mười hai và mười ba.

“Và nếu như không có viên trên châu ở đó thì sao?” Anh ta hỏi Victor.

“Nó phải ở đó, trừ phi có ai đó thấy tôi cúi xuống và giấu nó ở đấy.”

Liệu có khả năng là viên trên châu đen đã trôi lặn vào bùn và chất thải trong rãnh nước, và kẻ đầu tiên nào đó thấy nó đã nhặt mất rồi không? Viên trên châu đen – một gia tài!

“Sâu bao nhiêu thì tới?” Ngài cự thanh tra hỏi. “Khoảng mười

centimet.”

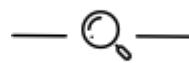
Anh ta xới chỗ bùn đất ướt nhẹ lên. Mũi dao đâm phải thứ gì đó. Anh ta ngoáy rộng cái lỗ ra bằng một ngón tay. Rồi anh ta lấy ra được viên trân châu đen từ trong chỗ giấu hẳn thủ đó.

“Tốt lắm! Hai trăm franc của anh đây. Tôi sẽ gửi anh vé đi Mỹ.”

Ngày hôm sau, bài báo như sau được đăng trên tờ Tiếng vang nước Pháp và rất nhiều tờ báo hàng đầu trên toàn thế giới đăng lại bài này:

Viên trân châu đen nổi tiếng, từ hôm qua, đã thuộc quyền sở hữu của Arsène Lupin, ngài đoạt lại được viên trân châu đó từ tay kẻ giết hại bà Bá tước d’Andillot. Chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi, bản sao của món đồ trang sức quý giá đó sẽ được trưng bày tại London, St. Petersburg, Calcutta, Buenos Aires và New York.

Arsène Lupin sẽ luôn sẵn sàng cân nhắc mọi đề nghị tới ngài qua các đại diện của ngài.



“Và đó chính là cách mà tội phạm bị trừng phạt cũng như được thưởng về đạo đức.” Arsène Lupin nói sau khi kể lại cho tôi câu chuyện về viên trân châu đen.

“Và đó cũng là cách mà anh, dưới cái tên Grimaudan, viên cựu thanh

tra, đã được số phận lựa chọn để tước đi lợi ích từ vụ phạm tội mà tên tội phạm đó vừa gây ra.”

“Chính xác. Và tôi cũng phải thú nhận là vụ việc đó thực sự khiến tôi hoàn toàn hài lòng và kiêu hãnh. Quãng thời gian bốn mươi phút tôi trải qua trong căn hộ của bà Bá tước d’Andillot, sau khi phát hiện ra bà ấy đã chết, là những khoảnh khắc phiêu lưu và cuốn hút tôi nhất từ trước tới giờ. Trong khoảng bốn mươi phút ấy, dù dính líu vào vụ nguy hiểm nhất từng có, tôi vẫn bình tĩnh nghiên cứu hiện trường vụ giết người và đi đến kết luận rằng vụ án chắc chắn do một trong những người hầu trong nhà gây ra. Tôi cũng đi được đến quyết định rằng, để lấy được viên trân châu thì tên người hầu đó phải bị bắt, vì thế mà tôi để lại cái cúc áo ở hiện trường. Nhưng với tôi, tôi cần phải có một bằng chứng thuyết phục về tội ác của hắn, nên tôi mang con dao tôi thấy trên sàn và cả cái chìa khóa tôi thấy vẫn cắm trong ổ khóa đi. Tôi đóng và khóa cửa, và xóa dấu vân tay in trên nền vôi trong phòng tủ quần áo. Theo tôi thì, đó chính là một trong những lúc mà trong đầu tôi vụt lóe lên...”

“Ý nghĩ thiên tài.” Tôi nói chen vào.

“Thiên tài, nếu ngài muốn cho là vậy. Nhưng tôi tự tâm bốc mình rằng, những ý nghĩ như vậy sẽ chẳng bao giờ xuất hiện ở những người tầm thường. Gói gọn lại, hai yếu tố của vấn đề này là một vụ bắt giữ và một lần tha bổng, tận dụng bộ máy pháp luật tàn khốc để nghiền nát rồi lại xoa dịu nạn nhân của tôi, và đẩy hắn vào tình trạng mà một khi được tự do thì chắc chắn hắn sẽ rơi vào cái bẫy tôi đã giăng sẵn ra cho hắn!”

“Tội đồ đáng thương...”

“Tội đồ đáng thương, có phải ngài vừa nói vậy? Victor Danègre, tên sát

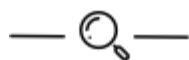
nhân! Hẳn rất có thể đã rơi xuống đáy cùng của tội lỗi và tội ác, nếu như hẳn vẫn giữ viên trân châu đen đó. Giờ thì, hẳn sống rồi! Nghĩ mà xem: Victor Danègre vẫn còn sống!”

“Còn anh thì có viên trân châu đen.”

Anh ta lấy viên trân châu ra từ cái ngăn bí mật trong ví, ngắm nghía nó, ân cần quan sát nó, và vuốt ve nó bằng những ngón tay trều mến, rồi thở dài, nói: “Không biết rồi vị hoàng tử nước Nga lạnh lùng nào, hay một vương công điên rồ và ngớ ngẩn nào của xứ Hả giáo một ngày nào đó sẽ sở hữu báu vật vô giá này! Hoặc là, có thể một triệu phú Mỹ nào đó được số phận trao cho quyền sở hữu mẫu tuyệt tác có một không hai này, báu vật một thời từng tỏa sáng trên khuôn ngực xinh đẹp của nàng Léontine Zalti, bà Bá tước d’Andillot.”



Herlock Sholmès đến quá muộn



“**T**hật ấn tượng, Vermont, trông anh thật giống Arsène Lupin quá!”

“Làm sao ngài biết?”

“Ồ! Cũng như những người khác thôi, qua ảnh, tất nhiên, không ảnh nào của hắn giống ảnh nào, nhưng từng bức đều toát lên một nét trên mặt... nét gì đó rất giống anh.”

Horace Vermont tỏ ra có chút khó chịu về nhận xét đó.

“Có vẻ là như vậy, ngài Devanne thân mến. Và, tin tôi đi, ngài không phải là người đầu tiên nhận ra điểu đó.”

“Vì quá giống đi mà.” Devanne khẳng định. “Giống đến mức nếu như anh họ tôi, d’Estevan, không giới thiệu anh với tôi, và nếu như anh không phải là chàng họa sĩ nổi tiếng có những tác phẩm về biển tuyệt đẹp mà tôi luôn luôn hâm mộ, thì hẳn là, không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã báo cảnh sát về sự xuất hiện của anh ở Dieppe này rồi.”

Lời khẳng định hóm hỉnh này gây ra một tràng cười giòn giã. Trong căn phòng ăn rộng lớn của tòa lâu đài De Thibermesnil, hôm nay, ngoài Velmont, còn có những vị khách sau: Cha Gelis – mục sư của vùng, và một tá sĩ quan thuộc các đơn vị đang đóng quân trong vùng cùng những người nhận lời mời của ngài chủ ngân hàng Georges Devanne và mẹ của ngài. Một trong các vị sĩ quan sau đó cũng tiếp lời: “Theo như tôi hiểu thì toàn bộ cảnh sát dọc bờ biển này đều đã được cung cấp một phác họa chính xác về Arsène Lupin từ cái ngày hắn dám cả gan gây án trên chuyến tàu tốc hành Paris-Havre.”

“Tôi cũng cho là vậy.” Devanne nói. “Vụ đó xảy ra ba tháng trước, và một tuần sau đó, tôi làm quen được với anh bạn Velmont của chúng ta ở một casino, và, từ hôm đó, anh đã cho tôi hân hạnh được anh viếng thăm vài lần – đôi khi là một lần đến chơi vui vẻ, đôi khi lại là một chuyến thăm hỏi trang trọng lúc thì vào ban ngày, và thi thoảng lại vào ban đêm.”

Mấy câu nói lần này lại gây ra một tràng cười nữa, và rồi các vị khách cùng nhau đi sang Hội trường của những Hộ Pháp cổ kính, một căn phòng rộng với trần cao, chiếm toàn bộ tầng dưới của Tour Guillaume – Tháp William – và cũng là nơi Georges Devanne tập trung toàn bộ kho báu quý giá không gì so sánh được mà các lãnh chúa vùng Thibermesnil tích lũy được qua nhiều thế kỷ. Kho báu đó bao gồm cả những chiếc rương cổ, bàn cổ, những vỉ lò sưởi, và cả đèn chùm. Trên những bức tường đá treo đầy những tấm thảm thêu đồ sộ. Sáu trong bốn ô cửa sổ đều có trang bị những băng ghế dài, và những ô cửa sổ theo kiến trúc Gothic đều được thiết kế kiểu những tấm kính màu nhỏ gắn trên khung chì to nặng. Giữa cửa chính và cửa sổ bên trái là một tủ sách kiểu Phục Hưng to lừng lững. Ở góc trên tủ sách đó là dòng chữ *Thibermesnil*, bằng vàng, và ngay bên dưới dòng

chữ ấy là lời dạy gia truyền đây tự hào: *Hãy làm những gì con mong ước*. Khi các vị khách đầu đã hút xì gà, Devanne tiếp tục nói chuyện.

“Và hãy nhớ rằng, Velmont, anh không còn thời gian để lãng phí nữa đâu. Thực tế thì, tối nay là cơ hội cuối cùng của anh đấy.”

“Sao lại thế được?” Chàng họa sĩ, có vẻ vẫn đang coi chuyện này chỉ là trò đùa, hỏi. Devanne đang định trả lời thắc mắc đó thì mẹ ngài ra hiệu giữ im lặng, nhưng không khí náo nức lúc ấy cộng thêm cả ý muốn mua vui cho các vị khách khiến ngài chủ ngân hàng tiếp tục nói.

“Ôi dào!” Ngài lẩm bẩm. “Mình có thể nói luôn chuyện này ra. Sẽ chẳng làm sao đâu.”

Các vị khách xúm lại gần hơn, và ngài tiếp tục nói với vẻ tự mãn của một người chuẩn bị công bố một điếu quan trọng.

“Chiều mai, vào lúc bốn giờ, Herlock Sholmès, vị thám tử lừng danh người Anh, vị thám tử mà không thứ gì trên đời này có thể là bí ẩn đối với ngài; Herlock Sholmès, người giải đáp những bí ẩn ẩn tượng nhất mà thế giới từng chứng kiến, người đàn ông phi thường đó dường như chỉ có thể là tác phẩm của một tiểu thuyết gia mơ mộng – Herlock Sholmès sẽ là khách của tôi tại đây!

Ngay lập tức, Devanne trở thành tâm điểm của hàng loạt câu hỏi xôn xao. “Có thật là Herlock Sholmès sẽ đến đây không?” “Sự việc có nghiêm trọng đến thế thật không?” “Có thật là Arsène Lupin đang ở quanh đây không?”

“Arsène Lupin và cả những điếu xấu xa mà hắn mang theo chẳng cách bao xa nữa đâu. Ngoài vụ cướp ở nhà Bá tước Cahorn, hắn cũng chính là

thủ phạm của những vụ trộm ở Montigny, Gruchet và Crasville.”

“Thế hẳn đã gửi thư cảnh báo ngài chưa, giống như hẳn đã từng làm với Bá tước Cahorn ấy?”

“Chưa.” Devanne trả lời. “Hắn không thể dùng một mảnh hai lần được.”

“Vậy thì lần này thế nào?”

“Tôi sẽ cho quý vị xem.”

Ngài đứng dậy, và chỉ vào một khoảng trống nhỏ ở giữa hai cuốn sổ lớn trên một trong những cái giá sách, nói: “Ở đó vốn có một cuốn sách, một cuốn sách từ thế kỷ XVI với tựa đề *Chronique de Thibermesnil*, cuốn sách viết về lịch sử của tòa lâu đài này từ ngày bắt đầu được Công tước Rollon xây dựng ngay trên nền đất vốn là một pháo đài từ thời phong kiến. Trong cuốn sách đó có gắn ba cái đĩa, một cái có hình toàn cảnh của toàn bộ khu này, một cái nữa là bản vẽ của tòa lâu đài này, và cái thứ ba – tôi đặc biệt muốn quý vị quan tâm đến cái này – cái thứ ba là bản phác thảo một đường hầm ngầm dưới mặt đất, lối vào đường hầm này ở ngay bên ngoài dãy đầu tiên trong hệ thống thành lũy phòng thủ, còn lối ra thì ở ngay đây, trong chính căn phòng này. Và cuốn sách đó biến mất đúng một tháng trước.”

“Thật vớ vẩn!” Velmont nói. “Chuyện đó có vẻ tẻ tẽ đấy. Nhưng như thế có vẻ là chưa đủ để mời hẳn Herlock Sholmès đến.”

“Tất nhiên, chỉ mỗi việc đó thôi thì chưa đủ, nhưng lại có một việc nữa xảy ra khiến cho việc cuốn sách biến mất thực sự đáng phải quan tâm. Có một bản sao của cuốn sách này trong Thư viện Quốc gia ở Paris, và hai

cuốn sách có khác nhau ở một số điểm nhất định liên quan đến các chi tiết đường hầm kia, chẳng hạn, mỗi cuốn đều có những bản vẽ và chú thích, không phải là in, mà được viết tay bằng mực nước, nên phần nào đó đều đã bị mờ ỏi. Tôi biết tất cả những điều đó, và tôi biết rõ là chỉ có thể xác định được vị trí chính xác của đường hầm kia bằng cách so sánh hai cuốn sách ấy. Giờ thì, vào ngày sau khi cuốn sách của tôi biến mất, cuốn sách trong Thư viện Quốc gia cũng có người hỏi mượn, ỏi lấy đi luôn, và không ai biết vụ trộm đó xảy ra thế nào.”

Các vị khách cùng thốt lên ngạc nhiên.

“Chắc chắn ỏi, vụ này có vẻ tr ầm trọng ỏi.” Một vị nói.

“Tất nhiên, cảnh sát tới đi ều tra vụ việc này ỏi, nhưng ỏi cũng như bao vụ khác, họ chẳng tìm thấy bất cứ manh mối nào.”

“Họ chẳng bao giờ tìm được cái gì, mỗi khi có Arsène Lupin dính vào.”

“Chính xác, và vì thế mà tôi mới phải quyết định nhờ đến sự hỗ trợ của Herlock Sholmès, và ngài trả lời rằng ngài đã sẵn sàng và rất nôn nóng ghi danh vào một vụ của Arsène Lupin.”

“Thật quá vinh dự cho Arsène Lupin!” Velmont nói. “Nhưng nếu tên trộm quốc gia của chúng ta – như hắn vẫn thường được gọi thế – chẳng để lại bất kỳ dấu tích tội phạm nào trong lâu đài của ngài thì Herlock Sholmès coi như tới đây vô ích ỏi.”

“Có nhiều thứ khác có thể khiến ngài ấy hứng thú, chẳng hạn như tìm ra đường hầm ngầm kia.”

“Nhưng chính ngài đã nói cho chúng tôi biết là một đầu đường hầm đó ở ngoài hệ thống thành lũy, một đầu thì ở ngay trong căn phòng này ỏi

mà!”

“Đúng vậy, nhưng cụ thể là ở chỗ nào trong căn phòng này chứ? Đường kẻ biểu thị đường hần đỏ trên mấy tấm bản đồ kết thúc ở đây, với một vòng tròn nhỏ được đánh dấu bằng hai chữ cái *T.G.*, chắc chắn là chữ viết tắt của *Tour Guillaume*. Nhưng cái tháp thì có hình tròn, và ai có thể chỉ ra chính xác điểm kết thúc của đường hần đỏ trong cái tháp này chứ?”

Devanne đốt một điếu xì gà nữa và tự rót cho mình một ly Bénédictine. Các vị khách của ngài d òn dập đặt câu hỏi, còn ngài thì rất lấy làm hài lòng được chứng kiến sự hào hứng do câu chuyện của ngài mang lại. Rồi ngài lại tiếp tục: “Điêu bí mật đó đã thất truyền. Không ai biết về nó nữa. Truyền thuyết kể lại rằng những vị chủ trước của tòa lâu đài này chỉ truyền lại điêu bí mật đó cho con trai mình vào lúc hấp hối, cứ thế cha truyền con nối từ đời này sang đời khác, cho tới Geoffroy, người cuối cùng trong chuỗi cha truyền con nối ấy, bị chặt đầu trong cuộc cách mạng khi mới mười chín tuổi.”

“Thế thì đã một thế kỷ rồi. Chắc chắn là có ai đó vẫn tìm kiếm đường hần ấy từ bây đến giờ chứ?”

“Đúng thế, nhưng họ đều thất bại. Sau khi mua lâu đài này, tôi cũng đã tìm kiếm rất kĩ, nhưng cũng không thu được kết quả gì. Quý vị phải nhớ rằng bao quanh tháp này toàn là nước và nó chỉ nối với tòa lâu đài bằng một cây cầu. Do đó, đường hần đỏ chắc hẳn phải ở dưới cái hào cổ. Bản vẽ trong cuốn sách ở Thư viện Quốc gia thể hiện một loạt cầu thang với tổng số là bốn mươi tám bậc, như thế có thể đoán được độ sâu của nó là trên mười mét. Quý vị thấy đấy, điêu bí ẩn nằm ngay bên trong những bức tường của căn phòng này, thế nhưng, tôi không hề muốn kéo đồ tường

xuống chút nào.”

“Như thế tức là không cách nào tìm ra đường hầm đâu?”

“Không thể.”

“Ngài Devanne, chúng ta nên chuyển hướng tập trung vào hai câu trích dẫn kia kìa.” Cha Gelis đề nghị.

“Ồ!” Ngài Devanne thốt lên, rồi cười lớn. “Vị cha đáng kính của chúng ta thích đọc hồi ức và thích vui đùa vào đồng hồ lưu trữ của tòa lâu đài này. Mọi thứ liên quan đến Thibermesnil đều khiến ngài vô cùng hào hứng. Nhưng hai câu trích mà cha vừa nhắc đến chỉ góp phần làm cho vụ bí ẩn này thêm phức tạp mà thôi. Cha đã đọc được ở đâu đó rằng có hai vị vua nước Pháp nắm được chìa khóa giải đáp rắc rối này.”

“Hai vị vua nước Pháp! Là những ai vậy?”

“Henri IV và Louis XVI. Và truyện thuyết kể lại thế này: Vào đêm nổ ra trận chiến ở Arques, Henri IV đã nghỉ đêm trong lâu đài này. Vào lúc mười một giờ đêm, Louise de Tancarville, người phụ nữ đẹp nhất ở Normandie, được Công tước Edgard đưa vào lâu đài qua đường hầm ngầm kia. Cũng chính ngài Công tước nói với vị vua về sự tồn tại của đường hầm bí mật ấy. Sau đó, nhà vua tiết lộ bí mật này cho Sully, một bộ trưởng, sau đó chính người này đã nhắc đến đường hầm trong một cuốn sách của ông ta, cuốn *Royales Economies d'Etat*, nhưng lại không hề nhận xét, bình luận gì về đường hầm này cả, mà lại liên hệ nó với một câu nói không ai có thể hiểu được: *Liếc một mắt về phía con ong run rẩy, con mắt kia sẽ dẫn tới Chúa!*”

Sau một thoáng im lặng, Velmont cười phá lên và nói: “Chắc chắn rồi,

câu nói đó chẳng hé ra được tí tia sáng nào cho vụ này cả.”

“Không, nhưng Cha Gelis vẫn khẳng định rằng Sully đã giấu đi chìa khóa giải đáp bí ẩn này trong cái câu nói kỳ quặc đó nhằm giữ bí mật với các thư ký, những người ghi chép h ồi ký theo lời đọc của ngài.”

“Thật là một giả thuyết thông minh.” Velmont nói.

“Đúng vậy, và có thể chỉ là như vậy, không hơn. Tôi không thể hiểu nổi cái câu đó có thể giúp giải đáp được gì trong vụ án phức tạp và bí ẩn này.”

“Và liệu có phải chỉ vì để đón một người phụ nữ mà Louis XVI ra lệnh mở đường h ầm bí mật đó?”

“Tôi không biết.” Ngài Devanne nói. “Tất cả những gì tôi có thể khẳng định chỉ là đức vua đã dừng chân lại đây vào một đêm năm 1784, và cái Tráp Sắt trứ danh được tìm thấy ở Louvre có chứa một tờ giấy ghi những dòng chữ chính là chữ viết tay của đức vua như sau: *Thibermesnil 3-4-11.*”

Horace Velmont cười ha hả và nói: “Ra là vậy! Và giờ thì chúng ta đã có chiếc chìa khóa ma thuật, thế con người có thể tra chìa khóa đó vào cái ổ khóa vô hình đâu r ồi?”

“Cứ cười cho đã đi, anh bạn.” Cha Gelis nói. “Nhưng tôi dám tin là lời giải nằm trong hai câu trích đó, và một ngày nào đó, chúng ta sẽ tìm được người có thể giải mã chúng.”

“Herlock Sholmès chính là người đó.” Ngài Devanne nói. “Trừ phi Arsène Lupin nhanh chân hơn ngài. Ý anh thế nào, Velmont?”

Velmont đứng dậy, đặt tay lên vai ngài Devanne, tuyên bố: “Tôi nghĩ rằng thông tin từ quyển sách của ngài cũng như từ cuốn sách trong Thư viện Quốc gia vẫn còn thiếu một chi tiết rất quan trọng, và ngài vừa mới

cung cấp cho chúng tôi thông tin đó. Tôi cảm ơn ngài vì đi đầu đó.”

“Là cái gì vậy?”

“Chiếc chìa khóa thất lạc. Và giờ thì tôi đã có nó, tôi sẽ tiến hành công việc ngay đây.” Velmont nói.

“Tất nhiên rồi, không thể lỡ một phút nào.” Devanne mỉm cười, nói.

“Thậm chí là không lỡ một giây nào!” Velmont đáp lại. “Đêm nay, trước khi Herlock Sholmès tới, tôi phải khoắc sạch tòa lâu đài của ngài.”

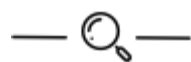
“Anh không còn thời gian để mà lãng phí nữa đâu. Ôi! Dù sao thì tôi có thể lái xe đưa anh về tối nay.”

“Về Dieppe?”

“Đúng vậy. Tôi có kế hoạch đón ông bà d’Androl và một quý cô trẻ là người quen của họ, bọn họ sẽ tới trên chuyến tàu lúc nửa đêm.”

Rồi quay ra nói với mấy viên sĩ quan, Devanne tiếp tục: “Thưa các ngài, tôi sẽ chờ tất cả các ngài tới vào bữa sáng mai nhé.”

Lời mời được chấp thuận. Các vị khách ra về, và một lúc sau thì Devanne và Velmont đã trên xe hơi đi tới Dieppe. Devanne thả anh chàng họa sĩ ở trước cái casino, và tiếp tục đi về phía ga tàu hỏa. Đúng mười hai giờ, các bạn của ngài xuống tàu. Nửa giờ sau, chiếc xe hơi đã ở lối vào tòa lâu đài. Lúc một giờ sáng, sau một bữa ăn đêm nhẹ, họ đi nghỉ. Đèn tắt, và tòa lâu đài bị bao trùm bởi bóng tối và sự tĩnh lặng của màn đêm.



Mặt trăng lấp ló sau những đám mây, chiếu sáng cho phòng khách bằng những tia trắng sáng lóa. Nhưng chỉ được một khoảnh khắc. Sau đó, mặt trăng lại biến mất vào thình không sau những lớp mây, và bóng tối cùng với sự tĩnh mịch lại bao trùm. Không thể nghe thấy âm thanh nào ngoài tiếng tích tắc đơn độc phát ra từ cái đồng hồ. Đồng hồ báo hai giờ, rồi lại tiếp tục không ngừng tích tắc từng giây. Rồi lại ba giờ.

Đột nhiên, có cái gì đó phát ra tiếng lách cách, như là tiếng mở và đóng phát ra từ cái đĩa tín hiệu cảnh báo tàu hỏa đến. Một chùm sáng nhỏ vụt lao về phía các góc phòng, giống như một mũi tên vụt đi để lại phía sau một vệt sáng vẩy. Chùm sáng đó bắn ra từ một rãnh ở giữa cái cột đỡ thanh trên cùng của cái giá sách. Chùm sáng dừng lại một chút trên tấm ván đối diện, tạo thành một vòng tròn sáng như bạc được đánh bóng, rồi tiếp tục chiếu sáng khắp các hướng như một con mắt tội lỗi đang cố sẫm soi từng cái bóng. Chùm sáng biến mất trong một khoảng ngắn, rồi lại bùng sáng lên khi toàn bộ cái giá sách xoay theo một trục và mở ra một cửa lớn như một mái vòm.

Một người đàn ông bước vào, mang theo một chiếc đèn lờng điện. Theo sau anh ta là một người đàn ông thứ hai, người này mang theo một cuộn dây thừng và rất nhiều loại dụng cụ khác. Người dẫn đầu xem xét căn phòng, dừng lại nghe ngóng một chút, rồi nói: “Gọi nốt mọi người vào.”

Rồi tiếp theo, tám người đàn ông, dáng chắc nịch, mặt cương nghị,

bước vào phòng, và lập tức bắt đầu di chuyển các đồ nội thất. Arsène Lupin nhanh chóng đi qua lần lượt từng món đồ nội thất, xem xét kỹ từng món, và, tùy vào kích thước hoặc giá trị nghệ thuật của chúng mà ra lệnh cho đám tùy tùng lấy hoặc bỏ lại. Nếu được chọn để lấy đi, món đồ đó lập tức được chuyển đến cửa đường hầm đang sẵn mở toang, và bị tổng thẳng xuống lòng đất. Sáu cái ghế bành, sáu cái ghế nhỏ thời Louis XVI, một số tấm thảm trang trí vùng Aubusson, vài cái chân đèn, mấy bức tranh của Fragonard và Nattier, một bức tượng bán thân do Houdon tạc, và một vài bức tượng cũng cùng chung số phận. Đôi khi, Lupin cũng lần khân trước một cái tủ đẹp hay một bức tranh lộng lẫy, và thở dài. “Cái này nặng quá... to quá... tiếc thật đấy!”

Trong vòng bốn mươi phút, căn phòng đã bị dỡ hết đồ đạc, công việc tháo dỡ và di chuyển được tiến hành gọn gàng đến mức hầu như không gây ra tiếng động nào, cứ như thể những món đồ đó đều đã được đóng gói và đem lót sẵn để chờ đến giờ này được chuyển đi vậy.

Lupin nói với người cuối cùng rời khỏi căn phòng bằng đường hầm: “Anh không cần phải quay lại nữa. Anh hiểu chứ, ngay khi chiếc xe tải chất đầy hàng, nhiệm vụ tiếp theo của anh là đi thẳng tới trang trại ở Roquefort.”

“Thế còn ngài, cảnh giới ư?”

“Để lại cho tôi cái xe máy.”

Khi đám tùy tùng đi hẳn, Arsène Lupin đẩy cái giá sách về lại đúng vị trí cũ, cẩn thận xóa mọi dấu chân nhóm người ban nãy để lại, kéo một cái màn treo cửa lên, và đi vào một phòng trưng bày, cũng là cầu nối duy nhất giữa cái tháp và tòa lâu đài. Chính giữa phòng trưng bày này có cái tủ kính

đã thu hút sự chú ý của Lupin. Cái tủ đó chứa đựng một bộ sưu tập quý giá gồm đồng hồ đeo tay, hộp đựng thuốc lá, nhẫn, xà tích, và những vật mẫu sao chép lại những tác phẩm nghệ thuật đẹp và hiếm. Anh ta nạy cái ổ khóa bằng một cái xà beng nhỏ, rồi tận hưởng cảm giác sung sướng tốt cùng khi được cầm trong tay những món đồ trang sức vàng bạc, những tác phẩm nghệ thuật tinh tế và tinh xảo kia.

Anh ta mang theo một cái túi vải lanh lớn dành riêng để đựng mang đi những món đồ nhỏ nhất như thế này. Anh ta lắp đầy cái túi. Rồi lại lắp đầy hết các túi áo khoác, áo gi lê và cả túi quần. Và anh ta vừa mới đặt mấy cái túi xách phụ nữ đính ngọc trai lên cánh tay trái thì nghe thấy một âm thanh khe khẽ. Anh ta lắng nghe. Không, anh ta không hề nghe. Tiếng ồn đó lại tiếp tục. Rồi anh ta nhớ ra là, ở đầu kia của phòng trưng bày có một cầu thang dẫn tới một căn phòng không có người ở, nhưng rất có thể đêm nay lại được dùng cho quý cô trẻ mà ngài Devanne vừa mới đón về từ Dieppe cùng với hai vị khách khác của ngài.

Anh ta lập tức tắt đèn lòng, và chỉ vừa kịp mò tới chỗ trú thân quen ở khung cửa sổ thì cánh cửa trên cầu thang bật mở và một ánh sáng leo lét chiếu sáng cả phòng trưng bày. Anh ta có thể cảm thấy rằng – bởi vì, trốn sau tấm rèm, anh ta không thể nhìn được – một người phụ nữ đang thận trọng đi xuống cầu thang từ những bậc trên cùng. Anh ta mong là nàng sẽ không đến gần thêm chút nào nữa. Nhưng, nàng vẫn tiếp tục đi xuống, và thậm chí còn tiến gần đến phòng trưng bày. Rồi nàng bật lên một tiếng kêu khe khẽ. Không còn nghi ngờ gì nữa, nàng đã phát hiện ra cái tủ bị phá và đồ đựng bên trong đã bị lấy hết.

Nàng lại tiếp tục lại gần hơn. Giờ thì anh ta có thể ngửi thấy mùi nước hoa rồi, và nghe thấy cả tiếng tim nàng đập thình thịch khi nàng tiến lại

gần cái cửa sổ nơi anh ta đang trốn. Nàng đi quá sát đến nỗi vạt váy nàng quệt vào rèm cửa sổ, và Lupin cảm thấy là nàng đã có nghi ngờ rằng có người khác nữa ở đây, ngoài nàng, trong bóng đêm, trong tầm với tay của nàng. Anh ta nghĩ: “Nàng đang sợ hãi. Nàng sẽ bỏ đi thôi.” Nhưng nàng không đi. Ngọn nến nàng đang cầm trong đôi bàn tay run rẩy lại càng cháy sáng hơn. Nàng quay lại, lưỡng lự một chút, có vẻ như đang lắng nghe, rồi đột ngột kéo cái rèm sang một bên.

Họ đứng mặt đối mặt. Arsène sững người. Anh ta lắp bắp, miễn cưỡng: “Nàng... nàng... thừa tiểu thư.”

Đó chính là tiểu thư Nelly. Tiểu thư Nelly! Bạn đồng hành của anh ta trên con tàu hơi nước vượt đại dương, người trong mộng của anh ta trên chuyến đi đáng nhớ đó, người chứng kiến cảnh anh ta bị bắt, và là người, thay vì vạch mặt anh ta, đã thả cái máy ảnh Kodak mà anh ta đã giấu sẵn trong túi cùng với kim cương bên trong xuống nước. Tiểu thư Nelly! Con người duyên dáng ấy, ký ức về khuôn mặt nàng đôi khi là ánh sáng, đôi khi lại làm cho những ngày tháng lê thê trong tù của anh ta thêm sài sây.

Thật là một cơ duyên không mong đợi đã khiến họ đối mặt trong cái tòa lâu đài này, vào giờ này giữa đêm, khiến họ không thể nhúc nhích, thậm chí không nói nên lời. Cả hai đều quá bất ngờ, như bị thôi miên, trước sự xuất hiện đường đột của người kia. Run rẩy vì những cảm xúc đột ngột, tiểu thư Nelly loạng choạng ngã xuống. Lupin vẫn đứng vững trước mặt nàng.

Dần dà, anh ta cũng nhận thức được về tình huống hiện thời và hiểu được mình đang tạo ra ấn tượng như thế nào trong cái bộ dạng hiện tại với hai cánh tay chắt chắt đầy những món đồ lớn nhỏ, và cả mấy cái túi áo, túi

quần, rồi cả một cái túi vải lanh bụi chất đầy đồ trộm cắp.

Anh ta cảm thấy bối rối đến nỗi mất tự chủ, và thực sự là anh ta đã đỏ mặt vì hiểu rằng mình đang ở trong tư thế một tên trộm bị bắt tại trận. Với nàng, vì thế, anh ta chỉ là một tên trộm, một gã chuyên móc túi người khác, một kẻ trộm cắp của các gia đình và cướp của trong khi người ta đang say ngủ.

Một cái đồng hồ rơi xuống sàn, rồi một cái nữa. Sau hai cái đó, tiếp tục những món đồ khác lần lượt tuột khỏi tay anh ta. Sau đó, đột ngột đi đến một quyết định, anh ta liền thả toàn bộ các món đồ khác vào một cái ghế bành, lột sạch các túi áo, túi quần ra và đổ cả cái túi to ra nữa. Anh ta cảm thấy rất không thoải mái trước sự có mặt của tiểu thư Nelly, và bước về phía nàng với ý định nói gì đó với nàng, nhưng nàng rung mình, bật dậy và đi về phía cái salon. Cái màn treo cửa đóng lại phía sau lưng nàng. Anh ta đi theo nàng. Nàng đang đứng run rẩy và choáng váng trước cảnh tượng căn phòng trống trơn. Anh ta nói với nàng, ngay lập tức: “Ngày mai, vào lúc ba giờ, mọi thứ sẽ được trả lại. Tất cả đồ nội thất sẽ được mang trở lại.”

Nàng không trả lời, nên anh ta nhắc lại: “Tôi hứa đấy. Ngày mai, vào lúc ba giờ. Không gì trên đời này có thể khiến tôi nuốt lời... Ngày mai, vào lúc ba giờ.”

Sau lời hứa của anh ta là một khoảng lặng dài mà anh ta không dám phá vỡ, mặc dù nỗi buồn của cô gái trẻ khiến anh ta thực sự thấy hối tiếc. Lặng im, không nói một lời, anh ta quay lưng đi và nghĩ: “Ta mong là nàng sẽ bỏ đi. Ta không thể chịu đựng được sự có mặt của nàng.” Nhưng cô gái trẻ lại lên tiếng, nàng lắp bắp: “Nghe kìa... tiếng bước chân... Tôi nghe thấy ai

đó...”

Anh ta nhìn nàng với vẻ ngỡ ngàng. Nàng dường như đang xúc động mạnh vì ý nghĩ có đi đâu gì đó khủng khiếp sắp xảy ra.

“Tôi không nghe thấy gì cả.” Anh ta nói.

“Nhưng ngài phải đi... ngài phải thoát khỏi đây!”

“Tại sao tôi phải đi chứ?”

“Bởi vì... ngài phải đi. Ôi! Đừng ở lại đây thêm một phút nào nữa. Đi đi!”

Nàng chạy, thật nhanh, ra cánh cửa dẫn tới phòng trưng bày và lắng nghe. Không, chẳng có ai ở đó. Có thể tiếng ồn là từ bên ngoài. Nàng chờ một chút, rồi quay lại, cảm thấy yên tâm.

Nhưng Arsène Lupin đã biến mất.



Ngay khi ngài Devanne nhận được tin về vụ trộm trong lâu đài của ngài, ngài tự nói với mình: Chính Vermont là kẻ gây ra vụ này, và Vermont chính là Arsène Lupin. Giả thuyết đó giải thích mọi thứ, và không còn lý giải nào hợp lý hơn. Thế nhưng ý tưởng này cũng có vẻ thật phi lý. Thật nực cười khi nghĩ Vermont là một kẻ nào đó không phải Vermont, một họa sĩ nổi tiếng, một thành viên cùng sinh hoạt ở câu lạc bộ với d'Estevan, anh họ của

ngài. Vì thế, khi ngài đội trưởng lực lượng đi đầu tra quân sự đến để đi đầu tra vụ việc, Devanne thậm chí không dám nghĩ đến việc nhắc tới cái giả thuyết kỳ quặc kia.

Trong suốt buổi sáng, cả tòa lâu đài náo loạn. Lực lượng đi đầu tra quân sự, cảnh sát địa phương, ngài Cảnh sát trưởng ở Dieppe, dân làng, tất cả đều tụ tập xung quanh và đi tới đi lui trong các phòng của tòa lâu đài, dò xét mọi xó xỉnh và ngóc ngách mà họ được phép vào khám xét. Các toán binh lính tiếp cận lâu đài, rồi cả tiếng lửa tí tách phát ra từ pháo sáng làm cho khung cảnh hiện trường lúc ấy thêm náo loạn.

Cuộc tìm kiếm ban đầu không tìm ra manh mối nào. Cả cửa ra vào lẫn cửa sổ đều không hề có dấu vết bị cạy phá. Vì thế, việc vận chuyển đồ đạc trong nhà đi chắc hẳn phải được tiến hành qua một đường hầm bí mật. Thế nhưng, cũng chẳng có dấu chân nào trên sàn nhà cả, và cũng chẳng có dấu vết nào trên tường.

Tuy nhiên, các cuộc đi đầu tra cũng hé lộ ra một đi đầu, là minh chứng khẳng định tính cách kỳ quái của Arsène Lupin: Cuốn *Chronique* thế kỷ XVI nổi tiếng đã được trả lại về đúng vị trí cũ ở trong thư viện và – bên cạnh cuốn đó – có một cuốn sách tương tự, và không thể là cuốn nào khác mà chính là cuốn sách bị lấy cắp từ Thư viện Quốc gia.

Các sĩ quan quân đội đến vào lúc mười một giờ. Devanne chào đón họ với vẻ vui vẻ, phấn khởi hăng ngày, bởi vì, cho dù nổi đau mất mát cả kho báu nghệ thuật mà ngài đang phải chịu có lớn đến đâu thì sự giàu có khủng khiếp vẫn giúp ngài chịu đựng một cách ngạo mạn. Các vị khách của ngài, ông bà d'Androl và tiểu thư Nelly, vừa được giới thiệu với mọi người, và rồi mọi người nhận ra là còn một vị khách được mời nữa vẫn chưa xuất

hiện. Đó là Horace Velmont. Liệu anh ta có tới không? Sự vắng mặt của anh ta lại đẩy lên nghi ngờ trong ngài Devanne. Nhưng đến mười hai giờ thì anh ta xuất hiện. Devanne thốt lên: “À! Anh đây rồi!”

“Sao thế, tôi không đúng giờ à?” Velmont hỏi.

“Đúng thế, và tôi rất lấy làm ngạc nhiên là anh lại... sau một đêm bận rộn như thế đấy! Tôi nghĩ là anh biết chuyện rồi chứ?”

“Chuyện gì?”

“Anh đã dọn sạch lâu đài của tôi.”

“Vớ vẩn!” Velmont mỉm cười, nói.

“Đúng như tôi dự đoán. Nhưng, trước hết hãy hộ tống tiểu thư Underdown xuống phòng ăn đã. Tiểu thư, cho phép tôi...” Nhận thấy vẻ bối rối trên khuôn mặt cô gái trẻ, ngài dừng lại. Rồi, nhớ lại vụ việc, ngài nói: “À! Đúng rồi, tiểu thư đã gặp Arsène Lupin trên con tàu hơi nước đó, ngay trước khi hắn bị bắt, và tiểu thư đang bị choáng váng bởi người này quá giống hắn. Có phải vậy không?”

Nàng không trả lời. Velmont đứng trước mặt nàng, mỉm cười. Anh ta gặp người cúi chào. Nàng vịn vào cánh tay anh ta đang chìa sẵn ra. Anh ta dìu nàng vào chỗ của nàng, và ngồi vào một ghế đối diện nàng. Trong suốt bữa sáng, mọi câu chuyện đều đặc biệt tập trung vào chủ đề Arsène Lupin, những món đồ bị đánh cắp, đường hầm bí mật, và Herlock Sholmès. Chỉ khi bữa ăn gần kết thúc thì câu chuyện mới lái sang các chủ đề khác, và Velmont cũng tham gia bàn tán vào hầu hết các câu chuyện đó. Anh ta lúc thì hài hước, lúc lại nghiêm nghị, lúc thì nói liên tục, lúc lại trầm ngâm. Và mọi lời nói của anh ta dường như đều có ý nhằm vào cô gái trẻ. Nhưng

nàng – khá là say sưa với câu chuyện – lại có vẻ như không hề nghe thấy những lời anh ta nói.

Cà phê đãi khách được bày ở chỗ hiên nhìn ra sân và vườn hoa trước sảnh chính. Dân quân nhạc đang chơi nhạc trên bãi cỏ, một đám binh lính và cả nông dân đi lại loanh quanh trong công viên.

Tiểu thư Nelly không thể nào quên lời hứa trang trọng của Lupin đêm qua: “Ngày mai, vào lúc ba giờ, mọi thứ sẽ được trả lại đúng chỗ cũ.”

Vào lúc ba giờ! Và giờ thì kim giờ, kim phút của cái đồng hồ lớn ở phía bên phải lâu đài đang chỉ ba giờ kém hai mươi. Mặc dù bản thân nàng đang ngủ im, mắt nàng cứ mỗi phút lại liếc về phía cái đồng hồ. Nàng cũng dõi theo Velmont nữa, anh ta đang bình thản đu đưa một cách thư thái trên cái ghế bập bênh.

Ba giờ kém mười!... Ba giờ kém năm!... Nelly thấy mất hết bình tĩnh và rất nóng ruột. Liệu có cách nào để Arsène Lupin thực hiện lời hứa vào giờ đã định, khi mà cả tòa lâu đài, cái sân, và cả công viên đều đầy người, hơn nữa, ngay lúc này, các sĩ quan pháp luật lại đang tiến hành đi đầu tra nữa? Thế nhưng... Arsène Lupin đã hứa rất trịnh trọng. “Mọi chuyện sẽ diễn ra đúng như lời anh ta hứa.” Nàng nghĩ, bởi nàng đã có ấn tượng quá sâu sắc với vẻ ngoài đầy quyền lực, năng lượng và uy tín của người đàn ông khác thường ấy. Với nàng, việc này không còn có vẻ kỳ ảo nữa, mà, ngược lại, chỉ như một sự kiện tự nhiên, tất yếu phải xảy ra theo quy luật thông thường mà thôi. Mặt nàng ửng đỏ, nàng quay đi chỗ khác.

Ba giờ! Chiếc đồng hồ lớn lần lượt điểm: Một... Hai... Ba... Horace Velmont lấy đồng hồ quả quýt ra, liếc nhìn chiếc đồng hồ to, rồi lại bỏ cái đồng hồ quả quýt vào túi. Vài giây trôi qua trong im lặng, rồi đám đông ở

ngoài sân rẽ ra để nhường lối đi cho hai xe ngựa vừa mới đi vào cổng, mỗi xe do hai con ngựa kéo. Đó là xe ngựa quân sự, giống như loại dùng để vận chuyển nhu yếu phẩm, lều bạt, và các loại đồ dùng quân sự cần thiết khác. Hai cái xe dừng ở trước lối vào chính, và một anh lính quân nhu bước xuống từ một trong hai cái xe và yêu cầu được gặp ngài Devanne. Một lát sau, quý ngài đó từ trong nhà đi ra, bước xuống từng bậc cầu thang, và, phía dưới lớp vải bạt che mấy cái xe ngựa kia, là đồ nội thất của ngài, tranh ảnh của ngài, và cả những món đồ trang trí của ngài được đóng gói và sắp xếp cẩn thận.

Khi được hỏi, anh lính chìa ra tờ lệnh mà anh nhận được từ sĩ quan trực hôm đó. Theo tờ lệnh đó, Tiểu đội 2 của Trung đoàn 4 phải đi đến khu vực ngã tư đường Halleux trong khu rừng ở vùng Arques, thu nhặt toàn bộ số đồ nội thất và những đồ vật khác đã được để sẵn đó, và chuyển đến cho ngài Georges Devanne, chủ tòa lâu đài Thibermesnil, vào lúc ba giờ. Ký tên: Thiếu tướng Beauvel.

“Ở chỗ ngã tư.” Anh lính giải thích. “Chúng tôi thấy mọi thứ đã ở sẵn đây, la liệt trên bãi cỏ, được vài người đi đường cảnh giới. Có vẻ kỳ quặc, nhưng mệnh lệnh này yêu cầu khẩn cấp.”

Một viên sĩ quan xem xét kỹ chữ ký trên tờ lệnh. Ngài khẳng định đó là chữ ký giả; nhưng phải công nhận là bắt chước rất khéo. Đồ đạc được dỡ dãn ra từ hai chiếc xe ngựa, và đưa trở lại vị trí vốn có trong tòa lâu đài.

Trong lúc đồ đạc được vận chuyển, Nelly đứng một mình ở cuối hành lang, mải mê với những ý nghĩ rối bời, không thể tập trung vào điều gì. Đột nhiên, nàng thấy Vermont đang tiến về phía mình. Nàng đã có thể tránh mặt anh ta, nhưng cái lan can bao quanh mặt trước tòa nhà khiến

nàng không thể thoái lui. Nàng đã đi vào đường cụt. Nàng không còn đường đi nữa. Một chùm tia sáng mặt trời, lấp ló qua bụi tre lúa thưa, chiếu qua khiến mái tóc vàng xinh đẹp của nàng rực sáng. Ai đó nói với nàng bằng giọng trầm trầm: “Chẳng phải là tôi đã giữ lời hứa sao?”

Arsène Lupin đứng sát vào nàng. Không còn ai ở quanh đây. Anh ta nhắc lại, với giọng bình thản, êm ái: “Chẳng phải là tôi đã giữ lời hứa sao?”

Anh ta mong đợi một lời cảm ơn, hoặc chí ít cũng là một cử chỉ khẻ khàng cho thấy nàng thích thú với việc anh ta đã thực hiện đúng lời hứa. Nhưng nàng vẫn giữ im lặng.

Thái độ khinh miệt của nàng khiến Arsène Lupin bức bối, và anh ta nhận ra cái khoảng cách khủng khiếp chia rẽ mình với tiểu thư Nelly, khi mà giờ nàng đã biết sự thật. Anh ta có thể đã vui vẻ sửa sai trước mắt nàng, hoặc ít nhất cầu xin tình huỡng giảm nhẹ, nhưng anh ta nhận thức được rằng hành động như vậy thì thật ngớ ngẩn và vô ích. Cuối cùng, choáng ngợp bởi ký ức xưa cũ ùa về, anh ta lắp bắp: “À! Ngày đó cũng đã lâu lắm rồi! Nàng hẳn là nhớ những giờ lê thê chúng ta lênh đênh trên boong con tàu *Provence*. Hôm đó, nàng cầm một bông hồng trong tay, một bông hồng trắng giống như bông nàng đang cầm hôm nay. Tôi đã hỏi xin nàng bông hồng. Nàng vờ như không nghe thấy lời tôi nói. Sau khi nàng đi, tôi thấy bông hồng – bị bỏ quên, không còn gì phải nghi ngờ vềđiều đó – và tôi đã giữ lấy nó.”

Nàng không đáp lời. Nàng dường như đang ở một nơi rất xa. Anh ta tiếp tục: “Khi h ồi tưởng vềnhững giờ phút hạnh phúc đó, hãy quên những gì nàng được biết từ bấy đến giờ. Hãy tách biệt quá khứ và hiện tại. Đừng đánh giá tôi bằng hình ảnh gã đàn ông nàng thấy đêm qua, mà hãy nhìn vào

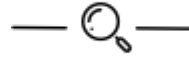
tôi, dù chỉ là một khoảnh khắc, giống như nàng đã từng từ những ngày xa xôi ấy, khi mà tôi là Bernard d'Andrezy, chỉ một chút thôi. Được không?”

Nàng ngược mắt lên và nhìn vào anh ta như anh ta khẩn cầu. Rồi, không nói một lời, nàng chỉ vào cái nhẫn anh ta đang đeo trên ngón tay trỏ. Chỉ phần thân nhẫn quay ra ngoài là có thể nhìn thấy, còn phần mặt nhẫn, được quay vào trong lòng bàn tay, có gắn một viên ruby lớn. Arsène Lupin đỏ mặt. Cái nhẫn là của Georges Devanne. Anh ta cười cay đắng, nói: “Nàng đã đúng. Chẳng thể thay đổi được gì. Arsène Lupin bây giờ là và sẽ luôn luôn là Arsène Lupin. Đối với nàng, hẳn thậm chí chẳng đáng vướng bận dù chỉ là một phần ký ức. Thứ lỗi cho tôi... Lẽ ra tôi nên biết trước rằng bất kỳ sự quan tâm nào mà giờ đây tôi dành cho nàng chỉ đơn giản là một sự xúc phạm đối với nàng. Thứ lỗi cho tôi.”

Anh ta bước sang một bên, cầm mũ trong tay. Nelly bước qua trước mặt anh ta. Anh ta đã định giữ nàng lại và cầu xin được tha thứ. Nhưng anh ta không đủ can đảm, và anh ta tự lấy làm hài lòng được dõi theo nàng giống như khi anh ta nhìn nàng đi xuống cầu nối xuống cảng ở New York. Nàng đi lên bậc thang dẫn lên cửa, và đi vào nhà, khuất khỏi tầm mắt anh ta. Anh ta không nhìn thấy nàng nữa.

Một đám mây che khuất mặt trời. Arsène Lupin đứng ngẩn nhìn dấu chân bé nhỏ của nàng in trên cát. Đột nhiên, anh ta giật mình. Ở trên cái hộp chỗ cây tre, bên cạnh chỗ Nelly vừa mới đứng ban nãy, anh ta thấy bông hồng đỏ, bông hồng trắng mà anh ta rất thèm muốn nhưng không dám hỏi xin. Bị bỏ quên, không còn nghi ngờ gì nữa – bông này, cũng thế! Nhưng theo cách nào – cố ý hay là do lơ đãng? Anh ta vội vàng vơ lấy bông hoa. Một vài cánh hoa rơi xuống đất. Anh ta nhặt mấy cánh hoa lên, từng cái một, như thể những di vật quý giá.

“Thôi nào!” Anh ta tự nói với mình. “Ta chẳng còn gì để làm ở đây nữa. Ta phải tính đến sự an toàn của chính mình, trước khi Herlock Sholmès tới.”



Công viên đã hoàn toàn vắng lặng, nhưng một vài cảnh sát vẫn còn được lệnh cấm chốt ở cổng công viên. Anh ta đi vào một khu rừng thông nhỏ, nhảy qua tường, và đi theo một lối mòn xuyên qua những cánh đồng để đi tắt đến ga tàu hỏa. Sau khi đi bộ khoảng mười phút, anh ta đến một điểm mà con đường hẹp lại, chạy dọc hai bên lề đường dốc. Ở đoạn đường hẹp này, anh ta gặp một người đàn ông đang đi theo hướng ngược lại. Đó là một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, cao ráo, cạo râu nhẵn nhụi, mặc trang phục theo phong cách nước ngoài. Ông ta cầm một cây gậy nặng, và một cái túi đeo nhỏ, đeo chéo qua vai. Khi hai người đối mặt, người lạ mặt cất lời, với giọng Anh quốc nhẹ: “Thưa ngài, xin lỗi cho tôi hỏi, đây có phải là hướng tới tòa lâu đài?”

“Đúng vậy, thưa ngài, thẳng trước mặt, và rẽ trái khi gặp bức tường nhé. Họ đang đợi ngài đấy.”

“À!”

“Đúng vậy, ông bạn Devanne của tôi tôi qua kể với chúng tôi rằng ngài đang tới, và tôi rất vui mừng được là người đầu tiên chào đón ngài. Herlock Sholmès không có người hâm mộ nào cuồng nhiệt hơn... tôi đây.”

Có chút châm chọc ở giọng nói của anh ta trong câu vừa rồi và anh ta lập tức lấy làm hối tiếc vì đã nói mấy lời đó, bởi vì, Herlock Sholmès dò xét anh ta kĩ lưỡng từ đầu đến chân với ánh mắt như xuyên thấu tâm can khiến Arsène Lupin có cảm giác như đang bị bắt giữ, bị cầm tù và anh ta cảm thấy ánh nhìn đó phản ánh con người anh ta toàn diện và chính xác hơn bất kỳ một cái máy ảnh nào.

“Quyền phủ quyết của mình giờ đã mất rồi.” Anh ta nghĩ. “Và sẽ chẳng ích gì khi cố nguy trang trước mặt người đàn ông này. Ông ta sẽ nhìn xuyên qua cả lớp nguy trang thôi. Nhưng, mình vẫn băn khoăn, liệu ông ta đã nhận ra mình chưa nhỉ?”

Họ cúi chào nhau như thể sắp chào tạm biệt. Nhưng, ngay lúc ấy, họ nghe thấy tiếng móng ngựa, theo sau là tiếng kim loại leng keng. Đó là cảnh sát. Hai người đàn ông đành phải rút xuống bờ đê, chui vào mấy bụi cây để tránh mấy con ngựa. Mấy viên cảnh sát đi qua, nhưng, khi họ lần lượt nối đuôi nhau theo một khoảng cách nhất định, cũng phải mất vài phút họ mới đi qua chỗ hai người đang trốn. Và Lupin nghĩ: “Tất cả đều phụ thuộc vào câu hỏi đó: Liệu ông ta đã nhận ra mình chưa? Nếu rồi, ông ta có thể sẽ tận dụng lợi thế tình huống này. Đây quả là tình thế đáng để tận dụng.”

Khi người và ngựa cuối cùng đi qua, Herlock Sholmès bước lên phía trước và phủi bụi trên quần áo. Sau đó, ngài và Arsène Lupin nhìn chằm chằm vào nhau một hồi lâu. Và, nếu một người nào đó có thể chứng kiến khoảnh khắc ấy, thì cảnh tượng này quả là thú vị, và đáng nhớ khi hai người đàn ông đặc biệt, hoàn toàn xa lạ, đều toát lên vẻ quyền uy, cả hai đều ưu việt, và do định mệnh sắp đặt, lần đầu gặp nhau tại đây, trong một bối cảnh thật lạ lùng, để mà phải lao vào nhau, va phải nhau, cứ như hai lực

đối trọng trái dấu hút nhau trong không gian tự nhiên vậy.

Rồi người đàn ông Anh quốc nói: “Cảm ơn, thưa ngài.”

Họ chia tay. Lupin đi về hướng ga tàu hỏa, và Herlock Sholmès tiếp tục đi về phía tòa lâu đài. Cảnh sát địa phương đã đình chỉ cuộc đi đầu tra sau nhiều giờ nỗ lực vô ích, và mọi người trong lâu đài đang hết sức tò mò chờ ngài thám tử người Anh tới. Mới đầu, khi vừa nhìn thấy ngài thám tử, họ có đôi chút thất vọng về vẻ ngoài quá khác so với những hình ảnh họ đã vẽ ra trong đầu về ngài. Trông ngài chẳng có vẻ gì giống với một vị anh hùng trong tiểu thuyết lãng mạn, một nhân cách vừa kỳ bí lại vừa ma mị mà họ hình dung ra mỗi khi nghe đến cái tên Herlock Sholmès. Tuy vậy, ngài Devanne vẫn reo lên đầy hứng khởi: “A! Thưa ngài, ngài đã tới! Tôi rất vui mừng được gặp ngài. Gặp ngài là một niềm hạnh phúc tôi mong đợi đã lâu. Thực sự, tôi không thấy tiếc nuối về những gì đã xảy ra lắm, bởi vì, nhờ có sự việc ấy mà tôi mới có cơ hội được gặp ngài. Thế, ngài đến đây bằng gì vậy?”

“Bằng tàu hỏa.”

“Nhưng tôi đã cử xe hơi của tôi tới đón ngài ở ga rồi mà.”

“Một cuộc đón tiếp thịnh trọng, hả? Với âm nhạc và cả pháo hoa!Ồ! Không, không hợp với tôi. Đó không phải là cách làm việc của tôi.” Người đàn ông Anh quốc gằn giọng nói.

Lời nói vừa rồi của ngài thám tử khiến ngài Devanne không vừa lòng, ngài đáp lời, với một nụ cười gượng ép: “May quá, vụ việc đã đơn giản hơn rất nhiều so với lúc tôi viết thư cho ngài rồi.”

“Như thế nào?”

“Vụ cướp đã xảy ra tối qua.”

“Nếu ngài không tự mình khoe khoang về sự xuất hiện của tôi thì rất có thể vụ cướp chưa xảy ra vào tối qua đâu.”

“Vậy thì, khi nào?”

“Ngày mai, hoặc có thể là bất kỳ một ngày nào khác.”

“Và như thế thì sao?”

“Lupin có thể đã bị mắc bẫy.” Ngài thám tử nói.

“Và số nội thất của tôi?”

“Có thể đã không bị lấy đi.”

“À! Nhưng đồ đạc của tôi lại ở đây hết rồi. Chúng được mang về đây lúc ba giờ.”

“Bởi Lupin.”

“Bởi hai xe ngựa quân sự chứ.”

Herlock Sholmès đội mũ lên và chỉnh lại túi đeo chéo. Devanne sốt sáng nói: “Nhưng, thưa ngài, bây giờ ngài định làm gì?”

“Tôi về nhà.”

“Tại sao?”

“Đồ đạc của ngài đã được trả lại rồi. Arsène Lupin thì đã cao chạy xa bay – tôi chẳng còn việc gì để làm ở đây cả.”

“Có, có chứ. Tôi cần sự giúp đỡ của ngài. Những gì xảy ra đêm qua, có thể lại xảy ra vào ngày mai, vì chúng tôi không biết làm thế nào mà hấn vào được nhà, hoặc làm thế nào mà hấn thoát được, hoặc là tại sao, chỉ vài giờ

sau, hẳn lại trả lại đồ”

“À! Ngài không biết...”

Ý nghĩ giải quyết được một vụ án nhanh chóng kích thích sự thích thú của Herlock Sholmès. “Được lắm, chúng ta hãy cùng xem xét một chút – ngay bây giờ – chỉ tôi với ngài thôi, nếu được.”

Devanne hiểu ý, và dẫn quý ngài người Anh quốc ra salon. Với giọng nói rõ ràng, rành rọt, cùng những câu nói dường như đã được chuẩn bị từ trước, Sholmès hỏi một số câu về những sự việc xảy ra tối hôm trước, và hỏi cả về những vị khách và các thành viên trong nhà. Sau đó, ngài khám xét hai cuốn *Chronique*, so sánh các bản vẽ đường hầm bí mật, yêu cầu nhắc lại những câu mà Cha Gelis phát hiện ra, và rồi ngài hỏi: “Hôm qua có phải là lần đầu tiên ngài nói hai câu đó cho mọi người không?”

“Đúng vậy.”

“Từ đó ngài chưa hề liên hệ với Horace Vermont đúng không?”

“Chưa hề”

“Vậy thì, hãy cho tôi một chiếc xe hơi. Tôi phải đi trong vòng một giờ.”

“Trong một giờ?”

“Đúng vậy. Trong khoảng thời gian đó, Arsène Lupin đã giải quyết xong rắc rối ngài gây ra cho hẳn.”

“Tôi... gây ra cho hẳn...”

“Đúng vậy, Arsène Lupin hay Horace Vermont... là một người...”

“Tôi đã nghĩ vậy rồi. A! Tên khốn kiếp!”

“Nào, cùng lật lại vấn đề nhé!” Sholmès nói. “Vào lúc mười giờ tối qua, ngài đã cung cấp cho Lupin thông tin mà hắn còn thiếu, và đó chính là thông tin mà hắn tìm kiếm suốt nhiều tuần. Trong đêm đó, hắn đã có đủ thời gian để giải đáp các ẩn số, quy tụ tay chân của hắn, và cướp sạch tòa lâu đài. Tôi cũng sẽ làm vụ này nhanh gọn như hắn thôi.”

Ngài đi đi lại lại từ đầu đến cuối căn phòng, trầm ngâm suy nghĩ, rồi ngả xuống, bắt chéo hai cái chân dài ngoằng, và nhắm mắt lại.

Devanne chờ đợi, cảm thấy hơi bối rối. Ngài nghĩ: “Có phải ông ta đang ngủ không nhỉ? Hay chỉ là đang nghĩ thôi?” Dù nghĩ vậy, ngài vẫn ra khỏi phòng để ra một vài mệnh lệnh, và khi quay lại, ngài thấy ngài thám tử đang quỳ gối để soi xét cái thảm ở dưới chân cầu thang vào phòng trưng bày.

“Cái gì thế?” Ngài hỏi.

“Nhìn này... Ở đây có... mấy giọt nến rớt xuống.”

“Đúng rồi. Và còn khá mới.”

“Và ngài sẽ còn thấy nhiều giọt nữa trên cầu thang, và xung quanh cái tủ mà Arsène Lupin đã cạy để lấy những món đồ quý giá trong đó ra, rồi sau đó lại đặt chúng ở cái ghế bành này.”

“Ngài kết luận được gì từ đi đâu đó?”

“Chẳng gì cả. Điệu này chắc chắn sẽ giải thích cho việc hắn trả lại đồ, nhưng đó chỉ là một vấn đề ngoài lề mà tôi cũng rất nóng lòng đi điều tra đến cùng. Vấn đề chính ở đây là đường hầm bí mật. Trước tiên, hãy nói cho tôi biết, có phải có một nhà thờ nhỏ cách đây hai hay ba trăm mét không?”

“Đúng, một nhà thờ nhỏ đã mục nát, có ngôi mộ của Công tước

Rollon.”

“Bảo lái xe của ngài chờ chúng ta ở gần nhà thờ ấy.”

“Lái xe của tôi vẫn chưa về. Nếu về rồi thì anh ta đã phải nói với tôi một tiếng. Ngài nghĩ là đường hẻm bí mật đó dẫn tới cái nhà thờ ấy à? Lý do nào...”

“Thưa ngài, làm ơn hãy cho tôi.” Ngài thăm tử ngất lời. “Một cái thang và một cái đèn.”

“Cái gì? Có phải ngài vừa mới yêu cầu một cái thang và một cái đèn?”

“Đúng thế, hay là tôi lẽ ra không nên đề nghị như thế?”

Devanne – có chút hoang mang vì lời đề nghị có phần không hợp lý kia – rung chuông. Hai món đồ kia lập tức được mang đến theo mệnh lệnh nghiêm khắc và chuẩn xác không khác gì quân lệnh.

“Dựa cái thang vào giá sách, về phía bên trái từ Thibermesnil.”

Devanne đặt cái thang theo lời chỉ dẫn, và quý ông Anh quốc tiếp tục: “Về trái tí nữa... về bên phải... Đó!... Giờ thì, trèo lên đi... Tất cả các chữ cái đều được khắc nổi, đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Trước tiên, xoay chữ cái I hướng này không được thì hướng khác.”

“Chữ nào? Có hai chữ I mà.”

“Chữ đầu tiên ấy.”

Devanne cầm vào chữ I đó, và reo lên: “A! Quả đúng vậy, nó xoay sang phải này. Ai nói cho ngài đi đâu đó thế?”

Herlock Sholmès không trả lời câu hỏi đó, mà tiếp tục chỉ đạo: “Nào, giờ thì đến chữ B. Đẩy nó ra trước hoặc sau như khi ngài đẩy cái then cài cửa ấy.”

Devanne làm theo, và, trước sự ngỡ ngàng của ngài, chữ B đó phát ra tiếng cạch.

“Tốt lắm!” Sholmès nói. “Bây giờ, chúng ta sẽ đi tiếp đến phần cuối của từ Thibermesnil, thử chữ I đi, và xem liệu nó có mở ra giống như cái cửa xoay không nào.”

Với một vẻ trịnh trọng, Devanne tóm lấy chữ I đó. Nó mở ra, nhưng Devanne ngã khỏi cái thang, bởi vì toàn bộ phần giá sách ở giữa chữ cái thứ nhất và chữ cái cuối cùng của từ Thibermesnil xoay trên một trục và để lộ ra một đường hầm ngầm dưới đất.

Herlock Sholmès lạnh lùng nói: “Ngài không đau chứ?”

“Không, không.” Devanne nói, đồng thời đứng thẳng dậy. “Tôi không đau, chỉ là quá choáng váng thôi. Tôi không thể hiểu nổi... mấy cái chữ kia xoay... đường hầm bí mật mở ra...”

“Chắc chắn rồi. Chẳng phải đi đâu đó hoàn toàn trùng khớp với công thức của Sully sao? Xoay một chữ I về hướng chữ B rung chuyển, chữ I còn lại sẽ dẫn tới Chúa.”

“Nhưng còn Louis XVI?” Devanne hỏi.

“Louis XVI từng là một thợ khóa rất thông minh. Tôi đã đọc một cuốn sách Người viết về khóa mã. Chủ tòa lâu đài Thibermesnil này quả đã có một ý tưởng tuyệt vời khi thể hiện với đức vua một cơ chế khóa mã thông minh thế này. Và để dễ nhớ mã, nhà vua đã viết: 3-4-11, để nhắc rằng, chữ

cái thứ 3, 4, và 11 trên từ đó là mã khóa.”

“Chính xác. Tôi hiểu rồi. Chuyện này có thể giải thích tại sao Lupin lại đi ra khỏi phòng, nhưng vẫn không giải thích được làm sao hắn vào được nhà. Và chắc chắn là hắn phải vào từ bên ngoài.”

Herlock Sholmès thấp đèn lên, và đi vào đường hầm.

“Nhìn đây! Mọi động cơ của cái đường hầm và khóa mã này đều thể hiện ở đây hết, giống như cơ chế hoạt động của cái đồng hồ, và mặt sau của mấy chữ cái đó cũng phải có tác dụng chứ. Lupin giải mã để mở hầm từ hướng này – chỉ có thể thôi.”

“Có bằng chứng nào cho điều đó không?”

“Bằng chứng ư? Tại sao, nhìn vào vũng dầu kia đi. Lupin nhìn trước được là mấy cái bánh răng chắc sẽ cần phải có dầu bôi trơn.”

“Hắn đã biết về lối vào kia rồi chứ?”

“Rõ ràng giống như tôi vậy.” Sholmès nói. “Theo tôi!”

“Vào cái đường hầm tối mù ấy à?”

“Ngài sợ à?”

“Không, nhưng ngài có chắc là ngài tìm được lối ra không?”

“Nhắm mắt tôi cũng tìm được.”

Trước tiên, họ đi xuống mười hai bậc thang, rồi lại mười hai bậc, và, tiếp tục, hai lượt cầu thang mười hai bậc nữa. Rồi họ đi bộ dọc một đường hẹp dài, những bức tường gạch có dấu hiệu của nhiều lần sửa chữa, và, ở một vài điểm có nước rỉ ra. Nền đất vì thế mà rất ẩm ướt.

“Chúng ta đang đi dưới cái ao.” Devanne nói, có chút gì đó lo sợ.

Cuối cùng họ tới một cầu thang mười hai bậc, tiếp sau lại có ba lượt cầu thang mười hai bậc nữa, đoạn này họ phải chắt vật leo lên, rồi họ tới một lỗ hổng trên tảng đá. Họ không thể tiếp tục đi xa hơn nữa.

“Tức thật!” Sholmès rít lên. “Chẳng có gì ngoài những bức tường. Thật là trên người mà.”

“Hãy quay lại nào.” Devanne nói. “Tôi xem như thế là đủ thỏa mãn rồi.”

Nhưng người đàn ông Anh quốc ngược mắt lên và thở một hơi như trút được gánh nặng. Ở chỗ đó, ngài thấy một dòng chữ cái và một hệ thống máy móc y hệt như trước. Ngài chỉ việc xoay và di chuyển mấy chữ cái. Ngài làm đúng như vậy, và một tảng đá xoay ra khỏi vị trí. Ở mặt bên kia, tảng đá này tạo thành mộ của Công tước Rollon, và từ Thibermesnil được khắc nổi trên mộ. Giờ thì họ đang ở trong cái nhà thờ nhỏ mục nát, và ngài thám tử nói: “Chữ I còn lại dẫn tới Chúa, tức là, đến nhà thờ.”

“Thật là kỳ diệu!” Devanne thốt lên, hoàn toàn thán phục trước trí tuệ siêu phàm và sự lanh lợi của quý ông người Anh quốc gia. “Có thể nào chỉ mấy từ kia đã đủ cho ngài suy luận?”

“Vớ vẩn!” Sholmès gạt đi. “Mấy từ đấy thậm chí còn chả có giá trị gì. Trên tám bản đồ trong cuốn sách ở Thư viện Quốc gia, bức vẽ kết thúc ở bên trái, như ngài đã biết, trong một hình tròn, và ở phía bên phải, phía mà ngài không biết, bức vẽ kết thúc ở một chữ thập. Giờ thì rõ rồi, chữ thập đó chắc hẳn ám chỉ cái nhà thờ nhỏ mà chúng ta đang đứng đây.”

Ngài Devanne tội nghiệp không thể tin vào tai mình. Điều này thật quá

mới mẻ, quá lạ thường đối với ngài. Ngài thốt lên: “Thật không thể tin nổi, thật kỳ diệu, mà cũng thật đơn giản như trò trẻ con vậy! Làm sao mà không một ai từng giải được bí ẩn này nhỉ?”

“Bởi vì chưa một ai kết nối được những yếu tố thiết yếu, trong trường hợp này là hai cuốn sách và hai câu nói kia. Không một ai, trừ Arsène Lupin và tôi.”

“Nhưng, Cha Gelis và tôi biết tất cả những đi ầu đó mà, và, cũng như...”

Sholmès mỉm cười, nói: “Thưa ngài Devanne, không phải ai cũng biết giải đố.”

“Tôi đã phải cố gắng mười năm mà vẫn không tìm được ẩn số mà ngài chỉ mất mười phút để tìm ra.”

“Vớ vẩn! Tôi quá quen với việc này rồi.”

Họ cùng đi ra khỏi nhà thờ, và thấy một chiếc xe hơi đang đậu ở bên ngoài.

“A! Có một chiếc xe hơi đang đợi chúng ta kìa.”

“Đúng vậy, đó là xe của tôi mà.” Devanne nói.

“Của ngài? Ngài vừa nói là lái xe của ngài chưa quay về mà.”

Họ lại gần cái xe, và ngài Devanne hỏi người lái xe: “Edouard, ai bảo anh đến đây thế?”

“Có chuyện gì không ạ? Là ngài Vermont bảo tôi tới.”

“Ngài Vermont ư? Anh gặp ngài ấy hả?”

“Ồ ga tàu hỏa, và ngài ấy bảo tôi tới nhà thờ nhỏ này.”

“Đến nhà thờ nhỏ này á? Để làm gì?”

“Để đợi ngài, thưa ngài, và cả bạn ngài nữa.”

Devanne và Sholmès nhìn nhau, và ngài Devanne nói: “Hắn ta biết vụ bí ẩn này chỉ là chuyện nhỏ đối với ngài. Đây quả là một lời ngợi khen tể nhị đấy.”

Một nụ cười mãn nguyện, trong một khoảnh khắc, đã làm rạng rỡ khuôn mặt luôn giữ vẻ trang nghiêm của ngài thám tử. Lời ngợi khen đó quả đã khiến ngài hài lòng. Ngài lắc đầu và nói: “Đúng là thông minh thật! Tôi đã nhận thấy điếu đó ngay khi gặp hắn.”

“Ngài đã gặp hắn rồi ư?”

“Tôi vừa mới gặp hắn thôi, trên đường từ ga tàu về chỗ ngài.”

“Và ngài biết đó chính là Horace Velmont... Ý tôi là, Arsène Lupin?”

“Không, nhưng tôi đã nghĩ anh ta chính là... dựa vào những lời nói châm chọc của anh ta.”

“Và ngài vẫn để cho hắn thoát?”

“Đương nhiên rồi. Đã vậy lúc ấy tôi có mọi thứ thuận lợi ngay kề, chẳng hạn như là giao hắn cho một đám cảnh sát đi ngang qua chỗ chúng tôi ngay lúc ấy.”

“Trời đất!” Devanne la lớn. “Lẽ ra lúc ấy ngài phải tận dụng lợi thế ngay chứ.”

“Thực sự, thưa ngài.” Quý ông người Anh quốc nói, một cách ngạo mạn. “Mỗi khi đương đầu với những đối thủ như Arsène Lupin, tôi không

bao giờ tận dụng lợi thế nhờ cơ may, tôi tạo ra lợi thế.”

Nhưng không còn thời gian nữa, và bởi vì Lupin đã quá đổi chu đáo đi đầu xe đến đón, họ đành tận dụng lợi ích này vậy. Họ ng ồi thoải mái trên chiếc limousine. Edouard ng ồi vào vị trí lái xe, và họ đi v ề hướng ga tàu hỏa. Đột nhiên, Devanne nhìn thấy một gói hàng nhỏ trong một hộc sau xe.

“A! Cái gì kia? Một gói hàng! Của ai vậy? Sao lại là gửi tới ngài.”

“Cho tôi à?”

“Đúng vậy, trên địa chỉ ghi là: *Gửi Herlock Sholmès, từ Arsène Lupin.*”

Quý ông người Anh quốc c ần gói hàng lên, mở ra, và thấy bên trong có một chiếc đ ồng hồ. “A!” Ngài thốt lên, với một cử chỉ bức bối.

“Một cái đ ồng hồ.” Ngài Devanne nói. “Làm sao nó lại ở đây được?”

Ngài thám tử không trả lời.

“Ồ! Chính là đ ồng hồ của ngài mà! Arsène Lupin trả lại đ ồng hồ của ngài! Nhưng, để mà trả lại được thì hẳn là trước đó hẳn phải lấy được nó r ồi. A! Tôi hiểu r ồi! Hẳn lấy trộm đ ồng hồ của ngài! Chuyện này hay đấy! Đ ồng hồ của Herlock Sholmès bị Arsène Lupin lấy trộm! Trời đất! Thật nực cười! Thực sự... hãy thứ lỗi cho tôi... nhưng tôi không thể nhịn nổi cười.”

Ngài phá lên cười ngặt nghẽo, không thể kìm lại nổi. Sau đó, ngài nói, với giọng thực sự thán phục: “Hẳn thông minh thật!”

Quý ông người Anh không bu ồm động đậy. Trên đường v ề Dieppe, ngài không nói một lời, mà chỉ nhìn chăm chăm ra khung cảnh xung quanh cứ lao vụt đi trước mắt. Sự im lặng của ngài thật kinh khủng, thật đáng sợ,

còn dữ tợn hơn cả một cơn cuồng nộ đáng sợ nhất. Tới nhà ga tàu hỏa, ngài nói về gã trai nổi tiếng đó một cách bình thản, nhưng với giọng chắc nịch tràn đầy năng lực và quyền uy. Ngài nói: “Đúng vậy, hẳn thông minh thật, nhưng một ngày nào đó, tôi sẽ lấy làm hân hạnh đặt bàn tay này lên vai hắn, giống như là tôi đang làm với ngài đây, thưa ngài Devanne. Và tôi tin rằng Arsène Lupin và Herlock Sholmès sẽ gặp lại một ngày nào đó thôi. Quả vậy, thế giới này thật nhỏ bé – chúng tôi sẽ gặp lại – chúng tôi phải gặp lại... và rồi...”